

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ**



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH
TRIẾT HỌC TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Cần Thơ, tháng 3 - 2022

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH TRIẾT HỌC

TT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	GS.TS. Hà Thanh Toàn	Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	PGS.TS. Nguyễn Hiếu Trung	Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch thường trực	
3	TS. Lê Ngọc Triết	Trưởng khoa Khoa học Chính trị	Phó chủ tịch	
4	TS. Phạm Văn Búa	Phó Trưởng khoa Khoa học Chính trị	Thành viên, phụ trách Nhóm công tác chuyên trách 4	
5	ThS. Nguyễn Minh Trí	Trưởng Phòng Đào tạo	Thành viên	
6	ThS. Nguyễn Thị Phương Thảo	Phó Giám đốc Trung tâm Hỗ trợ, Tư vấn và Khởi nghiệp sinh viên	Thành viên	
7	TS. Nguyễn Thanh Tường	Trưởng Phòng Công tác sinh viên	Thành viên	
8	TS. Phan Huy Hùng	Giám đốc Trung tâm Quản lý chất lượng	Thành viên, phụ trách Nhóm công tác chuyên trách 1	
9	TS. Nguyễn Thành Nhân	Trưởng Bộ môn	Thành viên, phụ trách Nhóm công tác chuyên trách 2	
10	ThS. Nguyễn Thị Đan Thụy	Đại diện nhóm giảng viên	Thành viên, phụ trách Nhóm công tác chuyên trách 3	
11	Phạm Nguyễn Gia Bảo	Đại diện sinh viên	Thành viên	

Danh sách này gồm có 11 người.

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	iii
DANH MỤC BẢNG	viii
DANH MỤC HÌNH.....	x
PHẦN I. KHÁI QUÁT.....	1
1. Đặt vấn đề	1
2. Tổng quan chung	5
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ	12
Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	12
Mở đầu:.....	12
Tiêu chí 1.1.....	12
Tiêu chí 1.2.....	16
Tiêu chí 1.3.....	20
Kết luận về Tiêu chuẩn 1:.....	23
Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo	23
Mở đầu:.....	23
Tiêu chí 2.1.....	24
Tiêu chí 2.2.....	29
Tiêu chí 2.3.....	32
Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	34
Mở đầu:.....	34
Tiêu chí 3.1.....	35
Tiêu chí 3.2.....	38
Tiêu chí 3.3.....	42
Kết luận về Tiêu chuẩn 3:	45
Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học.....	46
Mở đầu:.....	46
Tiêu chí 4.1.....	47
Tiêu chí 4.2.....	50
Tiêu chí 4.3.....	55
Kết luận về Tiêu chuẩn 4:	59
Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học	60
Mở đầu:.....	60

Tiêu chí 5.1.....	60
Tiêu chí 5.2.....	64
Tiêu chí 5.3.....	66
Tiêu chí 5.4.....	69
Tiêu chí 5.5.....	70
Kết luận về Tiêu chuẩn 5:.....	72
Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên.....	72
Mở đầu:.....	72
Tiêu chí 6.1.....	73
Tiêu chí 6.2.....	75
Tiêu chí 6.3.....	77
Tiêu chí 6.4.....	78
Tiêu chí 6.5.....	81
Tiêu chí 6.6.....	83
Tiêu chí 6.7.....	85
Kết luận về Tiêu chuẩn 6:.....	86
Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên.....	87
Mở đầu:.....	87
Tiêu chí 7.1.....	87
Tiêu chí 7.2.....	90
Tiêu chí 7.3.....	92
Tiêu chí 7.4.....	93
Tiêu chí 7.5.....	95
Kết luận về Tiêu chuẩn 7:.....	97
Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học.....	98
Mở đầu:.....	98
Tiêu chí 8.1.....	98
Tiêu chí 8.2.....	101
Tiêu chí 8.3.....	102
Tiêu chí 8.4.....	105
Tiêu chí 8.5.....	109
Kết luận về Tiêu chuẩn 8:.....	111
Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị.....	111
Mở đầu:.....	111

Tiêu chí 9.1.....	112
Tiêu chí 9.2.....	115
Tiêu chí 9.3.....	118
Tiêu chí 9.4.....	120
Tiêu chí 9.5.....	122
Kết luận về Tiêu chuẩn 9:	125
Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng	125
Mở đầu:.....	125
Tiêu chí 10.1.....	126
Tiêu chí 10.2.....	128
Tiêu chí 10.3.....	131
Tiêu chí 10.4.....	133
Tiêu chí 10.5.....	134
Tiêu chí 10.6.....	136
Kết luận về Tiêu chuẩn 10:.....	138
Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra.....	139
Mở đầu:.....	139
Tiêu chí 11.1.....	139
Tiêu chí 11.2.....	142
Tiêu chí 11.3.....	144
Tiêu chí 11.4.....	147
Tiêu chí 11.5.....	150
Kết luận về Tiêu chuẩn 11:	160
PHẦN III. KẾT LUẬN	161
BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐÁNH GIÁ THEO THÔNG TƯ 04/2016/TT-BGDĐT	173
PHẦN IV. PHỤ LỤC	1
Phụ lục 1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.....	1
Phụ lục 2: Quyết định thành lập Hội đồng và Ban thư ký tự đánh giá CTĐT ngành Triết học.....	1
Phụ lục 4: Các bảng số liệu.....	1

BẢNG CHỮ CÁI VIẾT TẮT

Chữ cái viết tắt	Ý nghĩa
BGDĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
BGH	Ban Giám Hiệu
BMTH	Bộ môn Triết học
BLQ	Bên liên quan
CB	Cán bộ
CBVC	Cán bộ viên chức
CĐR	Chuẩn đầu ra
CNTT	Công nghệ thông tin
CSGD	Cơ sở giáo dục
CSV	Cựu sinh viên
CSVC	Cơ sở vật chất
CTDH	Chương trình dạy học
CTĐT	Chương trình đào tạo
CV	Công văn
CVHT	Cổ vấn học tập
ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
ĐBSCL	Đồng bằng sông Cửu Long
ĐCCT	Đề cương chi tiết
ĐHCT	Đại học Cần Thơ
GDĐH	Giáo dục đại học
GV	Giảng viên
GVC	Giảng viên chính
HP	Học phần

KHHT	Kế hoạch học tập
KQHT	Kết quả học tập
KKHCT	Khoa Khoa học Chính trị
KTX	Ký túc xá
MC	Minh chứng
MTĐT	Mục tiêu đào tạo
NCKH	Nghiên cứu khoa học
NH	Người học
NTD	Nhà tuyển dụng
NV	Nhân viên
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
PĐT	Phòng Đào Tạo
PPGD	Phương pháp giảng dạy
PPĐG	Phương pháp đánh giá
PPDH	Phương pháp dạy học
SV	Sinh viên
TC	Tín chỉ
TĐG	Tự đánh giá
ThS	Thạc sĩ
TS	Tiến sĩ
TTHL	Trung tâm học liệu
TTQLCL	Trung tâm quản lý chất lượng
TTTTQTM	Trung tâm thông tin và Quản trị mạng

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Nội dung của MTĐT ngành Triết học	1
Bảng 1.2. Kết quả tốt nghiệp sinh viên ngành Triết học từ năm 2018 đến năm 2020	1
Bảng 3.1. So sánh, tổng hợp số TC của 2 CTĐT	1
Bảng 3.2. Những HP mới trong CTĐT K45 so với CTĐT K40-44.....	2
Bảng 3.3. Các HP, PP dạy và học, PP đánh giá của các HP trong CTDH đáp ứng các CDR về kiến thức, kỹ năng và thái độ NH của CTĐT ngành Triết học hiện nay.....	2
Bảng 3.4. Tỷ lệ các khối kiến thức, số TC bắt buộc và tự chọn, số giờ lý thuyết và thực hành trong CTDH ngành Triết học hiện nay	6
Bảng 6.1. Thông tin về cơ cấu độ tuổi, giới tính, trình độ của đội ngũ GV BM, từ 2016 - 2020	6
Bảng 6.2. Tỷ lệ GV/NH của BM từ năm 2016 - 2020	6
Bảng 6.3. Định mức giờ G của các GV BM theo chức danh và hệ số lương.....	7
Bảng 6.4. Thống kê số lượng GV BM đang theo học chương trình tiến sĩ trong và ngoài nước	7
Bảng 6.5. Danh hiệu khen thưởng BM mỗi năm.....	7
Bảng 6.6. Tổng số lượng giờ G do NCKH của GV BM từ 2016-2020	8
Bảng 6.7. Số giờ G do biên soạn sách, giáo trình, tài liệu học tập.....	8
Bảng 6.8. Số lượng các đề tài NCKH cấp cơ sở 2016-2021 của BM	8
Bảng 6.9. Hình thức và số lượng ấn phẩm nghiên cứu từ 2016–2021 của BM	8
Bảng 7.1. Số lượng NV cấp trường tính đến 31/12/2020.....	8
Bảng 7.2. Số lượng NV KKHCT tính đến năm 2020	9
Bảng 7.3. Tổng hợp kết quả đánh giá của NV hỗ trợ Khoa KHCT	9
Bảng 7.4. Thống kê số lượt NV hỗ trợ của KKHCT tham gia đào tạo, bồi dưỡng.....	9
Bảng 7.5. Tổng hợp thành tích của NV hỗ trợ của Khoa KHCT	9
Bảng 8.1. Tình hình nhập học của NH (trong 5 năm gần nhất) của ngành TH.....	10
Bảng 8.2. Số người học đang học ngành TH (trong 5 năm gần nhất).....	10
Bảng 11.1. Tỷ lệ NH tốt nghiệp và thôi học trong 3 khóa đã tốt nghiệp gần nhất.....	10
Bảng 11.2. Thời gian học trung bình của SV trong 3 khóa của ngành Triết học.....	11
Bảng 11.3. Tình hình việc làm và môi trường làm việc của SV tốt nghiệp ngành Triết học.....	11
Bảng 11.4. Tỷ lệ % NH chưa có việc làm của một số ngành học ở KKHCT Trường ĐHCT	11

Bảng 11.5. Tổng kết hoạt động NCKH trong SV BMTH trong 3 năm gần nhất.....	12
--	----

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1. Đặt vấn đề

Đảm bảo và nâng cao chất lượng giáo dục là yêu cầu bức thiết trong xu thế toàn cầu và hội nhập quốc tế của các cơ sở giáo dục. Trong quá trình phát triển, đề khẳng định vị thế và thương hiệu, Trường Đại học Cần Thơ (ĐHCT) luôn xem hoạt động đảm bảo chất lượng (ĐBCL) như một nhiệm vụ tất yếu, đóng vai trò quan trọng, quyết định chất lượng đào tạo và đạt được những thành tựu nhất định. Năm 2009, Trường đã được Hội đồng quốc gia Kiểm định chất lượng giáo dục công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục của BGDĐT. Năm 2013, Trường đã trở thành 1 trong 30 thành viên của Tổ chức bảo đảm chất lượng của Mạng lưới các trường đại học ASEAN – AUN (ASEAN University Network). Năm 2018, Trường ĐHCT đã được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp cơ sở giáo dục của BGDĐT cho chu kỳ 2018 – 2023. Hiện nay, trong nhiệm vụ đảm bảo và nâng cao chất lượng giáo dục, Trường đã và đang đề ra nhiều giải pháp nhằm duy trì và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT), liên tục triển khai hoạt động tự đánh giá (TĐG) và đăng ký đánh giá ngoài nhiều CTĐT, trong đó có ngành Triết học (TH).

Công tác TĐG CTĐT ngành TH được thực hiện dựa theo các quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (BGDĐT) ban hành và theo hướng dẫn ở Công văn số 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về việc hướng dẫn tự đánh giá CTĐT và Công văn số 2085/QLCL ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn TĐG và đánh giá ngoài CTĐT. Mục đích của TĐG nhằm cung cấp một bức tranh toàn cảnh về quá trình đào tạo ngành TH tại Trường ĐHCT, từ đó xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT, từng bước thực hiện sứ mệnh để Trường ĐHCT trở thành trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học (NCKH) và chuyển giao công nghệ hàng đầu của quốc gia đóng góp hữu hiệu vào sự nghiệp đào tạo nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài và phát triển khoa học phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng và quốc gia, là nhân tố động lực có ảnh hưởng quyết định cho sự phát triển của vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL).

Công tác TĐG CTĐT ngành TH được thực hiện nghiêm túc, đúng quy trình và đối tượng tham gia. Thành phần, nội dung công việc và tiến độ thực hiện được triển khai cụ thể, rõ ràng thể hiện thông qua các quyết định nhân sự và kế hoạch như: Quyết định số 887-QĐ/ĐHCT ngày 07/5/2020 về việc thành lập Hội đồng TĐG, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách thực hiện Kiểm định CTĐT ngành TH theo tiêu chuẩn của BGDĐT và Kế hoạch 1017//KH-ĐHCT-KHCT ngày 28 tháng 05 năm 2020 về tự đánh giá CTĐT đại học ngành TH giai đoạn 2020-2021 của Hiệu trưởng Trường ĐHCT. Đặc biệt, trước khi triển khai TĐG, nhân sự và các cá nhân có liên quan đến công tác đều được tập huấn và hướng dẫn kỹ thuật để thực hiện đúng theo quy định về công tác TĐG nhằm đảm bảo tính khách quan và chất lượng của báo cáo TĐG chất lượng CTĐT.

a) Tóm tắt báo cáo tự đánh giá

Cấu trúc của báo cáo TĐG CTĐT ngành TH bao gồm 4 phần:

- **Phần I:** Mô tả khái quát kế hoạch báo cáo TĐG CTĐT bao gồm những nội dung cơ bản như mục đích, quy trình TĐG; các tiêu chí được đánh giá theo các tiêu chuẩn cụ thể. Đồng thời, thông tin tổng quan về Trường ĐHCT, Khoa Khoa học Chính trị (KKHCT) cũng được mô tả.
- **Phần II:** TĐG theo các tiêu chuẩn, tiêu chí với các tiểu mục là: (1) Mô tả - phân tích chung về toàn bộ tiêu chuẩn và chỉ ra các MC cụ thể; (2) Nêu những điểm mạnh của tiêu chuẩn/tiêu chí; (3) Điểm tồn tại; (4) Kế hoạch hành động và (5) Tự đánh giá.
- **Phần III:** Trình bày kết luận về những điểm mạnh, điểm cần phát huy của đơn vị đào tạo được tổng hợp theo từng tiêu chuẩn, tóm tắt những tồn tại cần cải tiến chất lượng, kế hoạch hành động và cuối cùng tổng hợp kết quả TĐG.
- **Phần IV:** Phụ lục, bao gồm bảng tổng hợp kết quả TĐG CTĐT, tổng hợp cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT, các quyết định văn bản liên quan khác và danh mục MC được sử dụng phục vụ nội dung trong báo cáo TĐG.

Nội dung chính của báo cáo TĐG CTĐT ngành TH dựa theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do BGDĐT ban hành. CTĐT ngành TH được đánh giá dựa trên 11 tiêu chuẩn, với 50 tiêu chí. Trong đó, các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4 tập trung vào mục tiêu,

chuẩn đầu ra (CĐR), bản mô tả CTĐT, cấu trúc, nội dung chương trình dạy học (CTDH) và phương pháp tiếp cận trong dạy và học. Tiêu chuẩn 5 đánh giá về kết quả học tập (KQHT) của người học (NH). Tiêu chuẩn 6, 7 tự đánh giá về đội ngũ cán bộ (CB), GV và đội ngũ NV. Tiêu chuẩn 8 đánh giá các yếu tố liên quan đến NH và hoạt động hỗ trợ NH. Tiêu chuẩn 9 thảo luận về hệ thống cơ sở vật chất (CSVCh) và trang thiết bị. Tiêu chuẩn 10 đánh giá việc nâng cao chất lượng CTĐT và nghiên cứu khoa học (NCKH). Tiêu chuẩn 11 với nội dung chính là các đánh giá về kết quả đầu ra của cả CTĐT ngành TH.

Mỗi tiêu chí cụ thể trong từng tiêu chuẩn sẽ có một hệ thống các thông tin, MC đi kèm. Mã thông tin và MC được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, ba dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: Hn.ab.cd.ef; Trong đó:

- H: viết tắt “Hộp MC” (MC của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp).
- n: số thứ tự của hộp MC được đánh số từ 1 đến hết (trường hợp $n \geq 10$ thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên).
- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10).
- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 07 viết 07).
- ef: số thứ tự của MC theo từng tiêu chí (thông tin và MC thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15...). Ví dụ: H1.01.01.01: là MC thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1; H3.03.02.15: là MC thứ 15 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 3, được đặt ở hộp 3.

b) Mục đích, quy trình tự đánh giá, phương pháp và công cụ đánh giá

b1) Mục đích tự đánh giá

Đánh giá tổng thể các hoạt động đào tạo ngành TH theo Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH, ban hành kèm theo Thông tư 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 và Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của BGDĐT. Đây là quá trình nhằm giúp cho ngành TH của Trường ĐHCT tự rà soát, xem xét toàn diện các mặt hoạt động để phát hiện điểm mạnh, điểm tồn tại, lập và triển khai kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng; từ đó, điều chỉnh mục tiêu, lựa chọn giải pháp

phát triển chương trình một cách phù hợp. TĐG cũng nhằm phục vụ việc đăng ký đánh giá ngoài, được tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục đánh giá và chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng. TĐG thể hiện tính tự chủ và trách nhiệm giải trình của Trường đối với hoạt động đào tạo nguồn nhân lực theo chức năng, nhiệm vụ phù hợp với tầm nhìn và sứ mệnh của Trường ĐHCT. Ngoài ra, TĐG cũng góp phần nâng cao nhận thức của công chức - viên chức về đảm bảo chất lượng (ĐBCL), từng bước xây dựng văn hóa chất lượng của Trường ĐHCT.

b2) Quy trình tự đánh giá

Quy trình TĐG được thực hiện gồm các bước chính như sau:

Bước 1: Thành lập Hội đồng TĐG chất lượng CTĐT ngành Triết học;

Bước 2: Lập kế hoạch TĐG chất lượng CTĐT ngành Triết học;

Bước 3: Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và MC;

Bước 4: Xử lý, phân tích các thông tin, MC thu được;

Bước 5: Viết báo cáo tự đánh giá

b3) Phương pháp tự đánh giá

Việc đánh giá CTĐT ngành TH được thực hiện theo phương pháp mô tả, tổng hợp, đối sánh... Trên cơ sở thu thập thông tin liên lạc, xác định cỡ mẫu khảo sát các BLQ, khảo sát bằng bảng hỏi qua Google Form, email, phỏng vấn trực tiếp hoặc gián tiếp qua điện thoại, thu thập MC, đồng thời đối chiếu với các nguồn MC gợi ý và các mốc chuẩn tham chiếu trong từng tiêu chuẩn, tiêu chí theo CV số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng. Từ đó, xác định các điểm mạnh và những điểm tồn tại, đồng thời, đưa ra kế hoạch hành động cải tiến chất lượng nhằm phát huy được điểm mạnh và khắc phục được những điểm tồn tại. Cuối cùng là TĐG mức độ đáp ứng của từng tiêu chí, tiêu chuẩn.

b4) Công cụ tự đánh giá

Công cụ TĐG được sử dụng chủ yếu là các quy định mang tính pháp lý gồm: Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng CTĐT của các trường ĐH, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp theo Thông tư 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của

BGDĐT; Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 của BGDĐT; Hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH và Hướng dẫn TĐG CTĐT tại CV số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH, CV số 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/06/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, và Công văn số 2085/QLCL ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn TĐG và đánh giá ngoài CTĐT; Sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ GDĐH tại CV số 1669/QLCLKĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng (thay thế cho CV 769/QLCLKĐCLGD ngày 20/04/2018). Ngoài ra, còn sử dụng công cụ PDCA (Plan – Do – Check - Act) trong TĐG CTĐT nhằm đảm bảo các hoạt động TĐG được thực hiện theo đúng quy trình và đầy đủ các bước.

2. Tổng quan chung

a) Trường Đại học Cần Thơ

Trường ĐHCT, được thành lập ngày 31/3/1966, là cơ sở đào tạo đại học và sau đại học trọng điểm của Nhà nước ở ĐBSCL, là trung tâm văn hóa - khoa học kỹ thuật của vùng. Trường đã không ngừng hoàn thiện và phát triển, từ một số ít ngành đào tạo ban đầu, Trường đã củng cố, phát triển thành một trường đa ngành, đa lĩnh vực. Hiện nay, Trường ĐHCT là một trong ba trường đại học đa ngành đứng đầu về đào tạo tại Việt Nam, được xếp vào nhóm trường đại học trọng điểm quốc gia.

Tại thời điểm tháng 12 năm 2020, Trường có 109 CTĐT đại học (02 Chương trình tiên tiến, 08 Chương trình chất lượng cao và 05 Chương trình đạt tiêu chuẩn AUN-QA), 48 ngành cao học (trong đó 01 ngành liên kết với nước ngoài, 03 ngành đào tạo bằng tiếng Anh), 19 chuyên ngành nghiên cứu sinh. Tổng số viên chức, người lao động của Trường là 1.825 người, trong đó có 1095 GV. Số GV có trình độ sau đại học là 97,6%, trong đó có 157 giáo sư và phó giáo sư.

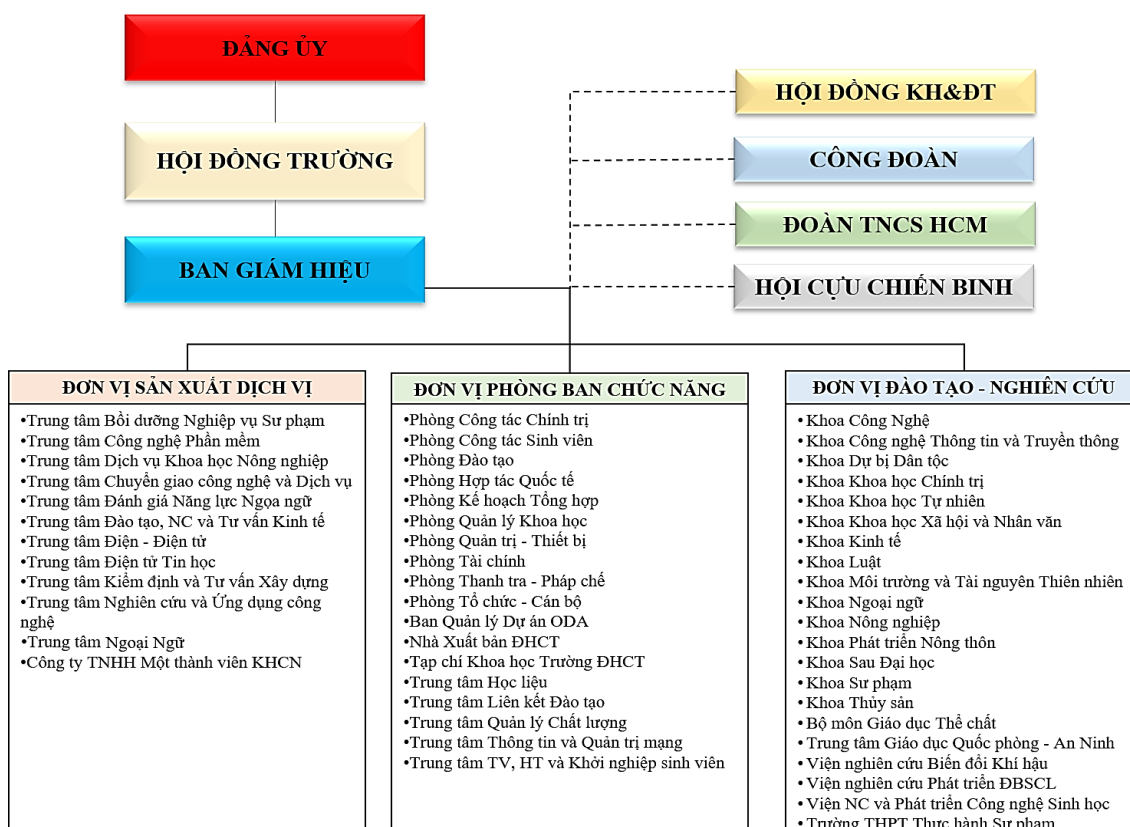
Từ tháng 7 năm 2013, Trường ĐHCT trở thành thành viên cốt lõi của mạng lưới cơ sở giáo dục (CSGD) đại học Đông Nam Á (AUN). Trung tâm Kiểm định Chất lượng giáo dục – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện đánh giá ngoài về chất lượng giáo dục của Trường ĐHCT trong giai đoạn 2012 - 2016. Kết quả, Trường ĐHCT được công nhận đạt chất lượng giáo dục với số tiêu chí "đạt yêu cầu" chiếm tỷ lệ

86,89% và được cấp Chứng nhận Kiểm định chất lượng có giá trị trong giai đoạn 19/5/2018 - 19/5/2023. Theo xếp hạng của Webometrics công bố cho kỳ xếp hạng tháng 01 năm 2020, Trường ĐHCT được xếp hạng 3 tại Việt Nam, hạng 59 trong khu vực Đông Nam Á, hạng 679 tại Châu Á và hạng 2.275 trên Thế giới (53.14 & 53.15). Theo xếp hạng các CSGD đại học Châu Á của QS Asia công bố cho kỳ xếp hạng năm 2020, Trường ĐHCT được xếp trong nhóm hạng 401 – 450 Châu Á và hạng 5 tại Việt Nam.

Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức của Trường được thể hiện ở Hình 1.

Hình 1.1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức Trường ĐHCT



(Báo cáo thường niên năm 2020 của Trường ĐHCT)

Chức năng

Trường ĐHCT có chức năng “*đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ (ThS), TS các ngành/chuyên ngành theo nhu cầu xã hội khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định, phù hợp với định hướng phát triển của Nhà trường và các hoạt động giáo dục, đào tạo, bồi*

duyệt khác, tổ chức NCKH, chuyển giao công nghệ” (Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường ban hành kèm Quyết định số 355/QĐ- ĐHCT ngày 18/2/2019, tại điều 4).

Sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi

Trường ĐHCT đã tuyên bố sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi tại Quyết định số 1086/QĐ-ĐHCT ngày 17/04/2014, trong đó:

Sứ mệnh

Sứ mệnh của Trường ĐHCT là *“trung tâm đào tạo, NCKH và chuyển giao công nghệ hàng đầu của quốc gia đóng góp hữu hiệu vào sự nghiệp đào tạo nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài và phát triển khoa học phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng và quốc gia. Trường ĐHCT là nhân tố động lực có ảnh hưởng quyết định cho sự phát triển của vùng ĐBSCL”*.

Tầm nhìn

Tầm nhìn của Trường ĐHCT đến năm 2022 *“sẽ trở thành một trong những trường hàng đầu về chất lượng của Việt Nam và nằm trong nhóm các trường mạnh về đào tạo, NCKH trong khu vực Châu Á-Thái Bình Dương”*.

Giá trị cốt lõi

Giá trị cốt lõi của Trường ĐHCT là *“Đồng thuận - Tận tâm - Chuẩn mực - Sáng tạo”*

Mục tiêu giáo dục

Đào tạo nhân lực trình độ cao, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; NCKH và công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, hội nhập quốc tế.

Đào tạo NH phát triển toàn diện về đức, trí, thể, mỹ; có tri thức, kỹ năng, trách nhiệm nghề nghiệp; có khả năng nắm bắt tiến bộ khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo, khả năng tự học, sáng tạo, thích nghi với môi trường làm việc; có tinh thần lập nghiệp, có ý thức phục vụ Nhân dân.

(Quyết định số 3627/QĐ-ĐHCT ngày 27/10/2020 Về mục tiêu giáo dục của Trường ĐHCT)

Chính sách đảm bảo chất lượng

Nhận thức được tầm quan trọng của nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao và sự cạnh tranh mạnh mẽ về chất lượng đào tạo trong bối cảnh phát triển mới của quốc gia và quốc tế, Trường ĐHCT cam kết ĐBCL thông qua việc thường xuyên đổi mới và hội nhập trong đào tạo; sáng tạo và năng động trong NCKH và chuyển giao công nghệ; gắn lý thuyết với thực hành để trang bị đầy đủ kiến thức và kỹ năng cho NH khi ra trường đạt hiệu quả cao trong công việc, có năng lực lãnh đạo và thích ứng với thay đổi. Trường cam kết xây dựng hệ thống quản trị đại học hiệu quả, chuyên nghiệp, trách nhiệm, sáng tạo và luôn đổi mới. Hoạt động quản lý của Trường được quy trình và tin học hóa, áp dụng các phương thức quản trị cập nhật và được giám sát, đánh giá thường xuyên. (Trích Báo cáo thường niên năm 2019 của Trường ĐHCT).

Cam kết chất lượng

Trường cam kết xây dựng hệ thống quản trị hiệu quả, chuyên nghiệp, trách nhiệm, sáng tạo và luôn đổi mới. Hoạt động quản lý của Trường sẽ được quy trình hóa, tin học hóa, áp dụng các phương thức quản trị cập nhật và được giám sát, đánh giá thường xuyên.

b) Khoa Khoa học Chính trị

KKHCT là một trong 19 khoa trực thuộc Trường ĐHCT có chức năng đào tạo bậc đại học. Ngoài ba ngành đào tạo mà Khoa quản lý chuyên môn hiện nay (Triết học, Chính trị học và Giáo dục công dân), Khoa còn phụ trách giảng dạy các HP chung bậc đại học bao gồm: Triết học Mác-Lênin; Kinh tế chính trị học Mác-Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và Tư tưởng Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, Khoa còn giảng dạy ở bậc sau đại học các môn: Triết học, Kinh tế chính trị Mác-Lênin và Lịch sử học thuyết kinh tế.

Quá trình phát triển của Khoa

Khoa được thành lập vào tháng 10 năm 1975 với tên gọi là Ban Mác-Lênin. Năm 1978, Bộ Giáo dục - Đào tạo và Trường ĐHCT quyết định thành lập Khoa Mác - Lênin, gồm có 04 bộ môn: Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị học Mác-Lênin, Chủ nghĩa xã

hội khoa học và Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Năm 1987, Khoa Mác - Lênin đổi tên thành Bộ môn Mác-Lênin.

Từ năm học 2001 - 2002, Bộ môn bắt đầu quản lý và đào tạo ngành Sư phạm giáo dục công dân. Tháng 3/2003, Bộ Trưởng Bộ GDĐT quyết định thành lập Khoa Mác - Lênin, Tư Tưởng Hồ Chí Minh trực thuộc Trường ĐHCT trên cơ sở Bộ môn Mác-Lênin.

Tháng 10/2008, Khoa Mác-Lênin - TTHCM đổi tên thành Khoa KHCT. Khoa có 03 bộ môn. Ban Chủ nhiệm Khoa gồm: Trưởng Khoa và 2 Phó Trưởng Khoa, được tư vấn chuyên môn bởi Hội đồng Khoa và sự hỗ trợ của các tổ chức đoàn thể.

Cơ cấu tổ chức

KKHCT có cơ cấu tổ chức gồm: Ban chủ nhiệm khoa và các Bộ môn. Theo Đề án đã được phê duyệt vào ngày 20 tháng 5 năm 2021 khoa thực hiện cơ cấu lại 03 bộ môn như sau: Bộ môn Triết học; Bộ môn Kinh tế Chính trị và Chủ nghĩa xã hội khoa học; Bộ môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và Tư tưởng Hồ Chí Minh.

Hình 1.2. Sơ đồ cơ cấu tổ chức Khoa Khoa học Chính trị



Chức năng, nhiệm vụ

KKHCT giảng dạy các môn Lý luận chính trị cho sinh viên (SV) toàn trường với mục tiêu hình thành thế giới quan, phương pháp luận, nhân sinh quan, góp phần xây dựng

cho SV niềm tin vào lý tưởng của Đảng và Nhà nước. Bên cạnh đó, KKHCT còn giảng dạy môn Triết học cho học viên cao học các chuyên ngành trong toàn trường; Nghiên cứu khoa học về các vấn đề lý luận và thực tiễn nhằm đáp ứng cho công tác đào tạo và giải quyết các vấn đề thực tiễn đặt ra hiện nay. Ngoài ra, khoa còn tham mưu giúp Đảng ủy và BGH trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho CB và SV Trường.

Về đào tạo

Khoa có 3 ngành đào tạo bậc đại học hệ chính quy gồm: Giáo dục công dân; Triết học và Chính trị học. Trong đó ngành Giáo dục công dân được đào tạo từ năm học 2001 – 2002 và ngành Triết học và Chính trị học được đào tạo từ năm học 2014 - 2015. Số SV đang theo học các chuyên ngành tại KKHCT hiện nay là 632 người (Theo Báo cáo thống kê định kỳ quý 4 năm 2021 của Trường ĐHCT, <https://dap.ctu.edu.vn/so-lieu-thon/82-so-lieu-thong-ke-quy-3-2031.html>).

Về nghiên cứu khoa học

Ngoài nhiệm vụ giảng dạy, công tác NCKH trong CB và SV luôn được KKHCT quan tâm, khuyến khích, tạo điều kiện để CB và SV tích cực tham gia thực hiện; Định kỳ hàng năm, Khoa đều tổ chức Hội thảo khoa học cấp vùng, các chủ đề của hội thảo hướng đến việc giải quyết mối quan hệ lý luận và thực tiễn về các vấn đề giáo dục chính trị. Trong giai đoạn từ 2016 – 2021 số lượng các ấn phẩm như sách tham khảo, chuyên khảo, giáo trình, tài liệu học tập và các báo cáo NCKH của CB được đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước liên tục tăng.

Về hợp tác quốc tế

Hàng năm KKHCT cử CB và SV giao lưu, học tập ngắn hạn ở một số nước trong khu vực Đông Nam Á như Thái Lan, góp phần tạo điều kiện mở rộng mối quan hệ, giao lưu với các nước tiên tiến trong khu vực. Năm 2020 KKHCT đã ký hợp tác MOU với một số trường Đại học của Indonesia.

c) Bộ môn Triết học

Bộ môn Triết học (BMTH) là một trong ba bộ môn trực thuộc KKHCT - Đại học Cần Thơ, được thành lập ngày 07 tháng 07 năm 2021, theo Quyết định số 2158/QĐ/ĐHCT của Hiệu trưởng Trường ĐHCT. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển của

KKHCT, BMTH đã có lịch sử hình thành khá lâu, trải qua nhiều giai đoạn thay đổi và phát triển. Tiền thân của BMTH hiện nay là Bộ môn Những Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin (được thành lập từ năm 2008 trên cơ sở hợp nhất 03 Bộ môn: Triết học, Kinh tế Chính trị, Chủ nghĩa xã hội khoa học).

Cơ cấu tổ chức

Đội ngũ GV Bộ môn có trình độ từ Thạc sĩ trở lên. Đến năm 2021, Bộ môn có 9 GV, trong đó có 4 Tiến sĩ, 3 Nghiên cứu sinh và 2 Thạc sĩ. Toàn thể GV BMTH đều có trình độ chuyên môn phù hợp với công tác giảng dạy. Bên cạnh đó, cùng với tâm huyết nghề nghiệp, tinh thần hăng hái, nhiệt tình và năng động, các GV của Bộ môn đều hoàn thành tốt công tác giảng dạy và NCKH. (Cơ cấu tổ chức và đội ngũ GV của Bộ môn xem Bảng 1, Phụ lục 4)

Chức năng, nhiệm vụ

Bộ môn Triết học thực hiện nhiệm vụ đào tạo ngành TH bậc đại học. Ngoài ra, Bộ môn còn thực hiện nhiệm vụ giảng dạy HP Triết học Mác-Lênin bậc đại học và HP triết học bậc sau đại học cho SV và học viên toàn trường. Bên cạnh đó, GV BMTH tích cực tham gia thực hiện đề tài NCKH các cấp; tham gia Hội thảo khoa học, xuất bản giáo trình...

Bộ môn Triết học đang quản lý đào tạo ngành Triết học bậc đại học (hệ chính quy). CTĐT ngành Triết học được cho phép đào tạo từ năm 2014 theo học chế tín chỉ. Các HP tự chọn được thiết kế rất đa dạng, có tính kế thừa theo chiều hướng chuyên ngành liên quan. Các HP được sắp xếp theo khối kiến thức để SV có thể học theo thời gian đào tạo toàn khóa hoặc kết thúc sớm hơn theo quy định của học chế tín chỉ của Trường. Trong cấu trúc chương trình, SV sẽ được học các HP khác nhau, từ cơ bản đến nâng cao bao gồm các khối kiến thức: Giáo dục đại cương, cơ sở ngành, chuyên ngành. Tham gia học tập ngành Triết học, SV luôn được rèn luyện và tạo điều kiện tối đa để hoàn thiện chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức; phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực để trở thành cử nhân Triết học chuyên nghiệp trong tương lai (Xem thông tin cơ bản về chương trình đào tạo ở Bảng 2, Phụ lục 4).

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu:

Bất kỳ chuyên ngành đào tạo nào cũng cần xác định rõ MT và CDR của CTĐT, đây được xem là hai nội dung cốt lõi nhất khi xây dựng CTĐT. CTĐT ngành Triết học thuộc Khoa KHCT, Trường ĐHCT được xây dựng lần đầu vào năm 2014 và được tiếp tục rà soát, điều chỉnh vào các năm 2015, 2019, 2020 đã đáp ứng được yêu cầu trên. Qua những lần rà soát, điều chỉnh có định kỳ, MT và CDR của CTĐT ngành TH đã dần được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn của Trường ĐHCT và những tiêu chí giáo dục đại học theo luật định.

Trên cơ sở thu thập ý kiến các BLQ và nhu cầu của xã hội, CTĐT của ngành TH được cải tiến qua các lần điều chỉnh. Qua đó, CDR của CTĐT đã được xác định rõ ràng, phản ánh được yêu cầu của các BLQ và đáp ứng được những yêu cầu chung cũng như chuyên biệt của người học. Đặc biệt, CTĐT của ngành TH đáp ứng được những yêu cầu hiện hành, được rà soát và điều chỉnh định kỳ, đồng thời công bố công khai và dễ dàng tiếp cận.

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của Chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mệnh và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục Đại học.

1. Mô tả hiện trạng

Dựa trên Quyết định số 5002/QĐ-BGDĐT, ngày 25/10/2013 về Việc giao cho ĐHCT đào tạo 03 ngành trình độ đại học hệ chính quy trong đó có ngành TH [H1.01.01.01], Trường ĐHCT đã triển khai hoàn thiện chương trình đào tạo ngành TH. Chương trình đào tạo 140 tín chỉ (TC) của ngành TH được ban hành theo Quyết định số 2975/QĐ-ĐHCT, ngày 28/8/2014 và được liên tục rà soát, bổ sung trong những năm tiếp theo [H1.01.01.02 (1-4)]. Bắt đầu từ năm 2014, MTĐT của ngành TH được xác định rõ ràng. Đó là “đào tạo cử nhân triết học có phẩm chất chính trị tốt, yêu nước, yêu nghề; có đạo đức nghề nghiệp với tư duy năng động, sáng tạo; có tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ

chức kỷ luật; có sức khỏe để phục vụ ngành nghề; Trang bị cho người học có kiến thức chuyên sâu về triết học giúp SV nắm vững lập trường, quan điểm, phương pháp tư duy khoa học duy vật biện chứng; Trên cơ sở đó, SV vận dụng tốt những kiến thức TH vào lý giải các vấn đề lý luận và thực tiễn của thời đại, đất nước và của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long; Sau khi tốt nghiệp, SV có thể làm việc trong các tổ chức xã hội - chính trị; trong các lĩnh vực nghiên cứu, giảng dạy triết học, các môn lý luận chính trị tại các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề, các trường Chính trị ở Trung ương và khu vực Đồng bằng sông Cửu Long; Có thể học tập lên trình độ thạc sĩ, tiến sĩ triết học hoặc có thể chuyển đổi sang những ngành học gắn liền với triết học theo yêu cầu của thực tiễn xã hội.” và cụ thể hóa thành mục tiêu của từng HP [H1.01.01.03 (1.3)], được giới thiệu bằng những poster phổ biến về tầm nhìn, sứ mệnh, các báo cáo thường niên cũng như công bố trên website của Trường [H1.01.01.04; H1.01.01.05(1-6); H1.01.01.06]. Năm 2015, MTĐT ngành TH được ban hành theo Quyết định số 5002/QĐ-ĐHCT và được mô tả trong mục tiêu và CDR của ngành [H1.01.01.02 (3)].

Đến năm 2018, CTĐT ngành TH được điều chỉnh trên cơ sở Quyết định số 4225/QĐ-ĐHCT ngày 26 tháng 9 năm 2018 về việc thành lập Ban chỉ đạo điều chỉnh chương trình đào tạo trình độ đại học và sau đại học của Trường Đại học Cần Thơ [H1.01.01.07] và Quyết định số 4235/QĐ-ĐHCT ngày 26 tháng 9 năm 2018 Về việc thành lập Tổ thư ký [H1.01.01.08]. Cụ thể, CTĐT được điều chỉnh thông qua sự kiểm soát của Hội đồng tự đánh giá, Tổ thư ký Hội đồng tự đánh giá [H1.01.01.09] và chịu sự giám sát, thông qua Tiểu ban chuyên môn trực thuộc Hội đồng Khoa học và đào tạo của Trường [H1.01.01.10]. MTĐT được điều chỉnh và được soạn thảo theo Kế hoạch điều chỉnh CTĐT [H1.01.01.11 (1)], Công văn số 2223/ĐHCT về việc hướng dẫn điều chỉnh chương trình đào tạo trình độ đại học [H1.01.01.11 (2)].

Trên cơ sở các công văn hướng dẫn của Trường, Tổ Điều chỉnh và Khoa KHCT đã họp, rà soát, đánh giá và điều chỉnh toàn bộ chương trình đào tạo bao gồm mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể [H1.01.01.12]; [H1.01.01.13].

Mục tiêu của CTĐT ngành TH được xác định rõ ràng, cụ thể hơn như sau: (1) Mục tiêu đào tạo được chia thành mục tiêu đào tạo chung và mục tiêu đào tạo cụ thể; (2) bổ sung và chỉ rõ mục tiêu cụ thể của việc đào tạo ngành TH.

- Về mục tiêu chung, CTĐT làm rõ hơn mục tiêu đào tạo của ngành TH: “Chương trình Cử nhân Triết học trang bị cho SV những hệ thống những kiến thức căn bản, cơ sở, chuyên sâu của ngành Triết học, trong đó, trọng tâm là hệ thống triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử. Chương trình đào tạo giúp SV có khả năng nhận thức và các vấn đề có tính quy luật về sự vận động của giới tự nhiên, xã hội và tư duy; vận dụng những kiến thức TH để giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn của đất nước và thời đại. Sau khi tốt nghiệp, người học có khả năng làm việc trong các lĩnh vực có liên quan đến TH”. Trong mục tiêu có thay đổi về nơi làm việc (làm việc trong nhiều lĩnh vực khác nhau có liên quan đến TH).

- Về mục tiêu cụ thể được viết mới 05 nội dung (xem Bảng 1.1, Phụ lục 4 - Chương trình đào tạo đại học ngành TH). MTĐT được soạn thảo đảm bảo đầy đủ nội dung theo yêu cầu và được thẩm định đạt về nội dung và hình thức và ban hành năm 2019 (K45), 2020 (K46) [H1.01.01.13; H1.01.01.14; H1.01.01.02 (1-2)].

MTĐT được ban hành và mô tả trong CTĐT [H1.01.01.02 (1-4)]. Từ MTĐT của chương trình, đơn vị phụ trách đào tạo đã thực hiện xây dựng, điều chỉnh mục tiêu của từng học phần nhằm cụ thể hóa, so sánh, đối chiếu để đạt MTĐT của chương trình [H1.01.01.15; H1.01.01.16].

Mục tiêu đào tạo của ngành TH phù hợp với sứ mệnh và tầm nhìn của Trường ĐHCT là “trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học chuyển giao công nghệ hàng đầu của quốc gia”, “đóng góp hữu hiệu vào sự nghiệp đào tạo nhân lực chất lượng cao” và “là nhân tố động lực có ảnh hưởng quyết định cho sự phát triển của vùng ĐBSCL”; “trở thành một trong những trường hàng đầu về chất lượng của Việt Nam và nằm trong nhóm các trường mạnh về đào tạo, nghiên cứu khoa học được ghi nhận trong khu vực và thế giới.” [H1.01.01.02 (1-4); H1.01.01.04; H1.01.01.06(1)].

Mục tiêu đào tạo của ngành TH chú trọng đến việc đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất đạo đức, có tri thức, có kỹ năng nghề nghiệp, có bản lĩnh chính trị vững vàng trong bối cảnh đổi mới toàn diện giáo dục ở Việt Nam và xu hướng hội nhập quốc tế. Từ đó cho thấy sự phù hợp của MTĐT với mục tiêu giáo dục của Luật Giáo dục năm 2005 (Điều 2) và phù hợp mục tiêu của giáo dục đại học được quy định tại Luật Giáo dục đại học ban hành năm 2012 (Điều 5): “Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân

tài; NCKH, công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế. Đào tạo NH có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc và có ý thức phục vụ nhân dân”.

Đề thu thập ý kiến của các BLQ về CTĐT, năm 2019, Bộ môn Những Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin, nay là BMTH đã thực hiện lấy ý kiến của nhà tuyển dụng (NTD), cựu sinh viên (CSV), giảng viên (GV) và SV (SV). Đa số ý kiến của NTD và CSV đều hài lòng về CTĐT, trong đó có MTĐT của ngành TH [H1.01.01.18-19].

Kết quả khảo sát việc làm của SV tốt nghiệp ngành TH từ năm 2019-2021 cũng cho thấy SV tốt nghiệp có phẩm chất đạo đức, có năng lực chuyên môn đáp ứng với MTĐT [H1.01.01.20-21].

2. Điểm mạnh

MTĐT của ngành TH được xác định rõ ràng và phù hợp với tầm nhìn, sứ mệnh của Trường ĐHCT và phù hợp với mục tiêu của Luật GDĐH. MTĐT của ngành được rà soát và điều chỉnh để ngày càng rõ ràng hơn.

3. Điểm tồn tại

Chưa khảo sát một cách đồng bộ đối với các BLQ về MTĐT nhất là trong giai đoạn soạn thảo MTĐT.

4. Kế hoạch hành động

Bộ môn tiếp tục khảo sát các BLQ định kỳ hai năm một lần từ năm 2022, để thu thập ý kiến đóng góp về MTĐT của ngành. Từ đó làm cơ sở để rà soát và điều chỉnh MTĐT cũng như CTĐT. Bên cạnh đó, Trường sẽ đồng bộ hóa việc khảo sát và mở rộng việc lấy ý kiến các BLQ ngoài Trường.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 5.

Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.

1. Mô tả hiện trạng

CĐR của CTĐT ngành TH được xác định rõ ràng, đầy đủ và được xây dựng trên cơ sở phân tích nội dung mục tiêu tổng thể của CTĐT theo đúng quy định của Trường ĐHCT [H1.01.01.02 (1-4)].

Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành TH được công bố lần đầu vào năm 2014 và được ban hành theo QĐ Số 2975/QĐ-ĐHCT, ngày 28 tháng 8 năm 2014 Về việc Ban hành chương trình đào tạo [H1.01.01.02 (4)]. CĐR được tiếp tục rà soát, đánh giá, cập nhật vào năm 2015 [H1.01.01.02 (3)]. CĐR ban hành như hiện nay thực hiện theo Quyết định số 3019/QĐ-ĐHCT ngày 31/07/2019 [H1.01.01.02 (2)] và tiếp tục điều chỉnh mã số một số học phần thuộc Khối kiến thức Giáo dục đại cương theo Quyết định số 1063/QĐ-ĐHCT ngày 29/05/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ [H1.01.01.02 (1)].

Việc xây dựng, rà soát, điều chỉnh CĐR được thực hiện theo hướng dẫn của Trường [H1.01.02.01; H1.01.02.02]. CĐR được bổ sung, cập nhật vào năm 2019 thực hiện theo Quyết định về thành lập Ban chỉ đạo, Ban thư ký, Tổ điều chỉnh CTĐT [H1.01.01.07]; [H1.01.01.08]; [H1.01.01.10]; theo Kế hoạch số 2222/KH-ĐHCT, ngày 19/10/2018 và Hướng dẫn 2223/ĐHCT, ngày 19/10/2018 về việc điều chỉnh CTĐT áp dụng từ Khóa 45 [H1.01.01.11 (1,2)]. Tổ điều chỉnh CTĐT, BM và Khoa KHCT đã họp và xây dựng, cập nhật CĐR của ngành TH [H1.01.01.12]; [H1.01.01.13]; [H1.01.01.02 (2); H1.01.02.03], xây dựng ma trận mối quan hệ giữa MTĐT, CĐR và học phần [H1.01.02.04; H1.01.02.05; H1.01.02.06; H1.01.02.07]. Việc điều chỉnh này được Tiểu ban chuyên môn Kinh tế - Luật - Chính trị thẩm định đạt yêu cầu [H1.01.01.14].

CĐR của ngành TH ban hành năm 2019 có đầy đủ các nội dung quy định theo CV số 2196/BGD&ĐT-GDĐH [H1.01.02.08], Biên bản chỉ đạo số 2194/BB-ĐHCT Trường ĐHCT [H1.01.02.09], Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT [H1.01.02.10], Kế hoạch điều chỉnh CTĐT và văn bản hướng dẫn rà soát điều chỉnh CĐR của Trường [H1.01.01.11 (1-2)]. Nội dung CĐR của ngành TH gồm: a) Tên ngành đào tạo, b) Trình độ đào tạo, c) Yêu

cầu kiến thức (gồm các CĐR của khối kiến thức giáo dục đại cương, khối kiến thức cơ sở ngành và khối kiến thức chuyên ngành), d) Yêu cầu về kỹ năng (gồm các CĐR của kỹ năng cứng và kỹ năng mềm), e) Yêu cầu về thái độ (gồm các CĐR về tinh thần công dân, đạo đức cá nhân và đạo đức nghề nghiệp), f) Vị trí làm việc của NH sau khi tốt nghiệp, g) Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường, h) Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc gia và quốc tế mà đơn vị đào tạo tham khảo. Mỗi phạm trù kiến thức, kỹ năng và thái độ trong CĐR đều được cụ thể hóa thành nhiều thành tố/chỉ số hành vi [H1.01.01.02(1-2)].

Ma trận về mối quan hệ tương thích giữa CĐR với MTĐT ngành TH được xây dựng theo văn bản số 2223/ĐHCT về Hướng dẫn điều chỉnh CTĐT trình độ ĐH [H1.01.01.11 (2)] và văn bản số 2641/ĐHCT-TTĐBCL&ĐT về Xây dựng ma trận mối quan hệ giữa mục tiêu đào tạo và học phần với chuẩn đầu ra [H1.01.02.04]. Mỗi GV phụ trách giảng dạy HP trong CTĐT đã tham gia xây dựng ma trận [H1.01.02.05; H1.01.02.06; H1.01.02.07]. Chương trình đào tạo đã thể hiện rõ và đầy đủ rằng mỗi CĐR của CTĐT đều tương thích với MTĐT [H1.01.01.02 (1-4)].

Chuẩn đầu ra của ngành TH đã bao quát các yêu cầu chung (gồm kiến thức giáo dục đại cương, kỹ năng mềm và thái độ và trách nhiệm nghề nghiệp) và các yêu cầu chuyên biệt (gồm kiến thức chuyên môn, kỹ năng chuyên môn). Các CĐR về kiến thức, kỹ năng, thái độ và trách nhiệm nghề nghiệp được phân chia chi tiết thành nhiều thành tố/chỉ số hành vi [H1.01.01.02 (1-4)].

- Kiến thức: Bao gồm các CĐR về kiến thức Giáo dục đại cương (Khối kiến thức Giáo dục quốc phòng và an ninh, Giáo dục thể chất, Pháp luật, Xã hội học, CNTT, ngôn ngữ tiếng Việt và nước ngoài)... và các CĐR về kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành. Trong đó:

Khối kiến thức Giáo dục đại cương: a) Hiểu biết căn bản về học thuyết của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam, pháp luật của Nhà nước và kiến thức văn hóa xã hội; b) Đảm bảo về sức khỏe, có kiến thức về giáo dục quốc phòng và an ninh đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; c) Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về tiếng Anh hoặc tiếng Pháp tương

đương trình độ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam (B1 theo khung tham chiếu Châu Âu).

Khối kiến thức cơ sở ngành: a) Hình thành kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn, có liên quan đến TH để đáp ứng yêu cầu tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp; b) Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên có liên quan đến TH để đáp ứng yêu cầu tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp khoa học tự nhiên; c) Hình thành tư duy logic và phương pháp nghiên cứu khoa học làm cơ sở cho việc nghiên cứu kiến thức chuyên ngành.

Khối kiến thức chuyên ngành: a) Nắm vững kiến thức TH phương Đông qua các thời kỳ lịch sử; b) Nắm vững kiến thức TH phương Tây qua các thời kỳ lịch sử; c) Làm chủ kiến thức TH Mác - Lênin, tư tưởng TH Việt Nam; d) Có khả năng nhận thức và giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn đang đặt ra trên cơ sở thế giới quan và phương pháp luận của TH.

- Kỹ năng cứng: Bao gồm các CĐR về hình thành kỹ năng làm việc độc lập, xây dựng kế hoạch và định hướng phát triển cho bản thân; Vận dụng kiến thức trong lĩnh vực chuyên ngành để phân tích các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội một cách có hiệu quả; Có kỹ năng nhận thức và giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn đang đặt ra trên cơ sở thế giới quan và phương pháp luận của TH; Có khả năng học tập ở trình độ cao hơn.

- Kỹ năng mềm: Bao gồm các CĐR về hình thành kỹ năng làm việc nhóm, khái quát được mục tiêu và công việc cần làm; Hiểu và thực hành các tình huống giao tiếp, thuyết trình, sử dụng các phương tiện hỗ trợ trong quá trình làm việc.

- Thái độ và trách nhiệm nghề nghiệp: gồm các CĐR về xây dựng lập trường, tư tưởng chính trị vững vàng; Hình thành thái độ làm việc chuyên nghiệp, tự tin, trách nhiệm với công việc, tinh thần kỷ luật; Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

Trong CĐR của CTĐT, vị trí việc làm của SV tốt nghiệp là có thể làm chuyên viên cho các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan của Đảng và Nhà nước ở các cấp; có thể trở thành giảng viên, nghiên cứu viên trong các viện, trung tâm nghiên cứu các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề hoặc các trường phổ thông. CĐR

cũng cam kết khả năng học tập nâng cao trình độ của người tốt nghiệp sau khi ra trường [H1.01.01.02 (1-4)]. Cụ thể:

- Hình thành thói quen học tập suốt đời, có khả năng cập nhật kiến thức, nghiên cứu và học tập chuyên sâu về kiến thức chuyên ngành và nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học để đáp ứng yêu cầu học tập ở trình độ sau đại học trong lĩnh vực TH.

- Người học có thể chuyển đổi sang những ngành học gắn liền với TH theo yêu cầu của thực tiễn xã hội.

- Người học có thể học lên trình độ thạc sĩ, tiến sĩ TH trong và ngoài nước. [H1.01.01.02 (1)].

Các CĐR được xác định rõ ràng dưới dạng các chỉ số hành vi để có thể quan sát và đo lường được. Năm 2013 Trường ra văn bản về việc thực hiện rà soát CĐR của CTĐT trình độ ĐH, trong đó có hướng dẫn viết CĐR theo thang năng lực nhận thức, kỹ năng và thái độ [H1.01.02.01]. CĐR của CTĐT năm 2014 của ngành TH có đảm bảo nội dung trên. Trong quá trình xây dựng CĐR, BM đã phân tích đối sánh giữa CĐR của CTĐT với CĐR trình độ đại học ngành TH của một số trường đại học trong nước [H1.01.02.11 (1,2)]. CĐR của ngành còn được đo lường, kiểm soát và điều chỉnh dựa trên đóng góp ý kiến của Tổ Điều chỉnh chương trình đào tạo, của Hội đồng KKHCT và Biên bản họp thẩm định điều chỉnh CTĐT của Tiểu ban chuyên môn Kinh tế - Luật - Chính trị [H1.01.01.12, H1.01.01.13, H1.01.01.14]. Bên cạnh đó, BM thực hiện khảo sát các bên liên quan [H1.01.01.18-19] để làm cơ sở thực hiện cải tiến CTĐT, trong đó có CĐR cho ngành TH cho những kỳ điều chỉnh tiếp theo. Tỷ lệ và xếp loại tốt nghiệp của SV trong 3 năm gần đây phản ánh kết quả đo lường của CĐR (Bảng 1.2, Phụ lục 4).

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT ngành TH được xây dựng một cách rõ ràng, đầy đủ và khoa học theo đúng quy định cũng như thể hiện rõ mối tương quan giữa hệ thống các khối kiến thức, kỹ năng và thái độ của NH. CĐR của ngành TH cũng đã nêu cụ thể triển vọng vị trí việc làm trong tương lai của NH tốt nghiệp.

3. Điểm tồn tại

Việc thu thập ý kiến các BLQ còn gặp nhiều khó khăn do đây là CTĐT mới. Việc xây dựng CĐR chủ yếu dựa trên ý kiến của GV trực tiếp tham gia giảng dạy CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

Bộ môn thực hiện khảo sát các BLQ theo định kỳ 2 năm/1 lần kể từ năm 2022 về sự phù hợp/quan trọng từng thành tố của CĐR, làm cơ sở để rà soát điều chỉnh CĐR và ma trận kỹ năng.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 5.

Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

1. Mô tả hiện trạng

CĐR của ngành TH được xây dựng lần đầu tiên vào năm 2014 theo Quyết định 4946/QĐ-ĐHCT ngày 30/10/2013 [H1.01.03.01]. CĐR của ngành TH được ban hành theo Quyết định số 2975/QĐ-ĐHCT ngày 28 tháng 8 năm 2014 và Quyết định số 5002/QĐ-ĐHCT ngày 31 tháng 12 năm 2015 [H1.01.01.02 (3-4)].

CĐR của CTĐT ngành TH phản ánh được yêu cầu các BLQ. CĐR của CTĐT ngành TH được xây dựng trên cơ sở tham khảo ý kiến của chuyên gia và là giảng viên phụ trách các học phần chuyên ngành của CTĐT và đóng góp của các BLQ trong đơn vị Nhà trường thông qua các buổi họp giao ban Trường [H1.01.03.02], từ đó thông tin cho giảng viên tham gia soạn thảo [H1.01.03.03]. Ngoài ra, nhằm đảm bảo các CĐR của CTĐT đáp ứng tốt nhu cầu, hằng năm Nhà trường tiến hành hoạt động khảo sát ý kiến của người học thông qua hệ thống website của Trường về việc phản hồi Chương trình đào tạo, về giảng dạy và cơ sở vật chất.

Năm 2018, Trường ban hành các Quyết định, Kế hoạch về điều chỉnh CTĐT và văn bản hướng dẫn điều chỉnh CTĐT [H1.01.01.07; H1.01.01.08; H1.01.01.09; H1.01.01.10; H1.01.01.11 (1,2)]. Ma trận về mối liên quan giữa MTĐT và CĐR cũng được điều chỉnh. Trên cơ sở các văn bản của Trường, năm 2019, Tổ điều chỉnh chương

trình đào tạo đã điều chỉnh một số nội dung của CĐR theo hướng tăng cường các kiến thức chuyên môn, các kỹ năng cứng và kỹ năng mềm cho người học [H1.01.01.02(2); H1.01.01.12; H1.01.01.13; H1.01.01.14]. Từ CĐR của CTĐT, đơn vị đã thực hiện xây dựng ma trận mối quan hệ giữa mục tiêu đào tạo và học phần với CĐR theo hướng dẫn của Công văn số 2641/ĐHCT-ĐBCL&KT ngày 15 tháng 9 năm 2017 [H1.01.02.04, H1.01.02.05]. Để hiện thực hóa các CĐR này, các học phần mới hoặc được tăng cường, được soạn thảo và thẩm định. Các HP liên quan kiến thức, kỹ năng và thái độ phản ánh các yêu cầu trên đã được thiết kế và đưa vào CTDH để đảm bảo CĐR được thực hiện.

Kết quả khảo sát cho thấy SV tốt nghiệp ngành TH có được việc làm hoặc tự tạo việc làm ở trong và ngoài ngành giáo dục hoặc học tiếp sau đại học và CTĐT đã đáp ứng về kiến thức, kỹ năng và phẩm chất đạo đức đối với nghề nghiệp [H1.01.01.06(2); H1.01.01.18-19-20-21]

CĐR của CTĐT ngành TH được định kỳ rà soát, điều chỉnh và ban hành theo đúng kế hoạch và chỉ đạo của Trường gần nhất vào các năm 2015 [H1.01.01.02 (3)] và 2019 [H1.01.01.02 (2)]. Quy trình rà soát và điều chỉnh CTĐT được thực hiện theo văn bản điều chỉnh CTĐT của trường [H1.01.03.01] và theo Thông tư số 07/TT-BGD&ĐT ban hành ngày 16/4/2015 [H1.01.02.10] bao gồm các bước cơ bản sau:

- Bước 1: Thành lập Tổ rà soát/Tổ Điều chỉnh CTĐT.
- Bước 2: Tổ rà soát/Tổ Điều chỉnh CTĐT tiến hành lấy ý kiến các BLQ gồm SV, CSV, GV về CTĐT
- Bước 3: Tổ rà soát/Tổ Điều chỉnh CTĐT tổng hợp ý kiến thu được từ các BLQ và tiến hành họp tổ để đưa ra những điều chỉnh phù hợp.
- Bước 4: Nội dung dự kiến điều chỉnh CTĐT được đưa ra lấy ý kiến của các thành viên trong Hội đồng Khoa, sau đó là Tiểu ban Khoa học giáo dục và cuối cùng là Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường.
- Bước 5: Trường công bố CTĐT đã điều chỉnh lên trang thông tin điện tử của Trường, Khoa giúp công bố công khai đến các BLQ.

Cụ thể đơn vị đã thực hiện các bước trên như sau: Năm 2018, Nhà Trường ra Kế hoạch về điều chỉnh CTĐT [H1.01.01.11 (1)] và văn bản hướng dẫn điều chỉnh CTĐT

[H1.01.01.11 (2)]. Năm 2018, KKHCT đã họp Hội đồng Khoa và góp ý về việc điều chỉnh của Tổ điều chỉnh chương trình đào tạo [H1.01.01.12, H1.01.01.13]. Dựa trên ý kiến các BLQ, CĐR đã được rà soát và điều chỉnh thay đổi so với CĐR được ban hành năm 2014 và năm 2015 về nội dung và hình thức (Bảng 1.3 - Phụ lục 4). Quy trình điều chỉnh này đã được thẩm định và thông qua của Tiểu ban chuyên môn Kinh tế - Luật - Chính trị năm 2019 [H1.01.01.14]. Năm 2019, Nhà trường ra công văn số 2144/ĐHCT-QLCL về sử dụng công cụ đo lường mức độ đạt chuẩn đầu ra của CTĐT trình độ đại học, trong đó hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng công cụ đo lường để đo đạt CĐR [H1.01.03.04]. Theo đó, ma trận về mối liên quan giữa MTĐT và CĐR cũng được điều chỉnh. BM đã xây dựng ma trận về mối quan hệ tương thích giữa CĐR với MTĐT [H1.01.02.05. H1.01.01.02 (1)].

CĐR của CTĐT được công bố công khai, rộng rãi dưới nhiều hình thức và phương tiện khác nhau như trang website Thông tin tuyển sinh, trên trang website CTĐT bậc đại học Trường [H1.01.01.06(2)], của website Khoa KHCT [H1.01.03.05], thông qua tài liệu tư vấn tuyển sinh, các tờ rơi tuyển sinh, sổ tay SV, các hoạt động hướng nghiệp [H1.01.01.06(2); H1.01.03.06; H1.01.03.07; H1.01.03.08 (1-4)]. Ngoài ra, các GV phụ trách HP của CTĐT TH được xây dựng và phổ biến CĐR, đồng thời cụ thể hóa CĐR của CTĐT vào HP mà GV phụ trách [H1.01.03.03]. Kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ NTD biết được CĐR của ngành qua danh mục tra cứu CTĐT là 75% [H1.01.01.18-19].

Tóm lại, trong giai đoạn từ 2014 đến 2021, CĐR của CTĐT đã được xây dựng và rà soát, điều chỉnh dựa trên ý kiến phản hồi của các BLQ. CĐR được công bố công khai và phổ biến đến các BLQ.

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT phản ánh được yêu cầu các BLQ, được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh và dựa trên nguyên tắc tham khảo ý kiến đóng góp các BLQ. Ngoài ra, CĐR của CTĐT được phổ biến công khai tới các BLQ dưới nhiều hình thức khác nhau, tạo điều kiện thuận lợi cho các BLQ cập nhật thông tin, đặc biệt là NTD.

3. Điểm tồn tại

Chưa thực hiện lấy ý kiến các BLQ một cách thường xuyên và rộng rãi do đây là ngành mới đào tạo, số lượng NH chưa nhiều và còn hạn chế về kinh phí thực hiện lấy ý kiến hàng năm.

4. Kế hoạch hành động

BM sẽ lập kế hoạch và tổ chức hội nghị về lấy ý kiến của các BLQ về CĐR theo định kỳ 2 năm 1 lần từ năm 2022, làm cơ sở rà soát điều chỉnh CĐR.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 5.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Mục tiêu và CĐR của CTĐT ngành TH được rà soát, điều chỉnh theo tiến trình chung của Trường/KKHCT. MTĐT của ngành được xác định rõ ràng và phù hợp với sứ mệnh và tầm nhìn của Trường và phù hợp với mục tiêu giáo dục của Luật GDĐH. CĐR của ngành được xác định rõ ràng, bao gồm các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt và phản ánh yêu cầu của các BLQ. Ý kiến của các BLQ về MTĐT và CĐR đã được khảo sát và tiếp thu. Kết quả thu thập đã cung cấp thông tin có giá trị giúp tiến trình rà soát và điều chỉnh MTĐT và CĐR hiệu quả hơn. Tuy nhiên, việc tổ chức hội nghị lấy ý kiến đóng góp của các BLQ chưa thực hiện được trong thời điểm soạn thảo MTĐT và CĐR.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 1: Căn cứ vào kết quả TĐG các tiêu chí trên, Hội đồng TĐG chất lượng CTĐT ngành TH tự đánh giá tiêu chuẩn 1 có tất cả 3 tiêu chí đạt mức 5.

Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu:

Bản mô tả CTĐT là tài liệu chính thống của Nhà trường, cung cấp thông tin đầy đủ, cần thiết và chi tiết về các CTĐT, được phổ biến cho GV, NH, nhà quản lý, NTD trong các hoạt động tuyển sinh và các BLQ khác. Bản mô tả CTĐT được xây dựng và ban hành theo biểu mẫu quy định thống nhất của Nhà trường và phù hợp với các quy định của BGDĐT, với đầy đủ các thông tin theo quy định, được định kỳ rà soát, bổ sung, cập nhật.

Bản mô tả CTĐT và ĐCCT các HP thể hiện CTĐT được thiết kế rõ ràng, có cấu trúc đảm bảo tính logic và chứng minh tính khả thi của việc thực hiện các mục tiêu và CDR, tạo điều kiện cho NH và người dạy cũng như các nhà quản lý dễ dàng triển khai thực hiện cũng như cải tiến CTĐT.

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả Chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Mô tả hiện trạng

Năm 2014, Trường ĐHCT ra Quyết định về việc ban hành CTĐT ngành TH [H1.01.01.02 (4)]. Bản mô tả CTĐT ngành TH hiện hành [H2.02.01.01 (1,2)] được mô tả đầy đủ các thông tin do Khoa KHCT ban hành căn cứ trên Quyết định Ban hành CTĐT số 3019/QĐ-ĐHCT [H1.01.01.02 (2)], ngày 31/7/2019 và được điều chỉnh theo Công văn số 2979/ĐHCT-QLCL, ngày 18/12/2019 [H2.02.01.02] của Nhà trường về việc cải tiến chất lượng CTĐT. Bản mô tả CTĐT ngành TH gồm đầy đủ các thông tin theo đúng quy định của BGDĐT [H1.01.02.10], được chia làm hai mục chính là Mô tả CTĐT và Mô tả CTDH. Trong đó, Mô tả CTĐT được thể hiện cụ thể như sau:

(1) Thông tin chung: giới thiệu các thông tin chung về CTĐT bao gồm: tên chương trình (Tiếng Việt): TH, tên chương trình (Tiếng Anh): Philosophy; mã ngành đào tạo: 52220301 (hiện nay là 7229001); trường cấp bằng: Trường ĐHCT; thời gian đào tạo: 4 năm; tên gọi văn bằng: Cử nhân; trình độ đào tạo: Đại học; số tín chỉ yêu cầu: 140 (hiện nay là 141); hình thức đào tạo: chính quy tập trung; đối tượng tuyển sinh: Người có bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương; thang điểm đánh giá: Thang điểm 4; điều kiện tốt nghiệp, vị trí việc làm, khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp, chương trình tham khảo khi xây dựng, và thời gian cập nhật khi mô tả.

(2) Mục tiêu của CTĐT: gồm có mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể. Trong đó mục tiêu cụ thể là:

- Đào tạo cử nhân TH có phẩm chất chính trị tốt, yêu nước, yêu nghề; có đạo đức nghề nghiệp với tư duy năng động, sáng tạo; có tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật; có sức khỏe để phục vụ ngành nghề.

- Trang bị cho NH có kiến thức chuyên sâu về TH giúp NH nắm vững lập trường, quan điểm, phương pháp tư duy khoa học duy vật biện chứng. Trên cơ sở

đó, NH vận dụng tốt những kiến thức TH vào lý giải các vấn đề lý luận và thực tiễn của thời đại, đất nước và của khu vực ĐBSCL.

- Sau khi tốt nghiệp, NH có thể làm việc trong các tổ chức xã hội – chính trị; trong các lĩnh vực nghiên cứu, giảng dạy TH, các môn lý luận chính trị tại các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề, các trường Chính trị ở Trung ương và khu vực ĐBSCL.

- Có thể học tập lên trình độ thạc sĩ, tiến sĩ TH hoặc có thể chuyển đổi sang những ngành học gắn liền với TH theo yêu cầu của thực tiễn xã hội... [H2.02.01.01 (1,2)].

(3) CĐR của chương trình bao gồm CĐR về kiến thức, kỹ năng và thái độ. CĐR về kiến thức bao gồm CĐR về 3 khối kiến thức: đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành. Ví dụ một trong những CĐR về khối kiến thức chuyên ngành là trang bị cho SV kiến thức về lịch sử TH và TH đương đại. CĐR về kỹ năng đảm bảo 2 nhóm kỹ năng: kỹ năng cứng và kỹ năng mềm. Ví dụ CĐR về kỹ năng cứng: SV nhận diện các vấn đề lý luận và thực tiễn đang đặt ra, từ đó đưa ra kế hoạch và giải pháp, kiến nghị xử lý thông qua các phương pháp phân tích, so sánh, đối chiếu, xử lý số liệu... xác lập trên cơ sở thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng. CĐR về thái độ bao gồm thái độ tự tin, nhiệt tình và mức độ tự chủ, trách nhiệm cá nhân, tinh thần học tập nâng cao trình độ.

(4) Tiêu chí tuyển sinh: Căn cứ theo quy chế tuyển sinh của BGDĐT và đề án tuyển sinh hằng năm của Trường ĐHCT

(5) Ma trận mối quan hệ mục tiêu, CĐR và HP gồm có: ma trận mối quan hệ giữa mục tiêu và CĐR chương trình đào tạo, ma trận mối quan hệ giữa các HP với CĐR chương trình đào tạo.

Mô tả CTDH gồm (1) Cấu trúc CTDH mô tả theo từng khối kiến thức gồm: các khối kiến thức toàn khóa, khối kiến thức giáo dục đại cương, khối kiến thức cơ sở ngành, và khối kiến thức chuyên ngành. Các khối kiến thức này được mô tả cụ thể số TC bắt buộc và số TC tự chọn; (2) Khung CTĐT được mô tả dưới dạng bảng gồm 11 cột: số thứ tự, mã số HP, tên HP, số TC, bắt buộc, tự chọn, số tiết lý thuyết, số tiết thực hành, HP tiên quyết, HP song hành, học kỳ thực hiện; (3) Kế hoạch dạy học: minh họa đầy đủ các môn

học có thể học theo mỗi học kỳ, (4) Mô tả tóm tắt các HP: phần này mô tả 76 HP có trong CTĐT bao gồm những HP bắt buộc và tự chọn, (5) PPGD và học tập, (6) Phương pháp đánh giá.

Bản mô tả CTĐT đã được xây dựng có tham khảo CTĐT của các trường đại học uy tín trong nước [H2.02.01.03 (1,2)]. Bản mô tả CTĐT ngành TH luôn cập nhật những vấn đề mới nhất có liên quan một cách thường xuyên và được rà soát, định kỳ cập nhật. Năm 2014, Trường ĐHCT ra Quyết định số 2975/QĐ-ĐHCT ngày 28/08/2014 về việc ban hành CTĐT ngành TH [H1.01.01.02 (4)]. CTĐT năm 2014 có các nội dung chính: Ngành học: Triết học; Mã ngành: 52220301, Hệ đào tạo: chính quy, Thời gian đào tạo: 4 năm; Danh hiệu: Cử nhân; Đơn vị quản lý: Khoa KHCT, và Khung CTDH [H1.01.01.02 (4)].

Năm 2015, Trường ĐHCT thực hiện việc rà soát và điều chỉnh CTĐT dựa theo Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT Ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà NH đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của GDĐH [H1.01.02.10]. Tháng 12/2015, Trường ĐHCT ra Quyết định số 5002/QĐ-ĐHCT về việc ban hành CTĐT [H1.01.01.02 (3)]. Bản mô tả CTĐT năm 2015 về cơ bản đầy đủ thông tin như bản mô tả năm 2014, bao gồm những nội dung chính sau: Thông tin chung; MTĐT; CĐR; Vị trí việc làm của NH sau khi tốt nghiệp; Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp; Khung CTĐT. Điểm mới học phần kỹ năng mềm (KN001) được thêm vào khối kiến thức Giáo dục đại cương với mục tiêu thích ứng với những yêu cầu của xã hội đối với SV tốt nghiệp.

Năm 2017, Trường ĐHCT đã có bổ sung xây dựng ma trận mối liên quan giữa mục tiêu và CĐR, xây dựng ma trận mối liên hệ giữa các HP và CĐR [H1.01.02.04], cụ thể bao gồm bổ sung ma trận các kỹ năng và một số thay đổi về các HP sao cho phù hợp với điều kiện, nhu cầu thực tế xã hội. Đến năm 2018, Trường ĐHCT ban hành quyết định thành lập Ban chỉ đạo điều chỉnh CTĐT [H1.01.01.07], quyết định thành lập Tổ thư ký, Tổ điều chỉnh CTĐT [H1.01.01.08], đồng thời tiếp tục căn cứ dựa trên Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT [H1.01.02.10]. Trường xây dựng kế hoạch điều chỉnh CTĐT [H1.01.01.11 (1)] và đưa ra hướng dẫn điều chỉnh CTĐT [H1.01.01.11 (2); H1.01.01.10; H1.01.01.13; H1.01.02.03]. Bản mô tả CTĐT theo bản hướng dẫn mới bao gồm những

nội dung chính sau: Thông tin chung; MTĐT; CĐR; Vị trí việc làm của NH sau khi tốt nghiệp; Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp; Các chương trình, tài liệu chuẩn quốc gia và quốc tế tham khảo; Khung CTĐT. Trên cơ sở đó, ngày 31/07/2019, Trường ĐHCT ra Quyết định ban hành CTĐT để áp dụng cho khóa 45 [H1.01.01.02 (2)].

Bản mô tả CTĐT ngành Triết học điều chỉnh từ năm 2019 về cơ bản bao gồm đầy đủ các thông tin như phiên bản năm 2014 và 2015. Một số vấn đề như Điểm học phần, tỷ lệ các khối kiến thức/kỹ năng/thái độ kế thừa từ phiên bản cũ [H1.01.01.02 (3-4)]; [H2.02.01.04]. Tuy nhiên, có một số điểm khác biệt như sau: Thay đổi mã ngành: 52220301 thành 7229001 [H2.02.01.05] và số TC tăng từ 140 TC lên 141 TC; HP Giáo dục quốc phòng và an ninh 1, 2 và 3 chuyển thành Giáo dục quốc phòng và an ninh 1, 2, 3 và 4; thay đổi tên, mã HP, số TC của các HP có điều chỉnh về tên, số tín chỉ như Khối kiến thức cơ bản về Chủ nghĩa Mác - Lênin. Nhiều HP đã được đưa ra khỏi CTĐT và thêm vào những HP mới [H1.01.01.02 (2)]. Cụ thể, trong phần Kiến thức giáo dục đại cương có thêm HP Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp (KN002), Thống kê cho khoa học xã hội (ML226). Trong phần Kiến thức cơ sở ngành, Học phần Lịch sử các học thuyết kinh tế được đưa ra khỏi CTĐT, thêm HP Phương thức sản xuất châu Á (ML225), HP Tiếng Anh chuyên môn - Khoa học xã học được thay thế bằng HP Tiếng Anh chuyên môn khoa học lý luận chính trị 1 và 2 (ML198 và ML199) và tăng tổng số TC từ 2 lên 7. Trong phần Kiến thức chuyên ngành, một số HP mới như Lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về sở hữu và cách mạng khoa học công nghệ (ML205), Tư tưởng Triết học trong kinh doanh (ML234), Triết học xã hội (ML231) và Triết học văn hóa (ML232). Một số học phần đã được điều chỉnh tăng số tín chỉ như Lịch sử Triết học Trung Hoa - cổ trung đại (ML215) từ 2 lên 4 TC, Lịch sử Triết học Ấn Độ - cổ trung đại (ML210) từ 2 lên 3 TC. Thay HP Niên luận Triết học thành Niên luận Lịch sử Triết học (ML239), Niên luận Triết học duy vật biện chứng (ML240) và Niên luận Triết học duy vật lịch sử (ML241). Sự thay đổi này nhằm tăng cường kỹ năng chuyên môn và kỹ năng mềm của NH.

Trong bản hướng dẫn điều chỉnh CTĐT có nêu rõ một số vấn đề cần lưu ý khi rà soát điều chỉnh xây dựng CTĐT mới. Trường đã ra quyết định xét miễn và công nhận điểm học phần trong CTĐT [H2.02.01.06(1,2)], đặc biệt là: sử dụng ma trận mối liên quan hệ giữa MTĐT với CĐR và giữa HP với CĐR; điều chỉnh viết CĐR về kiến thức, kỹ

năng và thái độ theo thang đo năng lực nhận thức, tình cảm và vận động [H2.02.01.07]. Đề cương chi tiết HP cũng thay đổi theo hình thức mới chi tiết [H2.02.01.08 (1,2)]. Trước đây, các nội dung mô tả trong CTĐT và CTDH đều có đầy đủ và cập nhật thường xuyên nhưng chưa được tập hợp thành bộ hoàn chỉnh, sau khi Trường ĐHCT ban hành Công văn số 2979/ĐHCT-QLCL, ngày 18/12/2019 [H2.02.01.09], bản mô tả CTĐT/CTDH đã được tập hợp vào 1 tài liệu thống nhất [H2.02.01.01 (1,2)].

Để thực hiện công tác điều chỉnh này, Khoa KHCT, Trường đã cử GV tham gia các lớp tập huấn liên quan đến xây dựng CTĐT và kiểm định chất lượng [H2.02.01.10].

Về việc lấy ý kiến phản hồi của các BLQ: để lấy ý kiến phản hồi, Trường ĐHCT chỉ đạo thực hiện, theo đó Khoa KHCT đã phối hợp với TTQLCT của Trường tiến hành thu thập ý kiến phản hồi của các BLQ bao gồm: (1) Nhà tuyển dụng; (2) Cựu sinh viên; (3) Giảng viên trực tiếp phụ trách giảng dạy các HP của CTĐT TH; (4) Sinh viên đang học. Trong đó, ý kiến phản hồi về CTĐT và điều chỉnh CTĐT được NTD và CSV đánh giá hài lòng [H1.01.01.18-19]. Khoa và Trường đã gửi báo cáo cải tiến chất lượng CTĐT theo yêu cầu của TTQLCL để nhằm nâng cao chất lượng đào tạo ngành TH [H2.02.01.11; H2.02.01.12; H2.02.01.13].

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT ngành TH có đầy đủ các thông tin và được cập nhật thuận tiện cho việc quản lý và thực hiện CTĐT; giúp cho người dạy và NH có được những hướng dẫn cụ thể, rõ ràng trong quá trình dạy và học. Bộ môn có thu thập thông tin đánh giá phản hồi từ CSV là đối tượng được thụ hưởng chương trình và NTD để làm cơ sở điều chỉnh CTĐT cho các kỳ điều chỉnh tiếp theo.

3. Điểm tồn tại

Bản mô tả CTĐT được xây dựng một cách chi tiết vào năm 2019 và cập nhật hoàn chỉnh vào năm 2020. Việc lấy ý kiến các BLQ để làm cơ sở cập nhật, điều chỉnh CTĐT có thực hiện nhưng chưa được thực hiện thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Trường thường xuyên lấy ý kiến các BLQ, theo định kỳ 2 năm/lần. Hàng năm, tiếp tục cập nhật và điều chỉnh bản mô tả CTĐT thường xuyên, đồng thời cung cấp, cập nhật đến các BLQ.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 5.

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Mô tả hiện trạng

Đề cương các học phần được Trường ĐHCT xây dựng theo quy trình được hướng dẫn tại Thông tư 07/TT-BGDĐT do Bộ GD&ĐT ban hành [H1.01.02.10]. Mỗi học phần trong CTĐT đều được cụ thể hóa thông qua đề cương chi tiết học phần.

Năm 2014, Trường ĐHCT ban hành đề cương chi tiết các HP thuộc CTĐT TH [H1.01.01.03(3)]. 76 HP trong CTĐT ngành TH hiện nay đều có đề cương chi tiết học phần bao gồm đầy đủ các thông tin như: (1) Tên HP: bao gồm tên tiếng Việt (tên tiếng Anh) và một số thông tin như: mã số HP, số TC HP, phân chia số tiết HP (lý thuyết/ thực hành/tự học); (2) Đơn vị phụ trách HP bao gồm hai thông tin: BM và Khoa/Viện/Trung tâm/BM; (3) Điều kiện tiên quyết của HP và điều kiện song hành; (4) Mục tiêu HP: mô tả chi tiết mục tiêu kiến thức, mục tiêu kỹ năng, mục tiêu thái độ; (5) CDR của HP bao gồm chuẩn kiến thức, kỹ năng và thái độ; (6) Mô tả tóm tắt nội dung HP: giúp NH hình dung khái quát nhất về các nội dung chính và logic của các phần nội dung của HP; (7) Cấu trúc nội dung HP: nêu rõ từng chương mục, số tiết lý thuyết/thực hành cho mỗi chương và CDR tương ứng; (8) PPDH: nêu những PPDH được sử dụng để giảng dạy HP; (9) Nhiệm vụ của SV: nêu rõ nhiệm vụ của SV khi tham gia HP, quy định cụ thể số tiết lý thuyết, số tiết thực hành SV bắt buộc phải tham dự, các kỳ thi SV bắt buộc phải thực hiện để đủ tiêu chuẩn xem xét hoàn thành HP; (10) Đánh giá KQHT của SV. Trong đó bao gồm 2 phần, thứ nhất nêu rõ các hình thức đánh giá HP, điểm thành phần của từng hình thức đánh giá, quy định, trọng số của mỗi hình thức đánh giá, thứ hai là cách tính điểm; (11) Tài liệu học tập: danh mục học liệu được phân thành giáo trình chính và các tài liệu tham khảo phục vụ nhu cầu đọc thêm và tự nghiên cứu; (12) Hướng dẫn SV tự học: chỉ rõ tương ứng từng

chương mục của HP, SV cần chuẩn bị và thực hiện nhiệm vụ gì [H2.02.01.08 (1); H2.02.02.01 (1,2)].

Toàn bộ đề cương chi tiết HP trong CTĐT ngành TH đều được các cấp đơn vị quản lý của Nhà trường rà soát và điều chỉnh, cập nhật nội dung phù hợp phương thức đào tạo TC, bám sát CĐR [H1.01.01.03]. Ngoài ra, vào mỗi đầu năm học mới, Nhà trường chỉ đạo các đơn vị đào tạo thực hiện việc rà soát tất cả các đề cương học phần trong đó tập trung thảo luận và thống nhất về nội dung, phương pháp giảng dạy, hình thức đánh giá và tư liệu giảng dạy.

Năm 2018, Trường ĐHCT ban hành mẫu đề cương chi tiết HP bằng tiếng Việt và tiếng Anh dành cho CTĐT trình độ đại học [H2.02.01.08 (1)]. Về cơ bản, đề cương chi tiết HP điều chỉnh năm 2018 đầy đủ thông tin, thành phần nội dung như phiên bản 2014 [H2.02.01.08 (2)]. Tuy nhiên, có một số điểm điều chỉnh như sau: phần mục tiêu, mỗi mục tiêu HP được cập nhật tương ứng với mỗi CĐR; mục cấu trúc nội dung HP cũng được cập nhật mỗi nội dung đáp ứng một số CĐR tương ứng; mục đánh giá KQHT của SV cũng được chỉ ra mỗi phần đánh giá đáp ứng CĐR nào của HP. Thang năng lực nhận thức, kỹ năng và tình cảm được đưa vào để làm chuẩn căn cứ viết CĐR cho phiên bản đề cương mới [H2.02.01.07]. Trường cũng đã thu thập ý kiến của các BLQ để đánh giá đề cương chi tiết HP làm cơ sở điều chỉnh và cập nhật mới [H1.01.01.18-19; H2.02.02.02; H2.02.02.03]. Những thay đổi của mẫu đề cương chi tiết HP được cập nhật theo hướng dẫn năm 2018 [H2.02.01.08 (1)] so với trước được liệt kê bên trên giúp thuận lợi cho việc đánh giá được CĐR cũng như đánh giá nội dung dạy học có đáp ứng được mục tiêu và CĐR của chương trình hay không. Việc điều chỉnh, bổ sung này được thực hiện dựa trên chỉ đạo của công văn kiểm tra, điều chỉnh, bổ sung đề cương chi tiết của các HP thuộc CTĐT đại học hệ chính quy năm 2017 [H2.02.02.03].

Thực hiện Công văn số 2631/ĐHCT của Trường ĐHCT về việc nộp cho Phòng Đào tạo đề cương chi tiết học phần thuộc chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy [H2.02.02.04], đơn vị đã triển khai thực hiện xây dựng ma trận mối liên quan giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu đào tạo và ma trận về mối liên quan giữa chuẩn đầu ra với các học phần trong chương trình đào tạo [H1.01.02.05; H1.01.02.07)].

ĐCCT HP sau khi được GV biên soạn hoàn tất thì Trưởng BM là người xem xét chung về nội dung và hình thức. Sau đó toàn bộ ĐCCT HP được Trưởng khoa thừa lệnh Hiệu trưởng ký ban hành. Cuối cùng, ĐCCT được Scan từng trang chuyển file PDF công bố kèm theo CTĐT [H1.01.01.02 (3), H1.01.01.03]. ĐCCT HP là cơ sở để xây dựng giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo của HP và thực hiện giờ lên lớp của GV.

2. Điểm mạnh

Tất cả ĐCCT HP đầy đủ thông tin theo quy định. ĐCCT HP được rà soát, cập nhật, điều chỉnh để đáp ứng nhu cầu đổi mới của xã hội. Đặc biệt, ĐCCT HP năm 2019 có những thay đổi rõ nét nhất ở việc bám sát và liên hệ với mục tiêu và CĐR và có sử dụng thang đo năng lực nhận thức, kỹ năng và tình cảm để làm căn cứ viết CĐR. Việc này góp phần thuận lợi cho công tác đánh giá SV có đạt CĐR hay không.

3. Điểm tồn tại

ĐCCT HP phiên bản 2014 chưa có ma trận liên kết nội dung chương trình với CĐR. Tuy nhiên, phiên bản điều chỉnh năm 2019 đã được bổ sung, đặc biệt, có lấy ý kiến phản hồi của các BLQ để đánh giá ĐCCT HP, làm cơ sở điều chỉnh và cập nhật mới. Tuy nhiên, các BLQ tham gia góp ý về ĐCCT HP còn ít, chưa có tính hệ thống và chưa đa dạng.

4. Kế hoạch hành động

- Từ năm 2022, Nhà trường, KKHCT, BMTH và các GV có tham gia giảng dạy trong CTĐT sẽ thực hiện việc rà soát, bổ sung và điều chỉnh ĐCCT HP một cách đồng bộ và thường xuyên hơn, dự kiến kế hoạch sau mỗi học kỳ của năm học. Tiến hành rà soát, cập nhật nguồn học liệu trong TTHL của trường và giới thiệu trong các ĐCCT HP.

- Trong năm 2022, đề gắn kết thực tế giảng dạy với mục tiêu và CĐR của CTĐT, BMTH tăng cường sinh hoạt học thuật cho GV tham gia giảng dạy ngành TH. Khuyến khích GV tích cực biên soạn giáo trình đối với các HP mới được đưa vào CTĐT và các HP ít tài liệu tham khảo.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 5.

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

1. Mô tả hiện trạng

Bản mô tả CTĐT và ĐCCT các HP đã được phê duyệt và công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau giúp các BLQ dễ dàng tiếp cận, cụ thể: công bố trên website của Trường [H1.01.01.06], Khoa KHCT [H1.01.03.05]. Ngoài ra, bản mô tả CTĐT cũng như ĐCCT các môn học được công bố công khai đến các BLQ thông qua các kênh khác như: Thông qua hoạt động tư vấn tuyển sinh hằng năm [H1.01.01.06(2)], tờ rơi tuyển sinh [H1.01.03.08], các tài liệu giới thiệu về Trường, Khoa [H1.01.01.04], qua video giới thiệu ngành đào tạo trên website [H1.01.01.06(03)], các buổi sinh hoạt đầu khóa [H2.02.03.01(1-3)], sinh hoạt Cố vấn học tập [H2.02.03.02]. Đồng thời, GV giới thiệu chi tiết về đề cương HP do cá nhân phụ trách trong tiết dạy thứ 1 của mỗi HP [H1.01.01.03].

Theo quy định của Trường ĐHCT, GV cần giới thiệu và cung cấp đầy đủ đề cương chi tiết của các HP vào buổi học đầu tiên của HP. Qua đó giúp SV nắm rõ thông tin HP, biết được mục tiêu cụ thể của môn học, CDR, nội dung hoạt động dạy học, yêu cầu nhiệm vụ học tập mà SV cần đạt được, các phương pháp học tập để hoàn thành HP [H1.01.01.03].

Đối với cựu sinh viên, KKHCT đã tổ chức thu thập ý kiến đánh giá về việc điều chỉnh CTĐT nên đảm bảo thông tin về CTĐT được cập nhật tới cựu SV, thu thập ý kiến đóng góp của CSV để tiếp tục hoàn thiện CTĐT [H1.01.01.18-19]. Đồng thời, thông qua website của Trường và Khoa, CSV dễ dàng theo dõi những thông tin về CTĐT. Qua đó CTĐT được cựu SV tiếp cận và tham gia vào việc truyền thông cũng như cho ý kiến phản hồi góp phần phát triển CTĐT.

Để nhất quán trong quản lý, triển khai, điều hành và thực hiện dạy học một cách đồng bộ, các bộ phận phòng ban liên quan như PĐT, TTHL, TTQLCL, Trưởng KKHCT, Trưởng BM NNLCBCNML, trợ lý đào tạo K.KHCT đều có bản in toàn văn mô tả CTĐT.

Bản mô tả CTĐT cùng với đề cương chi tiết HP được công bố công khai trên website của Trường ĐHCT. Vì vậy, các BLQ như cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động,

GV, SV, cựu SV... đều có thể tiếp cận một cách dễ dàng và thuận tiện nhất [H1.01.01.03]; H1.01.03.08].

Nhờ vào việc số hóa và đa dạng trong kênh thông tin trong công tác công bố công khai bản mô tả CTĐT và đề cương học phần, các BLQ như cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, GV, NH, CSV, học sinh, phụ huynh... đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần một cách dễ dàng và thuận tiện nhất. Điều này góp phần rất lớn trong việc đảm bảo chất lượng thực hiện mục tiêu CTĐT. Ngoài ra, nhà tuyển dụng cũng có thể biết được nội dung NH đã và đang được đào tạo nhằm có kế hoạch tuyển dụng hợp lý. Hơn nữa, đây cũng là kênh thông tin để Nhà trường thực hiện việc rà soát, bổ sung điều chỉnh CTĐT, đề cương chi tiết học phần.

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT và các ĐCCT HP được công bố công khai tạo điều kiện thuận lợi cho NH và người dạy, cũng như người quản lý, người sử dụng lao động, cựu SV có thể tiếp cận và cập nhật dễ dàng để thuận tiện trong việc quản lý, tham khảo và phản hồi và đóng góp ý kiến xây dựng.

3. Điểm tồn tại

Hiện tại thông tin dùng để công khai bản mô tả CTĐT và ĐCCT HP chỉ phổ biến chủ yếu trong trang website nội bộ Trường chứ chưa phổ biến rộng rãi trên các kênh thông tin đại chúng khác.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm 2022, Trường ĐHCT tiến hành đa dạng hóa việc phổ quát CTĐT ngành TH đến các BLQ thông qua các kênh ngoài các trang website nội bộ trường.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 5.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Thông tin bản mô tả CTĐT ngành TH được công bố rõ ràng, đầy đủ và chi tiết. Trong quá trình đào tạo, đơn vị có quan tâm đến việc thường xuyên rà soát, cập nhật, bổ sung cập nhật CTĐT sao cho phù hợp xu thế phát triển của xã hội. Việc điều chỉnh, cập

nhật CTĐT được thực hiện dựa trên nguyên tắc xây dựng từ các BLQ như đối tượng NH, GV, NTD... Nội dung chương trình, các mục tiêu CDR được thể hiện rõ ràng trong bản mô tả CTĐT và được cụ thể hóa trong các ĐCCT HP theo đúng chuẩn quy định của Trường ĐHCT. Ngoài ra, mọi thông tin liên quan đến bản mô tả CTĐT (cấu trúc HP, nội dung đào tạo, phương thức kiểm tra đánh giá...) đều được công bố rộng rãi cho đối tượng NH để NH có thể tự lựa chọn lộ trình, kế hoạch học tập (KHHT) cho riêng mình trong từng năm học.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 2: Căn cứ vào kết quả TĐG các tiêu chí trên, Hội đồng TĐG chất lượng CTĐT ngành TH tự đánh giá tiêu chuẩn 2 có tất cả 3 tiêu chí đạt mức 5.

Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu:

Cấu trúc và nội dung CTDH ngành TH được xây dựng tuân thủ theo các văn bản quy định về xây dựng CTĐT của Trường ĐHCT, đảm bảo sự phù hợp, thống nhất với MTĐT và CDR của CTĐT. Nội dung của CTDH được thiết kế theo hướng hiện đại, phát triển năng lực và phẩm chất NH, phù hợp với nhu cầu thực tiễn xã hội. Các HP trong CTDH đều có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, đóng góp rõ ràng về những kết quả mong đợi đạt được trong CDR của CTĐT. Cấu trúc CTDH được thiết kế hợp lý và có tính hệ thống, có cấu trúc, trình tự logic theo hướng từ cơ bản đến chuyên sâu nhằm từng bước phát triển năng lực và phẩm chất của NH, thực hiện cam kết đạt CDR của CTĐT. Đồng thời, CTDH còn được rà soát, cập nhật thường xuyên theo quy định của Trường ĐHCT, nhằm đáp ứng nhu cầu thực tiễn xã hội và sự đổi mới của đất nước. CTDH ngành TH được thiết kế bao gồm mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể. Mục tiêu tổng quát nhấn mạnh việc đào tạo NH có kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành; có khả năng phát triển hệ thống kỹ năng, thái độ; hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện và phát triển các hoạt động nghề nghiệp trong bối cảnh đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế như hiện nay. Mục tiêu cụ thể giúp NH từng bước đạt được những nội dung được nêu trong mục tiêu tổng quát.

Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng

CTDH ngành TH được thiết kế nhằm đáp ứng MTĐT và CĐR của CTĐT về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân, được thể hiện rõ trong CTĐT ngành TH năm 2019 và năm 2020 [H1.01.01.02 (3,4)] và bản mô tả CTDH năm 2019, 2020 [H2.02.01.01], dựa trên những kỳ vọng của các BLQ về năng lực và phẩm chất của NH sau khi tốt nghiệp, thể hiện sự phù hợp với nhiệm vụ của KKHCT [H3.03.01.01] và tầm nhìn, sứ mệnh, chính sách ĐBCL của Trường ĐHCT [H1.01.01.05 (1)]. Đồng thời, CTDH phù hợp với Quy chế đào tạo theo học chế TC của BGDĐT ban hành năm 2014 [H3.03.01.02], Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà NH đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học [H3.03.01.03] và Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học [H3.03.01.04]. Cụ thể, CTDH năm 2019, 2020 được thiết kế để đáp ứng 19 CĐR của CTĐT ngành TH, bao gồm 10 CĐR về kiến thức (Kiến thức đại cương - 3 CĐR, kiến thức cơ sở ngành - 3 CĐR và kiến thức chuyên ngành - 4 CĐR), 6 CĐR về kỹ năng (Kỹ năng cứng - 4 CĐR, kỹ năng mềm - 2 CĐR) và 3 CĐR về thái độ/mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân [H1.01.01.02 (3,4)].

Nhằm đạt được các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng và thái độ của NH, CTDH năm 2019 và năm 2020 được thiết kế gồm 76 HP với tổng số 141 TC chia làm 3 khối kiến thức: 1) Khối kiến thức giáo dục đại cương (gồm 33 HP với 46 TC) - giúp NH tích lũy kiến thức nền về khoa học chính trị, khoa học xã hội và nhân văn, pháp luật, quốc phòng và an ninh, tin học, ngoại ngữ, tâm lý, rèn luyện thể chất, để giúp NH phát triển toàn diện; 2) Khối kiến thức cơ sở ngành (gồm 17 HP với 36 TC) - cung cấp cho NH các nền tảng kiến thức về khoa học tự nhiên và xã hội có liên quan đến TH, hình thành tư duy logic, kiến thức và kỹ năng NCKH, ngoại ngữ chuyên môn; và 3) Khối kiến thức chuyên ngành (gồm 26 HP với 59 TC) - giúp NH tích lũy kiến thức chuyên ngành về lĩnh vực TH. Đặc biệt, CTDH còn được thiết kế một số HP để giúp NH đạt được các kỹ năng cứng (kỹ năng làm việc độc lập, xây dựng kế hoạch và định hướng phát triển cho bản thân, kỹ năng phát triển chuyên môn, kỹ năng vận dụng kiến thức trong lĩnh vực chuyên ngành để phân tích các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội một cách có hiệu quả, kỹ năng giải quyết

các vấn đề lý luận và thực tiễn đang đặt ra trên cơ sở thế giới quan và phương pháp luận của TH, kỹ năng tự học tập nâng cao trình độ ...), kỹ năng mềm (kỹ năng hợp tác và làm việc nhóm, kỹ năng phân tích - tổng hợp - so sánh, kỹ năng giao tiếp và thuyết trình, kỹ năng sử dụng thiết bị công nghệ thông tin...), mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân của NH theo yêu cầu của CĐR, tiêu biểu như: xây dựng lập trường tư tưởng vững vàng; hình thành thái độ làm việc chuyên nghiệp, tự tin, trách nhiệm với công việc cần làm, tinh thần kỷ luật, sống và làm việc theo pháp luật, thực hiện các quy định về đạo đức nghề nghiệp [H2.02.01.01 (1-2)]. Đặc biệt, kiến thức về chuyên ngành, CTĐT đã thiết kế tăng về số TC như Bảng 3.1, Phụ lục 4).

Cụ thể, CTĐT K45 đã thiết kế tăng thêm 9 HP mới (18 TC) so với CTĐT cũ. Những HP mới này đã góp phần cập nhật kiến thức chuyên ngành và phong phú trong lựa chọn nghề nghiệp của NH (Xem Bảng 3.2, Phụ lục 4).

Bên cạnh đó, CTDH ngành TH hiện hành còn có sự thay đổi về HP điều kiện. Trong CTDH trước đây, chỉ tồn tại HP tiên quyết. Với CTDH hiện nay, nhằm tạo điều kiện cho NH linh hoạt, chủ động hơn trong sắp xếp KHHT cũng như trong tiếp thu kiến thức, BMTH đã chuyển một số HP tiên quyết thành HP song hành [H1.01.01.02 (3)]. Trên cơ sở đó, NH có thể chủ động hơn trong việc lập KHHT.

Để việc thiết kế CTDH đáp ứng được CĐR của CTĐT ngành TH, KKHCT và Trường ĐHCT đã triển khai nhiều hoạt động như: lập kế hoạch điều chỉnh và hướng dẫn điều chỉnh CTĐT [H1.01.01.11 (1,2)]; lập kế hoạch tập huấn hướng dẫn điều chỉnh CTĐT và ĐCCT HP cho phù hợp với CĐR [H3.03.01.05], thông báo kế hoạch biên soạn đề cương, phân công viết đề cương [H3.03.01.06 (1,2,3)]; thẩm định, thông qua ĐCCT HP [H3.03.01.07 (1,2); H1.01.01.15; H1.01.01.16]; xây dựng ma trận và bản mô tả HP [H1.01.02.04; H2.02.01.01 (1,2)]. Bên cạnh đó, để việc thiết kế CTDH đáp ứng những yêu cầu của CĐR, Trường ĐHCT đã cử nhiều GV tham dự các lớp tập huấn, hội thảo [H3.03.01.08 (1-4); H2.02.01.05], nhằm cập nhật kiến thức, kỹ năng SP, xu hướng đào tạo nguồn nhân lực theo nhu cầu thực tiễn xã hội, làm cơ sở cho việc biên soạn và thiết kế các đề cương HP trong CTDH đáp ứng CĐR của CTĐT.

Để đảm bảo NH sau khi tốt nghiệp đạt được tất cả các CĐR của CTĐT, ĐCCT HP được thiết kế bao gồm các hoạt động dạy và học, PP dạy và học, hoạt động kiểm tra, đánh

giá NH đều hướng đến việc giúp NH đạt được CĐR của từng HP. Cụ thể: nội dung dạy và học được chi tiết hóa trong mục số 7 của ĐCCT HP, được thống nhất giữa GV và NH; PPGD được thể hiện ở mục số 8, phương pháp đánh giá KQHT của NH được thể hiện ở mục số 10 [H1.01.01.05 (9); H1.01.01.03]. Kết quả thống kê từ 76 HP trong CTĐT ngành TH cho thấy, GV đã áp dụng 12 tổ hợp phương pháp dạy học, bao gồm: (1) Diễn giảng kết hợp với liên hệ thực tế; (2) Sử dụng câu hỏi 5W và 1H; (3) Đàm thoại/vấn đáp kết hợp thảo luận và báo cáo nhóm/phân tích, đánh giá; (4) Thuyết trình; (5) Dạy học nêu vấn đề/tình huống/hợp tác/khám phá; (6) Trực quan; (7) Thực hành; (8) Bài tập cá nhân; (9) Tự học; (10) Tổ chức hoạt động/Đóng vai; (11) Minh họa/biểu diễn; (12) Trải nghiệm/tham quan và báo cáo thực tế. Trong đó, mỗi HP có thể áp dụng nhiều PPDH khác nhau, phù hợp với nhiều loại hình học tập, tri thức khác nhau nhằm đạt được các CĐR của CTĐT [H1.01.01.05 (9); H1.01.01.03; H1.01.01.02 (3,4); H2.02.01.01 (1-2)]. GV cũng đã áp dụng 7 thành tố để đánh giá kết quả quá trình học tập của NH, bao gồm: (1) Kiểm tra giữa kỳ; (2) Kiểm tra cuối kỳ (Tự luận/trắc nghiệm/thực hành/thuyết trình); (3) Chuyên cần; (4) Tham gia bài học, phát biểu cá nhân/trình bày sản phẩm làm việc nhóm/bài tập nhóm/trình bày miệng/vấn đáp; (5) Ghi chép, viết báo cáo, phản hồi, thực hành/kỹ năng /bài thu hoạch, bài học chiêm nghiệm (viết nhật ký); (6) Bài tập cá nhân/bài tập online; (7) Thái độ làm việc trung thực, tự tin/ hòa nhã, giúp đỡ mọi bạn bè/cách xử lý công việc. Trong đó, mỗi HP có thể áp dụng các phương pháp đánh giá khác nhau [H1.01.01.05 (9); H1.01.01.03; H1.01.01.02 (3,4); H2.02.01.01 (1-2)].

Trường ĐHCT cũng đã xuất bản quyển “Sổ tay giảng viên”, trong đó cung cấp nhiều nội dung liên quan đến PPGD, phương pháp đánh giá KQHT, cách sử dụng các công cụ và phần mềm để thiết kế bài giảng... nhằm giúp cho GV giảng dạy và hướng dẫn SV đạt được các CĐR của HP trong CTDH [H3.03.01.09]. Ngoài ra, PPGD, học tập, phương pháp kiểm tra, đánh giá KQHT của NH còn được xác định thông qua giáo trình, bài giảng của GV trên lớp [H3.03.01.10, H3.03.01.11].

Kết quả đánh giá của cựu SV về CTĐT, trong đó có những nội dung liên quan đến CTDH đã được thu thập, thống kê [H1.01.01.18-19]. Kết quả khảo sát cho thấy, các ý kiến phản hồi có liên quan đến CTDH đều được CSV đánh giá cao [H3.03.01.12].

2. Điểm mạnh

- CTDH đã được thiết kế dựa trên CDR của CTĐT ngành TH, đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ giữa CTDH, CDR và MTĐT.

- ĐCCT các HP được thiết kế có cấu trúc và nội dung hợp lý, đồng bộ với CDR trong CTĐT, giúp NH đạt được các CDR của CTĐT sau khi tốt nghiệp.

- Nội dung dạy và học, PPGD, hoạt động kiểm tra, đánh giá KQHT của NH đều được thể hiện rõ ràng trong ĐCCT các HP, giúp NH có thể đạt được các CDR của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Không có điểm tồn tại trong thiết kế CTDH và CDR. CTĐT hiện hành mới thực hiện hơn 2 năm, một số HP mới chưa đến thời điểm thực hiện nên chưa rút được kinh nghiệm.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm 2022, BMTH và KKHCT sẽ tiến hành rà soát, kiểm tra những HP mới được bổ sung trong CTĐT, ít nhất 1 lần/1 HK để đảm bảo sự tương thích giữa CTDH và CDR.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 6.

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng.

1. Mô tả hiện trạng

Các HP trong CTDH ngành TH đều có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi HP nhằm đạt được CDR của CTĐT. Mỗi HP được xây dựng căn cứ vào CDR của CTĐT về cả kiến thức, kỹ năng và thái độ của NH. Các HP được lựa chọn một cách khoa học, chặt chẽ, phù hợp với MTĐT và CDR của ngành học, có tham khảo CTDH và ĐCCT HP của các đơn vị đào tạo có uy tín trong nước [H2.02.01.01 (1,2)]. ĐCCT của các HP được xây dựng dựa trên CDR của CTĐT và được cụ thể hóa bằng CDR các HP thể hiện thông qua nội dung, cấu trúc HP. Mức độ đóng góp của mỗi

HP trong việc giúp NH đạt được CĐR của CTĐT được thể hiện rõ ràng trong ma trận mối quan hệ giữa các HP với CĐR và được trình bày trong bản mô tả CTĐT và CTDH [H2.02.01.01 (1,2)]. Hình 3.1 là một ví dụ minh họa cho thấy mối liên hệ và mức độ đóng góp của các HP đối với CĐR của CTĐT ngành TH.

Hình 3. 1. Minh họa sự đóng góp của HP nhằm đạt được các CĐR của CTĐT

Học phần			Chuẩn đầu ra (3)																							Năng lực tự chủ và trách nhiệm (3.3)		
			Kiến thức (3.1)										Kỹ năng (3.2)															
			Khởi kiến thức giáo dục đại cương (3.1.1)			Khởi kiến thức cơ sở ngành (3.1.2)			Khởi kiến thức chuyên ngành (3.1.3)				Kỹ năng cứng (3.2.1)					Kỹ năng mềm (3.2.2)										
TT	MSHP	Tên học phần	a	b	c	a	b	c	a	b	c	d	e	a	b	c	d	e	a	b	c	d	a	b	c			
Khởi kiến thức cơ sở ngành																												
34	ML198	Anh văn chuyên môn khoa học lý luận chính trị 1				X	X						X					X	X	X		X						
35	ML199	Anh văn chuyên môn khoa học lý luận chính trị 2				X	X						X					X	X	X		X						
36	ML196	Pháp văn chuyên môn khoa học lý luận chính trị 1				X	X						X					X	X	X		X						
37	ML197	Pháp văn chuyên môn khoa học lý luận chính trị 2				X	X						X					X	X	X		X						
38	ML223	Phương pháp nghiên cứu khoa học lý luận chính trị					X	X					X					X	X	X		X	X		X	X		
39	SP023	Lịch sử Việt Nam đại cương																										
40	SP234	Lý luận và lịch sử tôn giáo																										
41	ML123	Triết học trong khoa học tự nhiên				X	X	X					X	X				X	X				X	X				
42	XH016	Mỹ học đại cương																										
43	ML312	Đạo đức học				X							X	X	X			X	X				X	X	X	X		
44	ML358	Chính trị học				X											X	X	X			X	X	X	X	X		
45	ML225	Phương thức sản xuất châu Á					X						X	X	X			X					X					
46	ML316	Những vấn đề thời đại ngày nay				X	X						X	X				X	X				X			X		
47	ML227	Thực tế ngoài trường khoa học chính trị				X	X	X					X	X	X			X	X	X	X		X	X	X	X		
48	ML007	Logic học đại cương					X						X			X		X	X				X	X		X		
49	ML346	Logic biện chứng				X	X						X			X		X	X					X	X	X		
50	ML209	Học thuyết về nhà nước và nhà nước pháp quyền của chủ nghĩa Mác-Lênin					X						X	X	X			X	X				X	X	X	X		
Khởi kiến thức chuyên ngành																												
51	ML210	Lịch sử triết học Ấn Độ - cổ trung đại							x					X				X							X			
52	ML215	Lịch sử triết học Trung Hoa - cổ trung đại							x								X						X					
53	ML212	Lịch sử triết học Hy Lạp - La Mã cổ đại							X									X	X							X		
54	ML214	Lịch sử triết học Tây Âu thời trung cổ							X					X			X		X	X								

(Nguồn: Ma trận mối quan hệ giữa các HP với CĐR của CTĐ ngành Triết học)

Các HP được sắp xếp một cách hợp lý, khoa học theo mức độ kiến thức từ thấp đến cao qua mỗi học kỳ giúp NH đạt được CĐR, trong đó có các HP tiên quyết, các HP bắt buộc, các HP tự chọn, các học phần song hành và các HP điều kiện được thể hiện qua Sơ đồ tuyển HP ngành TH [H3.03.02.01 (1,2)]. Đối với các HP điều kiện (Giáo dục thể chất, Tin học và Ngoại ngữ), nhằm tăng tính linh hoạt, NH có thể hoàn thành các HP điều kiện này nếu có các chứng chỉ tương đương theo quy định của Trường (nhận điểm M tương ứng) [H2.02.01.04 (1,2)] hoặc đăng ký học như các HP khác.

Theo mẫu ĐCCT HP của nhà Trường năm 2018, mỗi HP đều có các mục tiêu và CĐR được thiết kế nhằm đạt được một số CĐR của CTĐT, trong đó có đối chiếu rõ ràng từng mục tiêu và CĐR của HP với từng CĐR của CTĐT [H2.02.02.01]. Cấu trúc nội dung HP, PPGD, hoạt động đánh giá KQHT của NH đều được xây dựng hướng đến việc giúp NH đạt được CĐR của từng HP. Các HP đều đảm bảo sự tương thích giữa CĐR HP

với PPGD và phương pháp đánh giá HP. Các PPGD được sử dụng rất đa dạng, từ diễn giảng, thuyết trình, đàm thoại, vấn đáp, dạy học nêu vấn đề, dạy học tình huống... đến việc cho SV tự học, tự nghiên cứu, làm bài tập cá nhân, đóng vai, trải nghiệm... Các phương pháp kiểm tra/đánh giá KQHT được thiết kế nhằm kiểm tra mức độ đạt được của NH thông qua việc đánh giá thường xuyên trong suốt quá trình học và đánh giá định kỳ, tất cả đều được thể hiện trong ĐCCT các HP [H1.01.01.05 (9); H1.01.01.03] và được minh họa cụ thể trong Bảng 3.3, Phụ lục 4. Bên cạnh đó, trong từng học kỳ của năm học, TTQLCL của Trường đều gửi công văn đến các đơn vị đào tạo trong Trường thực hiện công tác lấy ý kiến phản hồi từ NH trực tuyến về hoạt động giảng dạy của GV [H3.03.02.02 (1-17)]. Sau đó, xử lý số liệu và thông báo kết quả về ý kiến phản hồi của SV đến lãnh đạo đơn vị và GV phụ trách HP [H3.03.02.03 (1-10); H3.03.02.04 (1-5)]. Trên cơ sở các ý kiến của SV, GV tự điều chỉnh nội dung, PPGD, phương pháp kiểm tra, đánh giá để đạt được CĐR của HP. Quản lý đơn vị nắm được tình hình giảng dạy của GV, từ đó có kế hoạch kịp thời nhằm giúp GV hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Nội dung các HP trong CTDH ngành TH đều đạt yêu cầu của CĐR và các HP được thiết kế dựa trên CĐR thông qua ma trận về mối quan hệ giữa các HP và CĐR của CTĐT [H1.01.01.02 (3,4); H2.02.01.01 (1,2)]. CĐR của mỗi HP trong CTDH đều được thiết kế phù hợp và đáp ứng CĐR của CTĐT với các mục tiêu rõ ràng, nội dung và cấu trúc HP hợp lý, các PPGD, PP đánh giá KQHT của NH phù hợp. Sự đóng góp của tất cả các HP trong CTDH đều có giá trị nhằm góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CĐR của HP và CĐR của CTĐT. Chi tiết về các HP có nội dung, PP dạy và học, PP đánh giá đáp ứng các CĐR của CTĐT năm 2019 và năm 2020 về kiến thức, kỹ năng và mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân của NH được thể hiện ở Bảng 3.3, Phụ lục 4.

CTDH ngành TH đã được xây dựng dựa trên CĐR của CTĐT, trên cơ sở khảo sát và lấy ý kiến các BLQ về CTĐT. Đồng thời, Trường ĐHCT cũng đã quảng bá ngành đào tạo TH trên các tờ rơi, tài liệu quảng bá về thông tin tuyển sinh của Trường hàng năm [H3.03.02.05 (1-4)], hay trên website của Trường [H1.01.01.05 (4,7)]. BMTH và KKHCT cũng giới thiệu về ngành đào tạo trên website của Khoa [H3.03.01.01]. ĐCCT các HP cũng được rà soát, điều chỉnh, cập nhật căn cứ trên sự phản hồi của các BLQ, từ

đó Hội đồng Khoa lập kế hoạch rà soát, điều chỉnh và thông qua ĐCCT HP [H3.03.01.06 (1,2), H3.03.01.07 (1,2)].

2. Điểm mạnh

- Các HP trong CTDH đều có sự tương thích về nội dung và đóng góp cụ thể cho từng khối kiến thức, kỹ năng, thái độ để đạt được CĐR của CTĐT ngành TH.

- ĐCCT của các HP được thiết kế rõ ràng từ mục tiêu, CĐR HP đều hướng tới đạt được CĐR của CTĐT. Nội dung HP và đánh giá KQHT của SV đều hướng tới đạt được CĐR của HP.

- Bảng ma trận về mối quan hệ giữa các HP và CĐR được trình bày rõ ràng, thể hiện mức độ đóng góp của từng HP vào việc thực hiện các CĐR của CTĐT.

- Các HP trong CTDH thường xuyên được rà soát, điều chỉnh cho phù hợp với nhu cầu thực tiễn xã hội và phù hợp với chuyên môn TH.

3. Điểm tồn tại

BMTH đã lấy ý kiến của các BLQ về CTĐT trong đó có những nội dung liên quan đến CTDH. Tuy nhiên, việc lấy ý kiến các BLQ về CTDH chưa được thực hiện thường xuyên hàng năm.

4. Kế hoạch hành động

- Bắt đầu từ năm 2022, mỗi năm một lần, BMTH và KKHCT sẽ chủ động triển khai đồng bộ việc lấy ý kiến các BLQ (bao gồm các NTD, GV, cựu SV và SV đang học tại Trường) về cấu trúc và nội dung của CTDH ngành TH bằng hình thức gửi phiếu khảo sát trực tuyến (google form) hoặc trực tiếp.

- Trên cơ sở kết quả khảo sát ý kiến của các BLQ về CTDH, BMTH và KKHCT sẽ tiếp tục điều chỉnh CTDH, ĐCCT HP phù hợp với nhu cầu thực tiễn xã hội.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 6.

Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.

1. Mô tả hiện trạng

CTDH ngành TH được thiết kế gồm ba khối kiến thức có cấu trúc và tỷ lệ phân bổ hợp lý, cân đối giữa lý thuyết và thực hành, có tính tích hợp liên môn. Trong mỗi khối kiến thức đều có các HP bắt buộc để NH tích lũy những kiến thức cốt lõi của ngành học ở từng khối kiến thức và các HP tự chọn khá phong phú nhằm đáp ứng nhu cầu chọn lựa của NH theo định hướng phát triển năng lực cá nhân. Chi tiết về tỷ lệ các khối kiến thức, số TC bắt buộc và tự chọn, số giờ lý thuyết và thực hành trong CTDH ngành TH được thể hiện trong Bảng 3.4, Phụ lục 4.

Việc thiết kế ba khối kiến thức giáo dục đại cương - cơ sở ngành - chuyên ngành theo trình tự tiếp thu kiến thức, rèn luyện kỹ năng từ đơn giản đến phức tạp, hình thành thái độ đúng đắn, đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các HP và sự thống nhất của cả CTĐT, điều này được thể hiện chi tiết trong sơ đồ CTDH ngành TH [H3.03.03.01 (1,2)].

Kết quả đánh giá của cựu SV liên quan đến cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp của CTDH [H1.01.01.18-19] cho thấy có 16% ý kiến đánh giá rất tốt và 58% ý kiến đánh giá là tốt [H3.03.01.12].

Các HP trong CTDH được bố trí hợp lý theo từng học kỳ, mức độ tiếp nhận kiến thức, kỹ năng từ thấp đến cao và tăng dần qua mỗi học kỳ, nhằm đạt được toàn bộ CDR của CTĐT [H3.03.02.01 (1,2)]. Các HP thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương được dạy trong các học kỳ đầu để trang bị kiến thức nền tảng cho NH, từ đó NH có thể phát triển các kiến thức, kỹ năng chuyên biệt vào các học kỳ tiếp theo. Để NH tiếp thu được kiến thức một cách hợp lý, khoa học, ngay từ khi bắt đầu nhập học năm thứ nhất, BMTH và CVHT đã xây dựng KHHT toàn khóa và gửi cho SV [H3.03.03.02 (1-6)]. Trên cơ sở KHHT toàn khóa và CTĐT theo hệ thống TC, SV có thể chủ động về quá trình học và thời gian học sao cho phù hợp với năng lực học tập và khả năng tài chính của cá nhân.

CTDH ngành TH được thiết kế rất rõ ràng, hợp lý và khoa học, ngoài các HP bắt buộc và các HP tự chọn còn có các HP tiên quyết, các HP song hành và các HP điều kiện [H1.01.01.02 (3,4)]. Các HP tiên quyết nhằm giúp NH tích lũy kiến thức nền, kiến thức

cần thiết cho những HP chuyên sâu hơn. Trình tự các HP tiên quyết và HP có yêu cầu kiến thức tiên quyết được thiết kế hợp lý để NH có thể lập KHHT không vượt số TC tối đa (25 TC trong mỗi học kỳ) [H3.03.03.03 (1-4)], đảm bảo NH có thể tích lũy đồng thời đủ điều kiện đăng ký các HP chuyên ngành vào các học kỳ sau. Các HP song hành là các HP có những phần nội dung kiến thức và kỹ năng liên quan chặt chẽ với nhau. Các HP điều kiện là yêu cầu bắt buộc về CĐR theo quy định của BGD & ĐT. Bên cạnh đó, nội dung một số HP có tính tích hợp cao, tích hợp cả lý thuyết lẫn thực hành nhằm giúp NH có điều kiện củng cố và áp dụng kiến thức đã học, rèn luyện các phẩm chất nghề nghiệp để giải quyết các vấn đề thực tiễn.

CTDH và ĐCCT HP thường xuyên được rà soát, cập nhật, bổ sung 1 - 2 năm/lần. Riêng CTĐT được điều chỉnh theo định kỳ 5 năm/lần. Cụ thể: Năm 2013, Trường ĐHCT thực hiện rà soát và điều chỉnh lớn về CTĐT nhằm điều chỉnh lại KQHT mong đợi - CĐR của CTĐT để hướng tới mục tiêu có thể đo lường được việc có đạt được CĐR hay không [H1.01.02.01], từ đó tiến hành thẩm định CTĐT vừa được điều chỉnh, cập nhật và biên soạn ĐCCT HP, thông qua ĐCCT HP và ban hành CTĐT vào năm 2014. Chuyên ngành TH khóa đầu tiên (khóa 40) của Trường ĐHCT được tuyển sinh vào năm 2014 [H1.01.01.01; H1.01.01.02 (1)], chính vì thế, BMTH và KKHCT xây dựng CTĐT và biên soạn ĐCCT HP theo đúng chủ trương điều chỉnh của nhà trường [H1.01.01.02 (1); H1.01.01.05 (9)].

Đến năm 2015, dựa trên Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/04/2015 Ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà NH đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của GDĐH và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT trình độ đại học, ThS, TS [H3.03.01.03]; căn cứ vào Hướng dẫn 3281/BGDĐT-GDĐH về việc hướng dẫn tổ chức thực hiện một số nội dung liên quan đến thẩm định CTĐT theo quy định của Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT [H3.03.03.04] và Biên bản cuộc họp Hội đồng Khoa học và đào tạo trường mở rộng năm 2015 [H3.03.03.05], trong đó có đề cập đến vấn đề nhiều SV tốt nghiệp còn yếu về kỹ năng mềm nên cần tăng cường công tác đào tạo kỹ năng mềm cho NH. Trên cơ sở đó, Trường ĐHCT đã tiến hành rà soát lại CTĐT và ra Quyết định 5002/QĐ-ĐHCT về việc ban hành CTĐT vào ngày 31/12/2015 [H1.01.01.02 (2)].

Đến năm 2017, Trường ĐHCT đã ra Công văn số 1657/ĐHCT về việc kiểm tra, điều chỉnh, bổ sung ĐCCT HP thuộc CTĐT trình độ đại học hệ chính quy [H3.03.01.06 (3)]. Đến năm 2018, Trường ĐHCT lại tổ chức rà soát và điều chỉnh toàn bộ các CTĐT trình độ đại học [H3.03.01.05]. Trường ĐHCT cũng đã ra Quyết định số 4225/QĐ-ĐHCT về việc thành lập Ban Chỉ đạo điều chỉnh CTĐT trình độ đại học và sau đại học của Trường ĐHCT, Quyết định số 4235/QĐ-ĐHCT về việc thành lập Tổ Thư ký và các Tổ Điều chỉnh CTĐT trình độ ĐH, Kế hoạch 2222/KH-ĐHCT và Hướng dẫn 2223/ĐHCT về điều chỉnh CTĐT trình độ ĐH [H1.01.01.07; H1.01.01.08; H1.01.01.11 (1,2)]. BMTH và KKHCT cũng đã tổ chức các cuộc họp để điều chỉnh CTĐT [H1.01.01.13; H1.01.02.03]. Sau đó, Trường ĐHCT ra Quyết định ban hành CTĐT bao gồm cả CTDH vào ngày 31/07/2019 để áp dụng cho khóa 45 [H1.01.01.02 (3)]. Trong đợt điều chỉnh này, rất nhiều môn học đã được bổ sung vào CTDH ngành TH, trong đó có HP kỹ năng mềm (KN001) [H3.03.03.06].

CTDH ngành TH trước khi được điều chỉnh đều có tham khảo, đối sánh với CTDH của các trường đại học có uy tín trong nước như Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn Hà Nội và Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh [H2.02.01.01 (1,2)], [H3.03.03.07]. Ngoài ra, CTDH ngành TH của Trường ĐHCT còn được thiết kế mở và hội nhập để giúp những SV có điều kiện học tập thực tế ngắn hạn tại nước ngoài. Cụ thể là: những SV có khả năng giao tiếp tốt bằng tiếng Anh có cơ hội được tham gia vào các chương trình giao lưu trao đổi SV nước ngoài tại các trường đại học ở các nước Đông Nam Á, đặc biệt là Thái Lan [H3.03.03.08 (1-11)], [H3.03.03.09 (1-3)]. Tùy theo chương trình và thời gian học tập ngắn hạn ở nước ngoài của SV để xét miễn và công nhận điểm các HP về TT thực tế ngoài trường (như ML227) trong CTDH [H3.03.03.10 (1-2)].

2. Điểm mạnh

- CTDH được thiết kế khoa học, hợp lý về tỷ lệ giữa các khối kiến thức, giữa lý thuyết và thực hành. Đồng thời, có nhiều HP tự chọn, giúp NH phát triển những năng lực phù hợp với bản thân.

- Các HP trong CTDH ngành TH được cấu trúc và bố trí hợp lý giữa các khối kiến thức, đảm bảo sự logic về trình tự lĩnh hội kiến thức, kỹ năng từ thấp đến cao theo hướng phát triển năng lực và phẩm chất NH.

- CTDH và ĐCCT HP thường xuyên được rà soát, cập nhật, điều chỉnh, bổ sung theo định kỳ và có sự tham khảo CTDH của các trường đại học có uy tín về đào tạo ngành TH trước khi điều chỉnh.

3. Điểm tồn tại

- Chưa giảng dạy đầy đủ các HP mới bổ sung do CTĐT thiết kế từ K45 mới giảng dạy được 4 HK.

- Việc tham khảo và đối sánh với CTDH ngành TH của các trường đại học có uy tín trong nước chưa thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

- Khi giảng dạy các HP mới, BM sẽ tăng cường việc kiểm tra hoạt động dạy và đánh giá; đồng thời, tham khảo ý kiến đánh giá của NH về hoạt động giảng dạy. Từ đó, đến năm 2023, khi CTĐT K45 kết thúc quá trình đào tạo, BMTH sẽ tiến hành khảo sát cụ thể để đánh giá tổng thể CTĐT để có sự cập nhật, bổ sung và điều chỉnh CTDH ngày càng tốt hơn.

- Năm 2022, BMTH và KKHCT sẽ chủ động tiếp tục liên hệ với các trường đại học trong nước có đào tạo chuyên ngành TH để chia sẻ và hợp tác xây dựng CTĐT. Qua đó, có thể tiếp cận, cập nhật CTDH của các trường này để làm cơ sở tham khảo, đối sánh khi điều chỉnh CTĐT ngành TH, tăng cường tính hiệu quả mang lại chất lượng đào tạo cho ngành.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 6.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

CTDH ngành TH được thiết kế logic, có tính tích hợp cao và dựa trên CĐR nên đáp ứng được mong đợi của CTĐT. Trong đó, mỗi HP đều đóng góp rõ ràng về những kết quả mong đợi đạt được trong CĐR. ĐCCT của các HP trong CTDH được thiết kế rõ ràng

thể hiện từ mục tiêu đến CĐR HP đều hướng tới đạt được CĐR của CTĐT. CTDH và ĐCCT HP thường xuyên được rà soát, cập nhật, điều chỉnh, bổ sung theo định kỳ nhằm phù hợp với nhu cầu thực tiễn của xã hội và phù hợp với chuyên môn TH. Tuy nhiên, vẫn còn một số điểm tồn tại cần khắc phục trong đợt điều chỉnh CTDH tiếp theo như: việc lấy ý kiến các BLQ về CTDH chưa được thực hiện thường xuyên hàng năm; việc tham khảo và đối sánh với CTDH ngành TH của các trường đại học có uy tín trong nước chưa thường xuyên, liên tục. Vì thế, để khắc phục những tồn tại này, bắt đầu từ năm 2022, BMTH và KKHCT sẽ triển khai thực hiện đồng bộ và thường xuyên các công việc sau: tổ chức lấy ý kiến góp ý, phản hồi đồng bộ các BLQ mỗi năm một lần để làm cơ sở cho việc điều chỉnh CTDH và ĐCCT HP phù hợp với nhu cầu thực tiễn xã hội hơn; tăng cường hợp tác với các đối tác là các trường đại học uy tín trong nước để chia sẻ và hợp tác xây dựng CTĐT nhằm tiếp cận, cập nhật CTDH của các trường này làm cơ sở tham khảo, đối sánh khi điều chỉnh CTĐT ngành TH.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 3: Căn cứ vào kết quả TĐG các tiêu chí trên, Hội đồng TĐG chất lượng CTĐT ngành TH tự đánh giá tiêu chuẩn 3 có tất cả 3 tiêu chí đạt mức 6.

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mở đầu:

Để thực hiện tốt sứ mệnh của mình, giáo dục và đào tạo cần có những đổi mới, trong đó đổi mới phương pháp tiếp cận trong dạy và học là một trong những nhiệm vụ trọng tâm hiện nay mà Trường ĐHCT và ngành TH đang thực hiện. MTĐT của ngành TH được thiết kế dựa trên nguyên lý giáo dục đã được Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 xác định “học đi đôi với hành, lý luận gắn liền với thực tiễn” [H4.01.01.01] và quan điểm dạy học kiến tạo, lấy NH làm trung tâm của quá trình dạy học. MTĐT của ngành được thể hiện qua các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR. Chính những hoạt động dạy học này được thể hiện rõ ràng trong ĐCCT HP, trong đó thể hiện các PPDH rất phong phú, đa dạng, mang cả màu sắc đặc thù của lĩnh vực chuyên môn lẫn xu hướng đổi mới PPDH hiện nay. Các hoạt động tự học được đề cao, được hướng dẫn trong mục “Hướng dẫn SV tự học” của ĐCCT HP. Thông qua đó, SV được rèn luyện các

kỹ năng thiết yếu hay những kỹ năng mềm nhằm nâng cao kỹ năng tự học và khả năng học tập suốt đời.

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan.

1. Mô tả hiện trạng

Thời gian trước, Trường ĐHCT sử dụng Mục tiêu giáo dục được quy định theo Luật giáo dục số 43/2019/QH14, có ghi rõ ở Điều 3 trang 1: “Hoạt động giáo dục phải được thực hiện theo nguyên lý học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, lý luận gắn liền với thực tiễn, giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội” và mục tiêu GDĐH Điều 39 trang 15: “Đào tạo nhân lực trình độ cao, nâng cao dân trí và bồi dưỡng nhân tài; NCKH và công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh hội nhập quốc tế. Đào tạo NH về đức, trí, thể, mỹ; có tri thức, kỹ năng, trách nhiệm nghề nghiệp; có khả năng nắm bắt tiến bộ khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo, khả năng tự học, sáng tạo, thích nghi với môi trường làm việc; có tinh thần lập nghiệp, ý thức phục vụ Nhân dân” [H4.04.01.01].

Mục tiêu giáo dục của Trường đã được thể hiện trong quyết định Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của ĐHCT [H4.04.01.01] và Báo cáo thường niên của Trường [H1.01.01.05 (1-4)]. Ngoài ra, mục tiêu giáo dục của Trường còn được thể hiện trong Báo cáo TĐG chất lượng Trường ĐHCT tháng 6 năm 2017 [H4.04.01.02] và Đề án Quy hoạch phát triển Trường ĐHCT trọng điểm đến 2020 (ban hành kèm theo Quyết định số 6004/QĐ-BGDĐT, ngày 21/09/2007 của Bộ trưởng BGDĐT); Đề án điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển tổng thể Trường ĐHCT trọng điểm đến năm 2022, tầm nhìn 2030 [H4.04.01.03]. Trong đó, vào năm 2007, mục tiêu xây dựng, phát triển Trường ĐHCT được tuyên bố là: “Trường ĐHCT cần được tiếp tục xây dựng, phát triển thành một trung tâm Đào tạo - Nghiên cứu và Chuyển giao khoa học công nghệ (KH-CN) mạnh của vùng ĐBSCL, phấn đấu để năng lực, trình độ đào tạo và nghiên cứu - chuyển giao khoa học công nghệ đạt trình độ chung của các trường đại học trong khu vực và thế giới đối với một số ngành mũi nhọn vào năm 2020. Thông qua hoạt động của mình, nhà trường phải góp phần ngày càng hữu hiệu vào sự nghiệp phát triển khoa học công nghệ, đào tạo nhân

lực, bồi dưỡng nhân tài, nâng cao dân trí, phát triển văn hóa xã hội của vùng, phải trở thành nhân tố động lực có ảnh hưởng mang tính quyết định đối với toàn bộ sự phát triển vùng ĐBSCL với các mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế - xã hội chủ yếu đã xác định cho giai đoạn tới năm 2010 và thời kỳ tới năm 2020. Đến năm 2015 trở về sau, Trường ĐHCT sẽ trở thành một trong những trường có chất lượng đào tạo ngang với các trường tiên tiến khu vực Đông Nam Á và là một trung tâm đào tạo mạnh cho các nước trong lưu vực sông Mê Kông”.

Vào các năm 2014 và 2019, trong các Đề án phát triển Trường ĐHCT nói trên, mục tiêu của Trường về cơ bản không thay đổi, chỉ điều chỉnh mốc thời gian cho phù hợp với tình hình thực tế. Tháng 10 năm 2020, mục tiêu giáo dục của Trường được điều chỉnh theo Quyết định số 3627/QĐ-ĐHCT, ngày 27/10/2020 của Hiệu trưởng: “Đào tạo nhân lực trình độ cao, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; NCKH và công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, hội nhập quốc tế. Đào tạo NH phát triển toàn diện về đức, trí, thể, mỹ; có tri thức, kỹ năng, trách nhiệm nghề nghiệp; có khả năng nắm bắt tiến bộ khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo, khả năng tự học, sáng tạo, thích nghi với môi trường làm việc; có tinh thần lập nghiệp, có ý thức phục vụ Nhân dân” [H4.04.01.04].

Trong những ngày đầu thực hiện theo hệ thống TC năm học 2007 và tiếp theo những năm sau này, Trường ĐHCT căn cứ Quy chế 43/2007/QĐ-BGDĐT, Thông tư 57/2012/TT-BGDĐT và Văn bản hợp nhất 17/VBHN-BGDĐT và điều kiện thực tế của Trường cụ thể hoá các nội dung có liên quan thành “Quy định công tác học vụ” và được phổ biến trên website của Trường/Văn bản [H3.03.03.03 (1-4)]. Ngoài ra, để đáp ứng mục tiêu giáo dục đào tạo theo hệ thống TC, Trường xuất bản “Sổ tay giảng viên” để giúp GV hiểu rõ quy định về học chế TC, PPGD và các công cụ hỗ trợ giảng dạy [H3.03.01.09], đồng thời trong sổ tay ĐBCL giáo dục về chương trình có hướng dẫn viết MTĐT [H4.04.01.05 (1,2)]. Mục tiêu giáo dục của Trường được tất cả các CB, GV, NH thực hiện thông qua việc xây dựng ĐCCT, và sử dụng ĐCCT trong suốt quá trình học tập của từng HP và được công bố trên website của Trường [H1.01.01.03].

Năm 2014, khi mở ngành đào tạo TH, Khoa KHCT và BM đã dựa trên mục tiêu giáo dục của Trường, để cụ thể hóa mục tiêu giáo dục của ngành TH là “Đào tạo cử nhân

TH có phẩm chất chính trị tốt, yêu nước, yêu nghề; có đạo đức nghề nghiệp với tư duy năng động, sáng tạo; có tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật; có sức khỏe để phục vụ ngành nghề. Trang bị cho người học có kiến thức chuyên sâu về TH giúp SV nắm vững lập trường, quan điểm, phương pháp tư duy khoa học duy vật biện chứng. Trên cơ sở đó, SV vận dụng tốt những kiến thức TH vào lý giải các vấn đề lý luận và thực tiễn của thời đại, đất nước và của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Sau khi tốt nghiệp, SV có thể làm việc trong các tổ chức xã hội - chính trị; trong các lĩnh vực nghiên cứu, giảng dạy TH, các môn lý luận chính trị tại các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề, các trường Chính trị ở Trung ương và khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Có thể học tập lên trình độ thạc sĩ, tiến sĩ TH hoặc có thể chuyển đổi sang những ngành học gắn liền với TH theo yêu cầu của thực tiễn xã hội” [H1.01.01.02 (1-2)]. Mục tiêu giáo dục của ngành TH luôn không ngừng thay đổi, ứng với mỗi mốc thời gian có sự chỉ đạo điều chỉnh lớn từ Trường (năm 2019) [H1.01.01.11(1,2)]. Năm 2019, mục tiêu giáo dục ngành Triết được điều chỉnh thành: “Chương trình Cử nhân TH trang bị cho SV những hệ thống những kiến thức căn bản, cơ sở, chuyên sâu của ngành TH, trong đó, trọng tâm là hệ thống TH duy vật biện chứng và duy vật lịch sử. Chương trình đào tạo giúp SV có khả năng nhận thức và các vấn đề có tính quy luật về sự vận động của giới tự nhiên, xã hội và tư duy; vận dụng những kiến thức TH để giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn của đất nước và thời đại. Sau khi tốt nghiệp, người học có khả năng làm việc trong các lĩnh vực có liên quan đến TH” [H1.01.01.02 (3-4)], [H1.01.01.02].

Mục tiêu giáo dục của Trường, của ngành được tất cả CB, GV, NH hiểu rõ do được phổ biến đa dạng dưới nhiều hình thức như: công bố trên phần mềm quản lý online của Trường và được in ấn, cấp cho CVHT, đăng tải trên website của Trường [H1.01.01.06(1)], trong buổi giới thiệu chào đón tân SV [H2.02.03.01(1-3)]. Ở buổi học đầu tiên của các HP, tất cả các SV đều được GV phụ trách HP giới thiệu mục tiêu giáo dục của ngành và mục tiêu HP, đặc biệt là CVHT trong buổi họp lớp đầu tiên với tân SV sẽ hướng dẫn, định hướng cho SV lập KHHT cho bản thân trong suốt quá trình đào tạo [H3.03.03.02(1-6)]. Ngoài ra mục tiêu giáo dục của Trường còn được công khai trên bảng điện tử của nhà điều hành, khu văn phòng Đoàn trường. Tuy nhiên, mục tiêu giáo dục của ngành vẫn chưa được đặt ở BM, nơi mà NH của BM gắn bó hằng ngày.

2. Điểm mạnh

Mục tiêu giáo dục của Nhà trường và của CTĐT ngành TH được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến rộng rãi tới tất cả các BLQ qua các văn bản ban hành, hướng dẫn, kế hoạch cho các Khoa/Viện, các BM, toàn thể CB, GV và NH nắm rõ. Tất cả cán bộ, GV, NH của Trường đều được tiếp cận MTGD một cách dễ dàng, thuận lợi. MTGD cũng được triển khai thành các nhiệm vụ cụ thể trong quản lý, đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù mục tiêu giáo dục của Trường và của ngành TH được phổ biến và công bố rộng rãi trên trang website của Trường, nhà điều hành, nhà học, khu vực văn phòng Đoàn trường nhưng mục tiêu của ngành vẫn chưa được dựng thành poster đặt ở Khoa, BM TH, nơi NH đến liên hệ hoạt động thường xuyên. Ngoài ra, do tính chất đa dạng của NSDLĐ nên mục tiêu giáo dục của ngành vẫn chưa giới thiệu rộng rãi đến tất cả NSDLĐ.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022, BMTH làm poster về mục tiêu giáo dục của ngành và đặt ngay bên ngoài văn phòng BM. Tăng cường cập nhật thông tin về NSDLĐ để cung cấp thông tin đầy đủ hơn về MTGD của ngành.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 5.

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng

Điều 5 Luật giáo dục số 43/2019/QH14 xác định CĐR “là yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của NH sau khi hoàn thành một chương trình giáo dục”; và yêu cầu về nội dung là “nội dung giáo dục bảo đảm tính cơ bản, toàn diện, thiết thực, hiện đại, có hệ thống và được cập nhật thường xuyên... phù hợp với sự phát triển về thể chất, trí tuệ tâm sinh lý lứa tuổi và khả năng của NH” [H4.04.01.01]. Luật Giáo dục quy định về phương pháp giáo dục ở Điều 7 trang 3 như sau “Phương pháp giáo dục phải khoa học, phát huy tính tích cực, tự giác chủ động của NH, tư duy sáng tạo của NH; bồi dưỡng

cho NH khả năng tự học và hợp tác, khả năng thực hành, lòng say mê học tập và ý chí vươn lên” [H4.04.01.01]. Do đó, để giúp cho NH đạt được CĐR và đảm bảo yêu cầu về nội dung và phương pháp giáo dục thì GV phải xác định được các yếu tố: mục tiêu của giáo dục, vai trò của mình, vai trò của SV, nội dung kiến thức cần đạt để từ đó định hướng và lựa chọn PPDH phù hợp.

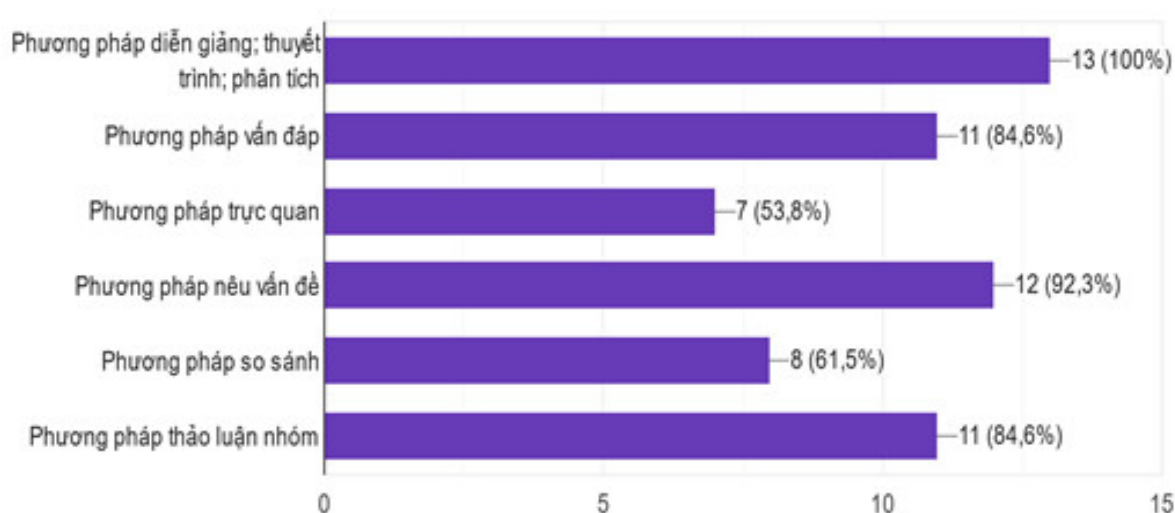
Hoạt động dạy và học ngành TH được thiết kế đa dạng và phù hợp để đạt được CĐR và hình thức đánh giá được thể hiện cụ thể trong ĐCCT từng HP [H1.01.01.03] và được trình bày tóm tắt ở Bảng 3.3, Phụ lục 4. CĐR của từng học phần trong CTĐT ngành TH được quy định rõ ràng, bao gồm chuẩn về kiến thức, kỹ năng và thái độ của người học. Để quá trình tổ chức dạy học đạt hiệu quả thì bài giảng, ĐCCT của GV là rất cần thiết, nhằm truyền đạt nội dung và rèn luyện sự chủ động học tập của NH. Xuất phát từ quan điểm ấy nên quá trình xây dựng ĐCCTHP cũng như thiết kế các HĐDH, GV luôn coi trọng tính phù hợp giữa nội dung và PPDH. Điều này được thể hiện rõ ở sự tương thích giữa mục tiêu giáo dục, CĐR và hình thức đánh giá thông qua ĐCCTHP [H1.01.01.03].

Các hoạt động dạy học được GV xây dựng rất đa dạng và phong phú không chỉ trong lớp học mà còn tổ chức bên ngoài lớp học (trong khuôn viên của trường), ngoài cộng đồng cụ thể NH được tham dự HP Thực tế và học tập ngắn hạn ở nước ngoài [H4.04.02.01 (1-4)], [H3.03.03.08 (1-11)]..

Trước khi tổ chức những hoạt động dạy học cho NH, GV hướng dẫn NH sử dụng các hoạt động học tập phù hợp với từng HP từ đó giúp NH chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CĐR thể hiện qua các PPDH cụ thể trong từng ĐCCT (mục 8) của từng HP và qua thực tế giảng dạy. Dựa vào ĐCCTHP và Bảng 3.3 Phụ lục 4 cho thấy GV sử dụng kết hợp rất nhiều PPGD như: ngoài PPDH truyền thống là thuyết giảng, GV BM TH đã tích cực, chủ động sử dụng các PPDH mới như: PP giải quyết vấn đề, PP tổ chức cho SV làm việc nhóm; PP thuyết trình kết hợp với trình chiếu; PP thuyết trình kết hợp với thảo luận; PP thuyết giảng kết hợp với đóng vai, minh họa, Phương pháp vấn đáp, Phương pháp đàm thoại, Phương pháp liên hệ lý luận với thực tiễn, Phương pháp vận dụng tri thức liên môn... Điều đó cho thấy sự chuyển biến tích cực trong tư duy đổi mới PPDH của GV nhằm kích thích sự năng động, sáng tạo của cả GV và NH, đạt được

CĐR cả về kiến thức, kỹ năng lẫn thái độ [H1.01.01.03]. Bên cạnh đó, kết quả khảo sát ý kiến của GV trong BM tham gia đào tạo ngành TH về hoạt động giảng dạy [H4.04.02.02], cho thấy GV hướng dẫn NH sử dụng rất nhiều loại hình học tập thông qua các PPGD được GV áp dụng như minh họa ở hình 4.1.

Hình 4. 1. Một số PPDH được GV áp dụng trong CTĐT Ngành Triết học.



Thông qua ĐCCT HP và kết quả khảo sát ý kiến GV ở Hình 4.1 cho thấy GV BM Triết học đã sử dụng rất nhiều PPDH tích cực. Điều này cho thấy sau những lần phản hồi từ phía NH [H1.01.01.18-19], GV của ngành đã có những thay đổi về PPDH phù hợp hơn, nhằm phát huy năng lực tự học, chủ động kiến tạo và tự khám phá kiến thức cho bản thân giúp NH chủ động xây dựng kiến thức nhằm đạt được CĐR. Tuy nhiên, tần suất sử dụng các phương pháp chưa đều ở tất cả các GV như là phương pháp trực quan, phương pháp so sánh.

Kết quả khảo sát ý kiến NH cho thấy NH hài lòng vì GV tạo cơ hội cho NH thúc đẩy việc học, học cách học và thúc đẩy NH tự học cũng như khả năng học tập suốt đời. Từ kết quả khảo sát cho thấy, nhìn chung, NH hài lòng (4,03/5) đối với việc dạy và học các HP đã học [H1.01.01.18-19]. Đặc biệt, sự thay đổi PPDH của GV đã được sự ghi nhận của NH (62,9% hài lòng và 24,2% rất hài lòng) [H4.04.02.03]. Với kết quả thống kê này, một lần nữa khẳng định việc vận dụng linh hoạt, đa dạng, hiệu quả các hình thức, PP trong quá trình tổ chức hoạt động dạy học là vô cùng cần thiết, tương thích với kiểm tra

đánh giá và đáp ứng được CDR. Tuy nhiên, NH cũng đề xuất cải tiến phương pháp giảng dạy (80% SV) để hoạt động dạy và học tốt hơn [H1.01.01.18-19].

Để đảm bảo CDR, Trường ĐHCT rất chú trọng đến việc hỗ trợ cơ sở vật chất, tạo điều kiện tốt nhất để GV hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình. Cụ thể như: có các thiết bị hỗ trợ giảng dạy trên giảng đường, phòng học. Hệ thống giảng đường, phòng học, được trang bị đầy đủ trang thiết bị: internet, tivi, máy chiếu, rèm cửa, đèn, quạt, hệ thống âm thanh... đảm bảo nhu cầu giảng dạy và học tập của GV và SV [H4.04.02.04 (1-2)], giúp GV sử dụng thành thạo và hiệu quả các PPDH, hỗ trợ NH rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời. Hiện nay, 100% các GV sử dụng máy tính để thiết kế bài giảng, việc tiếp cận và sử dụng các máy móc hiện đại của GV hiệu quả hơn. Với phương pháp Thuyết trình, NH biết cách sử dụng hay tiếp cận các phương tiện này khi chính các em dùng các phương tiện hiện đại này trong quá trình trình bày các báo cáo như là: sử dụng kết nối giữa máy tính với tivi màn hình phẳng hay với Projector. SV có thể dùng wifi để truy cập internet tìm thông tin trong lúc học trên lớp khi GV dùng phương pháp Tự học. Kết quả khảo sát ý kiến của GV cho thấy: GV hài lòng về hoạt động phục vụ phục vụ/hỗ trợ cho hoạt động dạy và học. Điểm hài lòng nhất của GV là về môi trường làm việc an toàn (4,33/5), hoạt động quản lý đào tạo (4,22/5) và cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy (4,06/5) [H1.01.01.18-19].

GV và SV còn được cung cấp số lượng lớn tài liệu tham khảo đa dạng từ TTHL. Cụ thể, ngành Triết học có 2.500 đầu sách và 6.567 quyển tài liệu gồm sách, báo, tạp chí, giáo trình, sách tham khảo [H4.04.02.05]. Số tài liệu điện tử nội sinh là 40.196; mua quyền truy cập 148.000 tài liệu hàng năm và 34 cơ sở dữ liệu đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu trí tuệ. TTHL cũng liên kết với 30 thư viện quốc tế và 05 thư viện trong nước để tăng cường trao đổi nguồn sách báo, tài liệu phù hợp đáp ứng nhu cầu đa dạng của GV, SV [H4.04.02.06], nguồn cơ sở dữ liệu này thường xuyên được TTHL cập nhật thông tin tài liệu bổ sung khi có cơ hội [H4.04.02.07]. Về mặt tinh thần và phát triển nghề nghiệp, nhà trường còn hỗ trợ kinh phí tàu xe và công tác phí cho GV tham gia học tập ngắn hạn, dự các hội thảo hội nghị trong và ngoài nước theo kinh phí thường xuyên của phòng quản lý khoa học [H4.04.02.08 (1-5)]. Ngoài ra, nếu GV có bài báo khoa học được đăng trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước thì sẽ được quy đổi ra giờ chuẩn tùy

theo mức độ. Cụ thể, bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước, ngoài nước và tạp chí khoa học của trường xuất bản bằng ngôn ngữ tiếng Anh hoặc Pháp dựa vào chỉ số ảnh hưởng (Impact Factor- IF) của năm: nếu chưa có IF 80G, dưới 3,0 thì 100G, dưới 7,5 thì 120G và từ 7,5 trở lên là 140G [H4.04.02.09 (1-4)]. Bên cạnh việc xuất bản các bài báo khoa học trên các tạp chí hay trong các hội thảo, hội nghị, GV của ngành còn viết các giáo trình, sách tham khảo phục vụ cho nhu cầu học tập của NH [H4.04.02.10]. Thêm vào đó, khuôn viên rộng rãi và thoáng mát của trường cũng tạo nên một môi trường học tập thoải mái cho SV khi GV tổ chức những hoạt động học tập trải nghiệm ngoài trời trong khuôn viên của trường. Chính sự tiện lợi của các tổ hợp công nghệ dạy và học nên GV hài lòng vì có thể linh động sử dụng các phương pháp dạy và học phù hợp nhằm phát huy tính tích cực của NH trong suốt quá trình đào tạo.

2. Điểm mạnh

Các PPGD và các hoạt động học tập để thực hiện CTĐT rất đa dạng và phù hợp, giúp NH chủ động lĩnh hội kiến thức và rèn luyện kỹ năng.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù có rất nhiều PPGD đa dạng, tích cực đã được sử dụng trong quá trình đào tạo. tuy nhiên, phương pháp chủ đạo hiện nay của các GV vẫn là thuyết trình.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022, KKHCT và BMTH tổ chức báo cáo seminar cấp khoa hay tọa đàm chia sẻ các hoạt động dạy và học (hình thức tổ chức và phương pháp dạy học) cho GV và NH, đồng thời khuyến khích GV tăng cường các hoạt động thảo luận nhóm.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 5.

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

1. Mô tả hiện trạng

Tất cả các ĐCCT HP trong CTĐT đều có “Mục tiêu HP”. Trong mục tiêu HP được chia làm 4 mục tiêu cụ thể: kiến thức; kỹ năng cứng; kỹ năng mềm và thái độ, đồng thời được cụ thể hóa trong “CĐR của HP”.

CĐR của HP gồm CĐR về kiến thức, CĐR về kỹ năng (kỹ năng chuyên môn và kỹ năng mềm) và CĐR về mức độ tự chủ và trách nhiệm. Mỗi CĐR của HP đều được cụ thể hóa trong “Cấu trúc nội dung HP” [H2.02.01.01 (1-2)].

Trong ĐCCT của các HP, có mô tả “Phương pháp giảng dạy” mà GV sẽ sử dụng trong suốt quá trình truyền đạt nội dung kiến thức HP. Tổng hợp các PPGD được mô tả trong tất cả các ĐCCT của các HP được trình bày ở Bảng 3.3, Phụ lục 4. Tùy theo nội dung mỗi HP mà mỗi GV có những PPGD khác nhau nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu: Kỹ năng cứng nhằm để thiết lập kỹ năng làm việc độc lập, xây dựng kế hoạch và định hướng phát triển cho bản thân; vận dụng kiến thức trong lĩnh vực chuyên ngành để phân tích các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội một cách có hiệu quả; phân tích các vấn đề lý luận và thực tiễn đang đặt ra trên cơ sở thế giới quan và phương pháp luận của triết học... và những kỹ năng mềm: hình thành kỹ năng làm việc nhóm, khái quát được mục tiêu và công việc cần làm; thực hành các tình huống giao tiếp, thuyết trình; sử dụng các phương tiện hỗ trợ trong quá trình làm việc; tư duy phản biện, sáng tạo, tỉ mỉ, và kỹ năng tự học suốt đời. [H2.02.01.01 (1,2)]. Tuy nhiên, những PPDH nhằm phát huy những kỹ năng thiết yếu và những kỹ năng mềm vẫn chưa thực hiện đồng bộ ở tất cả các GV, và những kỹ năng này thay đổi hằng ngày theo sự phát triển của xã hội, do đó đôi khi GV chưa cập nhật kịp thời.

Tất cả các ĐCCT đều có giới thiệu tài liệu tham khảo ở mục 12 cho NH tự nghiên cứu. Toàn bộ ĐCCT của các HP mô tả/nhấn mạnh đến hoạt động tự nghiên cứu/tự học ở mục 12 sẽ giúp cho NH định hướng việc tự học để xây dựng kiến thức cho riêng mình nhằm tạo thói quen tự học cho NH và rèn luyện khả năng tự học suốt đời. Ở mục này, NH sẽ nắm bắt tất cả những thông tin về thời gian tự học, nội dung tự học, nhiệm vụ của

SV nghiên cứu tài liệu nào, chương nào, mục nào. Ngoài ra, hầu như tất cả các HP đều yêu cầu NH làm bài tập nhóm hoặc bài tập các nhân, những yêu cầu này đều có đánh giá thể hiện mục 10.1 trong ĐCCT.

Bên cạnh đó, NH tiếp cận cơ sở NCKH qua môn “Phương pháp nghiên cứu khoa học lý luận chính trị” ở học kỳ 1 của năm thứ ba thể hiện qua Sơ đồ tuyển học phần ngành Triết học [H3.03.02.01(1,2)], bản mô tả CTĐT ngành TH [H2.02.01.01 (1,2)] và được cụ thể hóa trong ĐCCT HP của môn học [H1.01.01.03]. Điều này cho thấy giữa hoạt động đào tạo và thực tế NCKH của NH có sự tương quan thể hiện trong CTĐT và đáp ứng mục tiêu giáo dục của ngành, đáp ứng mục tiêu giáo dục của BGD&ĐT theo quan điểm triết lý giáo dục “Học đi đôi với hành”. Bên cạnh đó, để đáp ứng khả năng và nguyện vọng nghiên cứu của NH, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, giúp NH tiếp cận và vận dụng các phương pháp NCKH đồng thời rèn luyện các kỹ năng chuyên môn thiết yếu như kỹ năng làm việc độc lập, giải quyết vấn đề, thu thập thông tin, xử lý số liệu và khả năng học tập suốt đời.

Ngoài ra, Trường ĐHCT đã ra Công văn số 305/ĐHCT- QLKH ngày 04/03/2009 về việc hướng dẫn thực hiện và quản lý đề tài NCKH của SV. Điều kiện để NH tham gia các đề tài NCKH cấp trường là SV năm thứ 2, đạt số TC học tập từ 80 và xếp loại kết quả học tập từ khá trở lên đều có quyền đăng ký thực hiện NCKH theo kế hoạch khoa học và công nghệ của Trường [H4.04.03.01]. Theo quy định, đề tài NCKH do 1 SV đứng tên làm chủ nhiệm đề tài dưới sự hướng dẫn của 1 GV hoặc 1 CB nghiên cứu của Trường ĐHCT. Kết quả NCKH của GV và SV không những là nguồn tư liệu tham khảo có giá trị phục vụ cho hoạt động đào tạo mà còn có giá trị phục vụ cho cộng đồng [H4.04.03.02], [H4.04.03.03]. Song hành với việc thực hiện đề tài NCKH, trong quá trình học tập, GV luôn định hướng NCKH cho NH thông qua việc khuyến khích NH tham gia viết bài báo khoa học cùng GV; đồng tham gia viết bài và dự báo cáo Seminar với GV. Hơn nữa, việc NH thực hiện đề tài Niên luận, Tiểu luận, Luận văn tốt nghiệp cũng chính là quá trình hình thành khả năng tự học rất hữu hiệu đối với NH. Như vậy, thông qua hoạt động NCKH sẽ giúp cho NH có cơ hội rèn luyện kỹ năng tự học, tự nghiên cứu và khả năng học tập suốt đời.

Sau khi hoàn thành bậc học đại học, NH ngành TH sẽ được tham gia học tập ở bậc cao học và vẫn có thể kế thừa, phát triển đề tài đã thực hiện ở bậc đại học một cách sâu rộng, hiệu quả hơn. Đây cũng là một trong những yếu tố thúc đẩy quá trình học tập suốt đời của NH.

Tùy thuộc vào nội dung của từng HP và yêu cầu của CĐR mà GV sử dụng các hoạt động dạy học/PPGD phù hợp nhằm hỗ trợ NH rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời thể hiện ở tất cả các mục 8 trong ĐCCT HP [H1.01.01.03)]. Ngoài những HP có liên quan đến NCKH, một số HP, GV yêu cầu NH tự mở rộng kiến thức thông qua những bài tập cá nhân hay hay bài tập nhóm. Từ những bài tập nhóm hay bài tập cá nhân này giúp NH rèn luyện kỹ năng tự học và tự nghiên cứu. Trong kế hoạch học tập của SV ngành TH của Trường ĐHCT luôn có HP Thực tế ngoài trường [H4.04.02.01 (1-4)]. Đây là một hoạt động học tập trải nghiệm thực tế rất bổ ích. Nó không chỉ giúp cho NH mở rộng tầm nhìn, chủ động, tích cực tiếp thu tri thức mà còn góp phần hình thành những kỹ năng giao tiếp xã hội cần thiết. Kết thúc HP Thực tế ngoài trường, NH phải hoàn thành một sản phẩm nghiên cứu của cá nhân liên quan đến kiến thức đã được trải nghiệm. Chính những báo cáo kết quả thu thập sau những chuyến đi tham quan, thực tế giúp SV phát triển kỹ năng NCKH, tự học, tự khám phá kiến thức, ghi nhớ kiến thức lâu dài và nhận thức các mối liên hệ giữa kiến thức cũ và mới, liên hệ lý luận với thực tiễn, nhấn mạnh đến hoạt động tự nghiên cứu/tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho NH [H4.04.03.04]. Ngoài ra, nếu NH có khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh, còn được tham gia các chương trình giao lưu trao đổi SV nước ngoài ở các nước như Thái Lan [H3.03.03.08 (1-11)]. Điều này tạo cơ hội cho SV tự học, tự nghiên cứu rèn luyện năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm và khả năng học tập suốt đời, đồng thời thông qua các hoạt động này, SV tự xây dựng kiến thức mới và được công nhận. Tuy nhiên, việc tham gia các chuyến trải nghiệm ngoài nước còn hạn chế số lượng SV tham gia vì trình độ ngoại ngữ của NH chưa đáp ứng được.

Ngoài việc sử dụng những hoạt động ở trên trong quá trình dạy học, Trường ĐHCT và KHCT tổ chức những hội thảo, hội nghị hàng năm cho các GV, SV để cập nhật kiến thức mới, nâng cao chất lượng công tác giảng dạy. Ở đó, GV và SV trình bày các vấn đề khó khăn trong giảng dạy và học tập, chia sẻ, học tập kinh nghiệm và PPGD

[H3.03.01.08 (1-4)]. Để bổ sung kiến thức cũng như kỹ năng cần thiết phục vụ cho quá trình tổ chức dạy học tốt hơn, GV BM TH luôn chủ động tham gia học tập các lớp đào tạo ngắn hạn và được cấp chứng chỉ như: chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp [H4.04.03.05 (1-6)], chứng chỉ nghiệp vụ Sư phạm dành cho GV các trường Đại học, Cao đẳng [H4.04.03.05 (7-9)], chứng nhận hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh [H4.04.03.06 (1-2)].

Nhằm nâng cao năng lực chuyên môn và năng lực NCKH, hàng năm GV còn tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng và tham dự những hội thảo, hội nghị về chuyên môn [H3.03.01.08 (1-4)]. Trong giai đoạn 2016-2021, GV và SV CTĐT ngành TH đã công bố 65 bài báo khoa học trong các hội thảo và trên các tạp chí trong và ngoài nước. Trong đó có 09 bài báo đăng trên các tạp chí và kỷ yếu hội thảo quốc tế, 56 bài báo đăng trên các tạp chí và kỷ yếu hội thảo trong nước [H4.04.03.07].

2. Điểm mạnh

NH được rèn luyện nhiều kỹ năng và khả năng học tập suốt đời thông qua các nhiệm vụ tự học phong phú và đa dạng, và sự gắn kết các nhiệm vụ tự học vào việc học trong giờ chính khóa.

3. Điểm tồn tại

NH chưa có thói quen hình thành và phát triển kỹ năng nghề nghiệp theo hướng tiếp cận năng lực và PPDH mới; Việc tham gia các hội nghị, hội thảo về đổi mới, cải tiến phương pháp dạy và học hay những NCKH về lĩnh vực giáo dục ở trong và ngoài nước của GV và NH vẫn còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

GV tiếp tục hướng dẫn NH thực hiện các nhiệm vụ tự học theo ĐCCT HP và gắn kết các nhiệm vụ tự học vào việc học trong giờ chính khóa.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 5.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Với mục tiêu giáo dục rõ ràng, ngành TH đã thường xuyên tiếp thu ý kiến đóng góp, phản hồi từ các BLQ để thay đổi cách tiếp cận PPDH phù hợp giúp cho NH rèn luyện những kỹ năng mềm như giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, tư duy, sáng tạo, kỹ năng nghiên cứu, phân tích và tổng hợp tài liệu; hiểu được các chiến lược học tập khác nhau và lựa chọn chiến lược thích hợp nhất cho mình. Thêm vào đó, việc sử dụng đa dạng các PPDH hiệu quả - phương pháp học nhấn mạnh vào khả năng hiểu chứ không phải học thuộc, giúp NH phát triển khả năng học tập suốt đời, thông qua việc tạo nhiều cơ hội cho NH tham gia xây dựng kiến thức mới trên nền tảng kiến thức đã có của NH. Bên cạnh đó, việc hướng dẫn SV làm NCKH và giúp họ biết khám phá tri thức của người khác và gắn kết nó với kinh nghiệm và kiến thức đã học của bản thân để đưa đến những phát kiến mới mẻ. Nói chung, ngành TH áp dụng PPDH theo hướng tiếp cận “NH là trung tâm”, “học đi đôi với hành” và “học tập qua trải nghiệm” tạo điều kiện cho NH có nhiều cơ hội trải nghiệm, đồng thời khuyến khích NH rèn luyện thói quen học tập theo nhóm thông qua những bài tập cá nhân và bài tập nhóm.

Tuy nhiên, vẫn còn một số tồn tại như: Mục tiêu giáo dục của Trường được phổ biến rộng rãi trên trang website của trường, nhà điều hành, nhà học, khu vực văn phòng Đoàn trường nhưng mục tiêu của ngành vẫn chưa được dựng thành poster đặt ở BM, nơi SV đến liên hệ hoạt động thường xuyên. Các hoạt động dạy và học đa dạng (hình thức tổ chức và phương pháp dạy học tích cực mới) chưa được sử dụng đều khắp trong tất cả các HP. NH chưa có thói quen hình thành và phát triển kỹ năng nghề nghiệp theo hướng tiếp cận năng lực và PPDH mới; Việc tham gia các hội nghị, hội thảo về đổi mới, cải tiến phương pháp dạy và học hay những NCKH về lĩnh vực giáo dục ở trong và ngoài nước của GV và NH vẫn còn hạn chế. Do nhu cầu xã hội, những kiến thức chuyên môn cần cập nhật mới thường xuyên nên phải liên tục điều chỉnh CDR hoặc bổ sung PPGD học phần cho phù hợp, đôi lúc chưa thực hiện kịp thời.

Để khắc phục các tồn tại này, Trường sẽ đa dạng hóa các phương pháp truyền thông để tuyên truyền phổ biến mục tiêu giáo dục của Trường tới các BLQ. Tổ chức nhiều hoạt động giúp GV tiếp cận nhiều PPDH mới. Bổ sung vào tiêu chí đánh giá

KQHT của NH một số kỹ năng như: khả năng tự học, tự làm việc độc lập, tự tìm kiếm tài liệu, khả năng tư duy phản biện, kỹ năng thuyết trình...

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 4: Căn cứ vào kết quả TĐG các tiêu chí trên, Hội đồng TĐG chất lượng CTĐT ngành TH tự đánh giá tiêu chuẩn 4 có tất cả 3 tiêu chí đạt mức 5.

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu:

Trong giáo dục học, đánh giá được hiểu là quá trình hình thành những nhận định, phán đoán về kết quả công việc, dựa vào sự phân tích những thông tin thu được đối chiếu với mục tiêu, tiêu chuẩn đã đề ra, nhằm đề xuất những quyết định thích hợp để cải thiện thực trạng, điều chỉnh, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác giáo dục. Với tầm quan trọng này, Trường ĐHCT và KKHCT chú trọng ngay từ khâu tuyển sinh cho đến khi SV tốt nghiệp. Đánh giá KQHT của NH ngành TH được thiết kế một cách liên tục và có hệ thống, phù hợp với CDR của CTĐT, trong đó, mỗi HP sẽ đóng góp một phần trong việc đánh giá CDR.

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng

Quy trình/kế hoạch về việc đánh giá KQHT của NH được thiết kế rõ ràng ngay từ khi tuyển sinh đầu vào cho đến khi tốt nghiệp và mỗi HP sẽ góp một phần trong việc đánh giá KQHT của NH. Từ năm 2015, thông báo tuyển sinh hằng năm của Trường ĐHCT đều quy định cụ thể về PPĐG đầu vào của NH ngành TH căn cứ trên kết quả của kỳ thi THPT quốc gia, bên cạnh đó bắt đầu từ năm 2021 còn thực hiện xét tuyển điểm học bạ THPT (phương thức 3) [H5.05.01.01]. Tổ hợp tổ hợp xét tuyển ngành Triết là C00 (V-Sử-Đ), C19 (V-Sử-GDCD), D14 (V-Sử-A), D15 (V-Đ-A) được thực hiện từ năm 2018 đến nay [H1.01.03.08(1-4)]. NH đủ tiêu chuẩn vào học ngành TH khi trung bình điểm của mỗi tổ hợp trên điểm sàn do BGDDĐT quy định và đủ điểm chuẩn của ngành [H1.01.03.08(1-4)]. Vào mỗi đầu khóa học Trường ĐHCT còn có kế hoạch về việc kiểm

tra tiếng Anh cho NH đầu khóa để đánh giá năng lực từ đó xét miễn học, công nhận các HP ngoại ngữ căn bản được quy định trong CTĐT [H5.05.01.02(1-5)].

Đối với quy trình đánh giá trong quá trình học tập, Trường ĐHCT đã ban hành Quy định công tác học vụ dành cho SV trình độ đại học chính quy vào năm 2017 và điều chỉnh bổ sung năm 2019 (gọi chung là Quy chế học vụ). Đến năm 2021 Quy chế học vụ tiếp tục được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT, và bắt đầu áp dụng từ học kỳ 1 (2021-2022) từ đó thông tin cho NH các vấn đề liên quan đến việc đánh giá KQHT, như thời gian học tập tối đa, thời gian học và thi của từng học kỳ, thang điểm đánh giá, điều kiện thực hiện luận văn, điều kiện tốt nghiệp [H2.02.03.03]. Bên cạnh đó, Trường ĐHCT còn ban hành các quy trình cho bậc Đại học hệ chính quy liên quan đến đánh giá KQHT như: xét công nhận HP tương đương; xét miễn và công nhận miễn HP [H2.02.01.04(1-2)] xét tốt nghiệp và nhận bằng đại học, cao đẳng [H5.05.01.03].

Vào đầu mỗi năm học và học kỳ, Trường ĐHCT cũng ban hành kế hoạch công tác năm học thông qua trích lịch sinh hoạt đầu năm và đầu khóa [H2.02.03.01(1-5)] và thời gian đăng ký HP [H5.05.01.04(1-19)], tổ chức thi [H5.05.01.05(1-3)] kiểm tra, đánh giá KQHT.

Theo Quy chế học vụ, thời gian của học kỳ I và học kỳ II là các học kỳ chính kéo dài 20 tuần; trong đó gồm 15 tuần học, 01 tuần dự trữ và thi những HP lẻ, 02 tuần thi HP chung, 01 tuần xử lý kết quả [H2.02.03.03]. Đặc biệt đối với học kỳ 3 (2020-2021) và học kỳ 1 (2021-2022) tình hình dịch bệnh Covid 19 diễn ra nên Trường đã thực hiện công tác giảng dạy không tập trung [H5.05.01.06(1-3)] và đã có hướng dẫn cụ thể về việc tổ chức đánh giá HP học kỳ 1 [H5.05.01.07]. GV phải công bố lịch thi đến NH ít nhất 1 tuần. Sau khi thống nhất với NH, GV sẽ thông tin đến KKHCT để Khoa nắm kế hoạch cụ thể về HP thi, thời gian, địa điểm, nhu cầu số lượng CB coi thi đồng thời thông tin lịch thi được công bố công bố trên website của Khoa [H5.05.01.8(1-3)]. Trên kế hoạch đó Trường ĐHCT, KKHCT cử bộ phận kiểm tra công tác thi [H5.05.01.09(1-2)], [H5.05.01.10(1-8)] đồng thời các bước tổ chức thi được thực hiện đúng theo trình tự được quy định trong Quy chế học vụ. Việc phúc khảo, giải quyết khiếu nại của NH về kết quả đánh giá cũng được thực hiện trong thời gian 1 tuần sau khi GV thông báo kết quả đánh giá [H2.02.03.03].

Để được công nhận tốt nghiệp, NH cần tích lũy các HP theo yêu cầu với 140 TC (áp dụng từ Khóa 40 đến khóa 44) hoặc 141 TC (đối với Khóa 45 đến nay) cùng với kết quả trung bình tích lũy từ 2,0 trở lên (theo thang điểm 4) [H2.02.03.03]. Theo quy định, NH ngành TH có thể thực hiện Luận văn tốt nghiệp (10 TC) sau khi đã tích lũy 105 TC và không nợ HP chuyên ngành. Sau khi hoàn thành luận văn, SV sẽ bảo vệ trước hội đồng. Năm 2021 Trường ĐHCT đã ban hành văn bản số 664/HD-ĐHCT ngày 9/4/2021 Hướng dẫn về việc đánh giá luận văn, luận án tốt nghiệp theo hình thức trực tuyến [H5.05.01.11] cho phù hợp với tình hình thực tế khi không tổ chức đánh giá tập trung tại trường. Bên cạnh đó, để thay thế cho Luận văn tốt nghiệp, NH có thể thực hiện tiểu luận tốt nghiệp (4 TC) và đăng ký thêm một số HP thay thế (6 TC) [H1.01.01.02(1-3)].

Trong CTĐT ngành TH được đăng trên website của Trường đã công bố CĐR của NH cần đạt được về kiến thức, kỹ năng, thái độ [H1.01.01.02(1-3)]. Bên cạnh đó đề cương HP với các thông tin như mối liên hệ giữa mục tiêu và CĐR của HP với CĐR của CTĐT, cấu trúc và nội dung của HP, PPGD và đánh giá mà GV áp dụng để đạt được các mục tiêu và CĐR của HP [H1.01.01.03]. Các PPĐG của từng HP được GV thiết kế phù hợp dựa trên các văn bản hướng dẫn của Trường ĐHCT, nhằm đảm bảo bám sát mục tiêu và CĐR của HP [H1.01.02.01]. Ngoài ra, kết hợp giữa đề cương HP cùng với sơ đồ tuyến thể hiện việc bố trí các HP ứng với từng học kỳ [H3.03.02.01(1-2)], có cơ sở để lập KHHT toàn khóa [H3.03.03.02(1-6)] nhằm tích lũy được các yêu cầu cần đạt của CTĐT một cách hợp lý, có hệ thống.

Bắt đầu từ năm 2010 Trường ĐHCT đã ban hành Sổ tay GV trong đó có những quy định cụ thể liên quan GV, trong đó có Mục 2.3 của Chương 2 về việc hướng dẫn phương pháp đánh giá KQHT [H3.03.01.09]. Trong từng đề cương HP phương pháp và hình thức đánh giá KQHT của NH được thể hiện trong đánh giá điểm chuyên cần, điểm bài tập, điểm thuyết trình, điểm thi giữa HP và điểm thi kết thúc HP nhằm đánh giá mức độ đạt được CĐR [H1.01.01.03]. Quy chế học vụ có quy định rõ thi kết thúc HP là bắt buộc và điểm phải có trọng số không dưới 50% [H2.02.03.03]. Điểm mới trong quy chế học vụ năm 2021 có bổ sung thêm về hình thức đánh giá trực tuyến và hình thức này được đánh giá công bằng và khách quan như đánh giá trực tiếp [H2.02.03.03(1)]. Từ đó cho thấy việc đánh giá đánh giá quá trình học tập được thực hiện liên tục và bằng nhiều

hình thức khác nhau giúp việc đánh giá NH được toàn diện hơn, cả về kiến thức, kỹ năng và thái độ của SV [H1.01.01.03].

Trong CTĐT ứng với mỗi CĐR từ kiến thức (khỏi kiến thức giáo dục đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành) đến kỹ năng (kỹ năng cứng và mềm) và thái độ/mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân sẽ có nhóm HP đáp ứng. Thật vậy, KQHT của NH được đánh giá bằng hình thức đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết.

* Để đo CĐR về kiến thức thì GV sử dụng những hình thức và phương pháp như: thi viết, trắc nghiệm, vấn đáp, báo cáo nhóm, thuyết trình... [H1.01.01.03].

* Để đo CĐR về kỹ năng thuyết trình, kỹ năng chuyên môn và kỹ năng mềm thì GV sử dụng những hình thức và phương pháp như: thực hành thuyết trình, trải nghiệm, luận văn tốt nghiệp, tiểu luận tốt nghiệp, hoạt động ngoại khóa (đoàn thanh niên, tham gia các buổi seminar học thuật) [H1.01.01.03].

* Để đo CĐR về thái độ thì GV kết hợp trong đánh giá HP, đánh giá điểm rèn luyện và giám sát của CVHT [H5.05.01.12(1-2)].

Để có kết quả khách quan, công bằng thì công tác coi thi cũng được giám sát và tiến hành chặt chẽ thông qua việc công bố lịch thi, giám sát phòng thi của các Tổ giám sát và Hội đồng thi của Khoa KHCT. Thành viên Tổ giám sát đến từng phòng thi kiểm tra quá trình tổ chức thi, sau khi kết thúc kỳ thi thư ký Tổ giám sát làm báo cáo tổng hợp gửi kết quả về Chủ tịch Hội đồng thi KKHCT [H5.05.01.10(3;6)]. Bên cạnh đó, Trường ĐHCT đã ban hành quyết định số 1202/QĐ-ĐHCT về việc thanh tra công tác tổ chức, quản lý Kỳ thi kết thúc HP học kỳ II (2020-2021) tại các đơn vị có đào tạo [H5.05.01.09(2)]. Để công tác tổ chức thi kết thúc HP thực hiện thống nhất, Trường ĐHCT đã ban hành các văn bản về việc tổ chức kỳ thi cuối kỳ. Ngoài ra, Trường ĐHCT cũng đã ban hành công văn số 3107/ĐHCT ngày 23/12/2020 về việc mẫu đề thi và mẫu đáp án đề thi kết thúc HP được áp dụng từ 2020-2021 [H5.05.01.13] và BMTH đã triển khai đến các GV [H5.05.01.14].

Các quy định về kiểm tra/đánh giá KQHT được thể hiện trong Quy chế học vụ và quy chế này được gửi đến NH vào đầu khóa học cũng như là công khai trên trang website của Trường ĐHCT [H1.01.01.03]; [H2.02.03.03]. Các quy định về đánh giá KQHT cũng

được thể hiện trong từng đề cương HP [H1.01.01.03]; GV là CVHT cũng thông báo đến NH thông qua buổi học trên lớp và buổi sinh hoạt lớp.

2. Điểm mạnh

PPĐG đa dạng đáp ứng được CĐR và được lấy ý kiến các BLQ đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và hướng tới sự công bằng.

3. Điểm tồn tại

Trong một số ĐCCT HP phương pháp đánh giá chưa đánh giá tốt CĐR về mặt thái độ/mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân.

4. Kế hoạch hành động

BM tiếp tục rà soát, cải tiến và cập nhật các PPĐG HP để tăng cường hiệu quả đánh giá các CĐR; đẩy mạnh việc thiết kế và sử dụng các phiếu TĐG, bảng chấm điểm.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 5.

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.

1. Mô tả hiện trạng

Quy định về công tác học vụ dành cho SV trình độ ĐH hệ chính quy về việc ĐG KQHT của SV Trường ĐHCT nêu rõ:

"Vào buổi học đầu tiên, GV thông báo cho SV biết ĐCCT HP (nội dung HP, PPGD, hình thức KT, ĐG, cách tính điểm...)". ... **"HP lý thuyết hoặc lý thuyết kết hợp thực hành:** Điểm HP được tính từ các điểm thành phần bao gồm: điểm bài tập, điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm thực hành, điểm ĐG nhận thức, điểm tham gia thảo luận, điểm chuyên cần, điểm đồ án và điểm thi kết thúc HP. Thi kết thúc HP là bắt buộc và điểm phải có trọng số không dưới 50%. **HP thực hành:** Điểm HP được tính bằng điểm trung bình của các bài thực hành" [H1.01.01.03]; [H2.02.03.03].

Các quy định chi tiết và cụ thể về thời gian, hình thức, PP, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan cho mỗi HP được cụ thể hóa và trình bày rõ trong tất cả ĐCCT HP [H1.01.01.03] theo đúng yêu cầu về thiết kế ĐCCT HP của Trường. Tuy nhiên, trên hệ thống quản lý điểm, GV chỉ nhập được một cột điểm tổng, vì vậy NH không biết hết các điểm thành phần [H5.05.02.01].

Đối với HP đặc thù của ngành TH như Thực tập thực tế ngoài trường thì KKHCT có hướng dẫn về: thời gian, những yêu cầu đối với NH [H4.04.02.01(1-5)]. Kết quả thực tế sẽ được đánh giá phù hợp với các mục tiêu của CTĐT và do CB dẫn đoàn trực tiếp phụ trách đưa SV thực tế đánh giá thông qua bài thu hoạch sau chuyển đi của NH [H1.01.01.03]. Thêm vào đó, việc đánh giá thuyết trình, bài tập nhóm, luận văn tốt nghiệp, tiểu luận tốt nghiệp của NH, thi Khoa và Bộ môn cũng đã quy định những tiêu chí riêng và rõ ràng [H4.04.02.04(1-3)]. Kết quả khảo sát SV đang học ngành TH về hoạt động của GV đã cho thấy 83% SV nắm được PPĐG HP của GV [H5.05.02.03].

GV phải có trách nhiệm giải đáp thắc mắc của NH về KQHT, nhập điểm HP vào hệ thống quản lý trực tuyến. Sau khi có KQHT NH được quyền phản hồi KQHT của mình đến giáo viên qua (mail, điện thoại hay tin nhắn...) [H5.05.02.03] đồng thời Trưởng khoa quản lý HP sẽ xử lý các khiếu nại liên quan đến KQHT trong thời gian 1 tuần. Bên cạnh đó, Trường ĐHCT, KKHCT còn có Hộp thư góp ý để giúp NH có thể phản hồi các vấn đề liên quan đến việc học tập và rèn luyện bao gồm việc đánh giá KQHT [H5.05.02.04(1-2)].

Các CVHT trong các buổi sinh hoạt đã hỗ trợ BM trong việc hướng dẫn và công bố các quy định, nội dung liên quan đến việc ĐG KQHT của SV và quy trình thắc mắc, khiếu nại, cũng như thu nhận phản hồi của SV về công tác ĐG ở các HP [H5.05.02.05]. Bằng cách phổ biến các quy định qua nhiều kênh thông tin như trên, đảm bảo được việc tất cả NH hiểu và nắm rõ các quy định về kiểm tra đánh giá KQHT của NH.

Trong buổi học đầu tiên NH đã được GV phổ biến cụ thể các quy định về số lượng bài kiểm tra/đánh giá KQHT. NH được quyền phản hồi KQHT của mình đến GV sau khi đã nhận được KQHT [H1.01.01.03]; [H2.02.03.03].

2. Điểm mạnh

Trường ĐHCT đã ban hành các văn bản quy định về việc đánh giá kết quả của NH như thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi, quy trình tổ chức thi, chấm thi, quản lý kết quả rõ ràng và công khai bằng cả văn bản in và trên website.

3. Điểm tồn tại

Trên hệ thống quản lý điểm của Trường, GV chỉ nhập được điểm tổng, NH không xem được các điểm thành phần.

4. Kế hoạch hành động

Trường ĐHCT bổ sung các cột điểm thành phần trên hệ thống nhập điểm để GV có thể công bố đến NH các điểm thành phần.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 5.

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.

1. Mô tả hiện trạng

Việc đánh giá kết KQHT của NH được quy định rõ ràng như thang điểm đánh giá, hình thức đánh giá... được thể hiện trong Quy chế học vụ cụ thể ở chương III được công khai trên trang web của Trường ĐHCT [H1.01.01.03]; [H2.02.03.03] và ĐCHP. Thông qua bản mô tả CTĐT được thực hiện vào năm 2020 cho thấy có hai hình thức đánh giá NH được GV sử dụng phổ biến trong quá trình đào tạo là đánh giá thường xuyên (đánh giá liên tục trong suốt tiến trình đào tạo) và đánh giá tổng hợp thực hiện định kỳ vào giữa và cuối các tiến trình học tập (ví dụ như đánh giá giữa học kỳ và đánh giá cuối học kỳ) [H2.02.01.01] và đề cương HP [H1.01.01.03] được công bố, NH sẽ nắm được mục tiêu cần, hình thức kiểm tra, thi đa dạng: trắc nghiệm, tự luận, bài kiểm tra ngắn, câu trả lời ngắn, ý kiến thảo luận, sản phẩm của nhóm, bài thuyết trình, bài viết, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, vấn đáp, báo cáo, khóa luận tốt nghiệp hoặc kết hợp các hình thức nêu trên tùy theo đặc điểm của từng HP. Dù áp dụng hình thức đánh giá KQHT của NH như thế nào thì GV cũng phải đảm bảo ít nhất có 2 cột điểm, trọng số các điểm thành phần do GV đề

xuất [H2.02.03.03(1)]. Và điểm thi kết thúc HP phải có trọng số không dưới 50% [H1.01.01.03]; [H2.02.03.03]. Trong tình hình thực tiễn hiện nay trong đánh giá HP đã có quy định về đánh giá trực tuyến, GV có thể sử dụng Google forms, E-learning [H1.01.22(4)].

Nhằm đảm bảo đo lường được các yêu cầu, độ giá trị và độ tin cậy của phương pháp đánh giá KQHT, Trường ĐHCT đã ban hành các quy định về công tác tổ chức đánh giá KQHT của NH [H1.01.05(9-13)] và thông qua việc đánh giá thường xuyên liên tục trong quá trình học, đánh giá với nhiều hình thức khác nhau của GV. GV giảng dạy từng lớp HP chịu trách nhiệm đảm bảo việc tổ chức KTĐG và thi sao cho bao quát nội dung của từng HP cũng như đảm bảo các CĐR mà HP đã công bố, nhằm thực hiện đầy đủ và đúng các mục tiêu và CĐR của CTĐT. Theo Quy định về công tác học vụ của Trường và kế hoạch công tác năm có quy định rõ về thời gian tổ chức thi đối với các HP riêng lẻ và các HP chung [H1.01.01.03]; [H2.02.03.03]. Vào học kỳ 1 (2020-2021) GV biên soạn đề thi cuối kỳ và đáp án theo mẫu thống nhất của nhà trường, và có chữ ký phê duyệt của Trưởng bộ môn nhằm ĐBCL các câu hỏi thi đánh giá được CĐR của HP cần đo và đảm bảo được độ tin cậy và độ giá trị [H5.05.01.13]. Ngoài ra, BMTH còn tiến hành rà soát công tác đánh giá HP của GV thông qua biên bản rà soát và được thực hiện từ học kỳ 1 (2019-2020) [H5.05.03.01]. Để công tác đánh giá được đảm bảo khách quan, trung thực theo sự thống nhất của cuộc họp giữa BCN KKHCT và các Trưởng bộ môn, các môn Lý luận chính trị được triển khai thi đề chung việc thực hiện bắt đầu từ học kỳ 1 (2021-2022), đề thi được lấy ra ngẫu nhiên từ hệ thống ngân hàng câu hỏi và phải phù hợp với đề cương HP đã công bố trên website [H5.05.03.02]. Như vậy, các khâu ra và thẩm định đề thi, đáp án, thang điểm... bắt đầu được quy định rõ ràng.

Trước đây, GV sẽ là người giữ đề thi, niên luận, hướng dẫn chấm, bài thi và kết quả thi của NH trong vòng hai năm, nhưng bắt đầu từ học kỳ 1 năm học 2019-2020, những tài liệu này của NH sau mỗi học kỳ đều được GV ký nộp lại cho bộ môn, KKHCT đã ra văn bản cụ thể về công tác lưu trữ bài thi bậc đại học và thời gian lưu trữ bài thi ít nhất 5 năm [H5.05.03.03], [H5.05.03.04]. Vào học kỳ 3 (2020-2021) do tình hình dịch bệnh Covid 19 diễn ra phức tạp nên việc lưu trữ bài thi được triển khai thực hiện bằng cách lưu lại theo từng thư mục (từng bộ môn), được chuyển vào 1 USB và lưu 1 bản sao

Google drive [H5.05.03.05]. Trường phối hợp với Khoa tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác ĐG của các GV vào cuối học kỳ, đảm bảo tính nghiêm túc và công bằng trong thi [H5.01.01.09(1-2)], [H5.05.01.10(1-8)]. Trường ĐHCT, Khoa và bộ môn đã có nhiều cuộc họp nhắc nhở các GV kiểm tra thật kỹ để chống sao chép của NH khi viết luận văn tốt nghiệp, tiểu luận tốt nghiệp [H5.05.03.06] để ĐBCL đào tạo. Trường ĐHCT còn ban hành quy định liên quan đến việc xét điểm miễn và công nhận HP [H2.02.01.04]. Để đảm bảo tính khách quan và công bằng, việc xét điểm miễn HP cho NH được thực hiện bởi Hội đồng xét miễn và công nhận điểm HP.

Sau mỗi học kỳ NH được quyền tham gia đánh giá hoạt động giảng dạy của GV từ khâu tài liệu đến PPGD và đánh giá [H3.03.02.02]. Thông qua kết quả đánh giá phản hồi GV có thể tự mình điều chỉnh phương pháp dạy học và đánh giá KQHT sao phù hợp. Thông qua bản khảo sát về ý kiến phản hồi của GV, NH, cựu SV và nhà quản lý đã cho thấy sự hài lòng của họ đối với các PP đánh giá đang được thực hiện [H4.04.02.04(1-3)] đảm bảo được độ giá trị, tin cậy và công bằng.

Vào ngày 01/07/2020 Trường ĐHCT ban hành Quyết định số 1503/QĐ-ĐHCT về việc thành lập Tổ công tác triển khai kế hoạch thực hiện Phiếu đánh giá HP và đo lường mức độ đạt được CĐR của CTĐT. Tiếp đến các đơn vị có đào tạo đã cử các CB tham gia việc triển khai và tập huấn Phiếu đánh giá HP BMTH đã chọn 03 HP cốt lõi đó là..... thực hiện phiếu đánh giá [H5.05.03.07(1-3)].

2. Điểm mạnh

Tổ hợp các PP kiểm tra đánh giá KQHT đa dạng, được đối chiếu chặt chẽ với CĐR của HP và được NH hài lòng.

3. Điểm tồn tại

Ở các HP riêng lẻ, hiện nay GV giảng dạy HP tự đảm nhận và chịu trách nhiệm hoàn toàn công tác đánh giá dẫn đến việc đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy của công tác đánh giá ở các HP này ít nhiều còn mang tính chủ quan.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm 2021, Tổ Đảm bảo chất lượng KHCT lập kế hoạch chấm ngẫu nhiên 10% số bài trong mỗi túi bài thi để kiểm tra độ tin cậy trong công tác chấm bài.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 5.

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.

1. Mô tả hiện trạng

Các quy định về việc phản hồi kết quả ĐG của NH được quy định rõ trong Quy định về công tác học vụ của Trường [H1.01.01.03]; [H2.02.03.03] và sổ tay GV [H3.03.01.09], trong đó quy định GV phải tổ chức buổi trả bài thi và giải đáp thắc mắc cho SV một cách công khai, đúng thời gian quy định. Hệ thống quản lý đào tạo của Trường hỗ trợ GV trong việc công bố kết quả ĐG công khai, đúng hạn (*chậm nhất là tuần 20 của học kỳ chính*), quá thời hạn GV sẽ bị khóa quyền nhập điểm [H1.01.01.03]; [H2.02.03.03]. Khoa giám sát tiến trình thực hiện công bố điểm HP hàng năm và thường xuyên gửi email nhắc nhở trực tiếp đến các GV trước khi hết hạn [H5.05.04.01]. Ngoài ra, sau mỗi học kỳ TTQLCL sẽ gửi đến GV kết quả đánh giá của NH về các hoạt động giảng dạy trong suốt học kỳ [H3.03.02.02].

GV thông tin đến NH về thời gian công bố KQĐGHP, thông qua Hệ thống quản lý của Trường NH có thể tra cứu KQHT nhanh chóng, dễ dàng. Qua hệ thống này, từng SV có thể truy cập số điểm của mình ngay khi GV công bố và NH tiếp cận được với điểm số của từng HP cũng như điểm trung bình học kỳ và điểm trung bình tích lũy đến giai đoạn gần nhất [H5.05.04.02]. Điều này đảm bảo NH thấy được KQHT qua từng giai đoạn cũng như sự tiến bộ của bản thân qua các học kỳ và có chiến lược học tập phù hợp cho giai đoạn tiếp theo.

Mỗi học kỳ, Trường ĐHCT căn cứ vào điểm học tập và rèn luyện của từng NH, từ đó ra quyết định cảnh báo học vụ để NH lập phương án học tập thích hợp, tránh được tình trạng bị bắt buộc thôi học khi bị cảnh báo 2 học kỳ liên tiếp. Trường sẽ thông báo danh sách NH bị cảnh báo học vụ [H5.05.04.03] đến NH thông qua kênh phòng CTSV, giáo vụ của Khoa, báo với CVHT của lớp. CVHT hỗ trợ trong việc cho những lời khuyên, đề xuất hỗ trợ để NH cải thiện việc học tập.

2. Điểm mạnh

NH được thông tin KQH một cách kịp thời và chính xác từ GV thông qua phần mềm quản lý và các bộ phận khác, từ đó giúp NH có thể có phản hồi điểm và cải thiện kịp thời. Đồng thời, kết quả đánh giá của NH được quản lý và lưu trữ chặt chẽ.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động lấy ý kiến phản hồi trực tuyến của NH về hoạt động giảng dạy của GV chưa thực sự hiệu quả vì tỷ lệ NH tham gia lấy ý kiến trực tuyến quá thấp.

4. Kế hoạch hành động

Trường tiếp tục thực hiện tốt các quy định về phản hồi kết quả ĐG cho NH để NH có KHHT và cải thiện việc học một cách hiệu quả.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 6.

Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHCT, KKHCT và GV phổ biến đầy đủ các quy định, quy trình về khiếu nại KQHT đến NH và tạo mọi điều kiện thuận lợi để NH thực hiện nếu có [H1.01.01.03]; [H2.02.03.03]; [H1.01.03.06]; [H5.05.05.01]. Trường có hệ thống lấy ý kiến phản hồi của NH để phục vụ công tác giám sát, quản lý và cải tiến chất lượng [H3.03.02.04]. Ngoài ra, vào buổi đầu tiên của HP, GV luôn công bố hình thức đánh giá KQHT và quy trình khiếu nại cho SV thông qua việc phổ biến đề cương HP [H1.01.01.03]; [H5.05.05.01].

Theo quy định của Quy chế học vụ, NH nếu có khiếu nại thì GV dạy HP và Khoa phải kiểm tra lại và thông tin kịp thời tới NH. Theo đó, GV trả bài thi và công bố điểm thi đến NH thông qua hệ thống quản lý của Trường ĐHCT [H5.05.04.02] và cho NH phản hồi, khiếu nại điểm sau mỗi học kỳ [H1.01.01.03]; [H2.02.03.03]; [H5.05.05.01]. Ngoài ra, nếu vì lý do nào đó mà SV không thể tham dự buổi cho xem lại bài thi và thu nhận ý kiến thắc mắc về KQHT do GV tổ chức, nhiều GV đã áp dụng các ứng dụng

CNTT vào việc hỗ trợ SV gửi thắc mắc một cách đơn giản thông qua các kênh như email, tin nhắn... [H5.05.05.02]. Hầu hết thắc mắc của SV chỉ dừng lại ở việc xin được xem kỹ lại bài làm và rà soát với thang điểm đánh giá. Theo khảo sát NH đánh giá tích cực của GV (4,17/5) về việc giải đáp thắc mắc của GV, phản hồi về KQHT [H4.04.02.04(2)].

GV in và nộp bảng điểm về cho Khoa để Khoa gửi bảng điểm về Phòng Đào tạo chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày thi kết thúc HP. Trường KKHCT chịu trách nhiệm xử lý tất cả các khiếu nại của NH liên quan đến KQHT [H1.01.01.03]; [H2.02.03.03]. KKHCT cũng có Công văn hướng dẫn việc khiếu nại về KQHT, công văn này được công bố trên website của KKHCT [H5.05.05.01]. NH được quyền khiếu nại về KQĐG sau khi kết quả được công bố trong thời gian 1 tuần bằng cách điền biểu mẫu khiếu nại [H5.05.05.03] và nộp về Khoa KHCT.

Đến nay, vẫn chưa có NH khiếu nại việc đánh giá KQHT. Để nắm bắt tình hình khiếu nại của NH, BMTH còn có Sổ theo dõi khiếu nại của NH hàng năm [H5.05.05.04]. Đến thời điểm hiện tại, KKHCT không nhận được bất cứ đơn xin phúc khảo hoặc khiếu nại về điểm số HP của NH.

2. Điểm mạnh

Những quy định cụ thể về vấn đề khiếu nại KQHT của NH đã được Trường ĐHCT ban hành và thông báo công khai đến NH giúp NH dễ dàng tiếp cận.

3. Điểm tồn tại

BM hiện nay chưa tổng hợp các thắc mắc, phản hồi trực tiếp của SV với GV về kết quả ĐG để có chiến lược ĐBCL hiệu quả hơn.

4. Kế hoạch hành động

BM tổ chức tổng hợp, tổng kết các thắc mắc của SV sau mỗi học kỳ nhằm rút kinh nghiệm, từ đó có chiến lược phát triển CTĐT và ĐBCL đào tạo hiệu quả.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 6.

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

KQHT của NH được đánh giá bám sát yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Các phương pháp, công cụ kiểm tra, đánh giá phù hợp với mức độ đạt được CĐR đã được Trường ĐHCT hướng dẫn rõ ràng và cụ thể bằng cả hình thức trực tiếp (trên trang web) và bản in Quy chế học vụ. KQHT của NH được đánh bằng nhiều phương pháp đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập, mục tiêu từng HP. Đồng thời, quá trình đánh giá KQHT của NH không ngừng được đổi mới quy trình, phương pháp kiểm tra đánh giá. Các kết quả đánh giá học tập được công bố công khai và kịp thời cho NH. KQHT của NH được quản lý, lưu trữ và thông báo kịp thời, chính xác và an toàn cả trên hệ thống và nơi lưu trữ ở Khoa KHCT. CVHT luôn đồng hành cùng với SV trong quá trình học tập để giúp NH nắm quy định liên quan đến việc đánh giá KQHT của mình. Trường ĐHCT đã ban hành những quy định cụ thể về giải quyết khiếu nại KQHT của NH giúp NH dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại...

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 5: Căn cứ vào kết quả TĐG các tiêu chí trên, Hội đồng TĐG chất lượng CTĐT ngành TH tự đánh giá tiêu chuẩn 5 có 3 tiêu chí đạt mức 5 và 2 tiêu chí đạt mức 6.

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên

Mở đầu:

Công tác tuyển dụng và bổ nhiệm CB của Trường ĐHCT – KKHCT – BM luôn được thực hiện một cách công khai và đúng quy trình. Các tiêu chí và phương pháp tuyển dụng được xác định rõ ràng, tạo điều kiện thuận lợi cho các ứng viên nộp hồ sơ dự tuyển. GV luôn được Nhà trường tạo điều kiện thuận lợi để học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và NCKH. Đội ngũ GV đủ phẩm chất và năng lực để đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng khác. Hiệu quả công việc của GV cũng được đánh giá trên nhiều hình thức, tạo động lực cho GV hoàn thành tốt nhiệm vụ. Riêng đối với Khoa KHCT, do yêu cầu công việc gắn liền giảng dạy với NCKH mà Khoa không tuyển dụng viên chức loại hình nghiên cứu viên. GV thực hiện cả hai nhiệm vụ giảng dạy và NCKH.

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Công tác tuyển dụng đội ngũ GV, NCV thường niên được Nhà Trường lên kế hoạch cụ thể [H6.06.01.01(1-2)]. Hàng năm, dựa vào nhu cầu nhân sự của BM và các Khoa trong Trường được duyệt, Nhà Trường ra thông báo tuyển dụng [H6.06.01.02] và tổ chức thi tuyển theo kế hoạch định kỳ 2 lần/năm. Quy trình tuyển dụng VC được tổ chức chặt chẽ, dựa trên các văn bản của nhà trường và được phổ biến trên trang thông tin điện tử Trường [H6.06.01.03-04]. Kết quả tuyển dụng cũng được công khai trên trang thông tin điện tử Trường [H6.06.01.05]. Các chế độ và phúc lợi xã hội cho CBVC được tuyển dụng, bổ nhiệm hay miễn nhiệm được thực hiện theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường và theo các chính sách hiện hành của Nhà nước [H6.06.01.06 (1-3)]. Trong năm 2019, BM đã tuyển dụng 1 VC trước đây là GV hợp đồng của Trường [H6.06.01.07]. Các quy hoạch bổ nhiệm, bố trí công tác của các GV BM [H6.06.01.08(1-5)] thực hiện theo quy chế của trường [H6.06.01.09(1-3)].

Việc chấm dứt hợp đồng lao động, đền bù chi phí đào tạo của VC [H6.06.01.10(1-3)], [H6.06.01.11] và việc kéo dài thời gian làm việc cho VC được thực hiện theo quy định [H6.06.01.12(1-4)]. Đến tuổi nghỉ hưu, VC được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của Nhà nước [H6.06.01.13(1-3)], [H6.06.01.14].

Các kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ GV phục vụ CTĐT TH được thực hiện dựa trên nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Căn cứ vào nhu cầu thực tế của CTĐT, BM đã xây dựng kế hoạch nâng cao trình độ cho đội ngũ GV trong từng giai đoạn [H6.06.01.15(1-2)]. BM còn tạo điều kiện cho GV thi nâng ngạch [H6.06.01.16(1-2)] và tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ [H6.06.01.17(1-5)]. Để thực hiện tiến trình phấn đấu nâng cao trình độ, GV lập kế hoạch dự tuyển gửi về Khoa, Trường, trong đó nêu rõ chuyên ngành đào tạo, nơi đào tạo, thời gian đào tạo và nguồn kinh phí thực hiện đào tạo [H6.06.01.18(1-10)]. Từ 2016 đến nay, riêng GV của BM đã tham gia nhiều CTĐT tiến sĩ trong nước và đề án đào tạo tiến sĩ ngoài nước (đề án

322/911) [H6.06.01.19(1-10)]. GV sau khi hoàn thành chương trình học sẽ được thu nhận và bố trí lại công tác phù hợp với trình độ và nhu cầu [H6.06.01.20(1-4)].

Việc quy hoạch tốt đã tạo ra một đội ngũ GV đủ năng lực đáp ứng được nhu cầu về đào tạo của CTTH. Hiện nay, đội ngũ GV cơ hữu của BM bao gồm 12 người tham gia công tác đào tạo. Trong đó có 5 TS, 4 NCS và 3 Ths. Độ tuổi trung bình của GV BM là 44,5 [H6.06.01.21] (Xem Bảng 6.1, Phụ lục 4).

Đội ngũ GV của BM được quy hoạch đáp ứng tốt nhu cầu về NCKH. GV BM có đủ năng lực để thực hiện các đề tài NCKH cấp cơ sở [H6.06.01.22]. Nhu cầu chia sẻ thông tin của GV với đồng nghiệp và NH còn được thực hiện thông qua hoạt động báo cáo seminar [H6.06.01.23] và hướng dẫn luận văn tốt nghiệp cho NH [H6.06.01.24(1-11)].

Bên cạnh công tác đào tạo và NCKH, GV BM còn tham gia nhiều hoạt động phục vụ cộng đồng, bao gồm tham gia công tác tư vấn tuyển sinh, thanh tra và hỗ trợ coi thi tốt nghiệp THPT Quốc gia, tham gia tổ chức thi tuyển công chức cho Tổng cục thuế và kiêm nhiệm thư ký của Trưởng BM [H6.06.01.25(1-3)], [H6.06.01.08(5)].

2. Điểm mạnh

Nhờ thực hiện tốt công tác quy hoạch nên đội ngũ GV của ngành TH đủ năng lực đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Việc quy hoạch CB của BM chưa đảm bảo tính kế thừa. Tuổi trung bình của GV khá lớn, không có tính kế thừa khi có nhiều GV sẽ nghỉ hưu cùng thời gian

4. Kế hoạch hành động

Trong thời gian tới, khi có nhiều GV nghỉ hưu, BM sẽ có kế hoạch tuyển dụng thêm GV theo nhu cầu thực tế và ưu tiên tuyển dụng GV trẻ để đảm bảo tính kế thừa trong quy hoạch.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 5.

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Theo thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT về “Quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng các ngành đào tạo giáo viên; trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ”, tỷ lệ GV/NH thuộc khối ngành VII là 1:25 [H6.06.02.01]. BM hiện có tổng số GV tham gia giảng dạy CTTH là 12 GV, trong đó có 5 TS, 4 NCS, 3 Ths với độ tuổi trung bình là 44,5. Ngoài ra, còn có 20 GV cơ hữu thuộc các đơn vị trong và ngoài khoa đảm nhận giảng dạy trong CTĐT TH. Dựa trên cơ sở tính toán theo chế độ làm việc 40 giờ/tuần, tổng số FTE của GV năm học 2020 – 2021 là 32. Với đội ngũ GV như trên, tính trên tổng số NH sẽ có tỷ lệ GV/NH cụ thể xem (Bảng 6.2, Phụ lục 4).

Tỷ lệ GV/NH của CTĐT TH trong 5 năm qua luôn thấp hơn so với quy định của BGDĐT. Do đó, đội ngũ GV của BM luôn đáp ứng tốt với việc giảng dạy của CTĐT.

Khối lượng công việc của đội ngũ GV đều được quy đổi thành giờ chuẩn (giờ G). Định mức giờ G đối với mỗi GV được quy định cụ thể thông qua chức danh, trình độ, hệ số lương, bao gồm định mức giờ chuẩn giảng dạy, giờ NCKH, hoạt động phục vụ cộng đồng và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác. Việc quy đổi và thực hiện miễn giảm giờ chuẩn theo chức danh, vị trí công tác và cho GV được cử đi học cũng được quy định rõ ràng và chi tiết trong Quy định chế độ làm việc đối với GV ĐHCT [H4.04.02.10(1-4)], (Bảng 6.3, Phụ lục 4).

Tỷ lệ GV/NH và khối lượng công việc đối với đội ngũ GV luôn được giám sát để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Để đo lường, giám sát khối lượng công việc của GV, hàng năm Nhà trường yêu cầu GV thực hiện việc đăng ký khối lượng công tác và thi đua cho từng năm học [H6.06.02.02(1-4)]. Trên cơ sở đó, BM sẽ cân đối, điều chỉnh, tổng hợp khối lượng công tác chuyên môn cho toàn BM. Sau đó bảng đăng ký sẽ được trình lên cấp trên phê duyệt trước khi thực hiện. Nhà trường còn thành lập đoàn thanh tra kiểm tra công tác phân công giờ giảng nhằm đảm bảo việc tuân thủ các quy định của Nhà trường; ĐBCL đào tạo, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực và sự

công bằng, hợp lý trong phân công công tác giảng dạy giữa các viên chức trong đơn vị [H6.06.02.03]. Vào mỗi cuối năm học, thông qua phiếu đánh giá VC, các GV đều thực hiện việc TĐG kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học. Việc đánh giá được thực hiện theo quy trình và có sự đánh giá của lãnh đạo BM. Căn cứ vào chức danh, GV tự đánh giá khối lượng và mức độ hoàn thành công việc, sau đó BM sẽ đánh giá [H6.06.02.04(1-10)]. Danh sách đánh giá VC của BM sẽ được trình lên Khoa để đánh giá tổng hợp trước khi gửi về Trường [H6.06.02.05(1-5)]. Cuối cùng, Hội đồng thi đua - khen thưởng cấp Trường sẽ đánh giá và bình xét xếp loại thi đua làm cơ sở để phân công giờ giảng vào năm sau. Vào thời điểm quyết toán cuối năm, khối lượng công tác của GV vượt giờ chuẩn sẽ được chi trả theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường [H6.06.01.06(1-3)]. Các GV BM cũng tham gia nhiều hoạt động phục vụ cộng đồng [H6.06.01.25(1-3)], [H6.06.01.08(5)] và được quy đổi giờ G trong quy định của Trường [H4.04.02.10(1)]

Qua công tác quản lý giám sát, chất lượng đào tạo được cải tiến, tất cả các GV đều có năng lực đáp ứng các yêu cầu và quy định của nhà trường. Điều này được thể hiện chi tiết trong lý lịch viên chức [H6.06.01.21] và lý lịch khoa học của từng GV [H6.06.02.06]

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ GV/NH của BM luôn đáp ứng yêu cầu của BGDĐT. Khối lượng công việc của GV được đo lường và giám sát thường xuyên.

3. Điểm tồn tại

Do Trường chỉ mới triển khai giờ hoạt động cộng đồng năm 2021 nên có những hoạt động phục vụ cộng đồng của GV chưa quy ra giờ G cụ thể.

4. Kế hoạch hành động

Nhà trường cần có các văn bản định lượng cụ thể để đo lường khối lượng công việc của GV trong các hoạt động phục vụ cộng đồng.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 5.

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả hiện trạng

Công tác tuyển dụng CBVC của trường ĐHCT được quản lý chặt chẽ theo chỉ thị của 1586/BNV-CCVC ngày 16/05/2014 [H6.06.03.01] và nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 [H6.06.03.02]. Căn cứ vào các kế hoạch từ các đơn vị gửi về, Nhà trường sẽ phê duyệt cụ thể số lượng, trình độ và chức danh các vị trí tuyển dụng từ mỗi đơn vị [H6.06.03.03(1-3)]. Tiếp đó, Nhà trường cũng lên kế hoạch cụ thể cho công tác tuyển dụng, bao gồm hình thức tuyển dụng, chỉ tiêu và thông báo tuyển dụng, thời gian và địa điểm tiếp nhận hồ sơ, công tác chuẩn bị thành lập hội đồng tuyển dụng và thời điểm, các nội dung thi xét tuyển. Các nội dung thi xét tuyển cho từng vị trí và thang điểm tương ứng cũng được thông báo rõ ràng cho từng vị trí cụ thể [H6.06.01.01(1-2)]. Các tiêu chí xét tuyển cũng được Trường ban hành cụ thể [H6.06.01.03]. Sau khi được tuyển dụng, Nhà trường cũng có các hướng dẫn, quy trình cụ thể về việc hỗ trợ chuyên môn, nghiệp vụ cho CB được tuyển [H6.06.03.04]. Các tiêu chí bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cũng được hướng dẫn chi tiết ứng với từng vị trí [H6.06.01.09(1-3)].

Năm 2019, căn cứ vào nhu cầu về nguồn nhân lực để đáp ứng việc giảng dạy chuyên ngành, BM tuyển dụng được 01 TS chuyên ngành TH, có chứng chỉ tin học ứng dụng cơ bản và trình độ ngoại ngữ phù hợp [H6.06.01.07].

Các thông tin liên quan đến tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn VC, kế hoạch tuyển dụng, danh sách ứng viên và danh sách những người trúng tuyển đều được công khai trên trang thông tin điện tử của Trường [H6.06.01.03-04-05]. Các tiêu chí bổ nhiệm, điều chuyển cũng được ban hành rộng rãi trong Nhà trường [H6.06.01.09(1-3)]. Các kết quả về bổ nhiệm và điều chuyển cũng được công bố đến từng đơn vị và cá nhân. Trong năm 2020, BM có 1 GV được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp lên GVC [H6.06.01.08(1)].

2. Điểm mạnh

Hệ thống văn bản của nhà Trường về các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV để tuyển dụng và bổ nhiệm được quy định rõ ràng và đầy đủ. Công tác lựa chọn và tuyển

dụng bổ nhiệm GV của BM được tiến hành một cách công khai, minh bạch, xuất phát từ nhu cầu đào tạo, NCKH và hoạt động vì cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Trong giai đoạn 2016-2020, BM chỉ tuyển dụng thêm 01 CB nên trong cơ cấu độ tuổi của các GV trong BM thiếu tính kế thừa.

4. Kế hoạch hành động

Để đảm bảo tính kế thừa trong quy hoạch, BM sẽ lưu ý tuyển dụng thêm GV trẻ để thay thế cho GV trong BM đến tuổi nghỉ hưu trong thời gian tới.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 5.

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng

Theo thông tư số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 28/11/2014 và thông tư số 47/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và chế độ làm việc của GV, trong đó có quy định cụ thể nhiệm vụ, tiêu chuẩn về trình độ đào tạo và bồi dưỡng, tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn nghiệp vụ của GV [H6.06.04.01], [H6.06.04.02]. Trên cơ sở đó, Trường ĐHCT có quy định về năng lực của GV, bao gồm năng lực giảng dạy và năng lực NCKH được quy định thành tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của GV.

Theo đó, năng lực của GV được xác định rõ ràng, bao gồm giảng dạy và đánh giá NH; xây dựng CTĐT; không ngừng đổi mới chất lượng dạy và học; tham gia NCKH; biên soạn tài liệu học tập, tham gia hợp tác quốc tế; đảm nhiệm công tác CVHT và không ngừng học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ [H4.04.02.10 (1-4)].

Về việc học tập nâng cao trình độ, Nhà trường có những quy định cụ thể về tiến trình phấn đấu nâng cao trình độ của GV [H6.06.04.03]. Đối với GV hoàn thành chương trình học trước thời hạn theo quy định sẽ được xem xét cộng thêm điểm trong đánh giá, xét thi đua – khen thưởng hàng năm. Còn đối với các GV được tuyển dụng từ năm 2013 trở về trước nếu chưa hoàn thành chương trình thạc sĩ sẽ được xem xét chuyển sang vị trí

việc làm khác. Nhà trường cũng thường xuyên rà soát công tác thực hiện tiến trình phân đấu nâng cao trình độ ở các đơn vị để kịp thời có những hỗ trợ cần thiết [H6.06.04.04(1-2)].

GV BM có đủ năng lực đáp ứng các yêu cầu, quy định của nhà trường. Điều này thể hiện qua lý lịch viên chức và lý lịch khoa học của từng GV [H6.06.01.21], [H6.06.02.06]. Hiện tại 100% GVBM đều tốt nghiệp Ths, trong đó có 5 TS và 4 NCS. Mỗi GV đều đảm nhận ít nhất 2 HP giảng dạy chuyên ngành [H6.06.04.05]. Ngoài nhiệm vụ giảng dạy, GV còn thường xuyên tham gia NCKH và hướng dẫn SV thực hiện NCKH thông qua việc hướng dẫn LV tốt nghiệp [H6.06.01.24(1-11)]. GV còn đăng ký tham gia các lớp tập huấn Lý luận chính trị hệ theo quy định của BGDDĐT được thực hiện hàng năm [H6.06.04.06(1-10)].

Năng lực của GV được xác định qua những hoạt động cụ thể và được đánh giá thường xuyên, công khai và dân chủ thông qua hoạt động đánh giá phân loại VC hàng năm [H6.06.04.07(1-10)]. Thông qua phiếu đánh giá phân loại VC [H6.06.04.08], GV tự đánh giá khối lượng và mức độ hoàn thành công việc, sau đó BM sẽ đánh giá [H6.06.02.04(1-10)]. Danh sách đánh giá VC của BM sẽ được trình lên Khoa để đánh giá tổng hợp trước khi gửi về Trường [H6.06.02.05(1-5)]. Từ năm 2016-2020, có nhiều GV đạt được danh hiệu lao động tiên tiến và chiến sĩ thi đua cấp cơ sở [H6.06.04.09(1-10)].

Năng lực NCKH của GV cũng được đánh giá thông qua các hoạt động cụ thể. Các GV có năng lực tham gia nhiều đề tài NCKH cấp cơ sở [H6.06.01.22]. Việc đánh giá và tuyển chọn các đề tài cấp trường được quy định rõ ràng từ khâu đăng ký, thuyết minh, thực hiện và nghiệm thu [H6.06.04.10]. Năng lực NCKH của GV còn được đánh giá qua các báo cáo Seminar ở cấp BM [H6.06.01.23].

Về công tác biên soạn giáo trình, tài liệu học tập, Trường cũng có những quy định và yêu cầu cụ thể đối với nội dung giáo trình và chức danh, trình độ của Ban biên soạn giáo trình. Các giáo trình và tài liệu học tập phải được nghiệm thu sau thẩm định của hội đồng [H6.06.04.11]. Từ năm 2016 - 2020, GV có 04 Giáo trình, tài liệu học tập được thẩm định và xuất bản [H6.06.04.12].

Hoạt động giảng dạy của GV cũng đã được quản lý trực tuyến thông qua “Nhật ký giảng dạy” [H6.06.04.13]. Việc lấy ý kiến từ NH để đánh giá hoạt động giảng dạy của GV đều được thực hiện trong mỗi học kỳ, có kế hoạch cụ thể và được hướng dẫn chi tiết [H3.03.02.02(1-13)]. Nhà trường đã tiến hành lấy ý kiến của SV về công tác CVHT [H6.06.04.14], và tiến hành kiểm tra tình hình thực hiện giờ sinh hoạt CVHT của GV [H6.06.04.15] để qua đó nắm bắt tình hình học tập và sinh hoạt của NH để có những giải pháp hỗ trợ cần thiết cho NH trong học tập và đời sống. Bên cạnh đó, hoạt động đánh giá còn được thực hiện thông qua hoạt động như tổ chức thi kết thúc HP cho SV [H5.05.01.10(1-8)]. Qua các đánh giá từ SV, các năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV ngành TH được đánh giá tốt [H1.01.01.18-19].

Ngoài ra, thông qua hoạt động công đoàn, năng lực giảng dạy, NCKH và các hoạt động khác của GV là công đoàn viên cũng được đánh giá hằng năm [H6.06.04.16].

2. Điểm mạnh

Năng lực của đội ngũ GV được xác định rõ ràng và nhất quán. BM, Khoa và Nhà trường thực hiện đánh giá năng lực GV đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau, phản ánh khá chính xác năng lực của đội ngũ GV giảng dạy CTĐT TH.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường có công văn cụ thể về hoạt động lấy ý kiến phản hồi từ NH về hoạt động giảng dạy của GV ở mỗi học kỳ, nhưng số lượng NH tham gia cho ý kiến rất ít, không đủ thông tin để đánh giá năng lực hoạt động giảng dạy của GV

4. Kế hoạch hành động

Nhà trường cần có quy chế cụ thể để thúc đẩy việc phản hồi ý kiến từ NH về hoạt động giảng dạy của GV, để BM, Khoa có đủ thông tin để đánh giá năng lực hoạt động giảng dạy của GV.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 5.

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả hiện trạng

Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng CB luôn được Trường ĐHCT chú trọng và thực hiện nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ CB. Hàng năm, Nhà trường đều thực hiện công tác khảo sát, đánh giá nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của CB toàn Trường [H6.06.05.01] để làm cơ sở dự trù kinh phí cho hoạt động đào tạo CB hằng năm [H6.06.05.02]. Công việc này được triển khai đến từng đơn vị, CB BM sẽ đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng theo từng năm học. Danh sách đăng ký sẽ được Khoa tổng hợp [H6.06.05.03(1-3)] và gửi về Trường phê duyệt. Trên cơ sở đó, Trường tổng hợp danh sách số lượng GV của các đơn vị toàn Trường cần được đào tạo cho từng khóa học ngắn hạn hoặc dài hạn, trong nước hoặc ngoài nước [H6.06.05.04 (1-5)].

Các GV được đào tạo theo đúng chuyên ngành đề ra. Việc thu nhận và bố trí công tác GV sau đào tạo cũng diễn ra phù hợp với nhu cầu của GV và phù hợp với chuyên ngành giảng dạy. Các nội dung bồi dưỡng, tập huấn phù hợp với xu thế, yêu cầu của CTĐT và phù hợp với định hướng phấn đấu nâng cao trình độ, nghiệp vụ của GV theo quy định của Trường [H6.06.01.17(1-5)], [H6.06.04.06(1-10)]. Bên cạnh đó, nhiều GV BM cũng tích cực tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp [H6.06.05.06(1-8)].

Căn cứ vào nhu cầu đăng ký đào tạo, bồi dưỡng, GV đủ điều kiện đi học nâng cao trình độ sẽ được Nhà trường ra quyết định cử đi học NCS cả trong và ngoài nước [H6.06.01.19(1-10)], (Bảng 6.4, Phụ lục 4). Tính đến năm 2021, BM có 100% GV đạt trình độ Ths, 44% GV cơ hữu có trình độ TS.

Quá trình thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của GV được giám sát ở nhiều mức độ. Thông qua hoạt động đánh giá, phân loại viên chức cuối năm, quá trình nâng cao trình độ của CB được giám sát và ghi nhận [H6.06.02.04(1-10)]. Nhà trường cũng tổ chức rà soát định kỳ tiến trình phấn đấu của các đơn vị [H6.06.04.04(1-2)]. Việc học tập nâng cao trình độ của GV cũng được quản lý thường xuyên. Trong quá trình đi học, GV có trách nhiệm báo cáo tiến độ học tập về Khoa và

Trường theo định kỳ 6 tháng/lần [H6.06.05.07]. Những trường hợp học tập chậm tiến độ phải xin gia hạn và phải có lý do hợp lý [H6.06.05.08]. Sau khi hoàn thành khóa học, GV báo cáo kết thúc chương trình học [H6.06.05.09] để làm cơ sở cho Khoa, Trường thu nhận và bố trí công tác hợp lý phù hợp với nhu cầu [H6.06.01.20(1-4)].

Trường luôn tạo điều kiện cả vật chất và tinh thần để GV được học tập nâng cao trình độ. Những GV đi học tiến sĩ và tham gia các lớp bồi dưỡng dài hạn, trung hạn và ngắn hạn đều được Trường miễn, giảm giờ chuẩn, hỗ trợ học phí và chế độ hỗ trợ khác [H4.04.02.10(1-4)]. GV của BM cũng tích cực tham gia hội thảo, các khóa học tập ngắn hạn ở nước ngoài [H6.06.05.10(1-5)].

2. Điểm mạnh

Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của GV luôn được xác định một cách đúng đắn và có kế hoạch. Nhà trường luôn tạo điều kiện thuận lợi thông qua các cơ chế, chính sách hỗ trợ nên việc triển khai thực hiện nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn của GV luôn đạt kết quả tốt.

3. Điểm tồn tại

Do những nguyên nhân khách quan và chủ quan, BM còn một số GV chưa thực hiện được tiến trình phân đầu đã xác định.

4. Kế hoạch hành động

BM và Nhà trường sẽ tạo mọi điều kiện để những GV này triển khai các hoạt động để đáp ứng các nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn của GV như đã xác định.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 5.

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên (bao gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có ban hành kế hoạch giảng dạy của GV vào đầu mỗi học kỳ [H5.05.01.04(1-19)]. Theo quy định của Nhà trường về việc thực hiện số giờ G của GV [H4.04.02.10(1-4)], hàng năm GV phải lên kế hoạch đăng ký khối lượng công tác thực hiện của năm, bao gồm công tác giảng dạy và NCKH. Cùng với lượng giờ G, GV còn đăng ký thi đua phân loại đối với VC [H6.06.02.02(1-4)]. Bên cạnh các kế hoạch chung bắt buộc, mỗi GV cũng có thể tự do đăng ký các hoạt động liên quan đến giảng dạy hoặc NCKH như đăng ký biên soạn GT, tài liệu học tập [H6.06.06.01]; đăng ký seminar cấp BM [H6.06.06.02]; đăng ký thực hiện các đề tài NCKH cấp cơ sở [H6.06.06.03].

Việc đánh giá kết quả thực hiện công việc của GV được thực hiện một cách công khai và có kế hoạch hàng năm [H6.06.04.07(1-10)] để làm căn cứ phân loại và khen thưởng. Việc đánh giá CBVC căn cứ vào kết quả thực hiện nhiệm vụ của cá nhân và kết quả hoạt động của BM. Những GV hoàn thành tốt công việc giảng dạy, NCKH và các công việc được giao khác được xem xét bình chọn các danh hiệu thi đua cấp trường [H6.06.04.09(1-10)], [Bảng 6.5, Phụ lục 4].

Những cá nhân có thành tích nổi bật, có nhiều đóng góp cho ngành giáo dục sẽ được đề nghị tặng Bằng khen Thủ tướng, Bằng khen Bộ Trưởng [H6.06.06.04(1-3)]. Ngoài phân loại danh hiệu thi đua thường niên của đơn vị, các hoạt động phong trào cũng được xem xét khen thưởng như danh hiệu Nữ công hai giỏi, Công đoàn viên xuất sắc [H6.06.06.05(1-6)].

Bên cạnh việc đánh giá và xét thi đua khen thưởng hàng năm, Nhà trường còn có kế hoạch xét nâng lương thường xuyên, nâng lương trước hạn và phụ cấp thâm niên vượt khung đối với CBVC, người lao động [H6.06.06.06(1-5)]. Trên cơ sở kế hoạch của Trường, Khoa sẽ tiến hành xét nâng bậc lương và phụ cấp vượt khung cho CB [H6.06.06.07(1-6)], [H6.06.06.08(1-3)]. Những cá nhân có thành tích nổi bật, xuất sắc trong năm học sẽ được xem xét nâng lương trước hạn [H6.06.06.09(1-4)].

[H6.06.06.10(1-7)]. Ngoài ra, GV BM còn được tính phụ cấp thâm niên nhà giáo theo quy định của chính phủ [H6.06.06.11(1-6)].

Kết quả công tác của GV bao gồm giảng dạy và NCKH được kê khai minh bạch thông qua phần mềm quản lý online trên hệ thống quản lý của nhà Trường [H5.05.04.02]. Các đề tài NCKH cấp cơ sở được triển khai thực hiện và kết quả được tổ chức nghiệm thu theo quy trình [H6.06.01.22]. Tổng số giờ G do NCKH của các GV BM tăng dần từ 2016-2020 [Bảng 6.6, Phụ lục 4].

Ngoài thực hiện nghiên cứu, các GV BM cũng tham gia biên soạn giáo trình, tài liệu học tập. Theo quy định của Nhà trường, thành phần của Ban biên soạn giáo trình, tài liệu học tập phải có chức danh giáo sư, PGS, GV chính hoặc TS [H6.06.04.11]. Từ năm 2016-2020, số lượng giờ G do viết sách, giáo trình, tài liệu học tập được xuất bản của GV BM cũng được ghi nhận [Bảng 6.7, Phụ lục 4].

Việc quản trị và triển khai kết quả công việc của CB CT cũng được góp ý, đánh giá từ các GV BM. Theo đó, các GV đánh giá ở mức độ hài lòng đối với Trường về hệ thống quản lý kết quả công việc, các chính sách thi đua và khen thưởng của Trường

2. Điểm mạnh

Trường có hệ thống quy định đánh giá VC được triển khai một cách đồng bộ. Việc quản trị công việc của GV được triển khai một cách rõ ràng, tạo động lực cho GV trong hoạt động hỗ trợ đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng khác.

3. Điểm tồn tại

Theo quy định chỉ có GV chính hoặc GV có trình độ TS mới được làm chủ biên trong việc biên soạn sách, giáo trình, tài liệu học tập nên một số GV chưa có trình độ TS chưa thể đăng ký biên soạn giáo trình của môn học mình giảng dạy.

4. Kế hoạch hành động

Trong việc phân công giảng dạy, BM phân công mỗi HP phải có từ 2 GV, trong đó có GV là TS để các GV có thể phối hợp với nhau biên soạn giáo trình, tài liệu học tập.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 5.

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Cùng với hoạt động giảng dạy thì NCKH được xem là một trong những nhiệm vụ quan trọng của GV Trường ĐHCT. Số giờ chuẩn NCKH của CB theo từng vị trí việc làm, chức danh cụ thể được Nhà trường quy định rõ trong chế độ làm việc đối với GV của Trường [H4.04.02.10(1-4)]. Các loại hình và định mức NCKH mà GV tham gia bao gồm: thực hiện các đề tài, dự án NCKH các cấp; công bố bài báo trên tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế; biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo, tham khảo; hướng dẫn SV NCKH; tổ chức seminar chuyên môn. Từng loại hình NCKH cũng được mô tả cụ thể trong sổ tay NCKH [H6.06.07.01].

Vào đầu năm học, bên cạnh việc lập kế hoạch đăng ký khối lượng công tác giảng dạy, GV còn đăng ký NCKH, trong đó ghi rõ loại hình, công trình nghiên cứu sẽ tham gia, tiến độ thực hiện, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết để hoàn thành nghiên cứu [H6.06.06.01-02-03]. BM, Khoa và Trường sẽ giám sát việc thực hiện kế hoạch NCKH của GV để có những hỗ trợ kịp thời cũng như tạo động lực, thúc đẩy hoạt động NCKH của GV nói riêng và của Khoa nói chung.

Kết quả NCKH hàng năm của mỗi GV được quy định thành giờ G, được ghi nhận trên hệ thống quản lý chung của trường [H5.05.04.02]. Từ năm 2015-2020, số lượng giờ G do NCKH của GV BM tăng đáng kể [Bảng 6.6, Phụ lục 4]. Trong giai đoạn 2016-2020, GV CT TH đã thực hiện được 3 đề tài NCKH cấp cơ sở [Bảng 6.8, Phụ lục 4]; công bố 42 công trình xuất bản trong nước, 07 công trình xuất bản ngoài nước [Bảng 6.9, Phụ lục 4]; xuất bản được 4 giáo trình, tài liệu học tập phục vụ công tác giảng dạy và đào tạo [H6.06.07.02]. Hồ sơ NCKH của từng GV được lưu trữ trong Lý lịch khoa học VC [H6.06.02.06].

Bên cạnh các hoạt động NCKH trên, GV BM còn tham gia tổ chức Hội thảo khoa học của Khoa [H6.06.07.03] và viết bài đăng trong kỷ yếu Hội thảo [H6.06.07.04]. Hoạt động Seminar của GV BM cũng được thực hiện thường xuyên và được nhận xét từ thành viên phản biện cũng như góp ý từ người tham dự [H6.06.07.05]. Để khuyến khích đội

ngũ GV nữ làm NCKH, nhà Trường có chính sách hỗ trợ thêm 10% giờ G trên tổng số giờ NCKH của GV nữ [H4.04.02.10(1-4)]

2. Điểm mạnh

Tình hình NCKH của GV BM có cải thiện hơn, đặc biệt có công trình đăng trên tạp chí nước ngoài.

3. Điểm tồn tại

Số lượng đề tài NCKH các cấp của BM còn ít, việc NCKH giữa các GV trong BM chưa đồng đều.

4. Kế hoạch hành động

Khuyến khích GV tham gia NCKH bằng cách hợp tác với nhau, liên kết với các GV bên ngoài để xin đề tài NCKH các cấp, xuất bản bài báo. Bên cạnh đó, BM có thể xem xét việc xuất bản các sản phẩm NCKH như một trong những tiêu chí đánh giá VC hàng năm.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 5.

Kết luận về Tiêu chuẩn 6:

Việc quy hoạch đội ngũ GV của CT TH được thực hiện có kế hoạch dựa trên nhu cầu thực tế. Tỷ lệ GV/NH rất cao, luôn đáp ứng yêu cầu của BGDDĐT. Các nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng của GV luôn được đáp ứng và hỗ trợ. Khối lượng công việc của GV được đo lường và xác định rõ ràng, làm căn cứ cho việc đánh giá và khen thưởng. Tuy hoạt động NCKH chưa thật phong phú nhưng các GV CT đã rất tích cực trong việc đẩy mạnh NCKH như đăng ký viết giáo trình; thực hiện đề tài cấp cơ sở nhằm phục vụ cho việc giảng dạy, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 6: Căn cứ vào kết quả TĐG các tiêu chí trên, Hội đồng TĐG chất lượng CTĐT ngành TH tự đánh giá tiêu chuẩn 6 có tất cả 7 tiêu chí đạt mức 5.

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Mở đầu:

Để vận hành một CTĐT không chỉ có đội ngũ CB đảm nhiệm công tác giảng dạy mà cần có đội ngũ NV hỗ trợ. Trường ĐHCT là trường đa ngành. Vì vậy, đội ngũ NV vừa là nguồn nhân lực vận hành bộ máy hành chính, vừa là lực lượng hỗ trợ cho các CTĐT trong toàn trường. CTĐT Ngành TH không có NV riêng mà được sự hỗ trợ từ đội ngũ NV của Trường và KKHCT. Đội ngũ NV của Trường ĐHCT, KKHCT đủ về số lượng, được đào tạo đúng chuyên môn kỹ thuật, có khả năng hỗ trợ, đồng thời tư vấn tốt cho GV và NH trong toàn Trường nói chung và cho ngành TH nói riêng. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn đội ngũ NV được xác định rõ ràng, đảm bảo tính khách quan, công bằng và minh bạch. Trong quá trình công tác, đội ngũ NV được tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Đồng thời, hàng năm Nhà trường đều có kế hoạch đánh giá năng lực đội ngũ NV và có những hình thức khen thưởng hợp lý.

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Công tác quy hoạch nguồn nhân lực luôn được trường ĐHCT xem trọng. Nhà trường có đề án quy hoạch phát triển tổng thể Trường ĐHCT trọng điểm giai đoạn 2015-2020 và đề án bổ sung phát triển 2022. Theo đó, Nhà trường có kế hoạch hành động về xây dựng bộ máy tổ chức và nhân sự của Trường ĐHCT với các giải pháp về tuyển dụng, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ NV phục vụ đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Cụ thể, Đề án quy hoạch phát triển tổng thể Trường ĐHCT trọng điểm đến năm 2022, tầm nhìn đến 2030 (ban hành tháng 8/2019) dự kiến chỉ tiêu về kế hoạch CBNV đến năm 2020 là 434 người (trong đó 114 NV hỗ trợ giảng dạy, 320 NV hành chính); đến năm 2022 là 399 người (trong đó 119 NV hỗ trợ giảng dạy, 280 NV hành chính), đến năm 2030 là 420 người (trong đó 140 NV hỗ trợ giảng dạy, 280 NV hành chính) [H4.04.01.03].

Nhà trường có chính sách thu hút và phát triển đội ngũ NV Trường được thể hiện thông qua Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường [H6.06.01.06]. Theo đó, ngoài thu nhập tiền lương theo bậc ngạch, hàng tháng, mỗi NV còn được nhận tiền phụ cấp tùy theo từng vị trí công tác. Hàng năm, Trường có chính sách tiền thưởng vào các dịp lễ, tết cho CB, công chức, viên chức và người lao động. Bên cạnh đó, CB,CC,VC và người Lao động của Trường được hỗ trợ kinh phí khám sức khỏe định kỳ hàng năm [H7.07.01.01].

Dựa trên “Điều chỉnh bổ sung đề án quy hoạch phát triển tổng thể Trường ĐHCT trọng điểm đến năm 2022” và báo cáo nhu cầu về đội ngũ NV của các đơn vị, Nhà trường quy hoạch lại đội ngũ NV toàn trường thông qua tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển NV cho phù hợp từng yêu cầu, vị trí công việc và được cập nhật công khai trên website của đơn vị [H7.07.01.02], [H7.07.01.03]. Sau khi được tuyển dụng, bổ nhiệm, NV phải hoàn thành hồ sơ lý lịch và gửi về Phòng Tổ chức cán bộ Trường. Phòng Tổ chức cán bộ có nhiệm vụ lưu trữ, bảo mật và cập nhật thông tin trong hồ sơ lý lịch của NV hằng năm. Theo thống kê số lượng viên chức, người lao động toàn Trường từ năm 2015 đến tháng 11/2020, tỷ lệ NV/GV có giảm nhẹ hơn so với những năm trước [H7.07.01.04].

CTĐT ngành TH được sự hỗ trợ của đông đảo đội ngũ NV làm việc tại các Phòng ban, Trung tâm của Trường, Khoa như: Phòng Đào tạo, Phòng Công tác Sinh viên, Phòng Công tác Chính trị, Phòng Tài chính, Trung tâm Học liệu, Trung tâm Thông tin và Quản trị mạng, Trung tâm Tư vấn, hỗ trợ và Khởi nghiệp sinh viên, Văn phòng Khoa KHCT, thư viện Khoa KHCT... Đội ngũ NV được tuyển chọn kỹ càng theo các tiêu chí của Trường đảm bảo đủ số lượng, đúng yêu cầu về trình độ chuyên môn đáp ứng tốt nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng [H7.07.01.05], [H7.07.01.06(1,2)]. Số lượng và trình độ NV thư viện, PTN, CNTT, hành chính, hỗ trợ NH thể hiện qua (Bảng 7.1, Phụ lục 4)

Hiện tại, KKHCT có tổng số 04 NV được bố trí công việc hợp lý với trình độ và chuyên môn phù hợp tại Văn phòng Khoa. Việc quy hoạch đội ngũ NV hỗ trợ được thực hiện theo đúng quy định của Nhà trường [H7.07.01.07]. Từ năm 2016 đến năm 2020, số lượng NV hỗ trợ tại KKHCT giảm từ 05 NV xuống còn 04 NV (2020) do có 1 NV xin nghỉ việc vì lý do gia đình [H7.07.01.08], [Bảng 7.2, Phụ lục 4]. Hiện nay, đội ngũ này đảm bảo về số lượng và chất lượng đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng

đồng [H7.07.01.09-10]. Ngoài thực hiện nhiệm vụ chuyên trách, một số NV của KKHCT còn kiêm nhiệm công tác khác [H07.07.01.11]. KKHCT không có NV phục vụ giảng dạy và bảo vệ. Tuy nhiên, định kỳ 6 tháng, KKHCT có đề xuất nhu cầu công tác quản lý phòng học và bảo vệ ngoài giờ tại Khoa với Trường. Trên cơ sở đó, Trường ký hợp đồng giao khoán công việc nêu trên nhằm đáp ứng yêu cầu công việc phục vụ giảng dạy và trực bảo vệ [H7.07.01.12]. Về NV tạp vụ được thực hiện theo chỉ đạo của Trường (chuyển từ hợp đồng trả lương trực tiếp sang hợp đồng công nhật) [H7.07.01.13].

BM.NL không có NV mà được sự hỗ trợ từ đội ngũ NV của Trường và Khoa KHCT. Bên cạnh đó, để hỗ trợ công việc cho Trường BM, BM có 01 thư ký kiêm nhiệm [H7.07.01.14].

Để nâng cao hiệu quả công tác đào tạo, trong đó có hoạt động hỗ trợ của đội ngũ NV, hàng năm Nhà trường có tổ chức khảo sát trực tuyến ý kiến của sinh viên về hoạt động của Nhà trường, trong đó có ý kiến đóng góp của NH về thái độ phục vụ trong toàn Trường và các buổi tiếp xúc trực tiếp giữa Lãnh đạo Khoa với NH [H7.07.01.15]. Đây là kênh thông tin quan trọng giúp cho việc tương tác giữa Nhà trường, Khoa với NH trở nên thường xuyên hơn, qua đó kịp thời giải đáp ý kiến và nguyện vọng của NH trong quá trình học tập tại Trường.

Dù là công tác chuyên trách hay kiêm nhiệm, trong quá trình công tác, các NV luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, thái độ phục vụ tốt, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Qua khảo sát, đa số NH của ngành TH đều hài lòng với thái độ phục vụ của NV hỗ trợ các cấp từ BM, Khoa đến Trường [H1.01.01.18-19].

2. Điểm mạnh

Việc quy hoạch đội ngũ NV được thực hiện thường xuyên, đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

GV, NV kiêm nhiệm chỉ được bổ sung kiến thức về công tác hỗ trợ chứ chưa được đào tạo bài bản nên đôi khi chưa thật sự chuyên nghiệp trong thực hiện nhiệm vụ.

4. Kế hoạch hành động

Nhà trường cần tổ chức thêm các lớp bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ GV, NV kiêm nhiệm công tác hỗ trợ, nâng cao hiệu quả phục vụ.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 5.

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả hiện trạng

Các văn bản quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV đã được Trường ĐHCT ban hành. Năm 2012, căn cứ vào điều lệ trường đại học của Thủ tướng Chính phủ năm 2010, Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/04/2006 và Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/04/2012, Trường Ban hành Quy định 4673/QĐ-ĐHCT ngày 27/12/2012 về tuyển dụng viên chức [H6.06.01.03]. Theo đó, các tiêu chí tuyển dụng quan trọng về phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn, trình độ ngoại ngữ và tin học của các ứng viên được nêu rõ.

Các tiêu chí tuyển chọn, bổ nhiệm NV, đội ngũ CB quản lý và phân công nhiệm vụ từng chức danh được xác định căn cứ vào quy định về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức hoạt động của Văn phòng Khoa, Viện, trung tâm, Bộ môn trực thuộc Trường ĐHCT (QĐ số 1025/QĐ-ĐHCT ngày 25/3/2013) [H7.07.01.07]. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng đã ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm VC quản lý các đơn vị thuộc thẩm quyền của Trường ĐHCT theo các quyết định: Số 2511/QĐ-ĐHCT (12/6/2013), Số 598/QĐ-ĐHCT (ngày 16/3/2015), Số 773/QĐ-ĐHCT (21/3/2018) [H6.06.01.09]. Trên cơ sở phân tích, khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý của các BLQ thông qua các cuộc họp giao ban của Trường [H7.07.02.01]. Điều kiện tuyển dụng viên chức phục vụ phải đáp ứng các yêu cầu về chuyên môn, tin học và ngoại ngữ. Đối với NV hợp đồng, khi hợp đồng hết hạn NV sẽ được đánh giá bởi đơn vị. Nếu NV đã hoàn thành nhiệm vụ thì hợp đồng sẽ được ký lại.

Việc tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển VC được thực hiện dựa trên nhu cầu, phù hợp khối lượng công việc của các đơn vị trực tiếp sử dụng. Các tiêu chí tuyển dụng

và lựa chọn NV để bổ nhiệm và điều chuyển được phổ biến công khai tới toàn thể CB, GV bằng nhiều hình thức như thông báo bản in [H7.07.02.02] và cập nhật trên website của Trường. Công tác tuyển dụng được thực hiện theo quy trình được công khai trên trang thông tin điện tử của Trường [H6.06.01.04]. Công tác này được thực hiện thông qua Hội đồng tuyển dụng VC của Trường với sự giúp việc của phòng Tổ chức Cán bộ và các đơn vị trực tiếp sử dụng VC, người lao động [H7.07.02.03].

KKHCT luôn tuân thủ mọi quy định của Nhà trường trong công tác tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển NV của Nhà trường. Trong 5 năm qua, KKHCT không tuyển dụng NV mới mà có bổ nhiệm lại vị trí Chánh văn phòng Khoa [H7.07.02.04]. BM không có NV mà chỉ có các GV kiêm nhiệm, được tuyển dụng, bổ nhiệm dựa trên các tiêu chí lựa chọn GV.

2. Điểm mạnh

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn NV để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định rõ ràng và phổ biến công khai nên đội ngũ NV hỗ trợ CTĐT ngành TH đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng đáp ứng tốt yêu cầu công việc.

3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát ý kiến phản hồi các BLQ về vị trí việc làm của đội ngũ NV chưa được thực hiện thường xuyên. Vì thế ảnh hưởng đến việc đóng góp, hoàn thiện các chỉ tiêu tuyển dụng của Trường.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, BGH chỉ đạo Phòng Tổ chức CB, các đơn vị đào tạo lên kế hoạch thực hiện việc khảo sát ý kiến đóng góp của các BLQ định kỳ hằng năm nhằm hoàn thiện các chỉ tiêu tuyển dụng.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 5.

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ NV được xác định và đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng

Bên cạnh đội ngũ GV, đội ngũ NV hỗ trợ luôn đóng góp một phần quan trọng trong công tác đào tạo. Việc xây dựng được đội ngũ NV có phẩm chất và năng lực sẽ là yếu tố then chốt để nâng cao chất lượng đào tạo. Trường ĐHCT luôn quan tâm đến việc xác định và đánh giá năng lực của đội ngũ NV. Năng lực của NV được xác định ngay từ khâu tuyển dụng và thường xuyên được đánh giá định kỳ hằng năm. Năng lực của NV luôn được xác định rõ ràng và đưa vào các tiêu chí đánh giá VC. Cụ thể là các tiêu chí về: *Kết quả thực hiện công việc của NV hoặc NV theo hợp đồng làm việc đã ký kết, việc thực hiện quy định về đạo đức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ nhân dân, tinh thần hợp tác với đồng nghiệp và việc thực hiện quy tắc ứng xử của VC, việc thực hiện các nghĩa vụ khác của VC như việc tham gia các hoạt động khác do Trường và đơn vị tổ chức, việc tham gia triển khai nghị quyết, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, việc tham gia học tập nâng cao trình độ* [H6.06.04.08].

Cuối mỗi năm học, Nhà trường đều tổ chức đánh giá, phân loại CBVC của Trường, trong đó bao gồm cả đội ngũ chuyên viên, NV không trực tiếp giảng dạy. Nhà Trường lập kế hoạch thực hiện đánh giá, phân loại VC hàng năm dựa trên các văn bản pháp lý của Nhà nước như Nghị định số 56/201/NĐ-CP ngày 09/6/2015, Nghị định 88/2017/NĐ-CP ngày 27/7/2017 của Chính phủ về đánh giá, phân loại CB, công chức, VC; Luật viên chức, Luật thi đua-khen thưởng cùng các Thông tư, Nghị định, Chỉ thị, Công văn khác [H6.06.04.07]. Kế hoạch này được phổ biến đến từng đơn vị và thông báo trên website của Trường.

Thực hiện theo quy trình của Trường, KKHCT thực hiện đánh giá NV một cách công khai, minh bạch. Nội dung đánh giá dựa trên mức độ hoàn thành công việc theo bản kế hoạch mà NV đã đăng ký vào đầu năm học [H7.07.03.01] và kết quả hoàn thành các công tác khác. Trong cuộc họp của Hội đồng đánh giá, NV tự đánh giá mức độ hoàn thành công việc của mình. Sau đó, các thành viên sẽ đánh giá và đi đến thống nhất [H7.07.03.02]. Đối với VC là GV kiêm nhiệm thì việc đánh giá sẽ tiến hành ở BM với quy trình tương tự [H6.06.02.04]. Dựa trên kết quả công việc, KKHCT sẽ tiến hành đánh giá và gửi kết quả về Trường [H6.06.02.05].

Việc khảo sát ý kiến của NH về hoạt động của NV cũng là kênh thông tin quan trọng hỗ trợ cho công tác đánh giá của NV. Tuy nhiên, công tác này chưa được thực hiện thường xuyên và cụ thể với từng NV hỗ trợ như với đối tượng GV [H7.07.03.03].

Kết quả đánh giá VC hàng năm từ năm 2016 đến năm 2020, tất cả các NV hỗ trợ của Khoa KHCT, thư ký Trưởng BM đều đạt mức hoàn thành nhiệm vụ trở lên [Bảng 7.3, Phụ lục 4].

2. Điểm mạnh

Quy trình đánh giá năng lực của NV được thực hiện công khai, minh bạch, tạo điều kiện cho đội ngũ NV phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

3. Điểm tồn tại

Việc thu thập ý kiến phản hồi từ NH và GV liên quan đến các hoạt động hỗ trợ của NV còn chưa được thực hiện thường xuyên, liên tục.

4. Kế hoạch hành động

Nhà trường tiếp tục triển khai công tác lấy ý kiến phản hồi của NH và GV về đội ngũ NV một cách thường xuyên. Tăng cường giám sát đội ngũ NV bằng nhiều hình thức như khảo sát trực tuyến, lắp đặt thêm hệ thống camera...

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 5.

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả hiện trạng

Nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ NV được Nhà trường xác định trên cơ sở yêu cầu nhiệm vụ công tác trong thời kỳ mới. Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch triển khai đáp ứng nhu cầu học tập của NV. Theo đề án phát triển Trường ĐHCT đến năm 2022, Trường chú trọng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ VC bộ phận hành chính quản lý (HCQL) đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ công tác trong thời kỳ mới, đảm bảo 95% CB HCQL được đào tạo nghiệp

vụ quản lý hành chính Nhà nước, lý luận chính trị, tin học và ngoại ngữ, trong đó có 50% CB HCQL vượt tiêu chuẩn nghiệp vụ ngạch đang giữ [H4.04.01.03]. Để thực hiện mục tiêu trên, các đơn vị trực thuộc trường, bao gồm KKHCT đã tiến hành phân tích nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ NV để đáp ứng nhu cầu phục vụ CTĐT nói chung, KKHCT và ngành TH nói riêng. Hàng năm, Nhà trường sẽ ra thông báo về việc đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng viên chức người lao động, thông báo này được phổ biến công khai đến từng đơn vị. Trên cơ sở làm việc với các đơn vị, Nhà trường đã nắm bắt được nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của toàn trường [H6.06.05.01]. Nhà trường đã có kế hoạch triển khai đáp ứng nhu cầu học tập của NV.

Ban Chủ nhiệm KKHCT thường xuyên theo dõi quá trình phấn đấu của đội ngũ NV hỗ trợ nhằm đạt được yêu cầu chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm. Trên cơ sở đó, nắm bắt được nhu cầu đào tạo của đơn vị và báo cáo lên Trường.

Để đáp ứng nhu cầu đào tạo, phát triển chuyên môn, Trường tạo mọi điều kiện thuận lợi để NV được học tập nâng cao trình độ tùy theo vị trí công tác, nhất là sau Đại học [H7.07.04.01]. Theo đó, đội ngũ NV của Khoa, BM được học tập nâng cao trình độ nhằm đáp tốt hơn nhu cầu phục vụ và hỗ trợ đào tạo [H7.07.04.02].

Ngoài ra, Nhà trường cũng khuyến khích NV tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ và các năng lực khác theo quy định. Hiện nay, đội ngũ NV của Khoa đã tham gia các lớp bồi dưỡng ngạch chuyên viên chính, bồi dưỡng thông tin nghiệp vụ - thư viện, bồi dưỡng kiến thức an ninh – quốc phòng, lớp Lễ tân sự kiện và lễ tân hành chính, tham gia tập huấn phần mềm quản lý nhà học [H7.07.04.03-4-5-6-7], [Bảng 7.4, Phụ lục 4].

Trường có hướng dẫn chi tiết quy định về đào tạo viên chức không thuộc chức danh GV. Theo đó, trong quá trình tham gia đào tạo, NV sẽ được hỗ trợ hoàn toàn hoặc một phần kinh phí đào tạo [H7.07.04.08].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có quy định rõ ràng việc xác định, đánh giá nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ NV; có kế hoạch triển khai thực hiện trên cơ sở tổng hợp nhu cầu từ các đơn vị.

3. Điểm tồn tại

NV phục vụ công tác quản lý phòng học và trực bảo vệ ngoài giờ của Khoa không thuộc nhân sự của trường (Hợp đồng giao khoán công việc) nên không được bồi dưỡng chuẩn nghiệp vụ thường xuyên, liên tục.

4. Kế hoạch hành động

Hàng năm, Nhà trường tiếp tục tạo điều kiện và khuyến khích cho đội ngũ NV hỗ trợ được học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Đồng thời, Trường, Khoa cần có kế hoạch bồi dưỡng nghiệp vụ cho NV phục vụ công tác quản lý phòng học và trực bảo vệ ngoài giờ không thuộc nhân sự của trường.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 5.

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHCT, KKHCT luôn quan tâm và quản lý chặt chẽ, rõ ràng kết quả công việc của NV hỗ trợ nhằm tạo động lực cho NV trong quá trình làm việc và hỗ trợ đắc lực cho hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Để quản trị kết quả công việc của NV một cách tốt nhất, Trường đã ban hành quy định về chức năng nhiệm vụ của các phòng ban, trung tâm và quy trình công tác tại Trường ĐHCT [H7.07.05.01; H5.05.01.03]. Đồng thời, chức năng, nhiệm vụ của các chuyên viên, NV cũng được phổ biến công khai trên trang website của đơn vị [H7.07.05.02]. Bên cạnh đó, quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV kể cả quy định thi đua khen thưởng cũng được Nhà trường quy định cụ thể thông qua kế hoạch thực hiện công tác đánh giá, phân loại viên chức và xét thi đua khen thưởng hằng năm [H6.06.04.07].

Đầu năm học, Nhà trường thông báo rộng rãi đến CBVC của Trường, bao gồm đội ngũ NV hỗ trợ việc thực hiện đăng ký thi đua, trong đó ghi rõ khối lượng công việc phải

thực hiện trong năm của từng NV theo sự phân công của đơn vị [H7.07.03.01]. Tùy theo yêu cầu của từng đơn vị mà NV phải xây dựng kế hoạch công tác thể hiện được: khối lượng công việc, thời gian hoàn thành và các hỗ trợ hay nguồn lực cần thiết để hoàn thành được kế hoạch đề ra [H7.07.05.03]. Trong quá trình thực hiện kế hoạch đã đăng ký, việc kiểm tra, giám sát khối lượng CV của NV cũng được thực hiện một cách đều đặn thông qua việc chấm công của đơn vị, qua các cuộc họp của Văn phòng Khoa, Khoa [H7.07.05.04-5]. Vào cuối năm học, Khoa và Trường triển khai việc đánh giá kết quả thực hiện công việc của CBVC, trong đó có NV hỗ trợ. Những NV hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao sẽ được xét các danh hiệu thi đua và khen thưởng xứng đáng.

Trong giai đoạn từ 2016 đến 2021, đa số các NV hỗ trợ của KKHCT được đánh giá ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ và đạt danh hiệu lao động tiên tiến trở lên. Hơn nữa, một số NV hỗ trợ còn đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở [H6.06.04.09]. Bên cạnh đó, một số NV hỗ trợ còn được nâng lương trước hạn [H6.06.06.09], [Bảng 7.5, Phụ lục 4].

Ngoài ra, đội ngũ NV hỗ trợ của Khoa còn được hưởng phụ cấp thu nhập tăng thêm theo thâm niên [H7.07.05.06]. Đối với những CBVC, gồm NV hỗ trợ có hệ số lương từ 2,34 trở xuống sẽ được tính tiền lương tăng thêm theo quy định [H7.07.05.07].

Bên cạnh các danh hiệu khen thưởng hàng năm, những NV có đóng góp cho sự nghiệp giáo dục cũng nhận được Bằng khen của công đoàn ngành Giáo dục [H7.07.05.08]. Ngoài ra, những cá nhân có thành tích trong việc “Xây dựng cơ quan an toàn về an ninh trật tự” cũng được tặng giấy khen kèm tiền thưởng. [H7.07.05.09]

Tất cả NV được tham gia xây dựng, góp ý trong quá trình xây dựng quy định đánh giá hiệu quả công việc. Tại BMTH, KKHCT, việc đánh giá kết quả công tác của CB, viên chức luôn được thực hiện đúng quy trình theo từng cấp, công khai và minh bạch. Tại các buổi họp đánh giá, xét thi đua khen thưởng, ý kiến phản hồi (nếu có) của NV về việc đánh giá luôn được ghi nhận và giải đáp trực tiếp trong buổi họp nên kết quả đội ngũ NV luôn thống nhất ý kiến với tập thể và kết luận chung của Trường Khoa. Đồng thời, trong giai đoạn từ 2016 – 2020, chưa ghi nhận trường hợp khiếu kiện nào liên quan đến công tác đánh giá, thi đua, khen thưởng. Chính những điều này cho thấy đội ngũ NV hài lòng về việc quản trị này.

2. Điểm mạnh

Nhà trường, Khoa luôn có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng cho đội ngũ NV hỗ trợ cũng như có cơ chế giám sát thực hiện công việc chặt chẽ. Các hình thức khen thưởng, kỷ luật hợp lý và kịp thời tạo động lực cho đội ngũ NV hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa cụ thể hóa các tiêu chí đánh giá chất lượng công việc theo từng vị trí việc làm của đội ngũ NV hỗ trợ.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2020 - 2021, Nhà trường sẽ xây dựng bộ tiêu chí đánh giá phù hợp với chức năng nhiệm vụ của NV hỗ trợ.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 5.

Kết luận về Tiêu chuẩn 7:

Đội ngũ NV hỗ trợ cho CTĐT ngành TH có chuyên môn cao, nhiệt tình trong công việc đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn NV để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định rõ ràng và phổ biến công khai. Nhà trường và Khoa luôn quan tâm, tạo điều kiện cho đội ngũ NV học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Việc đánh giá kết quả công việc của NV được thực hiện hằng năm, công khai, minh bạch để tạo động lực cho NV hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 7: Căn cứ vào kết quả TĐG các tiêu chí trên, Hội đồng TĐG chất lượng CTĐT ngành TH tự đánh giá tiêu chuẩn 7 có tất cả 5 tiêu chí đạt mức 5.

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu:

Sau 55 năm hình thành và phát triển, Nhà trường đã có nhiều hoạt động hướng đến việc cải tiến nhằm hỗ trợ và phát triển tiềm năng của NH. Chính sách tuyển sinh của Trường ĐHCT luôn được xác định rõ ràng, được công bố công khai, cập nhật. Quy trình thu nhận tân SV rõ ràng giúp Nhà trường tuyển sinh được SV đầu vào có chất lượng. Hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của NH được triển khai kịp thời và xuyên suốt. Quá trình học tập, rèn luyện của SV được theo dõi chặt chẽ nhờ các hoạt động tư vấn và hỗ trợ của các GV, CVHT, các phòng ban và các tổ chức đoàn thể trong Trường. Môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan khuôn viên Trường, Khoa và Bộ môn xanh -sạch - đẹp, tạo thuận lợi cho NH trong hoạt động học tập, nghiên cứu và sinh hoạt, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nói chung.

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.

1. Mô tả hiện trạng

Chính sách tuyển sinh ngành TH của Trường ĐHCT được thực hiện trên cơ sở tuân thủ đúng theo các văn bản có liên quan về tuyển sinh của BGDDT đảm bảo tính rõ ràng, minh bạch đúng theo các quy định hiện hành và luôn được cập nhật. Hàng năm căn cứ theo, Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy của BGDDT [H8.08.01.01], các Công văn báo cáo tự xác định chỉ tiêu tuyển sinh của Trường ĐH Cần Thơ và các Thông báo chỉ tiêu tuyển sinh của BGDDT [H8.08.01.02] Trường ĐH Cần Thơ đã ban hành Đề án tuyển sinh [H8.08.01.03] trong đó thể hiện đầy đủ những thông tin cần thiết về tuyển sinh. Đặc biệt, trên cơ sở căn cứ vào việc đảm bảo nguồn lực về quy mô và chất lượng đào tạo kết hợp cùng kết quả khảo sát việc làm NH ngành TH [H1.01.01.20-21], kết quả khảo sát các BLQ về CTĐT Cử nhân TH [H1.01.01.18-19], ý kiến đóng góp đề án tuyển sinh hàng năm của Hội đồng KH&ĐT Trường [H8.08.01.04] vì thế, chính sách tuyển sinh của Trường được xây dựng rất rõ ràng. Ngoài ra, cùng với việc ban hành đề án tuyển sinh theo đúng quy định hiện hành, hàng năm Trường ĐHCT cũng xây dựng Kế hoạch phối hợp tổ chức kỳ thi Trung học phổ thông Quốc gia và tuyển sinh đại học hệ chính quy [H8.08.01.05] và ban hành Thông tin tuyển sinh [H3.03.02.05] được công bố công

khai với nhiều hình thức như, qua trang Web của Trường [H1.01.01.06] cùng các kênh thông tin về tuyển sinh Trường ĐHCT [H8.08.01.06] và các tờ rơi thông tin tuyển sinh [H1.01.03.08].

Hàng năm dựa vào đề án tuyển sinh [H8.08.01.03], thông qua các kênh thông tin của Trường [H8.08.01.06] chính sách tuyển sinh của Trường ĐH Cần Thơ được công bố công khai. Trong đó, các thông tin về đối tượng tuyển sinh, khu vực tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, phương thức xét tuyển, mã tổ hợp xét tuyển, ngưỡng ĐBCL đầu vào, điều kiện nhận đăng ký xét tuyển, các thông tin cần biết để thí sinh đăng ký xét tuyển vào trường, tổ chức tuyển sinh, chính sách ưu tiên theo khu vực và đối tượng (tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển), lệ phí xét tuyển và học phí của ngành TH được Trường xác định rõ ràng và được công bố công khai. Các số liệu thống kê về số thí sinh đăng ký dự tuyển, số thí sinh trúng tuyển và nhập học, điểm chuẩn của từng ngành đều được Trường tổng kết, đánh giá để điều chỉnh cho những năm tuyển sinh tiếp theo [H8.08.01.07], [H8.08.01.08], [Bảng 8.1]. Đồng thời, các thông tin về Nhà trường, Khoa KHCT, BM, CTĐT ngành TH, các điểm mạnh và cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp được giới thiệu chi tiết trong clip video giới thiệu ngành tại website của Nhà trường, của Khoa [H1.01.01.06(3)]. Thông qua các kênh thông tin này, kế hoạch tuyển sinh của Trường cũng được cung cấp đến các thí sinh, gồm: mốc thời gian bắt đầu nhận hồ sơ xét tuyển (nguyện vọng 1 và các nguyện vọng bổ sung), cập nhật thông tin xét tuyển, đối tượng ưu tiên [H8.08.01.09], công bố và gửi kết quả trúng tuyển (các nguyện vọng), thời hạn kết thúc việc xét tuyển, thời gian bắt đầu nhập học chính thức. Ngoài ra, Trường cũng công khai các chính sách tuyển sinh trên các phương tiện truyền thông. Đặc biệt, vào khoảng tháng 3 hàng năm, Trường ĐHCT phối hợp cùng Báo Tuổi trẻ, Vụ Giáo dục Đại học (BGDDT), Tổng Cục Giáo dục nghề nghiệp (Bộ Lao động Thương binh và Xã hội) tổ chức Ngày hội Tư vấn Tuyển sinh - Hướng nghiệp tại Trường [H8.08.01.10] để thí sinh có thể tiếp cận thông tin về ngành học của Trường.

Với chính sách tuyển sinh như trên, trong 05 năm qua, Nhà trường đã có số lượng thí sinh dự tuyển và đạt trên 100% chỉ tiêu dự tuyển, tuy nhiên số người nhập học thực tế thấp hơn so với chỉ tiêu, được thống kê qua (Bảng 8.1 và Bảng 8.2, Phụ lục 4).

Chính sách tuyển sinh của Trường luôn được cập nhật thường xuyên. Căn cứ vào kết quả khảo sát việc làm SV ngành TH [H1.01.01.20-21], kết quả khảo sát các BLQ về CTĐT Cử nhân TH [H1.01.01.18-19], ý kiến đóng góp đề án tuyển sinh hằng năm của Hội đồng KH&ĐT Trường [H8.08.01.04] mà chính sách tuyển sinh của ngành TH được cập nhật phù hợp qua từng năm. Điểm tuyển sinh đầu vào, chỉ tiêu tuyển sinh mới, số người dự tuyển, tỷ lệ cạnh tranh, phổ điểm trung bình của NH được tuyển và danh sách NH thực học được cập nhật hàng năm, giúp người dự tuyển có đầy đủ thông tin để phân tích và lựa chọn [H3.03.02.05], [H8.08.01.07-08], [Bảng 8.1]. Phương thức tuyển sinh được điều chỉnh đúng quy định và được cập nhật thường xuyên qua từng năm, đặc biệt từ năm 2020 trường bổ sung thêm phương thức xét tuyển bằng điểm của học bạ THPT. Tổ hợp xét tuyển cũng được cập nhật. Nếu như năm 2016 và 2017, ngành TH chỉ được xét tuyển với tổ hợp C00 (Văn, Sử, Địa) thì từ năm 2018 đến nay, Trường đã bổ sung thêm 03 tổ hợp xét tuyển cho ngành TH, gồm C19 (Văn, Sử, Giáo dục Công dân), D14 (Văn, Sử, Tiếng Anh) và D15 (Văn, Địa, Tiếng Anh) [H3.03.02.05], [H8.08.01.03]. Việc bổ sung tổ hợp xét tuyển đã giúp cho các thí sinh có nhiều sự lựa chọn hơn để theo học ngành TH.

2. Điểm mạnh

Chính sách tuyển sinh ngành TH được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật thường xuyên trên các kênh thông tin của Trường và các phương tiện truyền thông đã tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh có đầy đủ thông tin để lựa chọn ngành học. Công tác xét tuyển đầu vào được Trường ĐHCT tổ chức nghiêm túc, đúng quy định, đảm bảo được tính minh bạch và công bằng.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động khảo sát, phân tích và dự báo nhu cầu nguồn nhân lực có liên quan đến ngành đào tạo chưa được thực hiện thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Trong thời gian tới, Nhà trường, KKHCT và BMTH tiếp tục thực hiện tốt chính sách tuyển sinh công khai minh bạch đảm bảo số lượng và chất lượng đầu vào; tập trung

vào việc khảo sát các BLQ về nhu cầu nguồn nhân lực ngành TH từ đó làm cơ sở xây dựng đề án tuyển sinh nhằm đảm bảo nhu cầu xã hội.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 5.

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH ngành TH được Nhà trường và KKHCT xây dựng đúng theo Quy chế tuyển sinh của BGDĐT [H8.08.01.01], và đề án tuyển sinh của Nhà trường [H8.08.01.03]. Dựa trên kết quả của kỳ thi THPT Quốc gia, Nhà trường lấy điểm từ cao xuống đến hết chỉ tiêu của ngành và điểm chuẩn không thấp hơn ngưỡng ĐBCL đầu vào do BGDĐT quy định. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được xác định rõ ràng và luôn được cập nhật đúng quy định và thay đổi theo hướng mở rộng cơ hội cho NH. Trong những năm gần đây Trường đã mở rộng các phương pháp tuyển chọn NH, các tiêu chí và phương pháp này được xác định rất rõ ràng qua Đề án tuyển sinh được ban hành hàng năm [H8.08.01.03], Thông tin tuyển sinh Tờ [H3.03.02.05] và các Tờ rơi thông tin tuyển sinh [H1.01.03.08]. Thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển [H8.08.01.08] được Trường thông báo các thông tin cần thiết như mốc thời gian bắt đầu nhận hồ sơ xét tuyển; cập nhật thông tin xét tuyển; công bố và gửi kết quả trúng tuyển; thời hạn kết thúc việc xét tuyển; thời gian bắt đầu nhập học chính thức để các tân SV thuận lợi cho việc hoàn thành thủ tục nhập học tại Trường [H8.08.01.07]. Công tác thu nhận SV hệ chính quy được tổng kết qua từng năm tuyển sinh thông qua các báo cáo tổng kết về công tác tuyển sinh của Trường ĐHCT [H8.08.02.01].

Hội đồng tuyển sinh của Nhà trường dựa trên các phân tích và các dự báo nhu cầu nhân lực của BGDĐT cung cấp để đưa ra các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH. Tiêu chí và phương pháp xét tuyển ngành TH được rà soát và đánh giá định kỳ hằng năm tại Trường thông qua các Báo cáo về công tác tuyển sinh gửi về cho BGDĐT [H8.08.02.01], và các Báo cáo tổng kết năm học hàng năm của Trường và Khoa [H8.08.02.02], [H8.08.02.03]. Kết quả thống kê cho thấy, điểm trúng tuyển của ngành

TH qua các năm 2016, 2017, 2018, 2019, 2020 ở mức khá cao so với điểm chuẩn [Bảng 8.1 & 8.2]. Đặc biệt, hàng năm Hội đồng KH&ĐT và Ban chỉ đạo tuyển sinh đại học hệ chính quy luôn có tổng kết, đánh giá và đóng góp ý kiến vào Đề án tuyển sinh [H8.08.01.04], điều này đã góp phần làm tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH ngày càng được xác định rõ ràng hơn.

2. Điểm mạnh

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH ngành TH của Trường ĐHCT được xác định rõ ràng đúng theo các quy định hiện hành và được đánh giá thường xuyên. Điều này đã tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh đăng ký xét tuyển và tuyển chọn được NH phù hợp với yêu cầu của CTĐT đảm bảo tính khách quan.

3. Điểm tồn tại

Phương thức và tiêu chí tuyển chọn NH chưa đảm bảo tính đa dạng, chủ yếu xét tuyển dựa vào kết quả Kỳ thi THPT quốc gia và phương thức xét tuyển điểm học bạ THPT và chưa xét tuyển thường xuyên trong năm.

4. Kế hoạch hành động

Trong thời gian tới, Nhà trường, Khoa KHCT, BM sẽ phát huy và tạo mọi điều kiện để có thể tuyển chọn NH cho ngành TH với chất lượng tốt nhất, đồng thời phát huy tinh thần tự chủ, nghiên cứu và triển khai thêm nhiều phương thức xét tuyển khác như đánh giá năng lực đầu vào của NH và xét tuyển thường xuyên trong năm.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 5.

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHCT là một trong những trường đại học đầu tiên trong cả nước áp dụng đào tạo theo hệ thống TC theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống TC của BGDDT [H8.08.03.01]. Đây là phương thức đào tạo được sử dụng phổ biến nhất hiện nay trên thế giới có thể giúp NH tự chủ trong quá trình học tập cũng như

giúp cho việc giám sát về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của NH thuận tiện và hiệu quả hơn.

Nhà trường có các phòng ban chức năng và CB chuyên trách được phân công giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của NH một cách kịp thời và nhân văn. Ở mỗi lớp TH (theo từng khóa), Trường có phân công CB chuyên trách để quản lý, giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của NH. Công tác giám sát KQHT và khối lượng học tập của NH được quản lý thường xuyên với sự hỗ trợ của CVHT [H8.8.03.02]. Bên cạnh đó, việc hỗ trợ NH còn có đội ngũ CB của BM, Khoa và Nhà trường, vào đầu năm học, Nhà trường, KKHCT và BM kết hợp tổ chức sinh hoạt đầu khóa cho SV các khóa, đặc biệt là SV năm nhất để cung cấp, hỗ trợ cho tân SV những thông tin cần thiết, giới thiệu CVHT để hướng dẫn SV về KHHT và các sinh hoạt khác theo lớp chuyên ngành [H2.02.03.01]. CVHT có trách nhiệm theo dõi, góp ý và điều chỉnh quá trình học tập của SV. Lịch sinh hoạt giữa CVHT và SV được công bố trên thời khóa biểu học kỳ chính của SV ít nhất 4 lần trong mỗi học kỳ để cung cấp thông tin và hỗ trợ kịp thời khi SV có bất kỳ vấn đề nào trong học tập của mình [H8.08.03.03],[H5.05.02.05].

Bên cạnh đội ngũ CB hỗ trợ giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của NH là CVHT, Trường đã trang bị hệ thống máy tính khá hiện đại và phần mềm quản lý đào tạo [H8.08.03.04] tạo điều kiện thuận lợi cho SV đăng ký HP, theo dõi tiến độ học tập của NH để có những thay đổi và cải thiện trong quá trình học tập. Hệ thống này còn hỗ trợ Nhà trường, Khoa KHCT, BM cũng như CVHT cập nhật nhanh chóng tiến độ học tập và ĐRL của NH mà mình quản lý. Hệ thống này ngày càng phát huy hiệu quả khi phần mềm được thiết kế linh động hơn, hệ thống mạng ngày càng nâng cấp, mở rộng, tạo điều kiện thuận lợi cho NH sử dụng CNTT mọi lúc mọi nơi [H8.08.03.05]. Kết quả tốt nghiệp, KQHT và ĐRL của NH theo từng học kỳ và hàng năm được lưu trữ đầy đủ trên Hệ thống quản lý và dưới dạng văn bản [H8.08.03.06-07-08]. Đây chính là cơ sở dữ liệu và cũng là công cụ hữu hiệu và hiện đại hỗ trợ giám sát sự tiến bộ của NH trong học tập và rèn luyện.

Để việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, KQHT, khối lượng học tập của NH đạt hiệu quả cao, Trường đã ban hành hàng loạt những quy trình và quy định cụ thể được công bố công khai và có đội ngũ hỗ trợ để thực hiện. Ngay từ khi nhập học, NH

ngành TH được Trường cung cấp Quy định công tác học vụ [H2.02.03.03] và CTĐT [H1.01.01.02] của ngành để giúp NH hiểu và thực hiện đúng các quy định về các vấn đề liên quan đến NH như TC, CTĐT, KHHT, đăng ký HP, đánh giá HP. Bên cạnh đó, mỗi CVHT, GV của ngành TH cũng được Nhà trường cung cấp Sổ tay GV [H3.03.01.09] và Quy định công tác học vụ, trong đó quy định và hướng dẫn rất rõ về việc thực hiện KHHT, đăng ký HP đánh giá HP cũng như trách nhiệm của CVHT và GV giảng dạy. Đặc biệt, từ học kỳ 2, năm học 2019-2020 Trường đã ban hành Sổ tay SV [H8.08.03.09] gồm đầy đủ những thông tin chung liên quan đến NH và các vấn đề về tổ chức đào tạo, đánh giá KQHT và rèn luyện, xét và công nhận tốt nghiệp. Đây là kênh thông tin quan trọng giúp NH hiểu biết và tìm đúng nơi hỗ trợ, tư vấn khi có những vấn đề phát sinh trong quá trình học tập. Về đánh giá kết quả rèn luyện của NH, thực hiện theo Thông tư số 16/2015/TT-BGDĐT ngày 12/8/2015 về đánh giá kết quả rèn luyện của NH được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy [H8.08.03.10], Trường ĐHCT cũng ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện cho SV Trường [H8.08.03.11]. Quy trình đánh giá ĐRL và phản hồi của SV về kết quả ĐRL được thực hiện và giám sát chặt chẽ thông qua hệ thống quản lý [H8.08.03.12], [H8.08.03.08].

Việc giám sát sự tiến bộ trong học tập (KQHT, khối lượng học tập) và rèn luyện của NH được Nhà trường xây dựng theo quy trình và được số hóa giúp NH và CB quản lý kịp thời theo dõi KQHT cũng như khối lượng học tập của CTĐT để kịp thời điều chỉnh và đôn đốc, hỗ trợ NH. Hàng năm, Trường đều thực hiện đánh giá năng lực ngoại ngữ cho các tân SV và sử dụng kết quả này làm cơ sở để xếp lớp, miễn HP ngoại ngữ của CTĐT, đồng thời cũng là cơ sở để NH có kế hoạch phấn đấu nâng cao trình độ ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu của CTĐT [H5.05.01.02]. Trường cũng tiến hành kiểm tra văn bằng tốt nghiệp THPT và hồ sơ nhập học của NH thường xuyên để có những quyết định kịp thời và công bằng cho NH [H8.08.03.13]. Trong mỗi học kỳ và năm học, Trường và Khoa đều thực hiện tổng kết và khen thưởng cho NH có thành tích tốt trong học tập, rèn luyện và các hoạt động phong trào cũng như có những cảnh báo kịp thời với NH vi phạm quy định công tác học vụ [H8.08.03.14-15-16]. Về việc đăng ký xét tốt nghiệp được tổ chức nhiều đợt trong năm, tạo điều kiện cho NH có thể tốt nghiệp vượt tiến độ nếu như hoàn thành CTĐT. Trường cũng rất quan tâm đối với NH chậm tiến độ, dữ liệu cụ thể được cập nhật

hàng năm và cử CVHT riêng cho đối tượng này, nhờ vậy mà số NH chậm tiến độ của ngành TH được giảm dần [H8.08.03.17-18], [Bảng 8.2]. Hàng năm Nhà trường đều có kế hoạch tổ chức lấy ý kiến NH về hoạt động đào tạo và các hoạt động hỗ trợ NH, đây là kênh thông tin hữu hiệu giúp NH và Nhà trường có cơ sở để thực hiện các biện pháp cải tiến KQHT và rèn luyện của NH [H7.07.01.15], [H5.05.02.04].

2. Điểm mạnh

Trường có hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của NH bằng phần mềm quản lý hiện đại, quy trình giám sát khoa học và đội ngũ CB tận tâm làm cho việc theo dõi sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của NH phát huy được hiệu quả.

3. Điểm tồn tại

Phần mềm hệ thống quản lý của Trường mặc dù đã được nâng cấp và hoàn thiện nhưng vẫn còn thiếu một số chức năng cần được cập nhật và khai thác, việc phân CVHT chưa thật sự hợp lý.

4. Kế hoạch hành động

Trong thời gian tới, Nhà trường, Khoa và BM tiếp tục cải tiến để phát huy thế mạnh của hệ thống phần mềm quản lý, hướng đến việc tạo điều kiện thuận tiện cho người sử dụng (chuyển đổi thành app tiện lợi hơn cho người dùng), chú trọng hơn việc bố trí CVHT tận tâm và có hiểu biết sâu về CTĐT.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 6.

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.

1. Mô tả hiện trạng

Đội ngũ CB các đơn vị và các bộ phận chức năng trong Trường ĐHCT đều có vai trò tư vấn, hỗ trợ NH cải thiện việc học tập đạt kết quả tốt nhất. Trường đã ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ của các phòng, trung tâm và quy trình công tác, phối hợp thực hiện hoạt động tư vấn, hỗ trợ và phục vụ SV của các đơn vị trong Trường [H7.07.01.07],

[H7.07.05.01-02]. Việc tư vấn học tập, rèn luyện cũng như các chế độ chính sách và hoạt động ngoại khóa, học thuật của NH được thực hiện thống nhất trong toàn Trường theo Quy định về công tác CVHT [H8.08.04.01] và trong Sổ tay SV [H1.01.03.06]. Hoạt động sinh hoạt CVHT được xếp vào thời khóa biểu của GV và được Trường kiểm tra, đánh giá bởi Phòng Công tác Sinh viên, Phòng Thanh tra Pháp chế và Văn phòng Đoàn trường [H6.06.04.15].

Hàng năm, Trường, KKHCT và BM đều tổ chức buổi sinh hoạt đầu năm học và chào đón tân SV [H2.02.03.01]. Trong buổi sinh hoạt này, NH được tư vấn và giải đáp thắc mắc những vấn đề có liên quan đến Trường, Khoa, các đơn vị chức năng và NH. Trước hết NH được CVHT tư vấn lập KHHT toàn khóa [H3.03.03.02] và hướng dẫn thực hiện các quy trình trong công tác học tập. Để hỗ trợ cho hoạt động đăng ký HP, PĐT luôn lập kế hoạch và công bố kịp thời trên website (hoặc bằng văn bản) các thông báo về phân chia kế hoạch đăng ký HP trực tuyến, kế hoạch giảng dạy [H5.05.01.04]. Để chuẩn bị số liệu mở lớp cho việc đăng ký HP học kỳ tiếp theo, đồng thời hỗ trợ NH có nhu cầu điều chỉnh lại KHHT, Nhà trường có thông báo cụ thể về thời gian mở lại website nhập KHHT cho NH [H8.08.04.03]. Trường cũng thông báo rộng rãi cho SV được biết về những HP mà NH đăng ký không đủ sĩ số để mở để SV có những điều chỉnh kịp thời [H8.08.04.04]. Đối với việc thực hiện HP Giáo dục quốc phòng & An ninh tại Hòa An dành cho SV năm thứ 1, Trường cũng có kế hoạch cụ thể về thời gian đưa rước và các thông tin về học tập, sinh hoạt để NH có sự chuẩn bị kịp thời [H8.08.04.05]. PĐT cũng kết hợp với Khoa KHCT, BM hướng dẫn NH (nhất là NH năm nhất và NH chưa đăng ký được HP theo KHHT), mở thêm nhóm HP [H8.08.04.06], xét miễn HP [H2.02.01.04], [H8.08.04.07-08] giúp NH hoàn thành đúng tiến độ học tập. Đối với NH làm luận văn tốt nghiệp, NH có quyền chọn lựa giáo viên hướng dẫn và đề xuất chủ đề. Khi được chấp nhận NH luôn được sự cố vấn, giám sát và hỗ trợ từ BM và các GV phụ trách [H6.06.01.24]. Các kế hoạch, quy trình thực hiện luận văn, các mẫu báo cáo rõ ràng tạo điều kiện thuận lợi cho NH [H8.08.04.09-10], [H5.05.02.02]. Bên cạnh hoạt động học tập, Trường còn khuyến khích và hỗ trợ NH thực hiện đề tài NCKH [H4.04.03.01], [H4.04.03.02], [H4.04.03.03].

Vào học kỳ 2 của năm thứ 3, NH sẽ được tham gia HP thực tế ngoài Trường [H4.04.02.01]. Bên cạnh đó, công tác trao đổi học thuật để tìm kiếm cơ hội học tập cũng như việc làm cho NH được Trường, KKHCT và BM, đặc biệt quan tâm. Trường đã ban hành quy định trao đổi SV ngắn hạn với các trường đối tác nước ngoài [H8.08.04.11]. Từ năm 2016 đến năm 2019, có 08 NH CTTH được đi học tập ngắn hạn tại Thái Lan và Đài Loan theo chương trình trao đổi SV [H3.03.03.08].

Để khuyến khích NH học tốt, dựa trên KQHT của mỗi học kỳ, Trường ĐHCT cấp học bổng cho các NH có thành tích xuất sắc, giỏi trong học tập và rèn luyện. Ngoài ra, Trường và KKHCT còn khen thưởng cho NH có thành tích trong các hoạt động phong trào [H8.08.03.14-15-16]. Trường còn kết hợp với các tổ chức để trao học bổng cho SV nghèo vượt khó, SV có hoàn cảnh khó khăn và SV dân tộc thiểu số có thành tích học tập tốt. Bên cạnh đó, Nhà trường luôn có chính sách miễn giảm học phí, trợ cấp xã hội, hỗ trợ chi phí học tập cho SV nghèo vượt khó [H8.08.04.12] và vận động các nguồn học bổng tài trợ khác [H8.08.04.13]. Ngoài ra các cấp Đoàn, Hội còn tổ chức nhiều hoạt động thi đua khác, thông qua các hoạt động này NH sẽ được đánh giá, công nhận đoàn viên ưu tú, được giới thiệu học tập các lớp cảm tình đảng, điều này cũng tạo được động lực phấn đấu trong học tập cho NH. Đặc biệt, để đảm bảo cho hoạt động hỗ trợ NH được phát huy hiệu quả, Trường và KKHCT còn tổ chức lấy ý kiến phản hồi của NH về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn và hỗ trợ học tập [H7.07.01.15]; [H5.05.02.04]; [H8.08.04.14], và việc làm [H8.08.04.17].

Trường ĐHCT thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa như: giao lưu văn hóa, văn nghệ giữa các đơn vị trong và ngoài Trường, tổ chức dã ngoại, tham quan học tập, tham gia câu lạc bộ, vui chơi giải trí, thể dục thể thao, hoạt động học thuật, hướng nghiệp [H8.08.04.15], [H8.08.04.16]. Các sân chơi này đã khơi dậy tình đoàn kết và thói quen rèn luyện sức khỏe để học tập và nâng cao kỹ năng sống cho NH, đồng thời đây cũng chính là những hoạt động nhằm cải thiện khả năng có việc làm cho NH.

Đối với vấn đề việc làm, đây luôn là mối quan tâm đặc biệt của NH cả trước và sau khi ra trường. Các đơn vị chức năng như: Phòng Công tác SV, Trung tâm Tư vấn, Hỗ trợ và Khởi nghiệp Sinh viên [H1.01.03.07] Đoàn Thanh niên, Hội SV thể hiện vai trò nòng cốt trong việc định hướng việc làm cho NH thông qua các chương trình mà Đoàn -

Hội đã thực hiện [H8.08.04.18]. Trong quá trình học tập, NH được Trung tâm tư vấn hỗ trợ SV phối hợp với NTD lao động thường xuyên tư vấn thông tin về nghề nghiệp, việc làm, kỹ năng lập hồ sơ xin việc, tìm việc, trả lời phỏng vấn, khởi nghiệp, tập sự và thử việc. Thông qua các đơn vị này, Trường, Khoa và BM luôn chuyển đến NH kịp thời các thông tin về việc làm [H8.08.04.19]. Ý kiến phản hồi của NH về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập và hỗ trợ việc làm cũng được thực hiện [H8.08.04.14]. Trong 2 năm, từ 2019 đến 2020, Trường, KKHCT và BM thực hiện khảo sát tình hình việc làm của SV TH sau một năm tốt nghiệp. Kết quả khảo sát cho thấy tình hình có việc làm của SV TH rất khả quan, năm 2019 có 93,85% và năm 2020 có SV có việc làm sau khi tốt nghiệp.

2. Điểm mạnh

Các hoạt động tư vấn, hỗ trợ NH được thực hiện đa dạng và hữu ích, đặc biệt là các hoạt động thi đua, hoạt động ngoại khóa đã tạo điều kiện cho NH hình thành và phát triển được kiến thức, kỹ năng và thái độ, đáp ứng yêu cầu đặc thù của CTĐT ngành TH.

3. Điểm tồn tại

Các hoạt động tư vấn và ngoại khóa nhằm tạo cho NH có được cơ hội việc làm chưa được thực hiện thường xuyên và đa dạng. NH ngành TH có thể tham gia nhiều câu lạc bộ tại Trường, nhưng vẫn chưa thể tham gia sinh hoạt học thuật chuyên về TH, do chưa tổ chức thành lập câu lạc bộ này.

4. Kế hoạch hành động

Trong thời gian tới, Trường, Khoa KHCT, TT Tư vấn, Hỗ trợ và Khởi nghiệp SV và BM sẽ phối hợp tổ chức thường xuyên và đa dạng hơn các hoạt động ngoại khóa và tư vấn cho NH. Tập trung thành lập câu lạc bộ học thuật dành riêng cho NH ngành TH.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 5.

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHCT có khuôn viên đẹp với cảnh quan thoáng mát, tổng diện tích đất của Trường là 2.249.773,47m². Trong những năm qua, Trường ĐHCT luôn quan tâm đến cảnh quan nơi làm việc và khu giải trí cho SV. Trường ĐHCT có 04 cơ sở đào tạo: khu I, khu II, khu III thuộc thành phố Cần Thơ và khu Hòa An thuộc tỉnh Hậu Giang. Riêng khu II của Trường là nơi tập trung chính của các hoạt động học tập, nghiên cứu và sinh hoạt của SV. Khuôn viên khu II rộng rãi, thoáng mát được bao phủ bởi nhiều cây xanh với đầy đủ các công trình như: Nhà Điều hành, các dãy nhà học, giảng đường, văn phòng Khoa, Bộ môn, thư viện, khu KTX, Nhà thi đấu thể thao, Phòng tập Gym và Aerobic, hệ thống siêu thị mini, căn tin, nhà xe, hệ thống Wifi, hệ thống camera an ninh và đường nội bộ [H8.08.05.01]. Trong nhiều năm, Trường ĐHCT luôn được bình chọn trong danh sách các Trường có mảng xanh đẹp nhất ở Việt Nam. Khuôn viên KKHCT được bao quanh bởi nhiều cây xanh, cảnh quan mát mẻ, có khu vực dành cho NH chơi thể thao sau giờ học tập trên lớp như sân bóng chuyên, sân bóng đá mini [H8.08.05.02]. Môi trường vệ sinh lớp học luôn sạch sẽ, NH có ý thức tốt trong việc thực hiện các nội quy, quy định của Nhà trường. Trường còn rất chú trọng xây dựng môi trường văn hóa giáo dục, đã ban hành các quy định về thực hiện nếp sống văn minh trong giao tiếp ứng xử, trang phục, an toàn giao thông, an ninh trật tự, giữ gìn cảnh quan môi trường nơi sinh sống và học tập của NH [H8.08.05.03], [H8.08.05.04]. Ngoài việc ban hành các Quy trình công tác có liên quan đến NH và viên chức của Trường [H8.08.05.05], tại các khu nhà học và các phòng ban chức năng còn có các biểu, bảng phổ biến các nội quy, quy định về quy tắc ứng xử của NH và viên chức của Trường [H8.08.05.06].

Trường ĐHCT cũng rất chú trọng đến môi trường tâm lý, xã hội nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho NH, Nhà trường có Trung tâm tư vấn, Hỗ trợ và Khởi nghiệp SV, Đoàn Thanh niên, Hội SV [H1.01.03.07] và đội ngũ CVHT giúp NH có thể tháo gỡ những khó khăn trong học tập, cuộc sống và xã hội. Đặc biệt, Trung tâm tư vấn, Hỗ trợ và Khởi nghiệp SV chính là cầu nối để NH có thể tìm kiếm cơ hội giao lưu, học tập và rèn luyện các kỹ năng, được tham gia trải nghiệm thông qua các hoạt động thực tế và tìm

kiểm nguồn học bổng tài trợ. Đây là nơi, NH có thể tìm thấy sự thoải mái và tự tin khi tham gia vào các hoạt động được tổ chức qua đó cũng có nhiều cơ hội để tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp. Ngoài ra, môi trường tâm lý còn được xây dựng bằng các dịch vụ hỗ trợ về chăm sóc sức khỏe y tế học đường. Tất cả NH đều tham gia bảo hiểm y tế, đảm bảo việc chăm sóc sức khỏe và khám chữa bệnh khi có nhu cầu. Tất cả các NH năm nhất được kiểm tra sức khỏe tổng quát vào đầu năm học [H8.08.05.07]. Việc kiểm tra nhằm cung cấp thông tin về tình trạng sức khỏe và tư vấn cho NH chăm sóc bản thân tốt nhất trong quá trình học tập tại Trường. Website của phòng Công tác SV cũng thường xuyên cung cấp thông tin về dịch bệnh và tư vấn phương pháp phòng tránh [H8.08.05.08]. Việc kiểm tra giám sát An toàn thực phẩm đều được triển khai trong từng năm học [H8.08.05.09]. Công tác PCCC được xem trọng, CBVC và NH được truyền thông và tập huấn về công tác PCCC thường xuyên [H8.08.05.10].

Nhằm đảm bảo về môi trường cảnh quan, tâm lý và xã hội, hàng năm Nhà trường đều tổ chức các buổi lấy ý kiến NH và các BLQ từ đó để có thêm thông tin để lãnh đạo Trường có kế hoạch điều chỉnh, cải tiến nhằm mang lại không gian, môi trường tâm lý, xã hội thích hợp nhất cho NH học tập, NCKH và vui chơi giải trí. Kết quả phản hồi luôn được Nhà trường quan tâm giải quyết, qua từng năm cho thấy mức độ hài lòng của NH và các BLQ càng cao [H1.01.01.18-19], [H8.08.04.14]. Đặc biệt, thời gian gần đây Trường rất quan tâm đến công tác tư vấn tâm lý, sức khỏe học sinh, sinh viên với việc Ban hành Quy định về công tác Tư vấn tâm lý, sức khỏe học sinh, sinh viên, quy định rõ chức năng và nhiệm vụ các đơn vị có liên quan đến hoạt động này [H8.08.05.11].

2. Điểm mạnh

Trường có môi trường học tập và nghiên cứu xanh, sạch đẹp, an toàn, không tệ nạn xã hội, thân thiện, tích cực đảm bảo phục vụ các hoạt động học tập và NCKH của NH trong suốt quá trình học tập.

3. Điểm tồn tại

Đội ngũ chuyên viên tư vấn tâm lý ở các trung tâm tư vấn của trường ĐHCT còn hạn chế về chuyên môn nghiệp vụ nên chưa đáp ứng được nhu cầu ngày càng đa dạng của NH.

4. Kế hoạch hành động

KKHCT và Trường tiếp tục phát huy các hoạt động tình nguyện của NH, làm cho môi trường học tập và nghiên cứu xanh, sạch đẹp, an toàn được giữ vững. Đồng thời, Trường sẽ thực hiện đa dạng hóa các loại hình tư vấn, hỗ trợ NH, và đào tạo CB có chuyên môn tư vấn tâm lý.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 5.

Kết luận về Tiêu chuẩn 8:

Trường ĐHCT luôn tạo môi trường học tập và rèn luyện tốt cho NH. Chính sách tuyển sinh của Trường ĐHCT được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật. Quy trình thu nhận NH rõ ràng giúp Nhà trường tuyển sinh được NH đầu vào có chất lượng. Hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của NH được triển khai kịp thời. Quá trình học tập, rèn luyện của NH được theo dõi chặt chẽ nhờ các hoạt động tư vấn và hỗ trợ của GV, CVHT, các phòng ban và các tổ chức đoàn thể trong Trường. Môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan khuôn viên Trường, Khoa và Bộ môn xanh - sạch - đẹp, tạo thuận lợi cho NH trong hoạt động học tập, nghiên cứu và sinh hoạt, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Tuy nhiên, Nhà trường cần đa dạng hơn các phương thức tuyển sinh nhằm tạo mọi điều kiện thuận để NH có được cơ hội học tập tốt nhất và thu hút được NH có trình độ cao, đồng thời quan tâm hơn nữa đến việc khảo sát các BLQ về nhu cầu đào tạo, cũng như chú trọng đến những vấn đề có liên quan về môi trường tâm lý học đường.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 8: Căn cứ vào kết quả TĐG các tiêu chí trên, Hội đồng TĐG chất lượng CTĐT ngành TH tự đánh giá tiêu chuẩn 8 có 4 tiêu chí đạt mức 5 và 1 tiêu chí đạt mức 6.

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu:

CSVCL và trang thiết bị là một trong những chỉ tiêu quan trọng ĐBCL đào tạo của CSGD. Qua 56 năm hình thành và phát triển, Trường ĐHCT không ngừng mở rộng hạ tầng cơ sở; đầu tư, hoàn thiện CSVCL, trang thiết bị phù hợp nhằm hỗ trợ tốt công tác đào

tạo và NCKH, đáp ứng mục tiêu của CTĐT ngành TH. Các nguồn học liệu như máy tính, cổng thông tin điện tử, tài liệu thư viện... đều được trang bị tốt đáp ứng nhu cầu của NH và GV. Mặt khác, Trường cũng ban hành và triển khai các tiêu chuẩn, quy định về xây dựng môi trường học tập, làm việc văn minh, đảm bảo sức khỏe và an toàn cho GV, SV.

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHCT có diện tích đất bình quân trên tổng số SV chính quy là 81.93m²/SV, đáp ứng tốt tiêu chuẩn TCVN 3981-85 (từ 55 – 85m²/SV) và thông tư 24/2015/TT-BGDĐT - ít nhất 25m²/SV. Với tổng diện tích đất đai là 2.249.773,47m². Trong đó diện tích sàn xây dựng là 261.350m², bao gồm phòng làm việc của GS, PGS, GV cơ hữu: 10.945m²; giảng đường, hội trường, phòng học: 58.881m² gồm 378 phòng học; các PTN, PTH, xưởng TT: 42.715m² có 134 phòng; nhà thể dục thể thao: 4.965 m²; thư viện các khoa và TTHL: 11.795 m²; phòng học ngoại ngữ, đa phương tiện, biên dịch: 830m² với 15 phòng; nhà ăn của Trường là 2.320m². Do đó, Trường đảm bảo có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp hỗ trợ các hoạt động đào tạo, NCKH phục vụ CTĐT. Tỷ lệ diện tích sàn xây dựng/NH đạt 4,4m²/SV, vượt mức chuẩn quy định theo thông tư 24/2015/TT-BGDĐT (ít nhất 3m²/SV). Các khu KTX với tổng diện tích sàn xây dựng 73.020m² với 1.330 phòng, phục vụ 11.300 chỗ, đáp ứng tốt nhu cầu nội trú của SV. Tỷ lệ diện tích KTX/NH chính quy là 6.3 m²/SV. Ngoài ra, Trường có 55.879m² đất dùng làm sân bãi an toàn phục vụ các hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể dục thể thao, vui chơi giải trí cho SV toàn trường [H9.09.01.01; H1.01.01.05 (4)].

KKHCT được Trường phân giao quản lý CSVC và bố trí hạ tầng cơ sở đảm bảo đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu phục vụ CTĐT ngành TH với tổng diện tích đất sử dụng 14.371m² (bình quân là 12,34 m²/SV), tổng diện tích sàn xây dựng nơi làm việc là 320,4m², tổng diện tích 8 phòng học lý thuyết 648 m² (bình quân 81m²/phòng), nơi vui chơi giải trí là 1.587 m² (bao gồm công viên và sân bóng chuyền), tất cả diện tích xây dựng và vui chơi, giải trí cho NH đều phù hợp theo quy định hiện hành [H9.09.01.02; Phụ lục 8]. Do đặc thù

Trường đa ngành, trong quá trình đào tạo, SV ngành TH cũng được hỗ trợ phòng học và phòng chức năng từ các khoa khác trong Trường [H9.09.01.03; H9.09.01.04]

Diện tích phòng làm việc cấp Khoa hay BM có tương đối đầy đủ CSVC (bao gồm cả hệ thống chiếu sáng, thông gió, an toàn...), mỗi bộ môn đều có bàn làm việc chung đáp ứng 20 chỗ. Riêng Trường, phó bộ môn có bàn làm việc riêng với máy tính để bàn kết nối mạng và hệ thống trang thiết bị dùng chung như máy in, máy photocopy, máy scan tạo môi trường làm việc thông thoáng, hiệu quả. Tổng số máy tính dùng cho hệ thống gồm văn phòng khoa, Ban Chủ nhiệm Khoa, các bộ môn, thư viện khoa là 13 máy tính (văn phòng 4, các bộ môn 6, Ban chủ nhiệm 3). Với việc cung cấp CSVC đầy đủ về máy tính, thiết bị, đã giúp cho hoạt động đào tạo của Khoa thuận lợi, nhanh chóng. [H9.09.01.05]

Công tác đào tạo và NCKH của ngành TH được hỗ trợ trực tiếp từ hệ thống nhà học của Khoa, Trường. Các phòng chức năng của KKHCT gồm: 01 thư viện, 01 phòng họp. Hệ thống phòng học gồm 8 phòng được trang bị đầy đủ trang thiết bị: máy chiếu, đèn, quạt, hệ thống âm thanh. Khu nhà học đảm bảo môi trường sức khỏe với khuôn viên rộng, nhiều cây xanh, có lối thoát hiểm và hành lang bảo vệ chắc chắn đảm bảo nhu cầu giảng dạy và học tập của GV và SV [H9.09.01.05; H9.09.01.06; H9.09.01.07]. Tất cả các phòng học và phòng chức năng đều kết nối wifi nhằm phục vụ nhu cầu học tập, giảng dạy, tra cứu tài liệu của SV và GV. Bên cạnh đó, SV ngành TH còn được phép sử dụng các phòng chức năng tại TTHL với trang thiết bị đầy đủ gồm máy lạnh, máy tính, máy chiếu... Thủ tục đăng ký và nội quy sử dụng giảng đường, phòng chức năng được thực hiện theo quy định chung của Nhà trường, đồng thời phối hợp quản lý bằng phần mềm tích hợp nhằm đảm bảo sử dụng hợp lý và hiệu quả [H9.09.01.08].

Hàng năm, sau tổng kiểm kê tài sản cố định toàn Trường [H9.09.01.09(1-7)], Trường ĐHCT sẽ đánh giá hiện trạng sử dụng các tài sản để lập kế hoạch mua sắm, bổ sung CSVC cho các đơn vị [H9.09.01.10(1-4)]. Các nhà học, khu KTX Trường, Nhà thi đấu đa năng, khu vui chơi giải trí không ngừng mở rộng, sửa chữa, đầu tư CSVC: nhà giữ xe, siêu thị, hệ thống viễn thông, ATM nhằm nâng cao chất lượng phục vụ SV [H9.09.01.11(1-2)].

Dựa trên kinh phí phân giao của Trường ĐHCT cho các đơn vị [H9.09.01.12(1-7)] và thông báo về việc Lập kế hoạch mua sắm và sửa chữa tài sản của Trường ĐHCT [H9.09.01.10 (1-4)], KKHCT sẽ lập kế hoạch, đề nghị Phòng QTTB mua sắm, nâng cấp và bảo trì CSVC gồm phòng học, các trang thiết bị phục vụ CTĐT. Vì vậy, hệ thống phòng làm việc, phòng học phục vụ đào tạo ngành TH đã được sửa chữa, nâng cấp tạo môi trường làm việc, học tập sạch sẽ, thông thoáng cho GV và SV nhằm đảm bảo nhu cầu dạy, học và NCKH của ngành TH [H9.09.01.05; H9.09.01.06; H9.09.01.07].

Hàng năm, dựa trên kế hoạch triển khai việc lấy ý kiến phản hồi của SV, GV về hệ thống phòng học và các phòng chức năng trong Trường. Ngành TH tiến hành lấy ý kiến GV thông qua các buổi họp BM, ghi nhận phản hồi của SV từ các buổi họp định kỳ của CVHT với lớp, của Ban chủ nhiệm BM với Ban cán sự lớp, Ban chấp hành Chi đoàn các khóa. Sau khi tổng hợp ý kiến phản hồi của SV và GV, Khoa đã gửi lên Ban lãnh đạo Nhà trường, các ý kiến đóng góp của SV và GV được Nhà trường ghi nhận, phản hồi bằng hình thức trực tuyến và đăng tải công khai trên website Trường [H1.01.01.06 (6)]. Do đó, kết quả khảo sát hàng năm của KKHCT cho thấy SV khá hài lòng về điều kiện phòng học, trang thiết bị phục vụ học tập của NH ngành TH [H1.01.01.18-19].

2. Điểm mạnh

Ngành TH được trang bị đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp, phục vụ tốt hoạt động đào tạo và NCKH.

Việc quản lý các phòng học dựa trên hệ thống quản lý đào tạo chung của Trường đảm bảo công suất và hiệu quả trong việc hỗ trợ hoạt động dạy và học.

3. Điểm tồn tại

Phòng làm việc của BM và phòng họp của KKHCT diện tích hơi nhỏ, gây khó khăn cho các hoạt động hội họp có sự tham gia đông SV.

Công tác vệ sinh tại 6 dãy nhà vệ sinh và trong các phòng học ở khuôn viên KKHCT còn chưa đảm bảo tốt yêu cầu sạch sẽ, thoáng mát.

4. Kế hoạch hành động

- Trong cuộc họp đầu năm 2021 giữa Ban Chủ nhiệm KKHCT với BGH Trường ĐHCT, Nhà trường cam kết sẽ cải tạo nhà học A1 thành phòng làm việc cho GV Khoa KHCT.
- Nhà trường sẽ tăng cường bố trí NV vệ sinh cho KKHCT để đảm bảo vệ sinh khuôn viên ngày càng sạch đẹp.
- Tiếp tục duy trì hiệu quả quản lý phòng học, cùng các trang thiết bị hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 5.

Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

TTHL Trường ĐHCT (diện tích 7.560m²) được xây dựng thành 04 tầng với thiết kế khoa học gồm các khu chức năng: mượn, trả, gia hạn tài liệu, giao dịch làm thẻ; tư vấn thông tin học thuật; dịch vụ nghe nhìn; khu thư giãn... cùng các phương tiện hiện đại đảm bảo không gian học tập, nghiên cứu độc lập hoặc theo nhóm. Hiện TTHL quản lý 23 phòng đọc, trong đó có 10 phòng bố trí tại trung tâm với sức chứa lên đến 1000 chỗ, và 13 phòng đọc trực thuộc khoa/ viện có đầy đủ tài liệu phục vụ cho các CTĐT. Đây là nơi để SV tự học, tra cứu và mượn tài liệu, đọc sách báo thư giãn [H9.09.01.08]; H9.09.02.01(1-3)].

TTHL Trường hiện có tổng số máy tính là 419 bộ, trong đó, có khoảng 300 máy tính hiện đại nối mạng internet không giới hạn, phục vụ việc học tập, tra cứu tài liệu của bạn đọc và 62 máy tính phục vụ công tác đào tạo, tập huấn chuyên môn. Ngoài ra, TTHL còn có phòng nghe nhìn đa phương tiện, phòng thảo luận với các thiết bị hỗ trợ như: máy chiếu, tivi, hệ thống âm thanh, bảng di động, máy vi tính kết nối internet, máy scan cùng bộ dữ liệu nghe nhìn (8.400 đĩa CD, VCD và 100 video thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau); 12 phòng nghiên cứu cá nhân đầy đủ tiện nghi: máy tính bàn, hệ thống wifi tốc độ cao, máy lạnh và sách chuyên khảo, tạp chí khoa học [H9.09.02.01(1-3)].

Hàng năm, TTHL đều được Trường phân bổ kinh phí cho việc mua sách, báo, tạp chí hay các cơ sở dữ liệu điện tử cho hệ thống thư viện [H9.09.02.02(1-2)]. Dựa trên nguồn kinh phí phân bổ, TTHL đã bổ sung nguồn tài liệu thường xuyên, nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo và NCKH của GV và NH. Số tài liệu điện tử nội sinh của TTHL là 40.196; mua quyền truy cập 148.000 tài liệu hàng năm và 34 cơ sở dữ liệu đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu trí tuệ. TTHL cũng liên kết với 30 thư viện quốc tế và 05 thư viện trong nước để tăng cường trao đổi nguồn sách báo, tài liệu phù hợp đáp ứng nhu cầu đa dạng của GV, SV [H9.09.02.03; H9.09.02.04; H4.04.02.06 (1-5); H4.04.02.07 (1-2)]. Năm 2019, TTHL đã mua quyền truy cập và đọc trực tuyến không hạn chế số lượt truy cập bộ sách điện tử Ebrary Academic Complete với tổng kinh phí 185.000.000 đồng. Đây là bộ sách gồm khoảng 150.000 quyển sách điện tử đa lĩnh vực Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội, Khoa học công nghệ từ trên 80 nhà xuất bản quốc tế, được cập nhật thường xuyên đáp ứng nhu cầu sử dụng khá lớn của GV và NH [H9.09.02.05]. Năm 2020, TTHL được đầu tư gần 450 triệu đồng cho việc mua quyền truy cập tài liệu điện tử của Ebrary, Vista, ProQuest, Springerlink và CSDL dùng chung. Trong giai đoạn 2016 – 2020, số tài liệu in ấn được cập nhật hàng năm bình quân vào hệ thống thư viện Trường khoảng 8.000 quyển để phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu cho GV và SV toàn Trường. Tổng kinh phí đầu tư cho nguồn học liệu in ấn, tài liệu điện tử của TTHL vào khoảng 1 tỷ đồng mỗi năm [H4.04.02.05; H4.04.02.07; H9.09.02.06 (1-5)]. Ngoài ra, trong giai đoạn dịch COVID diễn biến phức tạp, nhu cầu nghiên cứu tài liệu phục vụ cho học tập online của NH tăng cao, TTHL đã tăng cường nguồn tài liệu điện tử và đẩy mạnh hỗ trợ sách đến tận nhà theo yêu cầu của NH [H9.09.02.07 (1-2)]. Đồng thời, để tạo điều kiện cho NH thuận tiện, linh hoạt trong việc mượn, trả, gia hạn tài liệu, TTHL đã nâng cấp phần mềm để NH có thể đăng nhập bằng phần mềm đăng ký trực tuyến, giúp họ tiết kiệm thời gian trong các hoạt động tại TTHL [H9.09.02.08].

Thư viện KKHCT (diện tích sàn xây dựng 30m², 10 chỗ ngồi), là một trong các phòng đọc trực thuộc của TTHL Trường ĐHCT, hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu cho các ngành của KKHCT. Thời gian biểu hoạt động, các chính sách dành cho bạn đọc, quy định và hướng dẫn sử dụng... được công khai trên website của TTHL. Các nội quy của Thư viện KKHCT đều tuân theo hướng dẫn chung của TTHL Trường ĐHCT,

cùng văn bản thống nhất quy định nội quy thư viện giữa KKHCT với TTHL [H9.09.02.09; H9.09.02.10; H9.09.02.11].

Để phục vụ nhu cầu nghiên cứu và học tập của SV KKHCT nói chung và ngành TH nói riêng, TTHL Trường ĐHCT thường xuyên được định hướng phát triển nguồn tài liệu. Thông qua việc đề nghị lấy phiếu bổ sung nguồn sách từ các GV trực tiếp giảng dạy chuyên ngành của khoa, đầu sách tại TTHL và thư viện KKHCT phục vụ đào tạo ngành TH không ngừng được phát triển, nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu của GV và SV [H4.04.02.08]. Tài liệu phục vụ đào tạo ngành TH tại TTHL hiện có 4205 đầu sách và 9532 quyển tài liệu gồm sách, báo, tạp chí, giáo trình, sách tham khảo [H9.09.02.12]. Đồng thời, thư viện KKHCT được TTHL phân giao quản lý tài liệu chuyên ngành, nên hàng năm được TTHL bổ sung nguồn tài liệu để phục vụ nhu cầu nghiên cứu và học tập của SV ngành TH [H9.09.02.13 (1-2)]. Các tài liệu tại thư viện được quản lý bằng hệ thống công nghệ soi mã vạch, đồng thời có sự kết nối thông tin với TTHL nhằm đa dạng hóa hình thức phục vụ, tạo điều kiện để GV và SV dễ dàng tiếp cận nguồn tài liệu nghiên cứu chuyên ngành.

Thông qua các phân hệ phần mềm quản lý thư viện điện tử (Ilib) [H9.09.02.14], TTHL dễ dàng theo dõi việc sử dụng nguồn học liệu qua các số liệu thống kê như: số lượt bạn đọc vào TTHL, số lượt mượn tài liệu tại thư viện, số lượt truy cập tài liệu nội sinh dạng số (luận văn, đề tài NCKH, giáo trình), việc mượn – trả tài liệu của SV. Trong giai đoạn từ 2014 - 2021, có 49.304 lượt SV và CB KKHCT vào TTHL, trong đó SV ngành TH là 15.323 lượt. Số liệu thống kê từ 2014 - 2021 cho thấy tổng lượt mượn tài liệu của CB và SV KKHCT trong hệ thống thư viện Trường là 24.820 lượt, trong đó số lượt mượn của SV ngành TH là 8.200 lượt. Trong 3 năm từ 2019 - 2021, Số lượt truy cập tài liệu nội sinh dạng số của cán bộ và sinh viên KKHCT là 1.239, trong đó SV ngành TH là 410 lượt. Các dữ liệu thống kê hàng năm được cập nhật thường xuyên trên website của TTHL [H9.09.02.15(1-10)].

TTHL mở các cuộc khảo sát thường niên (online) để thu thập thông tin đánh giá chất lượng các hoạt động tại trung tâm nhằm cải tiến CSVC, nâng cao chất lượng phục vụ trong hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Kết quả khảo sát hoạt động TTHL cho thấy phần lớn bạn đọc hài lòng về nguồn tài liệu cũng như CSVC được trang bị ở TTHL [H9.09.02.16(1-2); H1.01.01.18-19].

2. Điểm mạnh

TTHL và thư viện KKHCT có nguồn tài liệu phong phú, đa dạng, được cập nhật thường xuyên, phục vụ tốt nhu cầu đào tạo, nghiên cứu của ngành TH.

3. Điểm tồn tại

Đầu sách và tạp chí chuyên ngành TH mới bổ sung còn ít so với nhu cầu tìm hiểu của GV và NH KKHCT.

Kho tài liệu mở (tầng 3) khá phong phú về nguồn tài liệu luận văn nhưng chưa được sắp xếp khoa học và quản lý hợp lý.

4. Kế hoạch hành động

Dựa trên nguồn kinh phí ngân sách Trường ĐHCT phân giao cho đơn vị, KKHCT sẽ tư vấn và đề nghị đề BGH Trường bổ sung thêm nguồn tài liệu chuyên ngành, nhằm đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, giảng dạy, học tập của GV và SV ngành TH.

Từ năm học 2020-2021, TTHL tiếp tục thực hiện kế hoạch phát triển nguồn tài liệu đã được Nhà trường phê duyệt nhằm đáp ứng hiệu quả nhu cầu đa dạng trong NCKH, dạy và học của GV và NH. Kho tài liệu mở đã và đang được TTHL sắp xếp và hệ thống hóa nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc tìm kiếm của người sử dụng.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 5.

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHCT có 134 phòng thí nghiệm, thực hành thí nghiệm, thực hành máy tính, xưởng, trại và bệnh xá thú y, với tổng diện tích là 42.715,48 m² được quản lý, sử dụng đúng chức năng [H9.09.01.01; H1.01.01.05 (4)]. Hàng năm, Nhà trường đều có kế hoạch kiểm kê rà soát, ghi nhận hiện trạng của trang thiết bị để bảo trì, mua sắm mới, đảm bảo cho các hoạt động đào tạo và NCKH [H9.09.01.09(1-7)].

Với đặc thù của ngành TH, tuy không có các HP gắn với hoạt động thí nghiệm, thực hành diễn ra tại các phòng thí nghiệm và nhà xưởng, trang trại, nhưng trong CTĐT

của ngành, NH phải hoàn thành các HP tin học căn bản (TN033) và tin học thực hành (TN034), nên việc thực hành của NH chủ yếu diễn ra ở phòng thực hành máy tính công của Trường tại KTX, TTHL, Khoa Công nghệ thông tin và truyền thông và Khoa Khoa học tự nhiên. Các trang thiết bị trong phòng thực hành máy tính thường xuyên được kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa, cập nhật, bổ sung để phục vụ tốt cho NH [H9.09.03.01; H9.09.03.02; H9.09.03.03; H9.09.02.01(3)].

Hàng năm, kinh phí sửa chữa, mua sắm máy móc - thiết bị, dụng cụ cho các phòng máy của Trường được dự toán và phân bổ hợp lý [H9.09.01.10(1-4)]; [H9.09.01.12(1-7)]. Năm 2018, BGDĐT chỉ đạo rà soát thực trạng CSVC và thiết bị đào tạo, Trường ĐHCT đã triển khai rà soát và lấy ý kiến các BLQ đánh giá về thực trạng CSVC và thiết bị đào tạo. Kết quả thu về đã được Nhà trường báo cáo về BGDĐT. Đồng thời, KKHCT cũng tiến hành lấy ý kiến của các BLQ, kết quả khảo sát hàng năm của KKHCT cho thấy NH khá hài lòng về điều kiện phòng thực hành tin học [H9.09.03.04; H9.09.03.05; H9.09.03.06; H9.09.03.07]; [H1.01.01.18-19].

2. Điểm mạnh

Phòng thực hành máy tính của Trường được trang bị máy tính có cấu hình mạnh, phần mềm được cập nhật mới, thường xuyên được bảo dưỡng, nâng cấp, đáp ứng cao hoạt động đào tạo và nghiên cứu của NH

3. Điểm tồn tại

Hệ thống máy tính công của Trường trang bị còn ít so với nhu cầu học tập và thực hành của NH ngành TH nói riêng và NH toàn Trường nói chung.

4. Kế hoạch hành động

Trường ĐHCT tiếp tục đầu tư, nâng cấp các phòng thực hành, đảm bảo hỗ trợ tốt nhất các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 5.

Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Ứng dụng CNTT trong hoạt động đào tạo, NCKH của ngành TH được sự hỗ trợ của TTTTQTM với mạng nội bộ (LAN) và đường truyền Internet tốc độ cao. Với hơn 40 máy chủ chuyên dụng, hiện đại và hệ thống phần mềm quản lý tích hợp đã giúp Trường tin học hóa hầu hết các hoạt động đào tạo, quản lý, NCKH [H9.09.04.01; H7.07.05.01; H9.09.04.02 (1-2); H9.09.04.03 (1-5)]. Tổng số máy tính là 4000, trong đó 90% phục vụ hoạt động dạy, học và NCKH, phần còn lại phục vụ công tác quản lý. Tỷ lệ bình quân máy tính theo SV chính quy là 9,47 SV/máy tính. Nhu cầu học tập, tra cứu tài liệu, đăng ký môn học của SV ngành TH được đáp ứng từ hệ thống 500 máy tính công của nhà trường. Hoạt động đào tạo trực tuyến, thi trực tuyến, giảng dạy E-learning, tập huấn CNTT của GV và SV KKHCT còn được hỗ trợ từ 03 phòng máy tính (97 máy) ở TTTTQTM [H9.09.04.04; H9.09.02.01(3); H9.09.03.02; H9.09.03.03].

Hệ thống CNTT Trường được tổ chức và quản lý chuyên nghiệp đảm bảo cho sự vận hành ổn định, hiệu quả thông qua việc triển khai hàng loạt các ứng dụng, phần mềm quản lý hiện đại như: quản lý về đào tạo, CSVC, nhân sự, khoa học công nghệ, văn bản – chứng chỉ, tài chính, hành chính điện tử, cổng thông tin điện tử và các dịch vụ công trực tuyến ... Các hệ thống phần mềm này đã giúp cho việc quản lý và hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH của CB và NH được số hóa và đơn giản hóa. Hàng năm, nhiều lượt GV, CB quản lý được tập huấn nâng cao năng lực CNTT bằng nhiều hình thức như (tập huấn; gửi tài liệu, video hướng dẫn) [H9.09.04.01; H9.09.04.02(2)]. Quy trình đăng ký sử dụng, nội quy- quy định về quản lý và sử dụng phòng máy tính được hướng dẫn rõ ràng, chi tiết trên website của đơn vị. Tất cả GV, SV ngành TH đều được cung cấp địa chỉ email mang tên miền @ctu.edu.vn/ @student.ctu.edu.vn và tài khoản máy tính để thuận tiện trong công tác quản lý, truy cập vào hệ thống thông tin nhà trường [H9.09.03.01; H9.09.04.05 (1-3); H5.05.04.01]. Các quy trình hỗ trợ quản lý và đào tạo như: phân quyền sử dụng các phân hệ phần mềm trong hệ thống thông tin tích hợp; tiếp nhận và khắc phục/hỗ trợ khắc phục sự cố website; cấp tài khoản, mật khẩu hộp thư điện tử hoặc máy tính cho CB và SV...được hướng dẫn chi tiết trên website của

TTTTQTM [H9.09.04.06 (1-9); H9.09.04.07(1-4)]. An toàn thông tin, dữ liệu trong các hoạt động được đảm bảo bằng hệ thống tường lửa chuyên dụng và các chương trình diệt vi-rút được cài đặt ở từng máy tính [H9.09.04.08].

Phần mềm quản lý dạy và học trực tuyến (E-learning) như Zoom, Webex, Moodle, Google classroom, Google Meet... phục vụ hiệu quả việc dạy, học với số lượng trên 20.000 NH, gần 300 GV và khoảng 500 lớp HP. Cách thức sử dụng các phần mềm quản lý và dạy học trực tuyến được hướng dẫn chi tiết trên website [H9.09.04.09(1,2)]. Kế hoạch học tập, kế hoạch giảng dạy, đăng ký môn học, nhập điểm, xem điểm, theo dõi quá trình học tập, đăng ký tốt nghiệp... đều được thực hiện trực tuyến [H5.05.04.01]. GV cũng có thể xây dựng bài giảng điện tử, trao đổi thông tin với NH, truy cập và bổ sung nguồn học liệu thông qua mạng truyền thông Trường [H9.09.04.09(1,2)]. Trường đã đầu tư phủ sóng Wifi phần lớn khuôn viên và các khu vực ký túc xá để hỗ trợ hiệu quả hoạt động đào tạo và nghiên cứu của Trường [H8.08.03.05].

Các phần mềm quản lý, hệ mạng, máy tính được nâng cấp, cập nhật thường xuyên nhằm đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà Trường. Năm 2016, Trường xây dựng kế hoạch điều chỉnh khu vực phủ sóng wifi cho khu II và tiến hành triển khai vào năm 2017 [H9.09.04.10(1-2)]. Kế hoạch và kinh phí mua sắm máy móc thiết bị phục vụ cho việc duy tu, bảo dưỡng, đầu tư máy chủ, nâng cấp chất lượng hệ thống CNTT cũng được TTTT&QTM thực hiện hàng năm [H9.09.04.11(1-12)]. Nhiều phần mềm ứng dụng như: khảo sát việc làm của SV, đánh giá điểm rèn luyện, lấy ý kiến trực tuyến các BLQ, quản lý thu nhập CB, quản lý phòng học và tiếp nhận phản ánh của SV về CSVC và điều kiện học tập trong hệ thống thông tin tích hợp của Trường được chuyển giao đến các đơn vị [H9.09.04.12 (1-9)]. GV và NH được cập nhật và hướng dẫn xử lý về mã độc và lỗi hệ điều hành, các hình thức tấn công và lừa đảo trên mạng [H9.09.04.13; H9.09.04.14]. Dựa trên đánh giá chung về hiện trạng phát triển và ứng dụng CNTT trong Nhà trường, TTTT&QTM đã xây dựng nội dung và mục tiêu phát triển hệ thống CNTT giai đoạn 2017-2021 nhằm hỗ trợ tốt hơn các hoạt động đào tạo và nghiên cứu tại Trường ĐHCT [H9.09.04.15].

Trong 5 năm qua, thông qua hệ thống website của Trường, Nhà Trường luôn được Webometrics xếp trong nhóm 4 trường hàng đầu Việt Nam [H9.09.04.16]. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi từ cựu SV ngành TH cho thấy tiêu chí đánh giá hệ thống CNTT hiện đại, phù hợp ở mức độ tốt [H1.01.01.18-19].

2. Điểm mạnh

Hệ thống CNTT được đầu tư nâng cấp thường xuyên, đáp ứng tốt nhu cầu quản lý, chia sẻ thông tin hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của SV ngành TH.

3. Điểm tồn tại

Một số thời điểm như đăng ký HP, thi trực tuyến, lượng SV đăng nhập tập trung quá đông nên hệ thống đôi lúc bị quá tải, làm ảnh hưởng đến hoạt động truy cập và tâm lý của NH và GV.

4. Kế hoạch hành động

Bắt đầu từ năm học 2020-2021, TTTT&QTM sẽ đánh giá lại việc phân nhóm đăng ký HP, nhằm tránh tình trạng SV tập trung truy cập hệ thống quá đông trong cùng một thời điểm. Đồng thời, không ngừng bổ sung, nâng cấp những phần mềm CNTT hiện đại hơn để đáp ứng nhu cầu học tập và NCKH của GV và NH

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 5.

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHCT đã ban hành nhiều quy định, nội quy thể hiện rõ các yêu cầu, tiêu chí về môi trường, sức khỏe và an toàn trong nhà trường như: “Quy định về thực hiện nếp sống văn minh trong Trường ĐHCT”; nội quy KTX, quy định về việc sử dụng pano, băng rôn, áp phích, tờ rơi và bảng thông báo trong khuôn viên nhằm đảm bảo về mỹ quan và an toàn [H8.08.05.03; H8.08.05.04 (1-6); H9.09.05.01].

Vấn đề an toàn vệ sinh thực phẩm, an toàn bảo hộ lao động cũng được chú trọng thông qua nội quy căn tin, quy định hướng dẫn thực hiện công tác an toàn bảo hộ lao động, trang bị phương tiện bảo hộ lao động cho viên chức và người lao động Trường DHCT [H9.09.05.02 (1-9); H8.08.05.04 (1-6); H8.08.05.08 (1-4)].

Công tác PCCC cũng được nhà trường đặc biệt lưu tâm như điều kiện về an toàn PCCC đối với nơi làm việc, KTX, PTN; nội quy, biển cấm, chuông báo cháy, bình chữa cháy... đều có văn bản hướng dẫn chi tiết đồng thời được kiểm tra, giám sát thường xuyên để tránh gây thiệt hại về người, tài sản. Năm 2016, đội PCCC Trường được thành lập với nhiệm vụ kiểm tra cơ sở, phòng cháy, chữa cháy, góp phần bảo vệ tài sản chung của Nhà trường. Công tác tuyên truyền, tập huấn, diễn tập PCCC cho SV và CB cũng được nhà trường thực hiện thường xuyên đồng thời phối hợp phòng cảnh sát PCCC địa phương kiểm tra, đánh giá công tác đảm bảo an toàn cháy, nổ [H8.08.05.09 (1-13)].

Các quy định, tiêu chuẩn này đã được Trường triển khai thực hiện trên nhiều phương diện nhằm xây dựng môi trường văn hóa, văn minh, xanh - sạch - đẹp, trật tự an toàn. Cụ thể những việc đã thực hiện:

Khi thiết kế xây dựng khu hành chính, nhà học, Trường đã xây dựng môi trường cảnh quan thông thoáng, khuôn viên rộng mát có nhiều cây xanh. Riêng KKHCT xây dựng được 18 năm, các tiêu chuẩn về xây dựng như phòng học, hành lang, nhà vệ sinh đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, hàng năm được Nhà trường quan tâm duy tu, sửa chữa, được vệ sinh sạch sẽ bởi công ty dịch vụ chuyên nghiệp. Vì vậy, khuôn viên của Khoa được phủ đầy cây xanh, thoáng mát, sạch sẽ [H7.07.01.12 (1-3); H7.07.01.13; H8.08.05.02].

Về bảo vệ sức khỏe, an toàn cho người lao động luôn được Nhà trường quan tâm, những CB, VC hoạt động trong môi trường độc hại luôn có các phương tiện bảo hộ lao động. Hoạt động khám sức khỏe định kỳ hàng năm được Trường tổ chức thường xuyên nhằm tầm soát bệnh tật, đảm bảo sức khỏe cho công chức, viên chức và người lao động ở các bệnh viện lớn tại thành phố Cần Thơ [H7.07.01.01(1-6)]. Riêng các tân SV của Trường nói chung và ngành TH nói riêng đều được tổ chức khám, tầm soát bệnh tật ban đầu theo lịch của Nhà trường. Trong quá trình học tập tại Trường, SV được chăm sóc sức khỏe, được tư vấn sức khỏe, cấp cứu và cấp thuốc miễn phí tại Trạm Y tế trường

[H9.09.05.03; H8.08.05.07 (1-11)]. Ngoài ra, Phòng Công tác SV tổ chức nhiều buổi tọa đàm, hội thảo tư vấn hướng dẫn quy trình khám chữa bệnh theo chế độ bảo hiểm y tế cho SV hay các chuyên đề giao lưu nhằm trang bị kiến thức chăm sóc sức khỏe cá nhân và nâng cao ý thức sức khỏe cộng đồng [H9.09.05.04; H9.09.05.05]. Trong thời gian phòng chống dịch COVID-19, trường đã kịp thời triển khai phương thức học tập không tập trung và làm việc tại nhà, đồng thời phổ biến việc hướng dẫn khai báo y tế đến GV và NH [H9.09.05.06 (1-3)].

Trường đã tổ chức các hội thi “An toàn vệ sinh giỏi”; thực hiện Tháng hành động về An toàn, vệ sinh lao động với nội dung, kế hoạch hướng dẫn thực hiện và kiểm tra, đánh giá cụ thể bên cạnh các hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật về an toàn vệ sinh lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm [H8.08.05.08(1-4); H9.09.05.07(1-4); H9.09.05.08 (1-5)]. Thông qua các hoạt động này mà ý thức về an toàn vệ sinh, sức khỏe cá nhân và cộng đồng của NH ngành TH được nâng cao.

Việc bảo đảm an ninh quốc phòng và giữ gìn trật tự xã hội nơi cư trú; dịp nghỉ lễ, Tết cũng nhận được sự quan tâm, chỉ đạo thực hiện của Trường, Khoa [H9.09.05.09 (1-5)]. Ngoài ra, Trường cũng xây dựng hệ thống camera giám sát an ninh trong khuôn viên trường, hệ thống PCCC đồng thời công bố các đường dây nóng cần liên hệ khi có sự cố xảy ra.

Nhà trường thường xuyên lấy ý kiến góp ý, phản hồi từ SV, CB về chất lượng công tác đảm bảo môi trường, sức khỏe và an toàn nhằm cải tiến hiệu quả công việc. Kết quả khảo sát cựu SV năm 2020 cũng nhận được sự đánh giá ở mức tốt về cảnh quan và môi trường học tập ở Trường ĐHCT [H1.01.01.18-19].

2. Điểm mạnh

Trường ĐHCT có văn bản quy định tiêu chuẩn về môi trường, an toàn, sức khỏe đồng thời triển khai thực hiện trên nhiều phương diện, kiểm tra, đánh giá thường xuyên.

3. Điểm tồn tại

Trước đây, khi xây dựng hạ tầng cơ sở, các nhà học của Trường vẫn chưa chú ý dành cho người khuyết tật.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2020 trở đi, trong quá trình triển khai xây dựng hạ tầng cơ sở, trường sẽ chú ý đặc thù cho người khuyết tật như lối đi riêng, thoát hiểm. Tiếp tục công tác tuyên truyền, nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ bảo vệ, NV y tế và thành viên đội PCCC nhằm đảm bảo môi trường sức khỏe và an toàn trong Nhà trường.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 5.

Kết luận về Tiêu chuẩn 9:

CSVCL và trang thiết bị của ngành TH đã được Trường đầu tư xây dựng trên quy mô rộng, đảm bảo cả về số lượng và chất lượng. Các trang thiết bị, nguồn tài liệu học tập thường xuyên được cập nhật, bổ sung theo hướng hiện đại hóa đã hỗ trợ tốt hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Hệ thống CNTT-TT của Trường góp phần không nhỏ trong việc quản lý phòng học, nhân sự; công tác đào tạo và NCKH. Hệ thống mạng truyền thông đáp ứng tốt nhu cầu tra cứu, ứng dụng CNTT trong giảng dạy và học tập của GV và SV góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của ngành TH. Với các tiêu chuẩn và quy định được xác định rõ ràng, cụ thể về môi trường, sức khỏe, an toàn cùng sự quan tâm của chính quyền địa phương, Trường ĐHCT đã và đang xây dựng nên một CSGD có môi trường văn hóa, văn minh, xanh - sạch - đẹp, trật tự và an toàn ở ĐBSCL.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 9: Căn cứ vào kết quả TĐG các tiêu chí trên, Hội đồng TĐG chất lượng CTĐT ngành TH tự đánh giá tiêu chuẩn 9 có tất cả 5 tiêu chí đạt mức 5.

Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng

Mở đầu:

Nâng cao chất lượng đào tạo là một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất của Trường ĐHCT. Chất lượng đào tạo thể hiện sự uy tín, tính chuyên nghiệp cũng như vị thế của Trường trong khu vực cũng như trên thế giới. Chính vì vậy, Trường ĐHCT đã xây dựng hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu các BLQ (GV, NH, SV, CSV, NSDLĐ...) để thiết kế và phát triển CTDH; ĐBCL trong kiểm tra, đánh giá; áp dụng các kết quả NCKH để cải tiến việc dạy và học cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện

ích, tạo cơ chế phản hồi cho các BLQ. Qua đó đảm bảo tính cập nhật và phù hợp của CTĐT với nhu cầu của xã hội và các Nhà sử dụng lao động (NSDLĐ).

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH.

1. Mô tả hiện trạng

Nhằm xây dựng CTDH đảm bảo chất lượng, đáp ứng nhu cầu của xã hội và NSDLĐ cũng như khả năng làm việc của SV sau khi tốt nghiệp, Nhà trường đã xác định việc khảo sát thu thập ý kiến phản hồi các BLQ là một nhiệm vụ trọng tâm góp phần quan trọng vào hoạt động ĐBCL từ năm 2014 đến nay [H10.10.01.01; H10.10.01.02; H4.04.01.02].

Việc thiết kế và phát triển CTDH là khâu quan trọng của hoạt động ĐBCL. Quy trình xây dựng CTDH được thiết lập cụ thể theo từng bước và được công bố qua hệ thống văn bản và website của trường [H5.05.01.03]. Để thực hiện tốt khâu này, trước và sau khi ban hành CTĐT [H1.01.01.01; H1.01.01.02 (1-4)], Nhà trường cũng đã ban hành Kế hoạch triển khai [H10.10.01.03; H10.10.01.04; H10.10.01.05; H10.10.01.06], cũng như ban hành Quyết định về quy định lấy ý kiến phản hồi từ các BLQ với những quy trình, cách thức thực hiện cụ thể và chi tiết [H5.05.01.03; H10.10.01.07; H2.02.02.01; H10.10.01.08]. Những quyết định trên là những công cụ mang tính pháp lý để Nhà trường thực hiện định kỳ việc lấy ý kiến phản hồi của các BLQ trong từng năm học một cách quy củ và bài bản [H3.03.02.02 (1-13); H3.03.02.03 (1-10); H3.03.02.04 (1-5)].

Ngoài ra, Nhà trường còn thành lập các Tiểu ban chuyên môn trực thuộc Hội đồng Khoa học và Đào tạo của trường [H1.01.01.10]. Tiểu ban này có vai trò theo dõi và phản hồi về việc thiết kế và phát triển CTDH của các Bộ môn.

CTDH ngành TH được điều chỉnh, cải tiến đồng bộ với chủ trương điều chỉnh, cải tiến CTĐT của Trường lần lượt vào các năm 2014 (chương trình áp dụng cho khóa 40 đến 44) [H1.01.01.02 (4)] và năm 2019 (chương trình áp dụng cho khóa 45 trở về sau) [H1.01.01.02 (2)].

Thông tin phản hồi của các BLQ được thu thập đầy đủ gồm: nội dung đào tạo, PPGD, CĐR, PPĐG, chất lượng GV, điều kiện CSVC... qua các hình thức khác nhau

như phiếu điều tra trực tuyến của nhà trường [H10.10.01.08] và phiếu khảo sát ý kiến các BLQ [H1.01.01.18-19]. Thông qua các hoạt động nghiên cứu về khoa học giáo dục, hướng đến việc phát triển năng lực của NH theo quy định số 4612/BGDĐT-GDTrH ban hành ngày 03/10/2017, Nhà trường đã ban hành Quy trình thiết kế, phát triển, thẩm định, thực hiện, giám sát và điều chỉnh CTDH theo định hướng tiếp cận năng lực NH [H10.10.01.09]. Việc điều chỉnh CTĐT cho K45 được thực hiện dựa trên cơ sở tiếp thu ý kiến phản hồi từ NH, GV và NH tốt nghiệp [H1.01.01.12; H1.01.01.13, H1.01.01.14; H3.03.02.02 (1-13); H3.03.02.03 (1-10); H3.03.02.04 (1-5); H10.10.01.10 (1-4)]. Sau khi đã có CTĐT, BM tiếp tục lấy ý kiến các BLQ để tiếp tục cải tiến CTDH, CTĐT đáp ứng nhu cầu xã hội [H1.01.01.18-19]. Bên cạnh đó, điều tra online, qua điện thoại và qua phiếu khảo sát là các kênh thông tin đã được thực hiện trong quá trình thu nhận ý kiến để phát triển chương trình.

Kết quả phản hồi của tất cả các BLQ được sử dụng trong các hoạt động đánh giá chất lượng giáo dục CTĐT trình độ đại học ngành TH và làm căn cứ phát triển CTDH đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội. TTQLCL báo cáo tổng kết hàng năm về công tác ĐBCL nhằm điều chỉnh CTĐT ở cấp trường [H10.10.01.11 (1-5)]. Thông qua việc chọn lọc của Hội đồng khoa học Khoa, các ý kiến được lựa chọn để điều chỉnh CĐR đối với ngành đào tạo TH năm 2019 [H1.01.01.02 (2)].

2. Điểm mạnh

Trường có quy trình, quy định rõ ràng trong hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về CTĐT bằng nhiều hình thức khác nhau và được thực hiện định kỳ theo HK. Thông qua khảo sát, thu thập ý kiến của các BLQ, Nhà trường đã phối hợp để xây dựng và điều chỉnh CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Tỷ lệ phản hồi của SV đang học tập còn ít vì chưa có các phương pháp, cơ chế khuyến khích cho hoạt động này. Việc tiếp cận và ghi nhận thông tin phản hồi từ các BLQ là từ NTD vẫn chưa được thực hiện thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021-2022, Nhà trường tiếp tục thực hiện lấy ý kiến các BLQ định kỳ và có các chính sách, cơ chế khuyến khích cho các BLQ khi có ý kiến phản hồi xây dựng CTDH.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 5.

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng

CTDH của ngành TH được thiết lập dựa trên các quy định Thông tư Số 07/TT-BGDĐT, ngày 16/4/2015 của BGDĐT [H1.01.02.10]. Theo đó, CTDH được thiết kế dựa trên CĐR của CTĐT, cụ thể nhấn mạnh vai trò trung tâm của CĐR và mối liên kết giữa các thành phần của CTDH. Tất cả các thành phần liên quan như nội dung HP, PPGD, hình thức kiểm tra đánh giá... đều phải tương thích với các mục tiêu CĐR [H1.01.02.04].

Quy trình thiết kế và phát triển CTDH ngành TH lần lượt được rà soát, đánh giá thông qua hoạt động điều chỉnh CTĐT và được thực hiện vào năm 2018 [H1.01.01.07]; [H1.01.01.08]; [H1.01.01.09]; [H1.01.01.10]. Công tác rà soát, đánh giá được thực hiện 1 cách thống nhất theo đúng quy định tại Thông tư 07 của BGDĐT và được thực hiện đồng nhất qua 8 bước [H1.01.02.10], cụ thể: (1) Khảo sát và xác định nhu cầu nguồn nhân lực theo trình độ và CTĐT; Khảo sát nhu cầu của người sử dụng lao động đối với SV tốt nghiệp của CTĐT kết hợp với khối lượng yêu cầu kiến thức tối thiểu và yêu cầu trình độ của NH sau khi tốt nghiệp; (2) Thiết lập mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và CĐR của CTĐT; (3) Xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của CTĐT, xây dựng CTĐT đảm bảo MTĐT và CĐR; (4) Đối chiếu, so sánh với CTĐT cùng trình độ, cùng ngành/chuyên ngành của các cơ sở đào tạo khác ở trong nước và nước ngoài để hoàn thiện CTĐT; (5) Thiết kế ĐCCT các HP theo CTĐT đã được Hội đồng Khoa học của Trường, Khoa kết luận; (6) Tổ chức hội thảo lấy ý kiến của GV, CB quản lý trong và ngoài cơ sở đào tạo, các nhà khoa học, đại diện đơn vị sử dụng lao động liên quan và người đã tốt nghiệp (nếu có) về CTĐT; (7) Hoàn thiện dự thảo CTĐT trên cơ sở tiếp thu ý kiến phản

hỏi của các BLQ và trình Hội đồng khoa học và đào tạo của cơ sở đào tạo xem xét tiến hành các thủ tục thẩm định và áp dụng; (8) Đánh giá và cập nhật thường xuyên nội dung chương trình môn học và PPGD dựa trên các tiến bộ mới của lĩnh vực chuyên ngành và yêu cầu của việc sử dụng lao động.

Quy trình thiết kế và phát triển CTDH ngành TH lần lượt được rà soát, đánh giá thông qua hoạt động điều chỉnh CTĐT và được thực hiện gần đây vào các năm 2014 và 2019 [H1.01.01.02 (2)], [H1.01.01.02 (4)]. Công tác rà soát, đánh giá được thực hiện một cách thống nhất theo đúng quy định tại Thông tư 07 của BGDDT được thực hiện đồng nhất qua 08 bước [H1.01.02.10]. Ngoài ra, Nhà trường khuyến khích các đơn vị tiến hành tự điều chỉnh, cải tiến nội dung CTDH trong suốt quá trình thực hiện nhiệm vụ đào tạo. Cụ thể, KKHCT khuyến khích các BM tổ chức các buổi họp BM có nội dung lồng ghép sinh hoạt chuyên môn, nhằm đề xuất cải tiến phát triển CTDH.

Ngoài ra, hoạt động giám sát tiến trình thực hiện CTDH cũng như ghi nhận những phản hồi của NH trong suốt quá trình giảng dạy được đánh giá là kênh thông tin quan trọng trong việc hỗ trợ việc cải tiến quy trình và thiết kế CTDH bên cạnh hệ thống lấy ý kiến trực tuyến của Trường nơi NH có thể đánh giá công tác giảng dạy HP [H10.10.01.08].

CTDH trình độ đại học ngành TH được thiết lập một cách rõ ràng và định kỳ được đánh giá, điều chỉnh và cải tiến để đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội. Thông qua kết quả lấy ý kiến các BLQ từ những năm 2016 đến nay [H3.03.02.03 (1-10); H3.03.02.04 (1-5), H10.10.01.08]. GV của BM kết hợp với TTQLCL và PĐT để phối hợp đánh giá quy trình này thông qua từng bước cụ thể như: rà soát CDR và các phương pháp, nội dung dạy học đảm bảo đạt CDR từ từng đề cương các HP, bài giảng và giáo trình [H1.01.01.08]. Hội đồng nghiệm thu cho từng chuyên ngành được thành lập [H1.01.01.14] có trách nhiệm đánh giá tính cần thiết, chất lượng chuyên môn, sự cân đối giữa nội dung đào tạo.

Trong mỗi lần điều chỉnh, Nhà trường thành lập tổ thư ký và tổ điều chỉnh CTĐT. Đối với CTĐT TH, việc cải tiến thực hiện công văn của Trường [H1.01.01.07; H1.01.01.08; H1.01.01.09; H1.01.01.10; H1.01.01.11 (1-2)] nhằm điều chỉnh, rà soát và cải tiến tốt nhất CTĐT cũng như quy trình thiết kế CTDH. Căn cứ vào kế hoạch biên

soạn và điều chỉnh CTĐT của Trường ĐHCT, các tổ thư ký rà soát sự phù hợp của CTĐT với nhu cầu thực tiễn của xã hội, ý kiến của các BLQ về CTĐT, xu hướng vận động của ngành nghề và các yếu tố khác. Tổ điều chỉnh đề xuất cải tiến CTĐT, sau đó Hội đồng khoa học và đào tạo thảo luận và thống nhất [H1.01.01.12; H1.01.01.13]. Các nội dung cải tiến trong CTĐT dự thảo được gửi đến GV phản biện trước khi Hội đồng khoa học thẩm định [H1.01.01.14]. Sau khi thẩm định, nhóm chuyên gia tiếp thu ý kiến của Hội đồng khoa học cấp cao hơn và chỉnh sửa theo kết luận trong biên bản để trường ĐHCT thẩm định lần cuối và chính thức ban hành khung CTĐT ngành TH áp dụng cho từng khóa học. Việc thiết kế và phát triển CTDH còn được thực hiện thông qua việc tập huấn GV tham gia CTĐT về công tác đánh giá, phát triển và kiểm soát CDR [H2.02.01.10; H2.02.01.12; H2.02.01.13; H10.10.02.01; H3.03.01.08 (3-4); H10.10.02.02]. Nhờ vậy, quy trình phát triển CTĐT cũng như CTDH được cải tiến và quy định cụ thể trong hệ thống văn bản ở ĐHCT [H10.10.02.03; H1.01.01.02 (1-2)].

2. Điểm mạnh

Có hệ thống quy định quy trình thiết kế và phát triển CTDH rất chi tiết, thống nhất cao từ MTĐT, mục tiêu CDR đến việc tổ chức thực hiện, cải tiến và phát triển CTDH.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động lấy ý kiến phản hồi NTD làm tham chiếu cho việc rà soát, đánh giá, cải tiến CTDH chưa được thực hiện thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021-2022, Nhà trường tiếp tục tổ chức lấy ý kiến các BLQ, đặc biệt NTD trong quá trình xây dựng, bổ sung điều chỉnh CTDH.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 5.

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHCT có những quy định, kế hoạch thực hiện và kiểm tra xuyên suốt trong các học kỳ học tập nhằm ĐBCL quá trình dạy và học tương thích và phù hợp với CĐR.

Quá trình dạy và học của GV và NH được giám sát bởi toàn bộ hệ thống làm việc của trường [H4.04.01.01]. Trong đó, hoạt động ĐBCL được quản lý bởi hội đồng ĐBCL với Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng phụ trách ĐBCL quản lý, TT QLCL điều phối [H10.10.01.01]. Các tổ ĐBCL ở các đơn vị chịu trách nhiệm kiểm tra, đánh giá thường xuyên sự tương thích và phù hợp của CTDH với CĐR [H10.10.03.01 (1-3)]. Trưởng Bộ môn chịu trách nhiệm chính trong việc phân công, kiểm tra hoạt động dạy và học của GV. Ngoài ra, Khoa và quản lý nhà học cùng tham gia kiểm soát việc dạy học lý thuyết bằng phần mềm quản lý nhà học [H10.10.03.02; H10.10.03.03].

Việc kiểm tra rà soát, đánh giá KQHT của NH thể hiện rất rõ trong đề cương môn học [H1.01.01.03], quy trình đánh giá [H5.05.01.03], quy chế học vụ [H2.02.03.03], với hình thức, thời gian [theo từng tuần trong một học kỳ] và trọng số của từng loại điểm cho từng lần kiểm tra, đánh giá. Trong đó, theo quy chế này và ĐCCT mẫu do trường phát hành [H1.01.01.03] thì điểm thi cuối môn tối thiểu là 50%; phần còn lại là quá trình đánh giá thường xuyên được thực hiện thông qua các hình thức khác nhau để đánh giá kiến thức, kỹ năng và thái độ của NH. Hoạt động dạy học, kiểm tra, đánh giá được thực hiện theo kế hoạch của năm học [H5.05.01.04 (1-19)]. Việc coi thi ở cuối mỗi học kỳ được giám sát bởi Trường, Khoa [H5.05.01.09 (1-2); H5.05.01.10 (1-8); H5.05.03.01; H5.05.03.02; H10.10.03.04; H10.10.03.05] và cũng có tổng kết, rút kinh nghiệm cho các hoạt động này [H10.10.03.06; H10.10.03.07].

Việc ra các câu hỏi, yêu cầu được thực hiện dưới sự hướng dẫn của Phòng Đào tạo với thang chuẩn theo Bloom [H10.10.03.08]. Việc kiểm soát này được thực hiện bởi

phiếu kiểm soát do từng cá nhân thực hiện và BCN BM có nhiệm vụ trong việc kiểm soát sự tương thích giữa quá trình đánh giá NH với CDR của chương trình [H10.10.03.09].

Việc ra đề, chấm thi đều được thực hiện theo quy trình chặt chẽ, đảm bảo tính khách quan, chính xác và được quy định cụ thể trong văn bản của Nhà trường, trong đó, nhà trường trao toàn quyền chủ động cho GV trong việc ra đề thi, chấm điểm và công bố điểm theo đúng quy chế [H3.03.01.10; H4.04.02.10 (1-4)], đồng thời, Trưởng BM và Khoa chịu trách nhiệm giám sát hoạt động này thông qua việc nộp bảng điểm, nộp đề thi theo đúng yêu cầu. Hoạt động thi cuối học kỳ cũng được Nhà trường quan tâm, kiểm soát nhằm ĐBCL cho các kỳ thi. Từng hoạt động đánh giá đều có các quy trình chuẩn do trường ban hành [H5.05.01.03] cũng như hướng dẫn đảm bảo sự tương thích và phù hợp của quá trình dạy và học, đánh giá KQHT với CDR [H10.10.03.10].

Thực hiện việc đánh giá qua nhiều năm, kết quả khảo sát ý kiến của NH tương ứng từng học kỳ đối với tất cả CTĐT [H3.03.02.03 (1-10)] hoặc đến từng cá nhân mỗi GV với môn học mình phụ trách [H3.03.02.04 (1-5)], TTQLCL thống kê và gửi kết quả khảo sát đến GV phụ trách môn, Trưởng BM, Ban chủ nhiệm khoa nhằm kịp thời điều chỉnh hoạt động dạy và học. Nhìn chung, kết quả thu được cho thấy GV có chất lượng giảng dạy và hoạt động đánh giá NH của GV đã đạt hiệu quả tốt và được SV đánh giá cao.

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng quy trình, quy định kiểm tra đánh giá KQHT của NH cụ thể. GV thực hiện đúng với các CTDH và được NH đồng thuận và đánh giá cao. Các hình thức kiểm tra, đánh giá đa dạng, linh hoạt, phù hợp với quy trình đào tạo theo hệ thống TC.

3. Điểm tồn tại

Ý thức trong việc phản hồi ý kiến của bản thân SV đối với hoạt động giảng dạy của GV chưa cao. Tỷ lệ SV phản hồi còn thấp.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022, trường ĐHCT sẽ nghiên cứu các biện pháp để giúp tỷ lệ phản hồi của NH đến hoạt động dạy và học nhiều hơn.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 5.

Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.

1. Mô tả hiện trạng

Hoạt động NCKH đóng vai trò rất quan trọng trong việc góp phần cải thiện chất lượng dạy và học của GV và NH Trường ĐHCT. Bởi vì, NCKH trong GV và SV không những tạo ra tri thức mới, góp phần xây dựng vị thế và tầm vóc của trường ĐHCT mà còn được ứng dụng vào thực tế giảng dạy, từ đó làm tăng chất lượng giảng dạy. Chính vì vậy, hoạt động NCKH nhận được sự quan tâm đặc biệt của lãnh đạo Trường.

Do đặc thù KKHCT là đào tạo các ngành về lý luận chính trị, nên phần lớn các đề tài NCKH cũng như các báo cáo Seminar do GV, NH thực hiện đa phần nhằm mục tiêu cải tiến chất lượng việc dạy và học các môn lý luận chính trị [H4.04.02.10; H4.04.03.02; H4.04.03.03; H4.04.03.07; H6.06.01.23].

Trong giai đoạn 2016-2021, số lượng đề tài các cấp của CB và SV ngày càng nhiều [H4.04.03.02; H4.04.03.03; H4.04.03.07]. Các công trình, tài liệu và ấn phẩm của GV và SV được công bố trên website của Trường. Các nghiên cứu với chất lượng được đánh giá rõ ràng [H4.04.03.02; H4.04.03.03; H4.04.03.07].

Tất cả các sản phẩm, kết quả NCKH đều được nghiệm thu và công bố theo đúng quy định về sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ của Nhà trường và được sử dụng trong việc cải tiến việc dạy và học trong đơn vị tùy theo từng chuyên môn, lĩnh vực nghiên cứu nhất định. Các kết quả nghiên cứu cũng được sử dụng làm tài liệu học tập và nghiên cứu cho NH trong suốt quá trình đào tạo và rèn luyện.

Xuất phát từ yêu cầu về nâng cao chất lượng giảng dạy tại đơn vị cũng như năng lực đào tạo và nghiên cứu, Trường luôn có chính sách khuyến khích động viên đội ngũ GV tích cực nộp hồ sơ xét duyệt các đề tài NCKH các cấp [H10.10.04.01]. Các GV có kinh nghiệm trong lĩnh vực NCKH cũng được khuyến khích hỗ trợ NH trong các đề tài nghiên cứu mà các em đang thực hiện. Có thể thấy trong thời gian qua, đội ngũ GV không ngừng nỗ lực tham gia các hoạt động nghiên cứu cải tiến công tác dạy học. Thông

qua các buổi báo cáo seminar và kết quả ứng dụng sản phẩm NCKH, đội ngũ GV cũng như NH tăng cường khả năng học hỏi, chia sẻ lẫn nhau và góp phần hỗ trợ cho công tác đào tạo tại Khoa ngày càng hiệu quả hơn [H6.06.01.23]

2. Điểm mạnh

Nhà trường tạo mọi điều kiện hỗ trợ tích cực nhằm khuyến khích CB GV cũng như NH tham gia hoạt động NCKH. Sản phẩm NCKH được thực hiện có nội dung gắn kết chặt chẽ với MTĐT và được ứng dụng vào hoạt động cải tiến chất lượng giảng dạy.

3. Điểm tồn tại

Việc vận dụng, áp dụng những kết quả NCKH để cải tiến việc dạy và học ở GV và SV còn mang tính đơn lẻ, chưa có sự liên kết chặt chẽ. Kết quả NCKH của GV nào thì GV ấy sử dụng. Chính vì vậy, sức lan tỏa của những công trình NCKH của GV, SV trong BM đến với SV, NH chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2022, Khoa, BM tiếp tục phát huy khả năng nghiên cứu và vận dụng hiệu quả kết quả nghiên cứu trong công tác giảng dạy. Bên cạnh đó, BM thúc đẩy thành lập nhóm nghiên cứu để thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu ở cấp cao hơn cũng như kết hợp có hiệu quả giữa nghiên cứu và ứng dụng, đồng thời có biện pháp thúc đẩy NCKH trong SV.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 5.

Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHCT, một đơn vị đã được công nhận là đạt chuẩn [H10.10.05.01], vì vậy các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho ngành TH đã được tổ chức bài bản, đa dạng, phong phú có ý nghĩa thiết thực; định kỳ được đánh giá, điều chỉnh và cải tiến để nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu NH, phù hợp với thực tiễn của xã hội [H10.10.05.02; H1.01.01.18-19]. Tất

cả các hoạt động hỗ trợ và tiện ích đều được quy định trong các quy trình làm việc của Trường [H5.05.01.03]. Trong đó, tiêu chuẩn chất lượng của các hoạt động này được quy định bằng thời gian phục vụ hoặc nội dung, chất lượng và thái độ phục vụ.

Nhà trường đã thành lập đơn vị chuyên trách cung cấp các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ cho NH như Trung tâm Chuyển giao Công nghệ và Dịch vụ, Trung tâm Học liệu, Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng công nghệ, Trung tâm Tư vấn, Hỗ trợ và Khởi nghiệp SV, Không gian sáng chế [H10.10.05.02]. Nhà trường tổ chức nhiều chương trình hỗ trợ cho NH như hỗ trợ vốn, hỗ trợ khởi nghiệp, việc làm,..., góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường nói chung, đáp ứng yêu cầu của xã hội về chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là đối với các ngành đào tạo chất lượng cao. Các chương trình hỗ trợ SV ngày càng đa dạng và phong phú [H10.10.05.02]; [H1.01.03.07] và hoạt động hỗ trợ được quy định đánh giá thông qua các phiếu khảo sát cho người dùng [H10.10.05.03], các nghiên cứu khảo sát ý kiến người dùng [H10.10.05.04; H10.10.05.05].

Nhà trường chú trọng đầu tư hệ thống CNTT phục vụ hoạt động đào tạo. Hiện nay, tất cả hệ thống máy tính được nối mạng Internet, hệ thống mạng Internet và Wifi được sử dụng miễn phí trong toàn trường phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của GV và NH [H1.01.01.06 (12); H10.10.05.06]. Nhà trường trang bị đầy đủ các thiết bị tin học để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động quản lý của trường. Nhà trường có bộ phận chuyên trách quản trị mạng, đảm bảo hệ thống mạng hoạt động thông suốt. Việc nâng cấp và bảo trì các hệ thống phần mềm phục vụ, hỗ trợ công tác dạy và học được thực hiện thường xuyên nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu đào tạo và nghiên cứu, theo dõi phản hồi NH và các BLQ về mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu của hệ thống CNTT. Bên cạnh đó, BM có phân công CVHT và Khoa cũng có cố vấn trợ lý quản lý SV là nguồn nhân lực đặc lực hỗ trợ SV [H8.08.03.02 (1-5)]. Mỗi SV học tập ở ĐHCT đều được cung cấp email [H10.10.05.07], tài khoản để đăng nhập hệ thống học tập trực tuyến và lưu trữ đám mây miễn phí.

Thông qua việc khảo sát lấy ý kiến người dùng gồm cả GV và SV, các dịch vụ hỗ trợ được đánh giá và cải tiến liên tục. Năm 2015, Trường ĐHCT mạnh mẽ trong việc CNTT hóa toàn trường bởi dự án 1.000 máy tính [H10.10.05.08], hệ thống thư viện được cập nhật thường xuyên về số lượng đầu sách và chất lượng sách [H9.09.02.04;

H10.10.05.09; H10.10.05.10], môi trường xanh sạch đẹp, mạng internet phủ rộng khắp [H10.10.05.06] nhưng có điểm yếu là tài liệu đọc chưa được bổ sung nhiều, SV chưa có ý thức và kỹ năng PCCC. Căn cứ vào những điểm mạnh và hạn chế, những năm về sau, công tác ĐBCL được đẩy mạnh, khắc phục những điểm hạn chế và đạt các chuẩn GDĐH Việt Nam [H10.10.05.01]. Trường ĐHCT đã phát triển nhiều dự án nhằm phát triển hệ thống các phòng thí nghiệm, các trung tâm hỗ trợ hoạt động cho NH từ các nguồn vốn khác nhau, đặc biệt là từ nguồn vốn vay ODA Nhật Bản thực hiện dự án nâng cấp Trường ĐHCT [H10.10.05.11].

2. Điểm mạnh

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ luôn được Trường ĐHCT quan tâm và đánh giá kịp thời. Hằng năm, Trường đều lên kế hoạch rà soát, bảo trì và mua mới các thiết bị cần thiết phục vụ tối đa nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động có liên quan.

3. Điểm tồn tại

Việc xử lý vấn đề liên quan đến chất lượng dịch vụ hỗ trợ và tiện ích đôi khi còn chậm trễ. Ngoài ra, do lệ thuộc khá nhiều vào kế hoạch ngân sách chung từ Trường nên việc sửa chữa, mua mới thiết bị hư hỏng đôi khi chưa kịp thời.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2021-2022, Nhà trường tiếp tục rà soát toàn bộ hệ thống CSVC, CNTT nhằm tiến hành đánh giá năng suất sử dụng và có kế hoạch điều chỉnh hợp lý.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 5.

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng

Việc thu thập ý kiến phản hồi của các BLQ được thực hiện theo quy trình chặt chẽ, có tính hệ thống và nội dung đánh giá luôn được cập nhật cải tiến phù hợp với tình hình thực tế hàng năm [H10.10.01.01; H10.10.01.02; H10.10.01.03; H10.10.01.04; H10.10.01.05; H10.10.01.06; H10.10.01.07; H2.02.02.01; H10.10.01.08].

Quy trình lấy ý kiến phản hồi từ NH về hoạt động giảng dạy của GV được thực hiện theo công văn 1276/BGDĐT-NG [H10.10.06.01 (2)]. Quy trình này được thực hiện hoàn toàn trực tuyến bao gồm các bước như sau: (1) Thu thập thông tin; (2) Tổng hợp và phân tích dữ liệu; (3) Phân tích kết quả; (4) Lập kế hoạch cải tiến; (5) Đánh giá kết quả cải tiến.

TTQLCL là đơn vị đầu mối trong việc xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện thu thập và báo cáo về thông tin phản hồi của các BLQ trong cải tiến, phát triển CTDH và nâng cao chất lượng các hoạt động của Nhà trường [H10.10.01.01]. Từ năm 2010, Trường ĐHCT đã từng bước xây dựng quy trình, ban hành quy định về khảo sát lấy ý kiến các BLQ trên cơ sở đó lập kế hoạch khảo sát và hướng dẫn các bộ phận trong việc triển khai khảo sát [H10.10.06.01 (1-2); H10.10.01.03]. Việc thu thập ý kiến các BLQ có thể được thực hiện bằng nhiều cách như dùng phiếu khảo sát, phỏng vấn trực tiếp, các kỳ họp cựu SV hay các hội chợ việc làm. Trên cơ sở kế hoạch khảo sát, Nhà trường thông báo tới các đơn vị liên quan và triển khai thực hiện khảo sát lấy ý kiến về CTĐT, hoạt động dạy học và các hoạt động hỗ trợ nhằm cải tiến chất lượng đào tạo [H10.10.01.05; H10.10.01.06; H3.03.03.05]. Các cuộc họp định kỳ như giao ban Khoa [H10.10.06.02 (1-6)], hội đồng Khoa và đánh giá viên chức cuối năm cũng là một trong các kênh để làm cơ sở cải tiến CTĐT [H6.06.02.04 (1-12)]. Từ năm 2015, BMTH cũng đã thực hiện việc khảo sát lấy ý kiến các BLQ trong việc phát triển CTĐT ngành TH theo hướng tiếp cận năng lực. Bằng phương pháp phát phiếu điều tra gửi đến các đối tượng bao gồm SV, cựu SV, GV, NTD để làm cơ sở để BM phát triển CTĐT.

Cơ chế phản hồi của các BLQ được đánh giá và cải tiến định kỳ. Hàng năm, TTQLCL, Khoa và BM đều tổng kết và đánh giá cơ chế phản hồi của các BLQ để cải tiến hoạt động khảo sát lấy ý kiến phản hồi nhằm nâng cao chất lượng của thông tin thu thập trong các văn kiện tổng kết hoạt động và phương hướng hoạt động của KKHCT [H6.06.01.15 (1-2)], của TTQLCL [H10.10.01.11 (1-5)] và BMTH [H1.01.01.18-19]. Căn cứ kết quả và số lượng phản hồi thu được, TTQLCL tham mưu cho nhà trường để cải tiến các cơ chế phản hồi. Năm 2016, nhận thấy việc phản hồi của BLQ còn ít và chưa được hiệu quả, Nhà trường đã bổ sung cơ chế phản hồi bằng hình thức trực tuyến, nhờ đó số lượng người tham gia phản hồi tăng lên. Bên cạnh đó, việc hình thành các cơ chế ràng

buộc đối với người phản hồi cũng làm gia tăng hiệu quả thu nhận phản hồi từ các BLQ. Ví dụ như rằng buộc NH tốt nghiệp phản hồi về CTĐT thì mới có thể được xét tốt nghiệp.

2. Điểm mạnh

Cơ chế phản hồi của các BLQ nhằm nâng cao chất lượng đào tạo được thực hiện một cách có hệ thống, đồng thời, có ứng dụng CNTT trong việc lấy ý kiến của các BLQ. Cơ chế phản hồi được đánh giá, cải tiến định kỳ là cơ sở để nâng cao chất lượng hoạt động dạy học và phát triển CTDH đáp ứng nhu cầu xã hội.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động khảo sát NTD chưa được thực hiện thường xuyên, phạm vi thực hiện chưa rộng.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2021-2022, Nhà trường tiếp tục đẩy mạnh việc lấy ý kiến phản hồi từ các NTD, đặc biệt là các NTD ngoài phạm vi các trường phổ thông.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 5.

Kết luận về Tiêu chuẩn 10:

Việc thu thập thông tin phản hồi từ các BLQ đóng vai trò rất quan trọng trong việc nâng cao chất lượng phục vụ cho ngành TH. Cũng chính vì thế Trường ĐHCT luôn quan tâm sâu sắc và có kế hoạch, chính sách thực hiện rất nghiêm túc. Kết quả có được từ sự đóng góp ý kiến của các BLQ được sử dụng một tham chiếu đáng tin cậy trong việc xây dựng, hoàn thiện chất lượng CTĐT, CTDH. Ngoài ra, ý kiến phản hồi từ các BLQ còn giúp Nhà trường cải thiện, thay đổi hợp lý các chính sách hiện tại nhằm đáp ứng nhu cầu đổi mới của xã hội.

Việc nâng cao giá trị phục vụ, giá trị sử dụng các dịch vụ cũng mang lại hiệu quả cao trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, cải thiện chất lượng sản phẩm NCKH và tạo sự thoải mái nhất có thể để đội ngũ cán bộ, NH hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

Tuy nhiên, việc tiếp cận và ghi nhận thông tin phản hồi từ các BLQ, đặc biệt là từ nhà tuyển dụng ở nhiều lĩnh vực công việc vẫn chưa đạt hiệu quả cao. Đối với hoạt động NCKH, số lượng các đề tài được thực hiện vẫn còn khá hạn chế. Trong kế hoạch hành động, Nhà trường sẽ thực hiện việc rà soát các điểm còn tồn tại và lên kế hoạch chiến lược nhằm cải thiện chất lượng.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 10: Căn cứ vào kết quả TĐG các tiêu chí trên, Hội đồng TĐG chất lượng CTĐT ngành TH tự đánh giá tiêu chuẩn 10 có tất cả 6 tiêu chí đạt mức 5.

Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra

Mở đầu:

Nguồn SV đầu vào của ngành TH luôn ĐBCL, thuộc nhóm cao trong số các tổ hợp tuyển sinh C00 (Văn, Sử, Địa) C19 (Văn, Sử, Giáo dục Công dân), D14 (Văn, Sử, Tiếng Anh) và D15 (Văn, Địa, Tiếng Anh) [H3.03.02.05(1-4)], [H8.08.01.03(1-6)]. [H8.08.01.07(1-9)]. Trong công tác ĐBCL, Nhà trường không những coi trọng đầu vào và quá trình tổ chức thực hiện, mà còn đặc biệt quan tâm đến kết quả đầu ra. Kết quả đầu ra là cơ sở quan trọng trong việc cải tiến chất lượng CTĐT và các hoạt động ĐBCL, được đánh giá dựa vào mức độ đạt được của CĐR như: tỷ lệ NH tốt nghiệp và tỷ lệ NH thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình và tỷ lệ có việc làm của NH sau khi tốt nghiệp, mức độ tham gia và kết quả NCKH của NH và mức độ hài lòng của các BLQ.

Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

SV ngành TH từ đầu vào cho đến đầu ra luôn được Trường ĐHCT quản lý, giám sát, cập nhật chặt chẽ thông qua hệ thống trang web của Trường [H1.01.01.06]. Trường ĐHCT đã phân quyền phần mềm quản lý trên website theo các cấp quản lý để các đơn vị quản lý đào tạo giám sát, theo dõi KQHT theo từng HP, xét tốt nghiệp hay thông tin về cảnh báo học vụ của NH, giúp kịp thời đưa ra cách giải quyết thích hợp [H5.05.04.02]. Dựa trên hệ thống quản lý, NH có thể nắm bắt được tình trạng học tập và tiến độ học tập của bản thân. CVHT được chọn từ các CB giảng dạy có kinh nghiệm trong công tác

GD&ĐT, có điều kiện tham gia hỗ trợ các hoạt động của SV. Quyết định 2067/QĐ-ĐHCT ngày 4/12/2007 và Quyết định 3873/QĐ - ĐHCT ngày 10/11/2020 ban hành Quy định về công tác CVHT đã nêu rõ nhiệm vụ của CVHT là nắm bắt tình hình cụ thể của lớp chuyên ngành nhằm tư vấn, hỗ trợ, SV trong quá trình học tập [H8.08.04.01; H6.06.04.14; H6.06.04.15]. CVHT không chỉ tư vấn SV lập KHHT, mà còn biết được KQHT và tiến độ học tập của NH để từ đó có những tư vấn phù hợp cho NH khi bị cảnh báo học vụ hay NH bị buộc thôi học [H5.05.04.03 (1-6)]. Đồng thời đánh giá kết quả rèn luyện, xử lý và báo cáo các vấn đề với cấp trên, đề xuất về khen thưởng, kỷ luật, xét tốt nghiệp, học bổng,... [H5.05.01.12 (1-2)].

Các quy định về xét tốt nghiệp, nghỉ học tạm thời, cảnh báo học vụ, đình chỉ học và buộc thôi học được hướng dẫn theo Quy chế học vụ của Trường ĐHCT [H2.02.03.03]. Danh sách NH bị cảnh báo học vụ, bị buộc thôi học [H11.11.01.01 (1-10); H11.11.01.02; H11.11.01.03]; Quyết định về việc thu nhận lại NH sau thời gian tạm hoãn [H11.11.01.04, H11.11.01.05] và Quyết định tốt nghiệp [H11.11.01.06 (1-12)] được Trường cập nhật đầy đủ theo từng học kỳ, từng năm đã giúp cả Ban Chủ nhiệm khoa, Bộ môn, CVHT và NH có những giải pháp kịp thời để nâng cao chất lượng đào tạo.

Từ những thống kê về danh sách SV tốt nghiệp và thôi học các khóa từ 40 đến 43 ta có thể thấy rõ tỷ lệ NH tốt nghiệp và thôi học trong 4 khóa gần nhất của SV ngành TH (Xem Bảng 11.1, Phụ lục 4).

Theo KHHT toàn khóa được BM và CVHT xây dựng cho SV ngành TH các khóa từ K40 đến nay với kế hoạch 100% NH có thể hoàn thành chương trình học tập trong 4 năm [H1.01.01.07; H1.01.01.08; H1.01.01.09; H1.01.01.11(1-2); H1.01.01.12; H1.01.01.13; H1.01.01.14; H1.01.01.15; H1.01.01.16; H3.03.03.02 (1-2)]. Tuy nhiên, do những nguyên nhân khách quan và chủ quan từ phía NH, nên tỷ lệ NH tốt nghiệp đúng tiến độ ngành TH dao động từ 75% đến 82,5%. So với các ngành đào tạo của KKHCT, tỷ lệ tốt nghiệp đúng tiến độ của ngành TH như trên là tốt [H11.11.01.06 (1-12); Phụ lục 8]. Tỷ lệ NH thôi học trung bình từ K40 đến K43 là 10%, dao động từ 8,4% đến 12% tùy theo từng khóa.

Trong quá trình đào tạo, Phòng công tác SV là đầu mối quản lý NH, giám sát, cập nhật tình hình NH bảo lưu, cảnh báo học vụ hay buộc thôi học. PĐT là đầu mối quản lý

về học tập, giám sát cập nhật KQHT và theo dõi tình hình tốt nghiệp của NH. Trợ lý giáo vụ về đào tạo và công tác SV là đầu mối liên hệ giữa NH, đơn vị với các phòng ban có liên quan [H7.07.01.07; H7.07.01.09; H7.07.01.10]. Sau khi KKHCT, BMTH cử các CB giảng dạy làm CVHT [H8.08.03.02(1-5); H6.06.04.15], BM thường xuyên nhắc nhở CVHT theo dõi việc học của NH, trao đổi trực tiếp với NH để tìm hiểu nguyên nhân khi có ý muốn nghỉ học. Đồng thời, mỗi CVHT ngoài thời gian sinh hoạt CVHT theo lịch của Trường quy định, họ đều có kênh liên lạc riêng như email, zalo, facebook để nhanh chóng liên hệ với NH, giải quyết kịp thời những vấn đề phát sinh trong năm học [H11.11.01.07]

Tỷ lệ tốt nghiệp của SV ngành TH được duy trì tương đối ổn định từ năm 2018 đến năm 2021 (dao động từ 75% đến 82,5%). Tỷ lệ thôi học của NH ngành TH ở mức 8,4% đến 12%, do các nguyên nhân như: NH thiếu an tâm do cơ hội việc làm sau tốt nghiệp không cao (sẽ nghỉ để chuyển học ngành khác) hay kinh tế gia đình gặp khó khăn (nghỉ học để đi xuất khẩu lao động, đi lấy chồng nước ngoài) [H11.11.01.02; H11.11.01.03].

Nhà trường thường xuyên tổ chức nhiều hoạt động để hạn chế NH thôi học như: Hoạt động hướng nghiệp thông qua ngày hội việc làm để tăng cường giới thiệu việc làm cho NH; Các hoạt động hỗ trợ phát triển kỹ năng khởi nghiệp, kỹ năng xin việc để NH có thêm cơ hội sau khi ra trường [H1.01.03.07]; [H8.08.04.17] Kêu gọi học bổng cho NH có hoàn cảnh khó khăn, hỗ trợ NH nhận trợ cấp xã hội hay vay vốn tại ngân hàng. CVHT sẽ là người chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát và giúp đỡ cho NH có KQHT yếu hay hoàn cảnh khó khăn [H11.11.01.04; H8.08.04.12 (1-3); Những SV chậm tiến độ, KKHCT và BM sẽ cử các GV có kinh nghiệm làm CVHT để định hướng và giúp các em có KHHT tốt nhất [H8.08.04.02 (1-3)].

2. Điểm mạnh

Trường ĐHCT có phần mềm quản lý và đội ngũ chuyên trách của Phòng CTSV hỗ trợ kịp thời trong hoạt động đào tạo của KKHCT. Đồng thời, đội ngũ CVHT của BM thường xuyên cập nhật, giám sát chính xác tỷ lệ thôi học và tỷ lệ tốt nghiệp của NH. Vì vậy, tỷ lệ tốt nghiệp sớm và đúng tiến độ của ngành TH gia tăng.

3. Điểm tồn tại

Một số SV chậm tiến độ ngành TH do nhiều nguyên nhân như: hoàn cảnh gia đình khó khăn phải tạm hoãn tiến độ học tập, một số khác do rớt môn phải đăng ký học lại nên không đăng ký HP đúng như KHHT, phải tốt nghiệp trễ so với tiến độ.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021 trở đi, BMTH sẽ tổ chức định hướng nghề nghiệp rõ ràng cho NH từ khi mới nhập học và tổ chức thảo luận đối sánh tỷ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp hàng năm để đưa ra các giải pháp cụ thể nhằm cải tiến chất lượng CTĐT. CVHT cần quan tâm sát sao tình hình đăng ký HP của SV để điều chỉnh kịp thời.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 6.

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Thời gian trung bình để tốt nghiệp là 4 năm (8 học kỳ) cho chương trình cử nhân TH, trong thời gian đó, đòi hỏi NH khi tốt nghiệp phải hoàn tất tổng số TC theo yêu cầu của CTĐT. Do đó, NH có thể tốt nghiệp sớm tiến độ hoặc chậm hơn 4 năm tùy theo khả năng học tập của mình [H1.01.01.11(1-2); H1.01.01.12; H1.01.01.13; H1.01.01.14; H1.01.01.15; H1.01.01.16]. Ngoài ra, theo quy chế học vụ của Trường ĐHCT, thời gian cho phép để kéo dài tối đa là 8 năm [H2.02.03.03]. Thời gian tối đa này là thỏa đáng, giúp NH có thể nhận được bằng tốt nghiệp khi phải gián đoạn việc học tập vì nhiều lý do.

Tỷ lệ NH hoàn thành chương trình học đúng tiến độ đạt từ 75 % đến 82,5% [Bảng 11.2, Phụ lục 4]. Tỷ lệ NH tốt nghiệp chậm tiến độ biến động qua các khóa từ 7,5 % đến 16,6% tùy theo từng khóa. Tỷ lệ tốt nghiệp chung của ngành TH dao động từ 88% đến 91,6%. Thời gian tốt nghiệp trung bình của NH dao động từ 3,8 đến 4,07 năm.

Khi mới nhập học, NH được CVHT tư vấn lập KHHT trong 4 năm, nhưng kế hoạch này có thể linh động thay đổi và điều chỉnh ở từng học kỳ, tùy theo tình hình học

tập thực tế [H1.01.01.02(1-4); H3.03.03.02(1-2)]. Do đó, NH có thể tốt nghiệp sớm, đúng hoặc chậm tiến độ tùy theo khả năng và điều kiện riêng của mình. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến NH chậm tiến độ, nhưng phần lớn liên quan đến KQHT (nợ HP), kể đến là vấn đề sức khỏe (tạm hoãn để điều trị bệnh), vấn đề cá nhân (hoàn cảnh gia đình khó khăn nên nghỉ học để đi làm thêm một thời gian) [H11.11.01.01; H11.11.02.02 (1-4); H11.11.01.05].

Theo quy chế học vụ của Trường ĐHCT, NH có thể đăng ký học kỳ 3 (học kỳ hè), điều này có thể giúp NH rút ngắn thời gian học và tăng cơ hội trả nợ các HP còn nợ [H5.05.01.04 (1-19). Nhà trường còn linh động cho phép mở thêm nhóm HP khi có nhiều NH đăng ký vào các năm cuối còn nợ HP [H8.08.04.06].

BM luôn chỉ đạo CVHT thường xuyên theo dõi, rà soát tình hình học tập của NH năm thứ 3 và thứ 4 để đảm bảo tốt nghiệp đúng hạn [H11.11.02.01; H11.11.02.02(1-4)]. Trong trường hợp NH có KQHT kém, CVHT luôn theo dõi nhắc nhở và tư vấn NH đăng ký HP để rút ngắn thời gian tốt nghiệp nhất có thể [H8.08.04.06]. Đối với NH tốt nghiệp chậm tiến độ, Khoa và BM phân công CVHT chuyên trách để thực hiện việc quản lý, tư vấn, hỗ trợ cho NH sớm tốt nghiệp [H8.08.04.02(1-3); H11.11.02.01(1-2); H6.06.04.14].

Tính ưu việt của học theo hệ thống TC là giúp NH có thể tốt nghiệp sớm hơn tiến độ dựa trên năng lực của từng NH. Để ĐBCL CDR của ngành TH, giữa BCN, BM với các GV là CVHT thường tổ chức họp định kỳ để đánh giá, giúp đỡ, và tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc của NH, giúp NH có thể tốt nghiệp sớm và đúng tiến độ [H5.05.02.05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có quy chế học vụ rõ ràng, các chính sách linh động, đội ngũ NV và CVHT có tinh thần trách nhiệm cao, luôn giám sát và hỗ trợ, tư vấn NH tốt nghiệp đúng tiến độ.

3. Điểm tồn tại

Bộ môn chưa tổ chức đánh giá hiệu quả của các biện pháp cải thiện thời gian tốt nghiệp của NH theo định kỳ hàng năm.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021 trở đi, BM sẽ tổ chức thảo luận công tác ĐBCL CDR của ngành TH theo định kỳ hàng năm. Trong đó, chú trọng đến việc đánh giá hiệu quả của các biện pháp cải thiện thời gian tốt nghiệp cho NH.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 6.

Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Để đảm bảo chất lượng CTĐT của CSGD, Trường ĐHCT đã triển khai thực hiện việc điều tra khảo sát việc làm NH sau tốt nghiệp liên tục từ năm 2016 đến nay. Nhà trường đã tổ chức nhiều hội nghị khảo sát tình hình việc làm NH tốt nghiệp trong các năm và đưa ra những giải pháp, đề xuất để công tác khảo sát tình hình việc làm của NH tốt nghiệp được thực hiện nhanh chóng và hiệu quả cao [H11.11.03.01(1-10)]. Đồng thời, Trường ĐHCT đã đầu tư mua gói thầu “Xây dựng phần mềm hệ thống khảo sát việc làm SV tốt nghiệp ĐHCT” để khảo sát, đánh giá một cách nhanh chóng và chính xác [H9.09.04.11 (1)]. TTQLCL đã phối hợp với các đơn vị trong Trường, tổ chức tập huấn cho các CB được phân công nhiệm vụ ở các đơn vị [H10.10.01.01; H10.10.01.02; H10.10.01.03; H10.10.01.04; H10.10.01.05; H10.10.01.06; H10.10.01.07; H2.02.02.01; H10.10.01.08].

Dưới sự chỉ đạo của BGH Trường ĐHCT, TTQLCL, Tổ ĐBCL KKHCT được giao nhiệm vụ khảo sát, phân tích và báo cáo kết quả tình hình việc làm của SV ngành TH. CVHT là người được giao nhiệm vụ trực tiếp liên hệ NH để khảo sát qua nhiều kênh thông tin khác nhau. Tổ ĐBCL KKHCT sẽ phân tích, đánh giá và gửi các báo cáo về TTQLCL Trường ĐHCT để nộp về BGĐĐT [H11.11.03.02; [H1.01.01.18-19-20-21]].

Danh sách SV ngành TH tốt nghiệp của KKHCT có việc làm, vị trí làm việc, đơn vị công tác và mức thu nhập trung bình từ năm 2018 đến nay được thu thập, thống kê và lưu trữ đầy đủ [H1.01.01.20-21], [Bảng 11.3, Phụ lục 4].

Theo kết quả điều tra 3 năm vừa qua (đối với các khóa tốt nghiệp từ năm 2018 đến năm 2021), tỷ lệ trung bình có việc làm sau 1 năm tốt nghiệp của NH ngành TH từ 92,42 % đến 94,52 %. Tỷ lệ NH có việc làm tăng mạnh trong những năm gần đây do nhiều NH có xu hướng chuyển khu vực làm việc từ nhà nước sang tư nhân. Đồng thời, NH đã có sự chuẩn bị và định hướng tốt hơn về các lĩnh vực gần với chuyên môn nên có thể vận dụng được kiến thức và kỹ năng một cách hiệu quả. Ngoài ra, NH sau khi tốt nghiệp cử nhân TH tại KKHCT Trường ĐHCT có thể tiếp tục học tập để nâng cao trình độ.

Mặt khác, qua kết quả khảo sát việc làm của SV TH của BMTH, hầu hết các SV ra trường đều có việc làm trong vòng 6 tháng đến 1 năm kể từ ngày tốt nghiệp (trên 90%). So với kết quả khảo sát SVTN năm 2018 có sự thay đổi đáng kể về công việc liên quan ngành từ 23,73% SVTN năm 2018 lên 53,33% ở SVTN năm 2019 (tăng 29,60%) và giảm đáng kể những công việc không liên quan ngành đào tạo từ 71,19% xuống còn 40% (giảm 31,19%) [H1.01.01.20-21]. Đặc biệt, trong cuộc khảo sát năm 2020, cho thấy SV ngày càng tích cực, chủ động hơn trong việc tìm việc làm. Nhiều SV đã tìm việc khi chưa tốt nghiệp và sẵn sàng làm ở khu vực tư nhân, khu vực đầu tư nước ngoài, những ngành nghề mà SV cho rằng không thuộc lĩnh vực chuyên môn. Điều này chứng tỏ trong quá trình đào tạo, SV ngành TH không chỉ được đào tạo chuyên môn, mà còn được bồi dưỡng các kỹ năng mềm, linh hoạt trong xin việc sau khi ra trường. Kết quả này một phần phản ánh được tính định hướng tại các đơn vị của Trường nên đã chuẩn bị cho NH sự sẵn sàng, tự chủ trong việc tìm việc làm, một số SV đã tiếp tục học nâng cao trình độ.

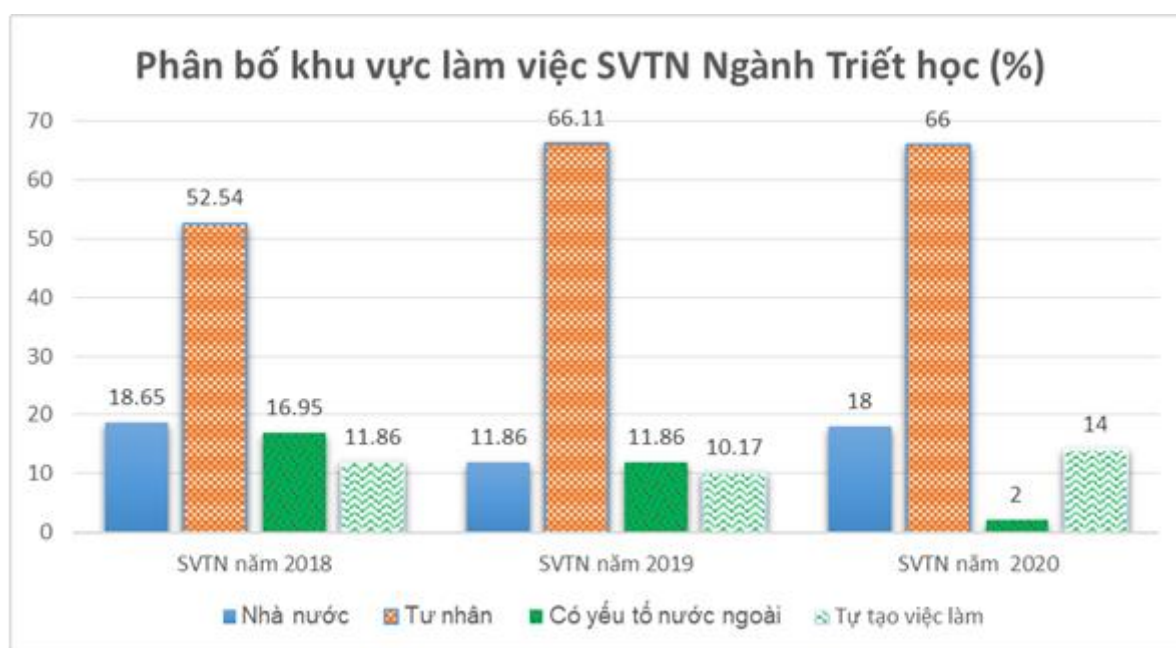
Về thu nhập: tỷ trọng CSV có thu nhập dưới 5 triệu/tháng chiếm 25%, từ 5 đến 10 triệu chiếm 70% và trên 10 triệu chiếm 5% [H1.01.01.20-21].

Thông tin việc làm của NH sau tốt nghiệp được bộ phận ĐBCL của KKHCT xử lý, phân tích đối sánh, cùng với các thông tin phản hồi khác nhằm tìm ra biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp cho CTĐT. Năm 2019 tỷ lệ NH ngành TH chưa có việc làm giảm hơn so với các ngành trong nhóm ngành đào tạo của KHCT, từ 6,1% xuống 2,7%, nhưng năm 2020 lại tăng lên 8.9%. Trong khi, các ngành còn lại của KKHCT trong hai năm 2019 và 2020 lại ở mức ổn định là 7% và 4% (Xem Bảng 11.4, Phụ lục 4).

Tỷ lệ NH có việc làm tăng mạnh trong những năm gần đây nhưng chủ yếu là làm việc ở khu vực tư nhân, tăng từ 52,54% lên 66,11%; làm việc ở khu vực Nhà nước giảm

từ 18,65 % (năm 2018) xuống 11,86% (năm 2019) và tăng trở lại 18% (năm 2020). Tự tạo việc làm có xu hướng tăng, trong khi đó ở khu vực có yếu tố nước ngoài giảm từ 18,65% (năm 2018) xuống 2% (năm 2020) (Hình 11.1).

Hình 11.1. Thực trạng việc làm của sinh viên tốt nghiệp năm 2018, 2019 và 2020



SV ngành TH ra trường chưa xin được việc làm do nhiều nguyên nhân cả khách quan và chủ quan. Về nguyên nhân khách quan, nhìn chung kinh tế vùng ĐBSCL còn chậm phát triển, nên chưa tạo ra nhiều ngành nghề, trong khi các đơn vị sự nghiệp của cơ quan Nhà nước lại có xu hướng tinh giảm biên chế. Về nguyên nhân chủ quan, chủ yếu là do một số NH còn thiếu sự năng động trong xin việc làm, không muốn làm những việc trái ngành nên thường chờ thông báo tuyển dụng từ các Sở, Ban ngành hoặc các trường cao đẳng, đại học.

Trước tình hình trên, Trường ĐHCT cũng có nhiều biện pháp khắc phục để nâng cao khả năng tìm việc của NH trong những năm gần đây như:

- Một số hoạt động nhằm tăng tính chủ động cho NH như: Bổ sung thêm các HP (đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, kỹ năng mềm) [H3.03.03.06]; Thường xuyên tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề, tập huấn kỹ năng mềm cho SV [H1.01.03.07]

- Tăng cường giới thiệu việc làm cho NH như: cung cấp cho NH thông tin tuyển dụng, thành lập trung tâm tư vấn, hỗ trợ và khởi nghiệp SV [H8.08.04.17]; [H1.01.03.07].

- Ngoài ra, Nhà trường còn tăng cường trao đổi NH với các trường nước ngoài để tăng cơ hội tìm học bổng sau khi tốt nghiệp [H3.03.03.08 (1-11)].

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ NH có việc làm được xác lập, giám sát và đối sánh rõ ràng. Nhà trường đã hỗ trợ tối đa về khả năng tìm việc và tỷ lệ NH có việc làm cũng tăng dần trong những năm gần đây.

3. Điểm tồn tại

Vẫn còn NH chưa có việc làm và một bộ phận không nhỏ NH tìm kiếm cơ hội việc làm ở những ngành nghề khác sau khi tốt nghiệp.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, BM sẽ tiếp tục tổ chức thảo luận để tìm hiểu nguyên nhân cụ thể cho nhóm NH chưa có việc làm và đưa ra các giải pháp để hỗ trợ tìm được việc làm phù hợp với khả năng NH.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 5.

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

NCKH trong SV là 1 trong những mục tiêu quan trọng trong CTĐT của Nhà trường nhằm mục đích nâng cao chất lượng đào tạo. Trong quá trình học tập, SV được quyền tham gia các hoạt động NCKH. Dưới sự hướng dẫn của Phòng QLKH, SV sẽ nắm

rõ quy trình các bước trong NCKH, từ khâu đăng ký tên đề tài, bảo vệ đề tài, hướng phát triển đề tài, báo cáo nghiệm thu đề tài [H11.11.04.01 (1-6); H4.04.03.01; H6.06.04.10; H11.11.04.02; H11.11.04.03; H11.11.04.04; H11.11.04.05; H11.11.04.06]. Đồng thời, SV còn nhận được sự giúp đỡ của Trung tâm tư vấn, hỗ trợ và khởi nghiệp SV trong NCKH [H1.01.01.06 (12)].

Được sự hướng dẫn của GV, CVHT và Trợ lý khoa học của KKHCT, SV ngành TH đã gia thực hiện đề tài NCKH dành cho SV ở các cấp được tổ chức định kỳ [H4.04.03.01; H6.06.04.10; H11.11.04.02; H11.11.04.03; H11.11.04.04; H11.11.04.05; H11.11.04.06]. SV ngành TH đã tham gia NCKH với sự hướng dẫn của CB làm chủ nhiệm đề tài, từ đó giúp SV tăng cường khả năng NCKH, áp dụng lý thuyết vào thực tiễn [H4.04.03.03; H11.11.04.01 (1-6)]. Trường ĐHCT và Phòng QLKH đã thành lập Hội đồng đánh giá nghiệm thu đề tài NCKH cấp cơ sở do SV thực hiện [H11.11.04.06]. Ngoài ra, SV còn tham dự các buổi báo cáo seminar hoặc Hội thảo khoa học cấp Khoa được tổ chức thường xuyên ở BM [H6.06.07.03 (1-3)]. Các loại hình NCKH của SV được xác lập hoàn toàn phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn của Nhà trường và CĐR của CTĐT ngành TH [H1.01.01.06 (1)]; [H1.01.01.02].

Tính từ năm 2018 đến nay, có 2 đề tài NCKH trong SV TH của BMTH được thực hiện (Xem Bảng 11.5, Phụ lục 4), ngoài ra, một số SV ngành TH còn tham gia và có bài viết trong Hội thảo khoa học cấp Khoa được tổ chức hàng năm [H4.04.03.03; H6.06.07.03 (1-3)].

Nhằm đẩy mạnh các hoạt động NCKH trong SV, Nhà trường đã xây dựng hệ thống theo dõi, giám sát các loại hình nghiên cứu và hoạt động NCKH của NH như:

- Phòng QLKH là đầu mối để tham mưu cho nhà Trường xây dựng kế hoạch phát triển Khoa học và Công nghệ. Trợ lý giáo vụ phụ trách NCKH đầu mối liên hệ giữa đơn vị với Phòng QLKH [H7.07.01.07; H7.07.01.09; H7.07.01.10]. GV là CB trực tiếp hướng dẫn đề tài NCKH của SV (mỗi CB chỉ được hướng dẫn 1 đề tài/ năm) [H11.11.04.01 (1-6); H11.11.04.02; H11.11.04.03; H11.11.04.06].

- Nhà trường ban hành đầy đủ các văn bản quy định để hướng dẫn cụ thể, chi tiết cho NH tham gia NCKH: quy trình quản lý đề tài cấp cơ sở (SV thực hiện)

[H4.04.03.01], các biểu mẫu thực hiện đề tài NCKH (cấp Trường) do SV thực hiện và quy định về quản lý nhiệm vụ Khoa học và Công Nghệ, các vấn đề trọng tâm cần nghiên cứu đối với đề tài cấp cơ sở do SV thực hiện theo 5 lĩnh vực NCKH ưu tiên của trường [H11.11.04.04].

- Hệ thống các phần mềm quản lý của Nhà trường có mục dành riêng cho hoạt động NCKH thường xuyên cập nhật, liên kết chặt chẽ giữa NH thực hiện đề tài với các cấp quản lý để dễ dàng theo dõi, nắm bắt tình hình được hướng dẫn cụ thể, rõ ràng trên trang web của Phòng QLKH [H11.11.04.07].

- Kinh phí dành cho NCKH nâng cao chất lượng đào tạo của trường ĐHCT được huy động từ nhiều nguồn khác nhau như: Kinh phí sự nghiệp của Nhà nước; kinh phí hợp tác với các địa phương, doanh nghiệp; kinh phí hợp tác quốc tế về NCKH và kinh phí từ hoạt động chuyển giao các sản phẩm khoa học và công nghệ. Riêng kinh phí đầu tư cho NCKH của Trường hàng năm được trích từ nguồn thu học phí, tổng nguồn kinh phí chi cho NCKH của toàn trường trong 5 năm gần đây không ngừng tăng, từ 43,4 tỷ đồng năm 2016 lên 51,8 tỷ đồng năm 2020 [H1.01.01.05(4)].

BMTH luôn quan tâm đến công tác NCKH trong SV ngành TH, bởi đây là nền tảng vững chắc để thúc đẩy hoạt động NCKH trong SV nhằm ĐBCL đào tạo. Tuy nhiên, do đặc thù là khoa lý luận, nên nhìn chung hoạt động NCKH trong SV của Khoa còn khiêm tốn. Từ danh sách thống kê tình hình NCKH của SV KKHCT ta thấy: so với các ngành khác của Khoa, số lượng đề tài NCKH trong SV ngành TH còn ở mức hạn chế. Trong những năm gần đây, tỷ lệ này chỉ chiếm 40% NCKH của SV KKHCT [H4.04.03.03] (Bảng 11.4).

Trong quy hoạch phát triển tổng thể của Trường ĐHCT đến năm 2022 [H11.11.04.08], nhiệm vụ khoa học công nghệ của Nhà trường tập trung vào 5 lĩnh vực: (1) Ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp, thủy sản và môi trường; (2) Quản lý và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên; (3) Kỹ thuật công nghệ và CNTT – truyền thông; (4) Khoa học giáo dục, luật và xã hội nhân văn; (5) Phát triển kinh tế, thị trường [H4.04.03.01; H11.11.04.04]. Do đặc thù của ngành học, phần lớn các NCKH của SV ngành TH tập trung vào lĩnh vực với điểm mạnh là các nghiên cứu cơ bản [H4.04.03.03].

2. Điểm mạnh

Hoạt động NCKH đã được chú trọng trong SV ngành TH, nguồn kinh phí thực hiện các đề tài NCKH của SV được nhà trường quan tâm đầu tư thực hiện dưới sự giám sát và hướng dẫn của Trường ĐHCT và Phòng QLKH.

3. Điểm tồn tại

Nhiều SV ngành TH chưa mạnh dạn đăng ký đề tài NCKH, không năng động trong việc chọn đề tài và mặn mà trong NCKH.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, BM sẽ thường xuyên tổ chức thảo luận, đề ra các phương hướng nhằm tăng cường niềm đam mê NCKH trong SV ngành TH.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 5.

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

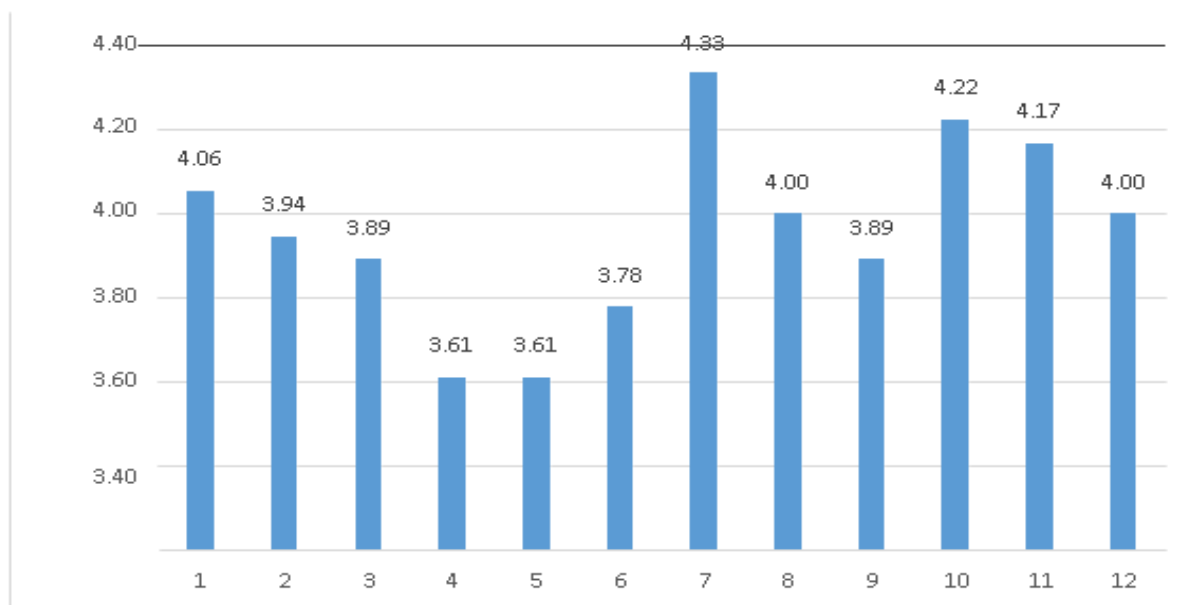
1. Mô tả hiện trạng

Sự hài lòng về CTĐT ngành TH và chất lượng của SV tốt nghiệp được đánh giá dựa trên kết quả khảo sát các BLQ [H10.10.01.03; H10.10.01.04; H10.10.01.05; H10.10.01.06; H10.10.01.07; H2.02.02.01; H10.10.01.08; H10.10.01.11(1-5); H1.01.01.18-19] được thể hiện như sau:

- Đối với GV

Năm 2020, BMTH đã khảo sát lấy ý kiến của GV tham gia giảng dạy chương trình TH vào tháng 9/2020. Các câu hỏi tập trung vào các vấn đề như CSVC – trang thiết bị phục vụ giảng dạy, tài liệu giảng dạy, hoạt động NCKH, trao đổi chuyên môn, chăm sóc sức khỏe y tế, môi trường làm việc an toàn, tổ chức lớp học, phản hồi về hoạt động giảng dạy, quản lý đào tạo và phân công giảng dạy. Hình 11.2 cho thấy sự hài lòng của giảng viên đối với hoạt động phục vụ, hỗ trợ giảng dạy.

Hình 11. 2. Kết quả khảo sát ý kiến giảng viên về hoạt động phục vụ/hỗ trợ



*Thang đánh giá 5 bậc từ rất không hài lòng đến rất hài lòng

Nguồn: [H1.01.01.18]

Ghi chú: 1. Cơ sở vật chất; 2. Công cụ phục vụ giảng dạy; 3. Tài liệu giảng dạy; 4. Nghiên cứu khoa học; 5. Trao đổi học thuật; 6. Chăm sóc y tế; 7. Môi trường làm việc; 8. Tổ chức lớp học; 9. Lấy ý kiến phản hồi của SV; 10. Quản lý đào tạo; 11. Phân công giảng dạy; 12. Đánh giá chung.

Đánh giá chung của GV về hoạt động phục vụ /hỗ trợ cho thấy: GV tương đối hài lòng với các hoạt động này. Điểm hài lòng nhất của GV là về môi trường làm việc an toàn (4,33/5) và hoạt động quản lý đào tạo (4,22/5). GV cũng hài lòng về việc phân công giảng dạy (4,17/5) và CSVN phục vụ giảng dạy (4,06/5). Ngược lại, GV ít hài lòng nhất về hoạt động NCKH và trao đổi chuyên môn, học thuật (3,61/5), tài liệu phục vụ giảng dạy (3,89). Hoạt động chăm sóc y tế cũng không được đánh giá cao (3,78/5). GV cũng chưa hài lòng với phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy (3,89/5).

Ngoài ra, các cấp của Trường ĐHCT đều tổ chức Hội nghị viên chức hằng năm, tạo điều kiện GV đóng góp ý kiến về các hoạt động của nhà trường, thường xuyên thảo luận về việc

cải tiến chất lượng đào tạo trong các buổi họp giao ban theo định kỳ hàng tháng ở KKHCT và BMTH [H10.10.06.02 (1-6)].

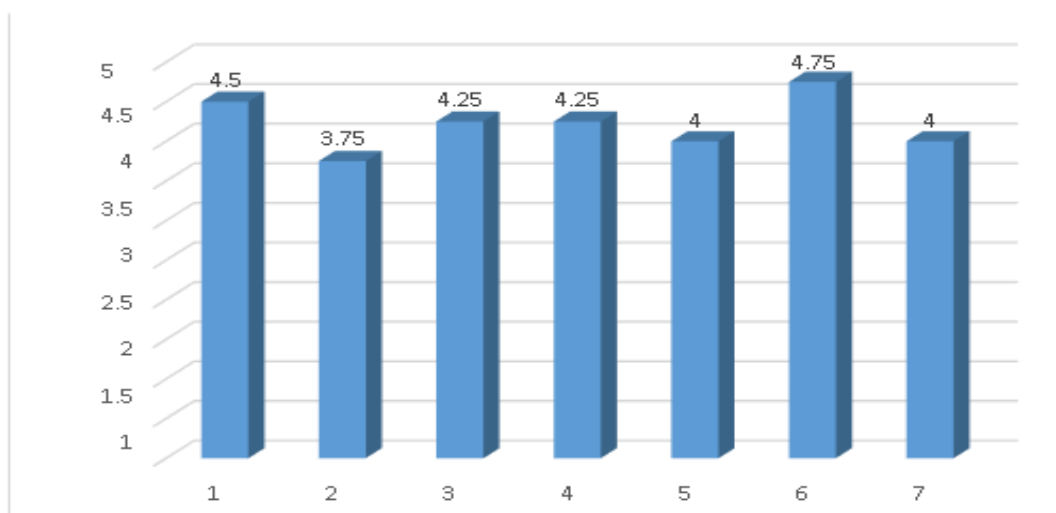
- *Đối với người sử dụng lao động*

Thông tin chung về người sử dụng lao động: do đặc thù ngành đào tạo, tất cả những người sử dụng lao động đều làm việc trong khu vực Nhà nước (cơ quan báo chí của Đảng, Đoàn Thanh niên, Trường Chính trị và Trường đại học). Những người được mời khảo sát là cấp trên trực tiếp quản lý người lao động là CSV.

Về việc nắm thông tin CTĐT, có 1/4 NSDLĐ chưa nắm bắt thông tin, còn lại 3/4 NSDLĐ có được thông tin và thể hiện sự hài lòng (4/5 điểm) về những thông tin của CTĐT.

Về nội dung liên quan đến CTĐT: Thông qua kiến thức, kỹ năng và thái độ làm việc của NLĐ là CSV, kết quả phản hồi từ các NSDLĐ được thể hiện qua Hình 11.3 sau:

Hình 11. 3. Kết quả phản hồi từ NSDLĐ về CTĐT



Ghi chú: 1. Chuyên môn; 2. Ngoại ngữ; 3. Tin học; 4. Giao tiếp; 5. Giải quyết vấn đề; 6. Tinh thần kỷ luật; 7. Mức độ hài lòng chung về CTĐT

Nhìn chung, NSDLĐ đánh giá cao CTĐT ngành TH, thể hiện từ mức “Hài lòng – Mức 4” đến “Rất hài lòng – Mức 5”. Cụ thể, điểm hài lòng cao nhất của NSDLĐ là ở thái độ, tinh thần kỷ luật và sự cầu thị trong công việc của CSV ngành Triết (4,75/5). Chuyên môn cũng là một yếu tố được đánh giá cao (4,5/5). Kỹ năng tin học, giao tiếp và giải quyết vấn đề cũng đạt mức độ “Hài lòng”. Tuy vậy, điểm yếu nhất trong CTĐT có thể nói là ngoại ngữ. NSDLĐ thể hiện sự chưa hài lòng về khả năng ngoại ngữ của CSV (3,75/5).

Đây cũng là một trong những vấn đề mà BMTH đã nhận ra và thực hiện cải tiến trong CTĐT từ Khóa 45 (năm học 2019 – 2020).

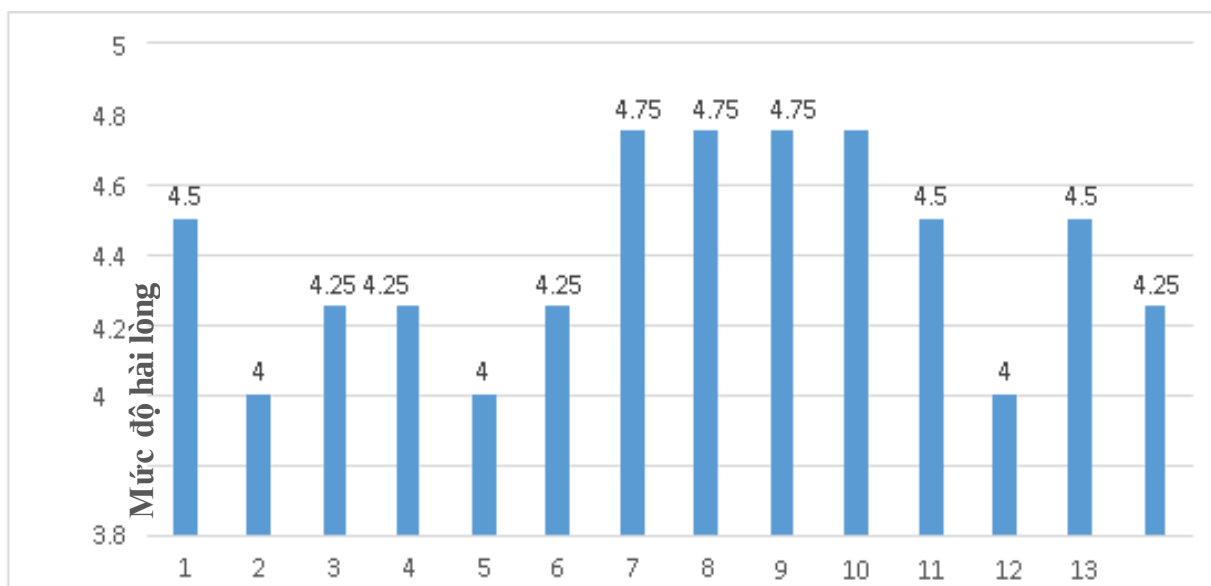
Ngoài ra, bảng hỏi cũng thu thập thêm các thông tin về việc kết nối, liên lạc giữa Trường ĐHCT với cơ quan có sử dụng lao động là CSV ngành Triết, sự sẵn sàng tham gia các chương trình quảng bá cho Trường. Có 3/4 NSDLĐ hài lòng với hoạt động kết nối, duy trì mối liên lạc của Trường, sẵn lòng tham gia các hoạt động quảng bá hình ảnh, tư vấn tuyển sinh, xây dựng, góp ý cho CTĐT. Tất cả NSDLĐ đều đề xuất rằng Nhà trường cần sử dụng các phương tiện khác nhau để cung cấp thông tin rộng rãi cho xã hội về CTĐT như: internet (website của Trường), thông qua bạn bè, đồng nghiệp, CSV... NSDLĐ cũng đề xuất nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng ngoại ngữ cho SV.

Về kiến thức chuyên môn: kết quả từ bảng hỏi này cho thấy, một lần nữa, NSDLĐ đánh giá cao chuyên môn của NLĐ là CSV (4,5/5).

Về kỹ năng: NSDLĐ thể hiện sự “Hài lòng” – Mức độ 4 đối với các kỹ năng của NLĐ (điểm trung bình dao động từ 4,0 đến 4,25 cho các câu hỏi 2 đến 6 (Hình 11.5b). Đây là mức điểm thấp hơn so với đánh giá về kiến thức chuyên môn. Trong đó, thấp nhất là kỹ năng ngoại ngữ và kỹ năng giải quyết vấn đề (4/5 điểm). Đánh giá về kỹ năng giải quyết vấn đề là hợp lý vì đa số CSV mới tốt nghiệp năm 2018 và 2019 nên chưa có nhiều kinh nghiệm trong công tác.

Về tinh thần, thái độ: Mức độ hài lòng của NSDLĐ rất cao đối với tinh thần, thái độ của CSV. Cụ thể, việc tuân thủ quy định cơ quan, sự phối hợp trong công tác, trách nhiệm đối với công việc và tinh thần học hỏi được NSDLĐ đánh giá trung bình là 4,75/5 điểm. Người lao động là CSV cũng được đánh giá rất tích cực (4,5/5 điểm) về tinh thần cầu tiến và phục vụ cộng đồng. Tuy nhiên, NSDLĐ chỉ thể hiện ở mức “Hài lòng – Mức 4” về khả năng thích ứng với môi trường làm việc. Điều này có thể cho thấy sự chuẩn bị tâm lý của SV sau khi tốt nghiệp còn hạn chế, chưa có cơ hội cọ sát thực tế nên còn bỡ ngỡ, chưa thích ứng nhanh với môi trường mới. Đánh giá chung về người lao động là CSV, NSDLĐ thể hiện mức độ hài lòng (4,25/5 điểm)

Hình 11. 4. Kết quả khảo sát ý kiến người sử dụng lao động về người lao động là CSV



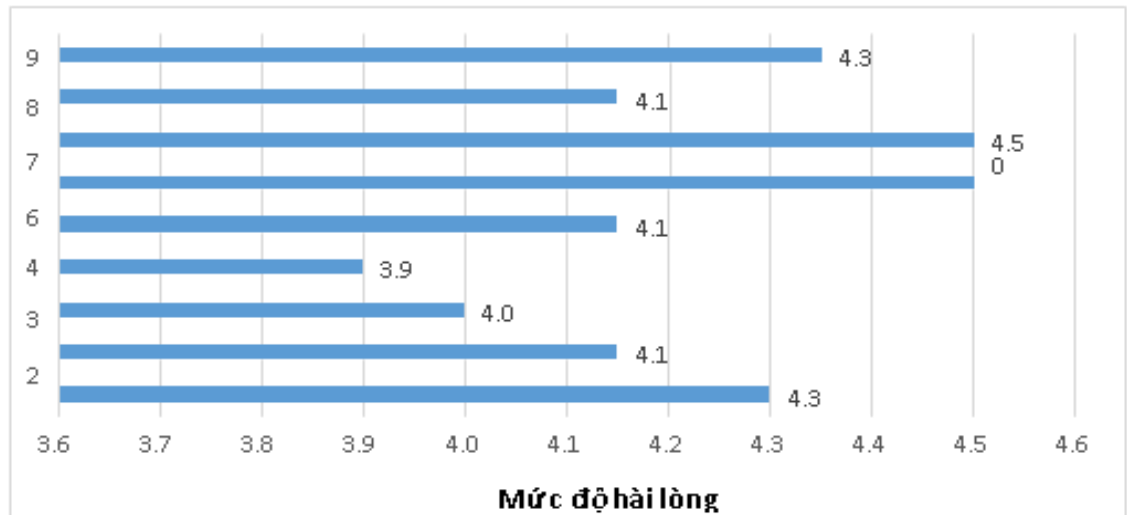
Ghi chú: 1. Chuyên môn; 2. Ngoại ngữ; 3. Tin học; 4. Giao tiếp; 5. Giải quyết vấn đề; 6. Kỹ năng làm việc nhóm; 7. Tuân thủ quy định cơ quan; 8. Phối hợp; 9. Trách nhiệm; 10. Sự cầu thị; 11. Cầu tiến; 12. Thích ứng công việc; 13. Tinh thần cộng đồng; 14. Đánh giá chung.

- Đối với cựu SV

Trong bảng hỏi dành cho cựu SV, Bộ môn thu thập ý kiến đánh giá của cựu SV về mức độ hài lòng về CTĐT và ý kiến mong muốn điều chỉnh nội dung của CTĐT cho phù hợp với yêu cầu của thực tiễn sau khi cựu SV tốt nghiệp và đi làm.

Về chương trình đào tạo tất cả cựu SV đều thể hiện sự hài lòng.

Hình 11. 5. Mức độ hài lòng của CSV về CTĐT



Ghi chú: 1. Kiến thức trong CTĐT; 2. Kỹ năng thu được từ CTĐT; 3. Năng lực tự học, NCKH; 4. Ngoại ngữ; 5. Tin học; 6. Hỗ trợ học tập; 7. Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao; 8. Mức độ hài lòng chung; 9. Hài lòng về việc giữ liên lạc với Trường.

Hình 11.5 cho thấy, điểm mạnh nhất trong CTĐT ngành TH là SV có cơ hội tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao (4,5/5 điểm) và các hoạt động hỗ trợ học tập của Trường (4,5/5 điểm). Ngược lại, điểm ít hài lòng nhất của CSV là về kiến thức, kỹ năng ngoại ngữ (3,9 điểm) và năng lực tự học, tự nghiên cứu (4 điểm). Như vậy, có thể thấy việc đào tạo ngoại ngữ trong CTĐT TH Khóa 40 - 44 chưa đáp ứng được kỳ vọng của SV. Mức độ hài lòng còn tương đối thấp đối với năng lực NCKH, kỹ năng cứng (4,15) và kỹ năng tin học (4,15). Do vậy, mức độ hài lòng chung về CTĐT là 4,15. Nhìn chung, đây là kết quả tích cực, thể hiện được chất lượng của CTĐT đáp ứng kỳ vọng của NH là CSV ở mức độ “Hài lòng – Mức 4” ngành TH.

Về việc điều chỉnh CTĐT, có 93% CSV nắm bắt thông tin về việc cập nhật này. Đồng thời, CSV cũng thể hiện mức độ hài lòng tương đối cao (4.25/5 điểm) đối với việc điều chỉnh này. CSV cũng đề xuất những cải tiến mà Trường cần thực hiện để nâng cao chất lượng đào tạo. Thứ nhất, Nhà trường cần tăng cường đầu tư CSVC, đặc biệt là sách chuyên ngành vì hiện nay nhiều sách đã cũ và số lượng vẫn hạn chế. Thứ hai, Nhà trường cần nâng cao chất lượng đội ngũ GV, đặc biệt là GV trẻ, có năng lực và tâm huyết để tạo đội ngũ kế thừa. Thứ ba, Nhà trường cần chú trọng hơn nữa đến đào tạo kỹ năng, đặc biệt là kỹ năng chuyên môn, ngoại ngữ, tin học. Một số CSV cũng cho rằng cần tạo điều kiện để SV được thực tập, gắn

học lý thuyết và thực tế nhiều hơn nữa. Đây là những ý kiến thể hiện tâm huyết, trăn trở của CSV sau khi đã đi vào môi trường làm việc.

Tóm lại, khảo sát ý kiến CSV là một kênh thông tin quan trọng trong việc cải tiến CTĐT. Nhìn chung, CSV thể hiện thái độ từ Mức 4 - “Hài lòng” đến Mức 5 – “Rất hài lòng” về CTĐT mà các bạn đã học và những cải tiến mà Trường đang thực hiện.

- Đối với NH

SV ngành TH của Trường ĐHCT có thể đánh giá ở các HP trong CTĐT [H3.03.02.02 (1-13); H3.03.02.03 (1-4); H3.03.02.04 (1-8)]. Điều này trở thành một trong các hoạt động ĐBCL trọng tâm, được duy trì mỗi năm hai lần. Thêm vào đó, hằng năm Trường ĐHCT đều tổ chức lấy ý kiến đối thoại với SV về hoạt động đào tạo và các hoạt động có liên quan [H7.07.01.15 (1-4)]. Ngoài ra, ở đầu mỗi học kỳ, Ban chủ nhiệm, BM có tổ chức họp với ban cán sự và ban chấp hành các khóa TH một lần để ghi nhận những phản ánh của SV và nắm bắt kịp thời tâm tư nguyện vọng của NH. Mức độ hài lòng của NH cũng được thu thập thông qua đối tượng là SV mới tốt nghiệp, khảo sát này được thực hiện đầy đủ theo định kỳ hằng năm [H10.10.01.03; H10.10.01.04; H10.10.01.05; H10.10.01.06; H10.10.01.07; H2.02.02.01; H10.10.01.08; H10.10.01.11; H1.01.01.18-19].

Tháng 9/2020, Bộ môn thực hiện khảo sát SV đang học nhằm thu thập thông tin phản hồi về đội ngũ GV và CSV, các hoạt động hỗ trợ NH. Kết quả khảo sát như sau (Hình 11.6):

- Về hoạt động giảng dạy của giảng viên

Trong phiếu này có tổng cộng có 19 câu hỏi, tập trung vào các vấn đề như: nội dung, hình thức, PPGD, các thông tin chung về HP. Kết quả cụ thể như sau:

Thứ nhất, SV hài lòng về việc GV giải thích rõ ràng và đầy đủ mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức giảng dạy, phương thức kiểm tra và đánh giá HP (4,23/5). Trong đó, có 67% SV cho biết đã được GV giải thích rõ về mục tiêu HP, 93% SV được giải thích rõ ràng về nội dung, 80% SV cho rằng đã biết rõ PPGD và học tập và 83% SV nắm được PPĐG HP của GV. Việc thực hiện giảng dạy theo cam kết trong ĐCCT HP cũng được SV đánh giá cao như giảng dạy đúng theo thời khóa biểu (4,37/5), đảm bảo số tiết giảng dạy (4,2/5). SV cho rằng GV thường giảng dạy 70 - 90% số tiết giảng của HP.

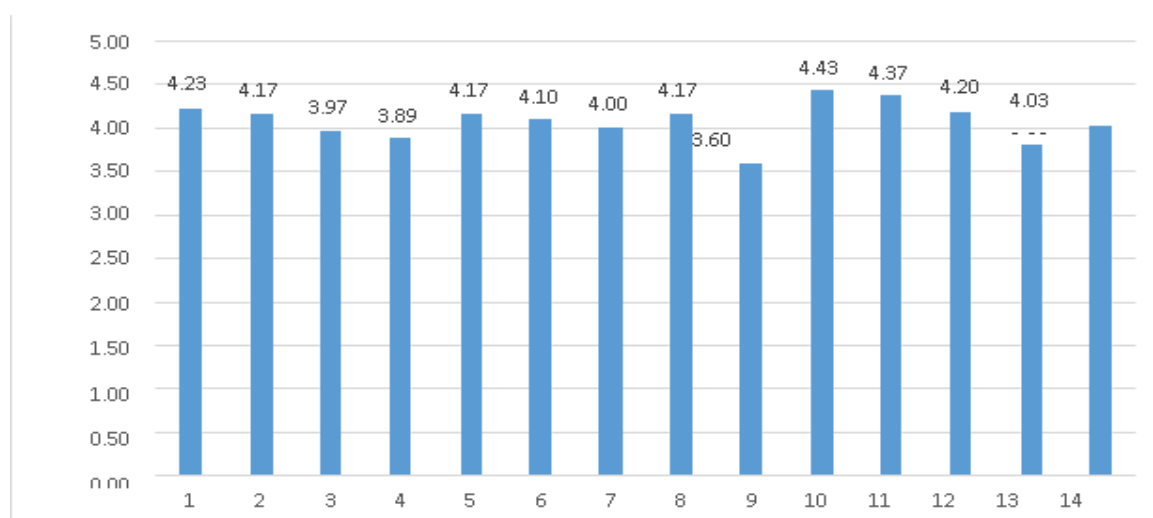
Thứ hai, SV cũng thể hiện sự hài lòng về việc GV đã giảng dạy đúng theo nội dung đã công bố trong ĐCCT HP (4,17/5). Tuy nhiên, PPGD của GV không được SV đánh giá cao trong việc thúc đẩy tính tích cực, tự học của SV (3,97/5). Đặc biệt, SV thể hiện sự chưa hài lòng về việc hướng dẫn tự học của GV (3,6/5). Nguồn tài liệu cung cấp để phục vụ cho SV cũng chưa nhận được sự hài lòng của NH (3,89/5) mặc dù trong các nguồn tài liệu phục vụ giảng dạy thì hầu hết các HP đều có giáo trình (93%), bài giảng (80%) và tài liệu tham khảo khác (69%). Như vậy, SV ước lượng rằng còn khoảng 7% tổng số HP chưa có tài liệu học tập hoặc giáo trình được công bố rõ ràng cho SV.

Thứ ba, về việc đánh giá HP, SV thể hiện sự hài lòng (4,1/5). Phần lớn GV đã sử dụng từ 2 hình thức đánh giá trở lên (thi cuối kỳ kết hợp với giữa kỳ và các hình thức khác).

Thứ tư, SV cũng có phản hồi tích cực về tinh thần, thái độ làm việc của GV. Đa số SV cho rằng việc giảng dạy và tác phong làm việc của GV có ảnh hưởng rõ rệt đến thái độ học tập của họ. Họ đánh giá tích cực về việc giải đáp thắc mắc của GV (4,17/5), phản hồi và giải thích rõ nội dung và kết quả đánh giá HP (4/5), tôn trọng ý kiến của SV và khuyến khích sự tham gia của SV vào hoạt động dạy và học (4,17/5).

Nhìn chung, SV hài lòng (4,03/5) đối với việc dạy và học các HP đã học. Tuy nhiên, SV cũng đề xuất cải tiến PPGD (80% SV) để hoạt động dạy và học tốt hơn.

Hình 11. 6. Mức hài lòng của SV với việc dạy và học



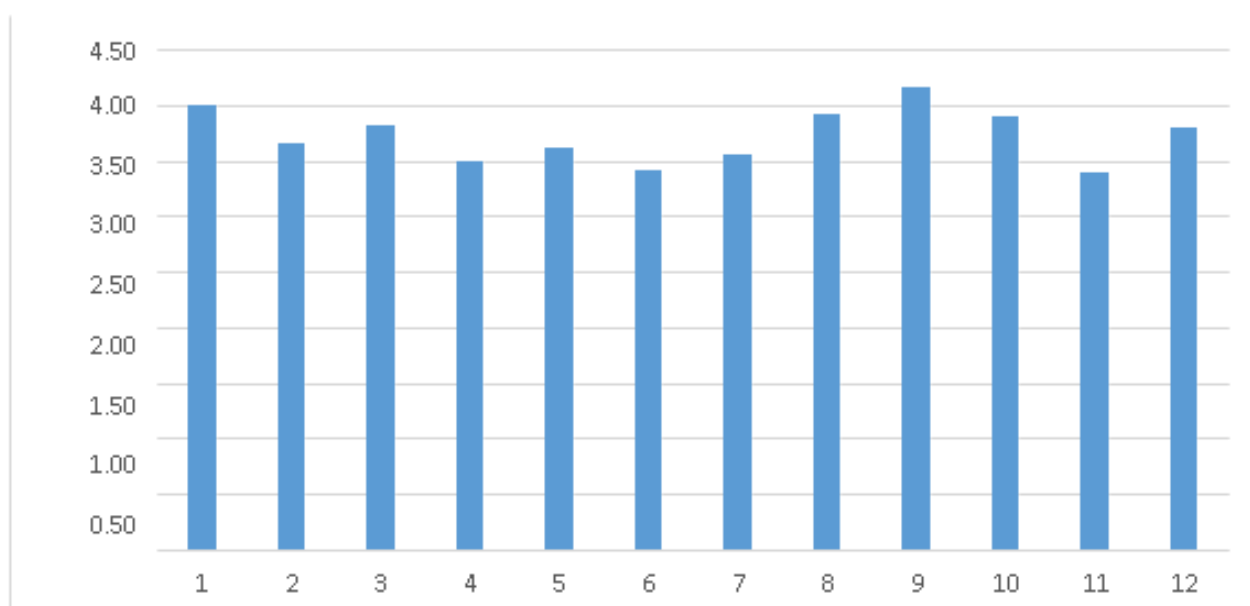
Ghi chú: 1. Giải thích rõ ràng và đầy đủ mục tiêu, nội dung, phương pháp giảng dạy; 2. Giảng dạy đúng nội dung đã công bố; 3. PP giảng dạy tích cực; 4. Tài liệu học tập; 5. Giải đáp thắc mắc của SV; 6. Nội dung và phương pháp đánh giá HP; 7. Phản hồi về kết quả đánh giá; 8. Tôn trọng ý kiến SV; 10. Hướng dẫn tự học; 11. Tác phong sư phạm của GV; 12. Dạy đúng tiến độ; 13. Hoàn thành số tiết HP; 14. Mức độ hài lòng chung.

Về hoạt động phục vụ/hỗ trợ của Nhà trường

Kết quả đánh giá của SV đối với hoạt động hỗ trợ được tập trung vào các vấn đề như CSVC – trang thiết bị phục vụ học tập, thư viện, ký túc xá, chăm sóc y tế, thể thao và giải trí, dịch vụ căng – tin, giữ xe, phục vụ internet công cộng. Hình 11.7 cho thấy sự hài lòng của người học về hoạt động phục vụ hỗ trợ.

Nhìn chung, SV chưa thật sự hài lòng về dịch vụ hỗ trợ của Trường. Chỉ có 2 trong tổng số 12 câu hỏi lựa chọn mức độ có điểm đánh giá tích cực (Mức 4 – hài lòng/tốt) là quản lý quá trình học tập (4,0/5) và môi trường học tập an toàn (4,17/5). Điểm trung bình về mức độ hài lòng cho các hoạt động phục vụ/hỗ trợ khác tương đối thấp (dao động từ 3,4 đến 3,93). Điều đó cho thấy, SV đánh giá không cao mặc dù cũng không quá thấp các hoạt động này. Do vậy, đây có thể là vấn đề mà Nhà trường cần kiểm tra, đối chiếu và thực hiện cải tiến chất lượng phục vụ ngày càng tốt hơn.

Hình 11. 7. Mức độ hài lòng của SV về hoạt động phục vụ/hỗ trợ



Ghi chú: 1. *Quản lý học tập*; 2. *Cơ sở vật chất*; 3. *Thư viện*; 4. *Ký túc xá*; 5. *Tư vấn việc làm*; 6. *Tư vấn tâm-sinh lý*; 7. *Chăm sóc y tế*; 8. *Thể thao, giải trí*; 9. *Môi trường an toàn*; 10. *Dịch vụ căng-tin, giữ xe*; 11. *Internet công cộng*; 12. *Đánh giá chung*.

Do đặc thù của ngành TH mới được đào tạo nên sản phẩm đầu ra chỉ có khóa K40 đến K43. Nhưng BMTH và KKHCT luôn có sự đánh giá, đối sánh về CTĐT ngành TH và sản phẩm đầu ra giữa các ngành khác trong CSGD như Triết học, Chính trị học, Giáo dục công dân. Đồng thời, khi xác lập CTĐT, Khoa và Bộ môn có sự đối sánh với CTĐT của các trường ngoài CSGD như Trường ĐHKHXHNV HN và TPHCM để hoàn thiện CTĐT một cách khoa học nhất.

Với mong muốn có được những ý kiến phản hồi, đánh giá trung thực, khách quan về chất lượng đào tạo, môi trường học tập và sinh hoạt tại trường, mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của SV tốt nghiệp, Trường ĐHCT đã tiến hành khảo sát ý kiến các BLQ và nhận được sự quan tâm, ủng hộ nhiệt tình từ các đơn vị tuyển dụng, các CSV, SV và GV của Trường. Kết quả khảo sát cung cấp cho Nhà trường, đơn vị tuyển dụng, NH bức tranh tổng thể về chất lượng đào tạo ngành TH, trình độ đại học hệ chính quy của trường trên nhiều khía cạnh, từ đó Nhà Trường, KKHCT và BMTH thấy được những điểm mạnh, điểm yếu trong quá trình đào tạo Cử nhân TH ở Trường ĐHCT, đây sẽ là cơ sở góp phần cải tiến CTĐT, cách thức tổ chức giảng dạy, phục vụ nhu cầu NH và GV nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu xã hội.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có cơ chế và hệ thống thu thập thông tin phản hồi, đã triển khai công tác lấy ý kiến phản hồi các BLQ và có quy định rõ ràng về xử lý thông tin phản hồi và sử dụng nhằm mục đích cải tiến chất lượng CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Việc thu thập thông tin phản hồi và ý kiến đánh giá của NTD chưa được KKHCT thực hiện theo định kỳ.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2020, KKHCT và BM sẽ lập kế hoạch cụ thể về việc lấy ý kiến của NTD theo định kỳ 2 năm/1 lần và thường tổ chức thảo luận cải tiến chất lượng CTĐT dựa trên ý kiến phản hồi của các BLQ.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 5.

Kết luận về Tiêu chuẩn 11:

Nhà trường có hệ thống phần mềm quản lý, đội ngũ NV hỗ trợ NH ngành TH và quy chế học vụ rõ ràng, có quy trình cụ thể để xác lập, giám sát tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học và đảm bảo cho việc tốt nghiệp SV ngành TH đúng tiến độ. Nhà trường luôn rất chú trọng đến công tác NCKH của SV ngành TH. Ngoài ra, Nhà trường có cơ chế và hệ thống thu thập thông tin phản hồi và đã triển khai công tác lấy ý kiến phản hồi của các BLQ và có quy định rõ ràng về xử lý thông tin phản hồi và sử dụng nhằm mục đích cải tiến chất lượng CTĐT ngành TH. Tỷ lệ SV TH tốt nghiệp sớm và đúng tiến độ khá cao so với kỳ vọng. Tuy nhiên, tỷ lệ thôi học của SV ngành TH còn nhiều trong các năm gần đây và còn quá ít đề tài NCKH trong SV TH. Vẫn còn NH chưa có việc làm và một bộ phận không nhỏ NH tìm kiếm cơ hội việc làm ở những ngành nghề khác sau khi tốt nghiệp.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 11: Căn cứ vào kết quả TĐG các tiêu chí trên, Hội đồng TĐG chất lượng CTĐT ngành TH tự đánh giá tiêu chuẩn 11 có tất cả 5 tiêu chí đạt mức 5.

PHẦN III. KẾT LUẬN

Việc triển khai công tác TĐG có ý nghĩa rất quan trọng trong việc ĐBCL đào tạo ngành học. Nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động này, BMTH, KKHCT, Trường ĐHCT đã triển khai TĐG CTĐT ngành TH. Công tác TĐG CTĐT ngành TH được thực hiện theo hướng dẫn của Công văn số 1075/KTKĐCLGD-KĐDH ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về việc hướng dẫn tự đánh giá CTĐT và công văn số 2085/QLCL ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo. Mục đích của TĐG nhằm cung cấp một bức tranh toàn cảnh về quá trình trình đào tạo ngành TH tại Trường ĐHCT, từ đó xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT, từng bước thực hiện sứ mệnh để Trường ĐHCT trở thành trung tâm đào tạo, NCKH và chuyển giao công nghệ hàng đầu của quốc gia đóng góp hữu hiệu vào sự nghiệp đào tạo nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài và phát triển khoa học phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng và quốc gia, là nhân tố động lực có ảnh hưởng quyết định cho sự phát triển của vùng ĐBSCL.

Trong quá trình thực hiện, Ban thư ký và thành viên các nhóm công tác chuyên trách đã nhận được sự quan tâm sâu sát và chỉ đạo kịp thời từ các cấp lãnh đạo của Nhà trường, của Hội đồng tự đánh giá, sự hỗ trợ nhiệt tình của các Phòng, Ban và các BLQ, đặc biệt là sự đồng thuận và nỗ lực hết mình của tập thể GV và SV của BMTH và KKHCT.

Trên cơ sở đối chiếu lại các tiêu chí trong từng tiêu chuẩn của báo cáo tự đánh giá, Ban thư ký HĐ TĐG CTĐT ngành TH khái quát những điểm mạnh và những điểm còn tồn tại, cũng như kế hoạch nhằm phát huy những mặt mạnh và khắc phục những tồn tại tiếp tục cải tiến chất lượng CTĐT cụ thể như sau:

1. Tóm tắt những điểm mạnh và những điểm cần phát huy trong CTĐT ngành Triết học

MTĐT và CDR của CTĐT ngành TH được xác định rõ ràng, đầy đủ, khoa học và phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn của Trường ĐHCT, phù hợp với mục tiêu của Luật GDĐH và yêu cầu các BLQ; định kỳ được rà soát, điều chỉnh và bổ sung rõ ràng trên cơ sở tham khảo ý kiến đóng góp của các BLQ; và được phổ biến công khai tới các BLQ

dưới nhiều hình thức khác nhau, tạo điều kiện thuận lợi cho các BLQ cập nhật thông tin, đặc biệt là NTD.

Bản mô tả CTĐT và ĐCCT các HP có đầy đủ các thông tin và được công bố công khai với nhiều hình thức tạo điều kiện thuận lợi cho NH và GV, cũng như CB quản lý, CSV, NTD có thể tiếp cận và cập nhật dễ dàng, thuận tiện trong việc quản lý, tham khảo và phản hồi và góp ý xây dựng. Trên cơ sở thu thập thông tin phản hồi từ các BLQ, CTĐT và ĐCCT các HP được định kỳ điều chỉnh đáp ứng nhu cầu của xã hội. Đặc biệt, ĐCCT các HP qua những lần điều chỉnh có sự thay đổi thể hiện rõ nét mối tương quan giữa MTĐT với CĐR của CTĐT và CĐR của HP, nhất là trong ĐCCT các HP có sử dụng thang đo về năng lực nhận thức, kỹ năng và thái độ giúp NH chủ động trong việc định hướng để đạt được các CĐR của CTĐT, đồng thời dùng làm căn cứ để đánh giá NH.

CTDH của ngành TH có cấu trúc và nội dung được thiết kế khoa học, phù hợp giữa các khối kiến thức, định kỳ được rà soát, cập nhật, điều chỉnh, bổ sung trên cơ sở có sự tham khảo các CTĐT của một số trường khác đảm bảo sự kế thừa và nhu cầu thực tiễn xã hội. Các hoạt động dạy và học được tổ chức đa dạng và hợp lý theo hướng tiếp cận “NH là trung tâm”, “học đi đôi với hành” và “học tập qua trải nghiệm” giúp NH rèn luyện và nâng cao các kỹ năng, trong đó có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, tự chuyển đổi và học tập suốt đời. Hoạt động động kiểm tra, đánh giá KQHT đều được thể hiện rõ ràng trong ĐCCT các HP và được công bố công khai, giúp GV và NH lựa chọn PPDH, PPĐG phù hợp với tính chất của từng HP, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy, công bằng và công khai, minh bạch, đồng thời đảm bảo đạt được CĐR của HP, của CTĐT cũng như đáp ứng được MTĐT.

Trường ĐHCT đã ban hành đầy đủ, rõ ràng và có hệ thống các văn bản hướng dẫn quy định, quy trình về công tác kiểm tra, đánh giá và phản hồi KQHT của NH, được công bố bằng nhiều kênh thông tin để NH và các BLQ dễ tiếp cận. Đặc biệt, Trường có phần mềm Hệ thống quản lý đào tạo được vận hành trên nền tảng CNTT hiện đại đảm bảo tính chính xác, an toàn và dễ dàng tiếp cận, giúp NH theo dõi kịp thời KQHT của mình để cải thiện việc học tập và rèn luyện, đồng thời giúp cho việc quản lý, lưu trữ KQHT và rèn luyện của NH hiệu quả hơn.

Đội ngũ GV, NV thực hiện CTĐT ngành TH có trình độ và tinh thần phục vụ phù hợp với yêu cầu giảng dạy, NCKH và các hoạt động cộng đồng. Có tỷ lệ GV/NH đảm bảo đúng theo quy định của Nhà nước. Khối lượng công việc của GV, NV được đo lường, giám sát một cách khoa học, chặt chẽ làm căn cứ cho các hoạt động đánh giá và khen thưởng và công tác cải tiến chất lượng đào tạo. Về công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, Trường ĐHCT đã xây dựng được kế hoạch phát triển đội ngũ GV và triển khai kế hoạch đến từng đơn vị. Trường cũng có hệ thống các văn bản quy định, quy trình rõ ràng và đầy đủ về tiêu chuẩn và tiêu chí lựa chọn tuyển dụng, bổ nhiệm GV đảm bảo công khai, minh bạch. Đặc biệt, nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của GV, NV được xác định một cách đúng đắn, có kế hoạch và luôn được Nhà trường tạo điều kiện thuận lợi thông qua các cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích, nên việc triển khai thực hiện nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn của GV luôn đạt kết quả tốt.

Chính sách, quy trình và quy định về tuyển sinh NH ngành TH được xác định rõ ràng, hợp lý và được công bố công khai, minh bạch, cập nhật thường xuyên trên các kênh thông tin của Trường và các phương tiện truyền thông. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH ngành TH được xác định rõ ràng đúng theo các quy định hiện hành. Các số liệu tuyển sinh công bố công khai, minh bạch và được đánh giá thường xuyên tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh có đầy đủ thông tin để lựa chọn ngành học và đăng ký xét tuyển phù hợp với nguyện vọng đồng thời cũng giúp Nhà trường và tuyển chọn được NH phù hợp với yêu cầu của CTĐT đảm bảo được tính khách quan. Trường có hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của NH bằng phần mềm quản lý hiện đại, quy trình giám sát khoa học và đội ngũ CB tận tâm làm cho việc theo dõi sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của NH phát huy được hiệu quả. Các hoạt động tư vấn, hỗ trợ NH được thực hiện đa dạng và hữu ích, đặc biệt là các hoạt động thi đua, hoạt động ngoại khóa đã tạo điều kiện cho NH hình thành và phát triển được kiến thức, kỹ năng và thái độ, đáp ứng yêu cầu đặc thù của CTĐT ngành TH. Đặc biệt, Nhà trường đã xây dựng môi trường học tập và nghiên cứu xanh, sạch, đẹp, an toàn, thân thiện, thoải mái để phục vụ tốt các hoạt động học tập, NCKH và các hoạt động khác của NH trong suốt quá trình học tập và rèn luyện.

Trường có hệ thống CSVC và trang thiết bị đa dạng và đầy đủ cùng với môi trường tâm lý xã hội tích cực và môi trường cảnh quan xanh, sạch, đẹp và thường xuyên được cải thiện nhằm đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học tập và rèn luyện cho viên chức và NH. Nguồn học liệu phong phú, đa dạng và được cập nhật thường xuyên, phục vụ tốt nhu cầu đào tạo, nghiên cứu của NH. Hệ thống hạ tầng CNTT của Trường được đầu tư nâng cấp thường xuyên, hiện đại, vận hành chuyên nghiệp, đáp ứng cao nhu cầu chia sẻ, trao đổi, tìm kiếm thông tin, phục vụ hoạt động đào tạo và NCKH của NH. Ngoài ra, công tác vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, sức khỏe, phòng chống cháy nổ, an ninh trật tự được luôn quan tâm, triển khai thực hiện, kiểm tra, đánh giá thường xuyên và hiệu quả đảm bảo sự an tâm và an toàn cho NH.

Đối với hoạt động nâng cao chất lượng, Trường ĐHCT có quy trình, quy định rõ ràng được thể hiện bằng văn bản cụ thể, có tổng kết, đánh giá, báo cáo kết quả định kỳ. Nhà trường đã thành lập TTQLCL, đây là bộ phận chuyên trách cùng với việc xây dựng hệ thống thông tin hiện đại góp phần làm cho công tác thu thập và xử lý thông tin phản hồi của các BLQ một cách khách quan, nhanh chóng, liên tục và đa dạng. Thông tin phản hồi được GV cùng các bộ phận chức năng và Ban giám hiệu làm căn cứ để kịp thời điều chỉnh hoạt động dạy học và cải tiến nhằm nâng cao chất lượng CTĐT. Ngoài ra công tác nâng cao chất lượng còn được thể hiện thông qua số lượng và chất lượng của các công trình NCKH của GV và NH, kết quả từ các công trình NCKH này đều được vận dụng vào việc dạy và học. Đặc biệt, Nhà trường cũng quan tâm đến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ NH, luôn đánh giá và cải tiến thường xuyên và xem đây là một trong những hoạt động góp phần nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

Về công tác đảm bảo kết quả đầu ra, Trường ĐHCT có phần mềm quản lý và đội ngũ chuyên trách hỗ trợ kịp thời trong hoạt động đào tạo, nhất là đội ngũ CVHT có tinh thần trách nhiệm cao, luôn giám sát và hỗ trợ, tư vấn NH đề ra KHHT hợp lý giúp NH tốt nghiệp đúng tiến độ, nhờ vậy tỷ lệ thôi học và tỷ lệ tốt nghiệp của NH được thường xuyên cập nhật, giám sát chính xác, góp phần làm cho tỷ lệ tốt nghiệp sớm và đúng tiến độ của ngành TH gia tăng. Bên cạnh đó, Nhà trường có hệ thống điều tra khảo sát tình hình việc làm của NH sau tốt nghiệp và được thực hiện định kỳ, nên tình hình việc làm của NH học luôn được xác lập, đồng thời Nhà trường cũng chủ động tổ chức nhiều hoạt

động nhằm hỗ trợ tối đa về khả năng tìm việc cho NH, làm cho tỷ lệ có việc làm tăng dần. Điều đặc biệt là công tác khảo sát, thu thập ý kiến của các BLQ được Nhà trường quy định rõ ràng và thực hiện thường xuyên, làm cơ sở để cải tiến chất lượng CTĐT ngày càng phù hợp hơn với yêu cầu của các BLQ và nhu cầu của thực tiễn xã hội.

2. Tóm tắt những điểm tồn tại của CTĐT của ngành Triết học

Về MTĐT và CTĐT ngành TH được xây dựng trước đây vào năm 2014 chưa có ma trận thể hiện sự đóng góp của các HP vào việc đạt CDR của chương trình. Nhưng đến năm 2017, Trường ĐHCT đã có bổ sung xây dựng ma trận mối liên quan giữa MTĐT và CDR, đồng thời xây dựng ma trận mối liên hệ giữa CDR các HP với CDR của CTĐT và được tiếp tục xây dựng một cách chi tiết vào năm 2020 và cập nhật hoàn chỉnh vào năm 2021 nên chưa tiếp cận và chưa nhận được ý kiến phản hồi các BLQ. Một tồn tại khác là việc xây dựng CTDH chủ yếu dựa trên quy định của pháp luật và ý kiến của GV trực tiếp tham gia giảng dạy CTĐT mà chưa khảo sát một cách đồng bộ và rộng rãi các BLQ cũng như chưa thực hiện việc đối sánh giữa các Trường ĐH có danh tiếng có cùng CTĐT. Mặc dù MTĐT của Trường được phổ biến và công bố rộng rãi trên trang web của Trường, nhà điều hành, nhà học, khu vực văn phòng Đoàn trường nhưng mục tiêu của ngành TH vẫn chưa được dựng thành poster đặt ở Khoa, BM TH, nơi NH của ngành đến học tập thường xuyên.

Mặc dù PPGD và PPĐG được đề xuất đa dạng, tích cực trong ĐCCT HP, NH chưa có thói quen hình thành và phát triển kỹ năng nghề nghiệp theo hướng tiếp cận năng lực và PPDH mới nên phương pháp chủ đạo hiện nay của các GV thực hiện CTĐT vẫn là thuyết trình và vẫn còn chưa có sự thống nhất về thang đo đánh giá CDR về thái độ/mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân. Việc tham gia các hội nghị, hội thảo về đổi mới, cải tiến phương pháp dạy và học cũng như việc tham gia NCKH trong và ngoài nước của GV và NH vẫn còn hạn chế.

Hệ thống quản lý đào tạo của Trường hiện nay chưa cho phép nhập các cột điểm thành phần theo khung ĐCCT HP chưa tạo điều kiện thuận lợi cho NH nắm bắt KQHT của mình, cũng như gây khó khăn cho công tác lưu trữ, quản lý của GV. Trong quá trình giảng dạy có một số ít GV gặp khó khăn phải điều chỉnh hình thức đánh giá, vì vậy có những HP thực hiện hình thức đánh giá không hoàn toàn trùng khớp với ĐCCT HP. Hoạt

động lấy ý kiến phản hồi trực tuyến của NH về hoạt động giảng dạy của GV chưa thực sự hiệu quả vì tỷ lệ NH tham gia lấy ý kiến trực tuyến quá thấp. Nhà trường cũng đang triển khai những quy định cụ thể nhằm nâng cao tỷ lệ phản hồi này.

Về công tác phát triển đội ngũ cán bộ, Công tác quy hoạch CB của BM chưa đảm bảo tính kế thừa, độ tuổi trung bình của GV khá lớn, không có tính kế thừa khi có nhiều GV sẽ nghỉ hưu cùng thời gian. Tiêu chí đánh giá CB còn chung chung, chưa có các tiêu chí định lượng, rõ ràng, cụ thể để đánh giá một cách thuyết phục những điểm mạnh và điểm yếu của CB trong hoạt động giảng dạy, NCKH và hoạt động phục vụ cộng đồng và công tác khác. Đề án vị trí việc làm của Trường mặc dù đã được xây dựng từ năm 2015 nhưng đến nay vẫn chưa hoàn thành và chưa công bố, chưa có tiêu chí đánh giá riêng cho NV theo từng vị trí việc làm, nên việc đánh giá còn cảm tính. Mặc dù Trường đã quy định về tiến trình phấn đấu đối với GV, nhưng do những nguyên nhân khách quan và chủ quan nên BM còn một số GV chưa triển khai thực hiện được kế hoạch đào tạo đã xác định. Mặt khác số lượng GV đang học NCS nhiều gây khó khăn đến việc phân công nhiệm vụ công tác chuyên môn. Tỷ lệ GV biên soạn giáo trình, tài liệu học tập chưa cao. Chưa có đề tài NCKH cấp Tỉnh, cấp Bộ và việc NCKH giữa các GV trong BM chưa đồng đều, xuất bản phẩm quốc tế chưa nhiều.

Về công tác tuyển chọn và hỗ trợ NH, phương thức và tiêu chí tuyển chọn NH còn chưa đảm bảo tính đa dạng, chủ yếu xét tuyển dựa vào kết quả Kỳ thi THPT quốc gia và phương thức xét tuyển điểm học bạ THPT và chưa xét tuyển thường xuyên trong năm. Việc quảng bá về công tác tuyển sinh của Trường ĐHCT chưa được quan tâm đầu tư nhiều, chưa phát huy hết được thế mạnh của các kênh phương tiện truyền thông đại chúng và truyền thông xã hội. Hoạt động khảo sát, phân tích và dự báo nhu cầu nguồn nhân lực có liên quan đến ngành đào tạo chưa được thực hiện thường xuyên. Phần mềm hệ thống quản lý đào tạo của Trường mặc dù đã được nâng cấp và hoàn thiện nhưng vẫn còn thiếu một số chức năng cần được cập nhật và khai thác, việc phân CVHT chưa thật sự hợp lý. Các hoạt động tư vấn và ngoại khóa nhằm tạo cho NH có được cơ hội việc làm chưa được thực hiện thường xuyên và đa dạng. NH ngành TH có thể tham gia nhiều câu lạc bộ tại Trường, nhưng vẫn chưa thể tham gia sinh hoạt học thuật chuyên về TH, do chưa tổ chức thành lập câu lạc bộ này. Đội ngũ chuyên viên tư vấn tâm lý ở các trung

tâm tư vấn của Trường ĐHCT còn hạn chế về chuyên môn nghiệp vụ nên chưa đáp ứng được nhu cầu ngày càng đa dạng của NH.

Về CSVC và trang thiết bị, mặc dù Trường được sự hỗ trợ đầu tư từ nguồn vốn ODA, nhưng trang thiết bị và cơ sở làm việc một số bộ phận còn chưa được quan tâm đúng mức, chưa thật sự chú trọng đến việc quy hoạch về môi trường cảnh quan. Công tác vệ sinh phòng học ở một số nhà học đôi lúc còn chưa đảm bảo tốt yêu cầu sạch sẽ, thoáng mát. Hạ tầng công nghệ thông tin luôn được đầu tư cải tiến, nhưng vẫn chưa tạo được sự tiện dụng và đơn giản cho người dùng, tình trạng nghẽn mạng vào thời điểm đăng ký HP đôi lúc vẫn còn diễn ra làm ảnh hưởng đến hoạt động truy cập và tâm lý của NH và GV. Hạ tầng cơ sở trước đây được đầu tư chưa chú ý đến những đặc thù dành cho người khuyết tật.

Về công tác nâng cao chất lượng CTĐT, việc lấy ý kiến phản hồi BLQ để thực hiện cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo chưa được thường xuyên và thật sự hiệu quả. Ý thức trong việc phản hồi ý kiến của NH đối với hoạt động giảng dạy của GV chưa cao. Việc vận dụng, áp dụng những kết quả NCKH để cải tiến việc dạy và học ở GV và NH còn mang tính đơn lẻ, chưa có sự liên kết chặt chẽ. Kết quả NCKH của GV nào thì GV ấy sử dụng. Chính vì vậy, sức lan tỏa của những công trình NCKH của GV, NH cao. Việc xử lý vấn đề liên quan đến chất lượng dịch vụ hỗ trợ và tiện ích đôi khi còn chậm trễ.

Về công tác đảm bảo chất lượng đầu ra, mặc dù tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp và chậm tiến độ của NH học luôn được xác lập và có xu hướng giảm dần, nhưng Bộ môn chưa tổ chức đánh giá hiệu quả của các biện pháp cải thiện thời gian tốt nghiệp của NH theo định kỳ hàng năm. NH ngành TH chưa mạnh dạn đăng ký đề tài NCKH, còn e sợ khi gặp những khó khăn trong các quy trình về thủ tục trong NCKH. Tỷ lệ NH tốt nghiệp làm việc đúng ngành được đào tạo còn thấp. Chưa tổ chức được các hội nghị, tọa đàm để thu thập ý kiến phản hồi trực tiếp về mức độ hài lòng của các BLQ mà chỉ thông qua điều tra, khảo sát và số lượng mẫu còn mang tính đại diện.

3. Tóm tắt các kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT của ngành Triết học

Xuất phát từ những điểm mạnh và những điểm tồn tại về toàn bộ hoạt động đào tạo ngành Triết học, BMTH đề xuất kế hoạch hành động để nâng cao chất lượng đào tạo. Từ năm 2022, dự kiến kế hoạch cải tiến CTĐT ngành TH như sau:

BMTH sẽ đồng bộ hóa việc khảo sát và mở rộng việc lấy ý kiến các BLQ ngoài Trường. BM thực hiện khảo sát các BLQ theo định kỳ 2 năm/1 lần về sự phù hợp/quan trọng từng thành tố của CĐR, làm cơ sở để rà soát điều chỉnh CĐR và ma trận kỹ năng. BMTH sẽ lập kế hoạch và tổ chức hội nghị về lấy ý kiến của các BLQ về CĐR theo định kỳ 2 năm 1 lần, làm cơ sở rà soát điều chỉnh CĐR.

Từ năm 2022, BMTH lên kế hoạch thường xuyên lấy ý kiến các BLQ, cụ thể theo định kỳ 2 năm/lần. Hàng năm, tiếp tục cập nhật và điều chỉnh bản mô tả CTĐT thường xuyên. Đồng thời cung cấp cập nhật đến các BLQ. BM sẽ thực hiện việc rà soát, bổ sung đề cương chi tiết HP thường xuyên hơn, dự kiến kế hoạch sau mỗi học kỳ của năm học. Trường ĐHKHT và BMTH tiến hành đa dạng hóa việc phổ quát CTĐT ngành TH đến các BLQ thông qua các kênh ngoài các trang web nội bộ trường.

Trong năm 2022, BMTH và KKHCT sẽ tiến hành rà soát, kiểm tra những HP mới được bổ sung trong CTĐT, ít nhất 1 lần/1 HK để đảm bảo sự tương thích giữa CTDH và CĐR. Bắt đầu từ năm 2022, mỗi năm một lần, BMTH và KKHCT sẽ chủ động triển khai đồng bộ việc lấy ý kiến các BLQ (bao gồm các NTD, GV, cựu SV và SV đang học tại Trường) về cấu trúc và nội dung của CTDH ngành TH bằng hình thức gửi phiếu khảo sát trực tuyến (google form) hoặc trực tiếp. Trên cơ sở kết quả khảo sát ý kiến của các BLQ về CTDH, BMTH và KKHCT sẽ tiếp tục điều chỉnh CTDH, đề cương chi tiết HP phù hợp với nhu cầu thực tiễn xã hội. Khi giảng dạy các HP mới, BM sẽ tăng cường việc kiểm tra hoạt động dạy và đánh giá; đồng thời, tham khảo ý kiến đánh giá của NH về hoạt động giảng dạy. Từ đó, đến năm 2022, khi CTĐT K45 kết thúc quá trình đào tạo, BMTH sẽ tiến hành khảo sát cụ thể để đánh giá tổng thể CTĐT để có sự cập nhật, bổ sung và điều chỉnh CTDH ngày càng tốt hơn. BMTH và KKHCT sẽ chủ động tiếp tục liên hệ với các trường đại học trong nước có đào tạo chuyên ngành TH để chia sẻ và hợp tác xây dựng CTĐT. Qua đó, có thể tiếp cận, cập nhật CTDH của các trường này để làm cơ sở tham khảo, đối sánh khi điều chỉnh CTĐT ngành TH, tăng cường tính hiệu quả mang lại chất lượng đào tạo cho ngành.

BMTH làm poster về mục tiêu giáo dục của ngành và đặt ngay bên ngoài văn phòng BM. Từ năm 2022, KKHCT và BMTH tổ chức báo cáo seminar cấp khoa hay tọa đàm chia sẻ các hoạt động dạy và học (hình thức tổ chức và phương pháp dạy học) cho GV và NH, đồng thời khuyến khích GV tăng cường các hoạt động thảo luận nhóm. GV tiếp tục hướng dẫn NH thực hiện các nhiệm vụ tự học theo ĐCCT HP và gắn kết các nhiệm vụ tự học vào việc học trong giờ chính khóa.

BM tiếp tục rà soát, cải tiến và cập nhật các PPĐG HP để tăng cường hiệu quả đánh giá các CDR; đẩy mạnh việc thiết kế và sử dụng các phiếu TĐG, bảng chấm điểm. Trường ĐHCT bổ sung các cột điểm thành phần trên hệ thống nhập điểm để GV có thể công bố đến NH các điểm thành phần. Trong năm 2022, Tổ Đảm bảo chất lượng KHCT lập kế hoạch chấm ngẫu nhiên 10% số bài trong mỗi túi bài thi để kiểm tra độ tin cậy trong công tác chấm bài. Trường tiếp tục thực hiện tốt các quy định về phản hồi kết quả ĐG cho NH để NH có KHHT và cải thiện việc học một cách hiệu quả. BM tổ chức tổng hợp, tổng kết các thắc mắc của SV sau mỗi học kỳ nhằm rút kinh nghiệm, từ đó có chiến lược phát triển CTĐT và ĐBCL đào tạo hiệu quả.

Trong thời gian tới, khi có nhiều GV nghỉ hưu, BM sẽ có kế hoạch tuyển dụng thêm GV theo nhu cầu thực tế và ưu tiên tuyển dụng GV trẻ để đảm bảo tính kế thừa trong quy hoạch. Nhà trường cần có các văn bản định lượng cụ thể để đo lường khối lượng công việc của GV trong các hoạt động phục vụ cộng đồng. Để đảm bảo tính kế thừa trong quy hoạch, BM sẽ lưu ý tuyển dụng thêm GV trẻ để thay thế cho GV trong BM đến tuổi nghỉ hưu trong thời gian tới. Nhà trường cần có quy chế cụ thể để thúc đẩy việc phản hồi ý kiến từ NH về hoạt động giảng dạy của GV, để BM, Khoa có đủ thông tin để đánh giá năng lực hoạt động giảng dạy của GV. BM và Nhà trường sẽ tạo mọi điều kiện để những GV này triển khai các hoạt động để đáp ứng các nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn của GV như đã xác định. Trong việc phân công giảng dạy, BM sẽ phân công mỗi HP phải có từ 2 GV, trong đó có GV là TS để các GV có thể phối hợp với nhau biên soạn giáo trình, tài liệu học tập. Khuyến khích GV tham gia NCKH bằng cách hợp tác với nhau, liên kết với các GV bên ngoài để xin đề tài NCKH các cấp, xuất bản bài báo. Bên cạnh đó, BM có thể xem xét việc xuất bản các sản phẩm NCKH như một trong những tiêu chí đánh giá VC hàng năm.

Nhà trường cần tổ chức thêm các lớp bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ GV, NV kiêm nhiệm công tác hỗ trợ, nâng cao hiệu quả phục vụ. Từ năm 2022, BGH chỉ đạo Phòng Tổ chức CB, các đơn vị đào tạo lên kế hoạch thực hiện việc khảo sát ý kiến đóng góp của các BLQ định kỳ hằng năm nhằm hoàn thiện các chỉ tiêu tuyển dụng. Nhà trường tiếp tục triển khai công tác lấy ý kiến phản hồi của NH và GV về đội ngũ NV một cách thường xuyên. Tăng cường giám sát đội ngũ NV bằng nhiều hình thức như khảo sát trực tuyến, lắp đặt thêm hệ thống camera... Hàng năm, Nhà trường tiếp tục tạo điều kiện và khuyến khích cho đội ngũ NV hỗ trợ được học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Đồng thời, Trường, Khoa cần có kế hoạch bồi dưỡng nghiệp vụ cho NV phục vụ công tác quản lý phòng học và trực bảo vệ ngoài giờ không thuộc nhân sự của trường. Nhà trường sẽ xây dựng bộ tiêu chí đánh giá phù hợp với chức năng nhiệm vụ của NV hỗ trợ.

Trong thời gian tới, Nhà trường, KKHCT và BMTH tiếp tục thực hiện tốt chính sách tuyển sinh công khai minh bạch đảm bảo số lượng và chất lượng đầu vào; tập trung vào việc khảo sát các BLQ về nhu cầu nguồn nhân lực ngành TH từ đó làm cơ sở xây dựng đề án tuyển sinh nhằm đảm bảo nhu cầu xã hội. Nhà trường, Khoa KHCT, BM sẽ phát huy và tạo mọi điều kiện để có thể tuyển chọn NH cho ngành TH với chất lượng tốt nhất, đồng thời phát huy tinh thần tự chủ, nghiên cứu và triển khai thêm nhiều phương thức xét tuyển khác như đánh giá năng lực đầu vào của NH và xét tuyển thường xuyên trong năm. Nhà trường, Khoa và BM tiếp tục cải tiến để phát huy thế mạnh của hệ thống phần mềm quản lý, hướng đến việc tạo điều kiện thuận tiện cho người sử dụng (chuyển đổi thành app tiện lợi hơn cho người dùng), chú trọng hơn việc bố trí CVHT tận tâm và có hiểu biết sâu về CTĐT. Trường, Khoa KHCT, TT Tư vấn, Hỗ trợ và Khởi nghiệp SV và BM sẽ phối hợp tổ chức thường xuyên và đa dạng hơn các hoạt động ngoại khóa và tư vấn cho NH. Tập trung thành lập câu lạc bộ học thuật dành riêng cho NH ngành TH. KKHCT và Trường tiếp tục phát huy các hoạt động tình nguyện của NH, làm cho môi trường học tập và nghiên cứu xanh, sạch đẹp, an toàn được giữ vững. Đồng thời, Trường sẽ thực hiện đa dạng hóa các loại hình tư vấn, hỗ trợ NH, và đào tạo CB có chuyên môn tư vấn tâm lý.

Trong cuộc họp đầu năm 2021 giữa Ban Chủ nhiệm KKHCT với BGH Trường ĐHCT, Nhà trường cam kết sẽ cải tạo nhà học A1 thành phòng làm việc cho GV Khoa KHCT. Nhà trường sẽ tăng cường bố trí NV vệ sinh cho KKHCT để đảm bảo vệ sinh khuôn viên ngày càng sạch đẹp. Tiếp tục duy trì hiệu quả quản lý phòng học, cùng các trang thiết bị hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Dựa trên nguồn kinh phí ngân sách Trường ĐHCT phân giao cho đơn vị, KKHCT sẽ tư vấn và đề nghị BGH Trường bổ sung thêm nguồn tài liệu chuyên ngành, nhằm đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, giảng dạy, học tập của GV và SV ngành TH. TTHL tiếp tục thực hiện kế hoạch phát triển nguồn tài liệu đã được Nhà trường phê duyệt nhằm đáp ứng hiệu quả nhu cầu đa dạng trong NCKH, dạy và học của GV và NH. Kho tài liệu mở đã và đang được TTHL sắp xếp và hệ thống hóa nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc tìm kiếm của người sử dụng. Trường ĐHCT tiếp tục đầu tư, nâng cấp các phòng thực hành, đảm bảo hỗ trợ tốt nhất các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. TTTT&QTM sẽ đánh giá lại việc phân nhóm đăng ký HP, nhằm tránh tình trạng SV tập trung truy cập hệ thống quá đông trong cùng một thời điểm. Đồng thời, không ngừng bổ sung, nâng cấp những phần mềm CNTT hiện đại hơn để đáp ứng nhu cầu học tập và NCKH của GV và NH. Trong quá trình triển khai xây dựng hạ tầng cơ sở, trường sẽ chú ý đặc thù cho người khuyết tật như lối đi riêng, thoát hiểm. Tiếp tục công tác tuyên truyền, nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ bảo vệ, NV y tế và thành viên đội PCCC nhằm đảm bảo môi trường sức khỏe và an toàn trong Nhà trường.

Nhà trường tiếp tục thực hiện lấy ý kiến các BLQ định kỳ và có các chính sách, cơ chế khuyến khích cho các BLQ khi có ý kiến phản hồi xây dựng CTDH. Nhà trường và BM tiếp tục tổ chức lấy ý kiến các BLQ, đặc biệt NTD trong quá trình xây dựng, bổ sung điều chỉnh CTDH. Nghiên cứu các biện pháp để giúp tỷ lệ phản hồi của NH đến hoạt động dạy và học nhiều hơn. Từ năm 2022, Khoa, BM tiếp tục phát huy khả năng nghiên cứu và vận dụng hiệu quả kết quả nghiên cứu trong công tác giảng dạy. Bên cạnh đó, BM thúc đẩy thành lập nhóm nghiên cứu để thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu ở cấp cao hơn cũng như kết hợp có hiệu quả giữa nghiên cứu và ứng dụng, đồng thời có biện pháp thúc đẩy NCKH trong SV. Trong năm học 2021-2022, Nhà trường tiếp tục rà soát toàn bộ hệ thống CSVC, CNTT nhằm tiến hành đánh giá năng suất sử dụng và có kế hoạch điều

chỉnh hợp lý. Từ năm học 2021-2022, Nhà trường tiếp tục đẩy mạnh việc lấy ý kiến phản hồi từ các NTD, đặc biệt là các NTD ngoài phạm vi các trường phổ thông.

Hàng năm, BMTH sẽ tổ chức định hướng nghề nghiệp rõ ràng cho NH từ khi mới nhập học và tổ chức thảo luận đối sánh tỷ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp hàng năm để đưa ra các giải pháp cụ thể nhằm cải tiến chất lượng CTĐT. CVHT sẽ quan tâm sát sao tình hình đăng ký HP của SV để điều chỉnh kịp thời. Từ năm 2022 trở đi, BM sẽ tổ chức thảo luận công tác ĐBCL CĐR của ngành TH theo định kỳ hàng năm. Trong đó, chú trọng đến việc đánh giá hiệu quả của các biện pháp cải thiện thời gian tốt nghiệp cho NH. Từ năm 2022, BM sẽ thường xuyên tổ chức thảo luận, đề ra các phương hướng nhằm tăng cường niềm đam mê NCKH trong SV ngành TH. Từ năm 2022, KKHCT và BM sẽ lập kế hoạch cụ thể về việc lấy ý kiến của NTD theo định kỳ 2 năm/1 lần và thường tổ chức thảo luận cải tiến chất lượng CTĐT dựa trên ý kiến phản hồi của các BLQ.

Với kế hoạch hành động nêu trên, CTĐT ngành TH sẽ không ngừng được cải tiến để đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
ĐÁNH GIÁ THEO THÔNG TƯ 04/2016/TT-BGDĐT**

Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Cần Thơ

Mã: TCT

Tên CTĐT: Triết học

Mã CTĐT: 7229001

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
<i>Tiêu chuẩn 1</i>										
Tiêu chí 1.1					5			5,00	3	100
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 2</i>										
Tiêu chí 2.1					5			5,00	3	100
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 3</i>										
Tiêu chí 3.1					6			6,00	3	100
Tiêu chí 3.2					6					
Tiêu chí 3.3					6					
<i>Tiêu chuẩn 4</i>										
Tiêu chí 4.1					5			5,00	3	100
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 5</i>										
Tiêu chí 5.1					5			5,04	5	100
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3					5					
Tiêu chí 5.4						6				
Tiêu chí 5.5						6				
<i>Tiêu chuẩn 6</i>										
Tiêu chí 6.1					5			5,00	7	100
Tiêu chí 6.2					5					
Tiêu chí 6.3					5					
Tiêu chí 6.4					5					
Tiêu chí 6.5					5					
Tiêu chí 6.6					5					
Tiêu chí 6.7					5					
<i>Tiêu chuẩn 7</i>										
Tiêu chí 7.1					5			5,00	5	100

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chí 7.2					5					
Tiêu chí 7.3					5					
Tiêu chí 7.4					5					
Tiêu chí 7.5					5					
Tiêu chuẩn 8								5,20	5	100
Tiêu chí 8.1					5					
Tiêu chí 8.2					5					
Tiêu chí 8.3						6				
Tiêu chí 8.4					5					
Tiêu chí 8.5					5					
Tiêu chuẩn 9								5,00	5	100
Tiêu chí 9.1					5					
Tiêu chí 9.2					5					
Tiêu chí 9.3					5					
Tiêu chí 9.4					5					
Tiêu chí 9.5					5					
Tiêu chuẩn 10								5,00	6	100
Tiêu chí 10.1					5					
Tiêu chí 10.2					5					
Tiêu chí 10.3					5					
Tiêu chí 10.4					5					
Tiêu chí 10.5					5					
Tiêu chí 10.6					5					
Tiêu chuẩn 11								5,00	5	100
Tiêu chí 11.1					5					
Tiêu chí 11.2					5					
Tiêu chí 11.3					5					
Tiêu chí 11.4					5					
Tiêu chí 11.5					5					
Đánh giá chung CTĐT								5,14	50	100

Cần Thơ, ngày tháng năm 20...

HIỆU TRƯỞNG

GS. TS. Hà Thanh Toàn

PHẦN IV. PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 31/12/2021

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: Trường Đại học Cần Thơ

Tiếng Anh: Can Tho University

2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục

Tiếng Việt: Trường ĐHCT

Tiếng Anh: CTU

3. Tên trước đây (nếu có): Viện Đại học Cần Thơ

4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ Giáo dục và Đào tạo

5. Địa chỉ: Khu II, đường 3/2, P. Xuân Khánh, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.

6. Thông tin liên hệ: Điện thoại: (84-292) 3832663; Fax: (84-292) 3838474;

7. E-mail: dhct@ctu.edu.vn.

Website: www.ctu.edu.vn

8. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập): 31/03/1966

9. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 1966

10. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I: 1970

11. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập ☒

Bán công ☐

Dân lập ☐

Tư thực ☐

II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện CTĐT

12. Tên đơn vị thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: Khoa Khoa học Chính trị

Tiếng Anh: School of Political Science

13. Tên viết tắt của BM thực hiện CTĐT:

Tiếng Việt: Bộ môn Triết học

Tiếng Anh: Department of Philosophy

14. Tên trước đây (nếu có):

Tiếng Việt:

Tiếng Anh:

15. Mã CTĐT: 7229001

16. Tên trước đây của CTĐT (nếu có):

17. Địa chỉ của Khoa/Viện thực hiện CTĐT: Khoa Khoa học Chính trị, Trường ĐHCT, Khu II, đường 3/2, P. Xuân Khánh, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

18. Số điện thoại liên hệ: 02923830261; Số fax: 02923830261

E-mail: kkhct@ctu.edu.vn; Website: <https://sps.ctu.edu.vn/>

19. Năm thành lập BM Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin: 2008, Bộ môn Triết học (2021)

20. Thời gian bắt đầu đào tạo: 2014

21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho: 2018

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện CTĐT

22. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT:

Quá trình phát triển của Khoa

Khoa được thành lập vào tháng 10 năm 1975 với tên gọi là Ban Mác-Lênin. Năm 1978, Bộ Giáo dục - Đào tạo và Trường ĐHCT quyết định thành lập Khoa Mác - Lênin, gồm có 04 bộ môn: Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị học Mác-Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học và Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Năm 1987, Khoa Mác - Lênin đổi tên thành Bộ môn Mác-Lênin.

Từ năm học 2001 - 2002, Bộ môn bắt đầu quản lý và đào tạo ngành Sư phạm giáo dục công dân. Tháng 3/2003, Bộ Trưởng Bộ GDĐT quyết định thành lập Khoa Mác - Lênin, Tư Tưởng Hồ Chí Minh trực thuộc Trường ĐHCT trên cơ sở Bộ môn Mác-Lênin.

Tháng 10/2008, Khoa Mác-Lênin - TTHCM đổi tên thành Khoa KHCT. Khoa có 03 bộ môn. Ban Chủ nhiệm Khoa gồm: Trưởng Khoa và 2 Phó Trưởng Khoa, được tư vấn chuyên môn bởi Hội đồng Khoa và sự hỗ trợ của các tổ chức đoàn thể.

Về đào tạo

Khoa có 3 ngành đào tạo bậc đại học hệ chính quy gồm: Giáo dục công dân; Triết học và Chính trị học. Trong đó ngành Giáo dục công dân được đào tạo từ năm học 2001 – 2002 và ngành Triết học và Chính trị học được đào tạo từ năm học 2014 - 2015. Số SV đang theo học các chuyên ngành tại KKHCT hiện nay là 632 người (Theo Báo cáo thống kê định kỳ quý 4 năm 2021 của Trường ĐHCT, <https://dap.ctu.edu.vn/so-lieu-thon/82-so-lieu-thong-ke-quy-3-2031.html>).

Về nghiên cứu khoa học

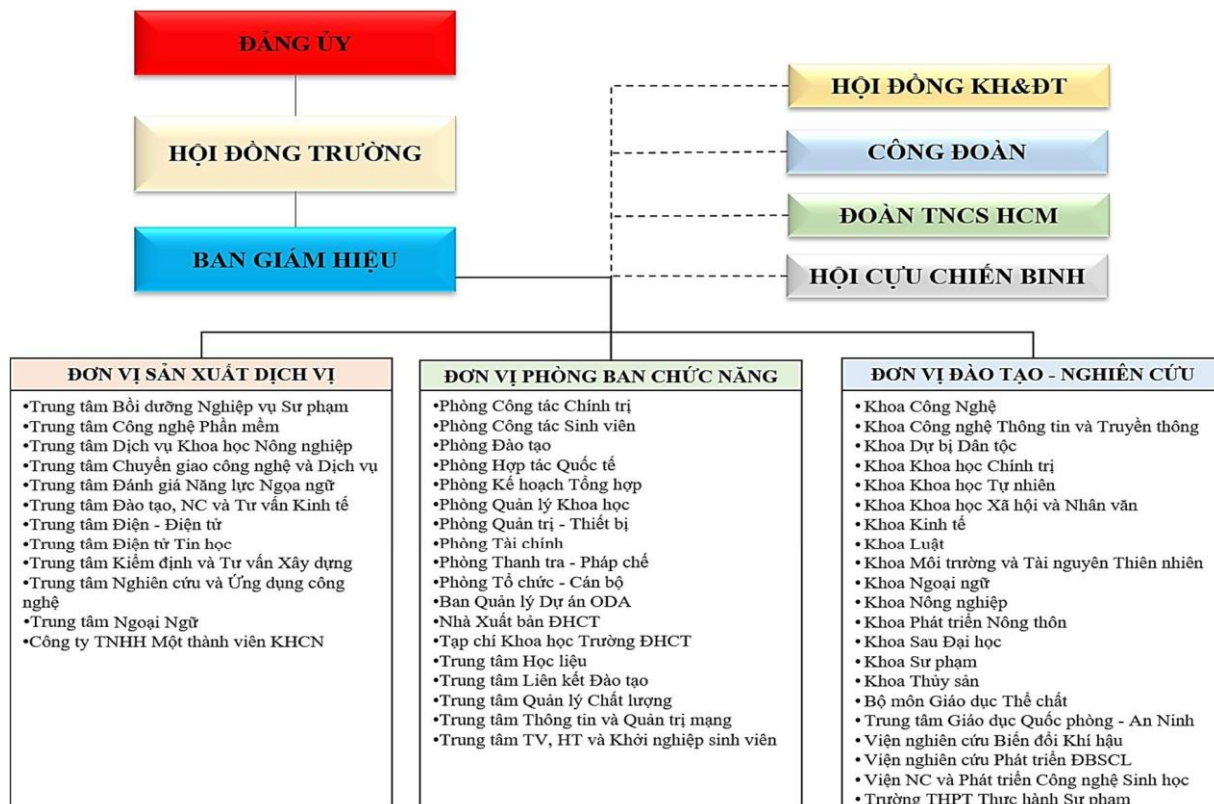
Ngoài nhiệm vụ giảng dạy, công tác NCKH trong CB và SV luôn được KKHCT quan tâm, khuyến khích, tạo điều kiện để CB và SV tích cực tham gia thực hiện; Định kỳ hàng năm, Khoa đều tổ chức Hội thảo khoa học cấp vùng, các chủ đề của hội thảo hướng đến việc giải quyết mối quan hệ lý luận và thực tiễn về các vấn đề giáo dục chính trị. Trong giai đoạn từ 2016 – 2021 số lượng các ấn phẩm như sách tham khảo, chuyên khảo, giáo trình, tài liệu học tập và các báo cáo NCKH của CB được đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước liên tục tăng.

Về hợp tác quốc tế

Hàng năm KKHCT cử CB và SV giao lưu, học tập ngắn hạn ở một số nước trong khu vực Đông Nam Á như Thái Lan, góp phần tạo điều kiện mở rộng mối quan hệ, giao lưu với các nước tiên tiến trong khu vực. Năm 2020 KKHCT đã ký hợp tác MOU với một số trường Đại học của Indonesia.

23. Cơ cấu tổ chức hành chính của CSGD và đơn vị thực hiện CTĐT

Cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Cần Thơ được thể hiện qua sơ đồ sau:



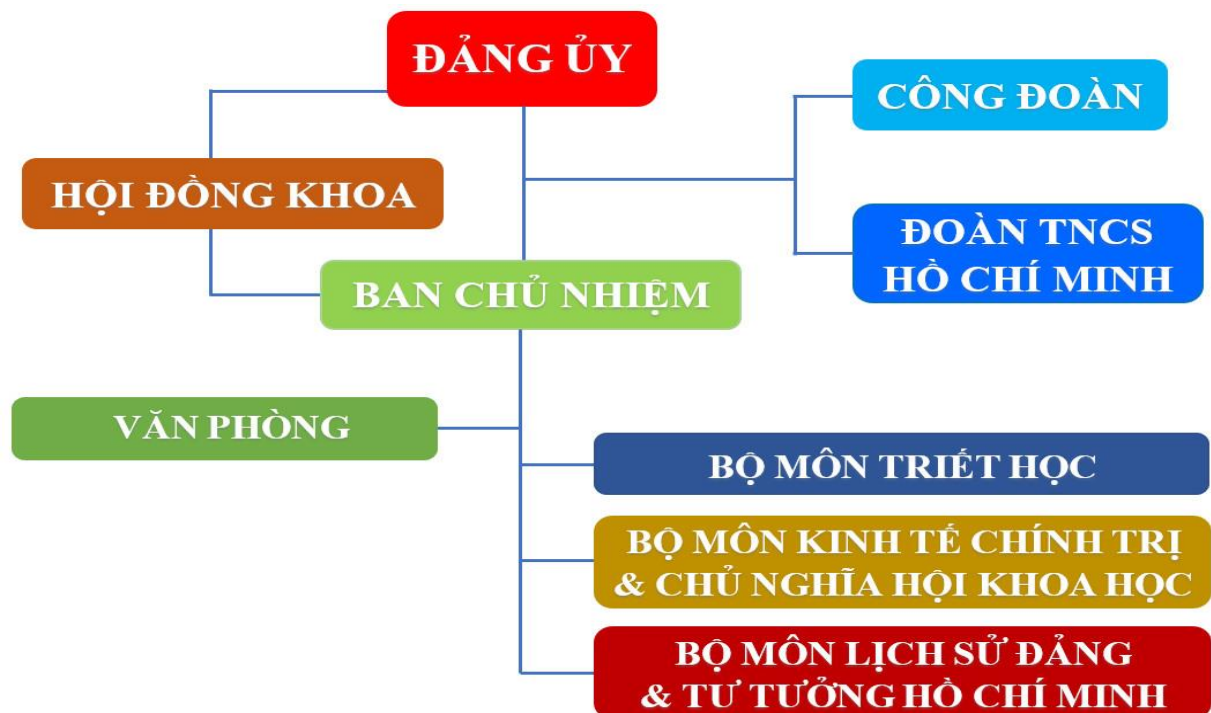
Cơ cấu tổ chức Trường Đại học Cần Thơ

Cơ cấu tổ chức Khoa Khoa học Chính trị

KKHCT có cơ cấu tổ chức gồm: Ban chủ nhiệm khoa và các Bộ môn. Theo Đề án đã được phê duyệt vào ngày 20 tháng 5 năm 2021 khoa thực hiện cơ cấu lại 03 bộ môn như sau: Bộ môn Triết học; Bộ môn Kinh tế Chính trị và Chủ nghĩa xã hội khoa học; Bộ môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và Tư tưởng Hồ Chí Minh.

Cơ cấu tổ chức Khoa Khoa học Chính trị được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.2. Các đơn vị thuộc Khoa KHCT



24. Danh sách Ban lãnh đạo CSGD và danh sách CB lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
	Ban lãnh đạo Trường ĐHCT					
1	Hiệu trưởng	Hà Thanh Toàn	1963	GS.TS	02923830604	httoan@ctu.edu.vn
2	Phó Hiệu trưởng	Trần Trung Tính	1973	PGS.TS	02923872073	tttinh@ctu.edu.vn
3	Phó Hiệu trưởng	Nguyễn Hiếu Trung	1972	PGS.TS	02923832663	nhtrung@ctu.edu.vn
4	Phó Hiệu trưởng	Trần Ngọc Hải	1969	GS.TS	02923832663	tnhai@ctu.edu.vn
5	Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng trường	Nguyễn Thanh Phương	1965	GS.TS	02923832663	ntpnuong@ctu.edu.vn
6	Chủ tịch Công đoàn	Dương Thị Tuyền	1971	ThS	0918432915	dttuyen@ctu.edu.vn
	Đơn vị thực hiện CTĐT					
I	Lãnh đạo Khoa Khoa học Chính trị					
1	Trưởng Khoa	Lê Ngọc Triết	1964	TS	02923872003	lntriet@ctu.edu.vn
2	Phó trưởng Khoa	Trần Văn Hiếu	1963	TS	02923872003	tvhieu@ctu.edu.vn
3	Phó trưởng Khoa	Phạm Văn Búa	1973	TS	02923872003	pvbua@ctu.edu.vn
II	Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội					
	Bí thư Đảng ủy	Trần Văn Hiếu	1963	TS	02923872003	tvhieu@ctu.edu.vn
	Chủ tịch Công đoàn	Nguyễn Thành Nhân	1977	TS	02923872008	nthanhnhan@ctu.edu.vn

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
	Bí thư Đoàn thanh niên	Phạm Công Thiện	1989	KS	02923872006	pcthien@ctu.edu.vn
III	Các phòng, ban					
1.	Trưởng Phòng Kế hoạch Tổng hợp	Dương Thanh Long	1962	ThS.	0918934011	dtlong@ctu.edu.vn
2	Trưởng Phòng Công tác Chính trị	Trần Thiện Bình	1972	ThS.	0913759591	ttbinh@ctu.edu.vn
3	Trưởng Phòng Công tác SV	Nguyễn Thanh Tường	1965	TS.	0919636 757	nttuong@ctu.edu.vn
4	Trưởng Phòng Đào tạo	Nguyễn Minh Trí	1966	ThS.	02923872166	nmtri@ctu.edu.vn
5	Trưởng Phòng Hợp tác Quốc tế	Lê Văn Lâm	1977	PGS.TS	02923872160	lvlam@ctu.edu.vn
6	Trưởng Phòng Quản lý Khoa học	Lê Nguyễn Đoan Khôi	1974	PGS.TS	0907238474	lndkhoi@ctu.edu.vn
7	Trưởng Phòng Tài chính	Nguyễn Văn Duyệt	1968	ThS	02923832662	nvduyet@ctu.edu.vn
8	Trưởng Phòng Thanh tra - Pháp chế	Nguyễn Lan Hương	1976	TS	02923872114	nlhuong@ctu.edu.vn
9	Trưởng Phòng Tổ chức Cán bộ	Lê Phi Hùng	1963	CN	0918367309	lphung@ctu.edu.vn
10	Phòng Quản trị - Thiết bị	Nguyễn Văn Trí	1970	ThS	0916326193	nvtri@ctu.edu.vn

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
11	Trưởng Ban Quản lý Công Trình	Trần Trung Tính	1973	PGS.TS	02923872162	tttinh@ctu.edu.vn
14	GĐ. Trung tâm Đánh giá năng lực ngoại ngữ	Trần Văn Lụa	1962	TS	02923872295	tvlua@ctu.edu.vn
15	GĐ. Trung tâm Học liệu	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	1968	CN	02923832663	ntttrinh@ctu.edu.vn
16	GĐ. Trung tâm QLCL	Phan Huy Hùng	1967	TS	02923872170	phhung@ctu.edu.vn
17	GĐ. Trung tâm Thông tin và Quản trị mạng	Lưu Trùng Dương		ThS	02923830308	luutd@ctu.edu.vn
18	GĐ. Trung tâm Tư vấn, Hỗ trợ và Khởi nghiệp SV	Trần Cao Đệ	1969	PGS.TS	02923872284	tcde@ctu.edu.vn
19	GĐ. Nhà xuất bản ĐHCT	Trần Thanh Điện	1974	TS	02923839981	thanhdien@ctu.edu.vn
20	GĐ. Tạp chí Khoa học Trường ĐHCT	Hà Thanh Toàn	1963	GS.TS	02923872157	httoan@ctu.edu.vn
IV	Các BM					
1	Trưởng BM Triết học	Nguyễn Thành Nhân	1977	TS	02923872008	nthanhnhan@ctu.edu.vn
2	Trưởng BM Kinh tế Chính trị & Chủ nghĩa xã hội khoa học	Phan Văn Phúc	1980	TS	02923872007	pvphuc@ctu.edu.vn

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
3	Trưởng BM Lịch sử ĐCSVN & Tư tưởng HCM	Phan Thị Phương Anh	1982	TS	02923872009	ptpanh@ctu.edu.vn

25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (BM Triết học):
26. Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: Không
27. Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: Không
28. Số lượng ngành đào tạo đại học: 01.
29. Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: Không
30. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): Không. (Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu các ngành, chuyên ngành đào tạo theo bậc học để cung cấp thông tin cho mục 27).
31. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	X	☐
Không chính quy	☐	☐
Từ xa	☐	☐
Liên kết đào tạo với nước ngoài	☐	☐
Liên kết đào tạo trong nước	☐	☐

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình):

32. Tổng số các ngành đào tạo: 01.

IV. Cán bộ, GV, NV của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

33. Thống kê số lượng CB, GV và NV của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu <i>Trong đó:</i>	5	7	12
I.1	CB trong biên chế	5	7	12
I.2	CB hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	0	0	0
II	Cán bộ khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả GV thỉnh giảng)	0	0	0
	Tổng số	5	7	12

Tuy nhiên, tổng GV tham gia đào tạo của ngành là 32 vì có nhiều Thầy Cô từ đơn vị khác trong Trường ĐHCT tham gia giảng dạy.

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu về CB của đơn vị, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên).

34. Thống kê, phân loại GV

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư			0	0	0	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	5	5	0	0	0	0
5	Thạc sĩ	7	7	0	0	0	0
6	Đại học	0	0	0	0	0	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng số	12	12	0	0	0	0

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những GV vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

35. Quy đổi số lượng GV của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định tại khoản 3, Điều 3 Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015 của Bộ trưởng BGDDĐT (nếu đơn vị có GV có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong bảng 32)

Quy đổi số lượng GV của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là CB quản lý			
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	

1	Giáo sư	5	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	3	0	0	0	0	0	0	0
3	Tiến sĩ khoa học	3	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	2	5	5	0	0	0	0	10
5	Thạc sĩ	1	7	7	0	0	0	0	7
6	Đại học	0,5	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng số		12	12	0	0	0	0	17

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

36. Thống kê, phân loại GV cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người) tham gia đào tạo ngành Triết học:

TT	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	5	42	4	1	0	0	4	1	0
5	Thạc sĩ	7	58	1	6	0	4	1	2	0
6	Đại học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	12	100	5	7	0	4	5	3	0

36.1. Tuổi trung bình của GV cơ hữu: 44,5 tuổi

36.2. Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 42%

36.3. Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 58%

37. Thống kê, phân loại GV cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	8%	100
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	20%	0
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	72%	0
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	0	0
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	0	0
	Tổng		

V. Người học (chỉ tính số lượng NH của chương trình đào tạo)

38. Người học bao gồm học sinh, SV, học viên cao học và nghiên cứu sinh.

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số NH trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2015-2016	571	90	571/80	80	22/30	24,5	0
2016-2017	251	100	251/80	72	18,75/30	21,75	0
2017-2018	426	94	426/80	63	21,5/30	24,63	0
2018-2019	755	115	755/80	64	19,25/30	22	0
2019-2020	436	99	436/80	53	19,25/30	21,25	0
2020-2021		80	/40	75	HB 19,5; Thi 22	21	0

39. Thống kê, phân loại số lượng NH theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
1. Nghiên cứu sinh					
2. Học viên cao học					
3. Sinh viên đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy	239	302	298	268	261
Hệ không chính quy					
4. Sinh viên cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh TCCN					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác...					

40. Số SV quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
Số lượng (người)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số NH	0%	0%	0%	0%	0%

41. Người học của CTĐT có chỗ ở trong KTX /tổng số NH có nhu cầu:

Các tiêu chí	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	24.960	24.960	24.960	24.960	24.960
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	4	6	5	4	4
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	37	46	55	41	39
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)	5	5	5	5	5

42. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) NH của CTĐT tham gia NCKH

	Năm học				
	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
Số lượng (người)	2	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	0,85	0,00	0,00	0,00	0,00

43. Thống kê số lượng NH của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ					
2. Học viên tốt nghiệp cao học					
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy	Chưa có	66	65	55	51
Hệ không chính quy					
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác...					

(Tính cả những NH đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

44. Tình trạng tốt nghiệp của SV hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	Chưa có NH TN	Chưa có NH TN	66	65	55
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với	Chưa có	Chưa có	77,65	88,00	84,62

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
số tuyển vào (%).	NH TN	NH TN			
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:	Chưa có NH TN	Chưa có NH TN			
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	Chưa có NH TN	Chưa có NH TN		89	88
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	Chưa có NH TN	Chưa có NH TN		11	12
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không học được</i> những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	Chưa có NH TN	Chưa có NH TN		0	0
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:	Chưa có NH TN	Chưa có NH TN			
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%). - Sau 6 tháng tốt nghiệp. - Sau 12 tháng tốt nghiệp.	Chưa có NH TN	Chưa có NH TN	28,8 84,7 15,3	60 83 17	72 70 30
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).	Chưa có NH TN	Chưa có NH TN	71,2	40	28
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.	Chưa có NH TN	Chưa có NH TN	7,5 triệu	7,5 triệu	7,5 triệu
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về	Chưa có	Chưa có			Chưa

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:	NH TN	NH TN			khảo sát
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).	Chưa có NH TN	Chưa có NH TN		90	Chưa khảo sát
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).	Chưa có NH TN	Chưa có NH TN		10	Chưa khảo sát
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).	Chưa có NH TN	Chưa có NH TN		0	Chưa khảo sát

Ghi chú:

- NH tốt nghiệp là NH có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những NH chưa nhận được bằng tốt nghiệp.
- NH có việc làm là NH tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.
- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

VI. NCKH và chuyển giao công nghệ

45. Số lượng đề tài NCKH và chuyển giao KHCN của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0	0	0	0	0	0	0
3	Đề tài cấp trường	0,5	0	1	2	3	1	3,5

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	
4	Tổng							3,5

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 3,5

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: $3,5/12 = 0,3$

46. Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2017	0	0	0
2	2018	0	0	0
3	2019	0	0	0
4	2020	0	0	0
5	2021	0	0	0

47. Số lượng CB cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	5	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	0	0	5	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2017	2018	2019	2020	2021	
1	Sách chuyên khảo	2,0	0	0	0	1	0	2
2	Sách giáo trình	1,5	0	0	0	2	0	3
3	Sách tham khảo	1,0	0	0	0	0	0	0
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	0	0	0
5	Tổng		0	0	0	3	0	5

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 5

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $5/12=0,4$

49. Số lượng CB cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	1	2	0	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	1	2	0	0

50. Số lượng bài của các CB cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2017	2018	2019	2020	2021	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	4	1	2	0	2	13,5
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	3	13	12	14	11	53
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	0	1	2	2	3	4

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2017	2018	2019	2020	2021	
	Tổng		7	15	14	16	16	70,5

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 70,5

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 5,8

51. Số lượng CB cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	1	5	1
Từ 6 đến 10 bài báo	0	0	0
Từ 11 đến 15 bài báo	0	0	0
Trên 15 bài báo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	1	5	1

52. Số lượng báo cáo khoa học do CB cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2017	2018	2019	2020	2021	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	0	0	2	1	4	7
2	Hội thảo trong nước	0,5	0	1	2	2	10	7,5
3	Hội thảo cấp trường	0,25	0	0	0	0	0	0
4	Tổng		0	0	4	3	14	14,5

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 14,5

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1,2

53. Số lượng CB cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	4	7	0
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	5	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	4	12	0

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

54. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2016-2017	0
2017-2018	0
2018-2019	0
2019-2020	0
2020-2021	0

55. NCKH của NH

55.1. Số lượng NH của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	6	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia	0	0	6	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

55.2. Thành tích NCKH của SV: (Thống kê các giải thưởng NCKH, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	0	0	0	0	0
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	0	0	0

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

56. Tổng diện tích đất sử dụng của CSGD (tính bằng m²): 2.249.773,47 m².

57. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²): 14.371 m²

58. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

Nơi làm việc: 320,4; Nơi học: 678; Nơi vui chơi giải trí: 1.587

59. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học lý thuyết: 648
- Tỷ số diện tích phòng học trên NH chính quy: $648/221 \text{ SV} = 2,93 \text{ m}^2/\text{SV}$ (tính đến năm 2021).

60. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại TTHL và Thư viện KKHCT: có 4.205 đầu sách và 9.532 quyển.

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có): không có

61. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT (sử dụng chung hệ thống CNTT Trường): 4000

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 400.
- Dùng cho NH học tập: 3600
- Tỷ số số máy tính dùng cho NH / NH chính quy: 9.47 SV/máy tính

VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số GV cơ hữu (người) của CTĐT Triết học: 12

Tỷ lệ GV cơ hữu trên tổng số CB cơ hữu (%): 100%

Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 42% (của cả CTĐT).

Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 58% (của cả CTĐT).

2. Người học:

Tổng số NH chính quy (người): 221 (K 44 đến K47 (63+64+53+41))

Tỷ số NH chính quy trên GV : 18,42

Tỷ lệ NH tốt nghiệp so với số tuyển vào là 85,75% (Trung bình trong 4 năm 2018, 2019, 2020, 2021)

3. Đánh giá của NH tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ NH trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): Mức trung bình của khảo sát 2020 và 2021 là 87% (kiến thức) và 85,5% (kỹ năng).

Tỷ lệ NH trả lời chỉ học được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%):Mức trung bình của khảo sát 2020 và 2021 là 13% (kiến thức) và 14,5% (kỹ năng).

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ NH có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 53,67%. (Mức trung bình của khảo sát năm 2019, 2020, 2021)

Tỷ lệ NH có việc làm trái ngành đào tạo (%): 46,33%. (Mức trung bình của khảo sát năm 2019, 2020, 2021).

Thu nhập bình quân/tháng của NH có việc làm (triệu VNĐ): thu nhập dưới 5 triệu/tháng chiếm 25%, từ 5 đến 10 triệu chiếm 70% và trên 10 triệu chiếm 5%. (Mức trung bình của khảo sát năm 2019, 2020, 2021).

5. Đánh giá của NTD về NH tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ NH đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 90%
(Khảo sát năm 2020).

Tỷ lệ NH cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%):
10% (Khảo sát năm 2020).

6. NCKH và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài NCKH và chuyển giao KHCN (quy đổi) trên CB cơ hữu: $3,5/12 = 0,3$

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên CB cơ hữu: $0/12 = 0$

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên CB cơ hữu: $5/12 = 0,4$

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên CB cơ hữu: $70,5/12 = 5,8$

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên CB cơ hữu: $14,5/12 = 1,2$

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho NH trên NH chính quy: 9.47 SV/máy tính

Tỷ số diện tích phòng học trên NH chính quy: 4,03 m²/người

Tỷ số diện tích KTX trên NH chính quy: 6.3 m²/người

Phụ lục 2: Quyết định thành lập Hội đồng và Ban thư ký tự đánh giá CTĐT ngành Triết học

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **877** /QĐ-ĐHCT

Cần Thơ, ngày **07** tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Thành lập Hội đồng Tự đánh giá, Ban Thư ký, và các Nhóm Công tác chuyên trách thực hiện Kiểm định chất lượng 03 CTĐT theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT giai đoạn 2020-2021

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Căn cứ Luật viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 06 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Theo đề nghị của Công văn số 11/QLCL ngày 29 tháng 4 năm 2020 của Trung tâm Quản lý Chất lượng về việc đề nghị ra quyết định kiểm định chất lượng 03 CTĐT theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT giai đoạn 2020-2021 và cử viên chức tham gia Hội đồng tự đánh giá, Ban Thư ký và các Nhóm công tác chuyên trách;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thực hiện kiểm định chất lượng 03 CTĐT trình độ đại học theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của Bộ GD&ĐT giai đoạn 2020-2021 gồm: (1) Luật Thương mại; (2) Văn học; và (3) Triết học.

Điều 2. Thành lập **Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các Nhóm Công tác chuyên trách** thực hiện công tác kiểm định chất lượng 03 chương trình đào tạo ở Điều 1 và cử các ông, bà có tên trong danh sách kèm theo làm thành viên. Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các Nhóm Công tác chuyên trách tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các ông (bà) Trưởng phòng: Tổ chức-Cán bộ, Kế hoạch-Tổng hợp, Tài chính, Giám đốc Trung tâm Quản lý chất lượng, Thủ trưởng các đơn vị liên quan và các ông, bà có tên trong danh sách tại Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TCCB.

HIỆU TRƯỞNG



***Hà Thanh Toàn**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH

Hội đồng Tự đánh giá, Ban Thư ký, và các Nhóm Công tác chuyên trách đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Triết học giai đoạn 2020-2021
(kèm theo Quyết định số: **877** /QĐ-ĐHCT, ngày **07** tháng 5 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ)

I. Hội đồng Tự đánh giá

TT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị	Nhiệm vụ
1.	GS.TS. Hà Thanh Toàn	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2.	PGS.TS. Lê Việt Dũng	Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch thường trực
3.	TS. Lê Ngọc Triết	Trưởng Khoa Khoa học Chính trị	Phó chủ tịch
4.	TS. Phạm Văn Búa	Phó Trưởng Khoa Khoa học Chính trị	Thành viên, phụ trách nhóm công tác chuyên trách 4
5.	ThS. Nguyễn Minh Trí	Trưởng Phòng Đào tạo	Thành viên
6.	ThS. Nguyễn Thị Phương Thảo	Phó Giám đốc Trung tâm Hỗ trợ, Tư vấn và Khởi nghiệp Sinh viên	Thành viên
7.	TS. Nguyễn Thanh Tường	Trưởng phòng Công tác Sinh viên	Thành viên
8.	TS. Phan Huy Hùng	Giám đốc Trung tâm QLCL	Thành viên, phụ trách nhóm công tác chuyên trách 2
9.	TS. Phan Văn Phúc	Trưởng Bộ môn	Thành viên, phụ trách nhóm công tác chuyên trách 1
10.	ThS. Nguyễn Thị Đan Thụy	Đại diện Giảng viên	Thành viên, phụ trách nhóm công tác chuyên trách 3
11.	Phạm Nguyễn Gia Bảo	Đại diện Sinh viên ngành Triết học	Thành viên

Tổng cộng: 11 người

II. Ban Thư ký

TT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị	Nhiệm vụ
1.	TS. Phan Văn Phúc	Trưởng Bộ môn	Trưởng ban
2.	ThS. Nguyễn Thị Đan Thụy	Giảng viên	Thành viên
3.	TS. Mai Phú Hợp	Giảng viên	Thành viên
4.	ThS. Nguyễn Khánh Linh	Giảng viên	Thành viên

TT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị	Nhiệm vụ
5.	ThS. Nguyễn Thành Nhân	Giảng viên	Thành viên
6.	ThS. Trần Thị Như Tuyền	Giảng viên	Thành viên
7.	ThS. Hồ Thị Hà	Giảng viên	Thành viên
8.	ThS. Nguyễn Thị Bạch Tuyết	Giảng viên	Thành viên
9.	ThS. Lê Thu Thủy	Chuyên viên	Thành viên
10.	ThS. Nguyễn Xuân Hương	Giảng viên	Thành viên
11.	ThS. Phan Minh Nhật	Chuyên viên Trung tâm QLCL	Thành viên
12.	ThS. Châu Thị Tim	Chuyên viên Trung tâm QLCL	Thành viên

Tổng cộng: 12 người

III. Các Nhóm công tác chuyên trách

STT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị	Nhiệm vụ
Nhóm 1	TS. Phan Văn Phúc	Trưởng Bộ môn	Phụ trách Tiêu chuẩn 1,2,3
	ThS. Nguyễn Thị Đan Thụy	Giảng viên	
Nhóm 2	TS. Mai Phú Hợp	Giảng viên	Phụ trách Tiêu chuẩn 4,5
	ThS. Nguyễn Khánh Linh	Giảng viên	
Nhóm 3	ThS. Nguyễn Thành Nhân	Giảng viên	Phụ trách Tiêu chuẩn 6,7,8
	ThS. Trần Thị Như Tuyền	Giảng viên	
	ThS. Lê Thu Thủy	Chuyên viên	
Nhóm 4	ThS. Hồ Thị Hà	Giảng viên	Phụ trách Tiêu chuẩn 9,10,11
	ThS. Nguyễn Thị Bạch Tuyết	Giảng viên	
	ThS. Nguyễn Xuân Hương	Giảng viên	

Tổng cộng: 10 người

HIỆU TRƯỞNG



Hà Thanh Toàn

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Số: 311/6 /QĐ-ĐHCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cần Thơ, ngày 12 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

V/v thay đổi nhân sự trong Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn của Bộ giáo dục và đào tạo giai đoạn 2020-2021

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Căn cứ Luật viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 06 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Quyết định số 877/QĐ-ĐHCT ngày 7 tháng 5 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá và thực hiện kiểm định chất lượng 3 chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn của Bộ giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2020-2021;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Quản lý chất lượng tại Công văn số 41/QLCL ngày 5 tháng 10 năm 2020 về việc điều chỉnh nhân sự tham gia làm thành viên Hội đồng tự đánh giá trường và các chương trình đào tạo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sắp xếp cho ông **Lê Việt Dũng** (MSVC: 309), Phó Giáo sư, Tiến sĩ, thôi tham gia Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo đại học theo tiêu chuẩn của Bộ giáo dục và đào tạo giai đoạn 2020 - 2021 ngành Văn học, Triết học. Ông Lê Việt Dũng thôi hưởng các chế độ có liên quan từ tháng 10 năm 2020.

Điều 2. Cử bà **Trần Thị Thanh Hiền** (MSVC: 269), Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Phó Hiệu trưởng tham gia làm Phó chủ tịch thường trực Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo đại học theo tiêu chuẩn của Bộ giáo dục và đào tạo giai đoạn 2020 - 2021 ngành Văn học, Triết học. Bà Trần Thị Thanh Hiền hưởng các chế độ có liên quan từ tháng 10 năm 2020.

Điều 3. Các ông, bà Trưởng phòng: Kế hoạch-Tổng hợp, Tổ chức-Cán bộ, Tài chính, Giám đốc Trung tâm Quản lý chất lượng, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các viên chức có tên trên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TCCB.

HIỆU TRƯỞNG



Hà Thanh Toàn

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 667/QĐ-ĐHCT

Cần Thơ, ngày 17 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Thành lập Hội đồng Tự đánh giá, Ban Thư ký và các Nhóm Công tác chuyên trách thực hiện kiểm định chất lượng chương trình đào tạo ngành Triết học trình độ đại học theo tiêu chuẩn của BGDĐT

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Căn cứ Luật viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị quyết số 29/NQ-HĐT ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Hội đồng Trường Đại học Cần Thơ về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Cần Thơ;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Quản lý chất lượng tại Công văn số 12/QLCL ngày 25 tháng 02 năm 2022 về việc điều chỉnh thành viên Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các Nhóm công tác chuyên trách ngành Triết học;

Theo đề nghị của Trường phòng Tổ chức-Cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng Tự đánh giá, Ban Thư ký và các Nhóm Công tác chuyên trách thực hiện kiểm định chất lượng chương trình đào tạo **ngành Triết học** trình độ đại học theo tiêu chuẩn của BGDĐT và cử các ông, bà có tên trong danh sách kèm theo làm thành viên.

Điều 2. Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên trong Hội đồng, Ban Thư ký và các Nhóm Công tác chuyên trách do Chủ tịch Hội đồng, Trưởng ban và các Trưởng nhóm phân công. Hội đồng Tự đánh giá, Ban Thư ký và các Nhóm Công tác chuyên trách tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 877/QĐ-ĐHCT ngày 07/5/2020 của Trường Đại học Cần Thơ về việc Thành lập Hội đồng Tự đánh giá, Ban Thư ký và các Nhóm Công tác chuyên trách thực hiện kiểm định chất lượng chương trình đào tạo ngành Triết học trình độ đại học theo tiêu chuẩn của BGDĐT giai đoạn 2020-2021. Trường phòng: Tổ chức-Cán bộ, Kế hoạch-Tổng hợp, Tài chính, Giám đốc Trung tâm Quản lý chất lượng, Trưởng khoa Khoa học Chính trị, Thủ trưởng các đơn vị liên quan và các ông, bà có tên tại danh sách ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hội đồng trường (để báo cáo);
- Lưu: VT, TCCB.

HIỆU TRƯỞNG

Hà Thanh Toàn

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH

Hội đồng Tự đánh giá, Ban Thư ký và các Nhóm Công tác chuyên trách
thực hiện kiểm định chất lượng chương trình đào tạo ngành Triết học
trình độ đại học theo tiêu chuẩn của BGDDT

(Ban hành kèm theo Quyết định số 667 /QĐ-ĐHCT, ngày 17 tháng 3 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ)

1. Hội đồng Tự đánh giá:

TT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị	Nhiệm vụ
1	GS.TS. Hà Thanh Toàn	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	PGS.TS. Nguyễn Hiếu Trung	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch thường trực
3	TS. Lê Ngọc Triết	Trưởng khoa Khoa học Chính trị	Phó Chủ tịch
4	TS. Phạm Văn Búa	Phó Trưởng khoa Khoa học Chính trị	Thành viên, phụ trách nhóm công tác chuyên trách 4
5	ThS. Nguyễn Minh Trí	Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên
6	ThS. Nguyễn Thị Phương Thảo	Phó Giám đốc Trung tâm TV, HT&KNSV	Thành viên
7	TS. Nguyễn Thanh Tường	Trưởng phòng Công tác Sinh viên	Thành viên
8	TS. Phan Huy Hùng	Giám đốc Trung tâm Quản lý chất lượng	Thành viên, phụ trách Nhóm công tác chuyên trách 2
9	TS. Nguyễn Thành Nhân	Trưởng bộ môn Triết học, Khoa Khoa học Chính trị	Thư ký Hội đồng tự đánh giá; Phụ trách Nhóm công tác chuyên trách 3
10	ThS. Nguyễn Thị Đan Thụy	Phó Trưởng bộ môn Triết học, Khoa KHCT, Đại diện Giảng viên	Thành viên, phụ trách nhóm công tác chuyên trách 1
11	Phạm Nguyễn Gia Bảo	Đại diện Sinh viên ngành Triết học	Thành viên

Tổng cộng: 11 người.

2. Ban Thư ký:

TT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị	Nhiệm vụ
1	TS. Nguyễn Thành Nhân	Trưởng bộ môn Triết học, Khoa KHCT	Trưởng ban
2	ThS. Nguyễn Thị Đan Thụy	Phó Trưởng bộ môn Triết học, Khoa KHCT	Thành viên
3	TS. Phan Văn Phúc	Trưởng BM. KTCT&CNXHKKH, Khoa KHCT	Thành viên
4	ThS. Trần Thị Như Tuyền	Giảng viên Bộ môn Triết học, Khoa KHCT	Thành viên
5	ThS. Hồ Thị Hà	Giảng viên Bộ môn Triết học, Khoa KHCT	Thành viên
6	ThS. Lê Thu Thủy	Chuyên viên Khoa KHCT	Thành viên
7	ThS. Nguyễn Xuân Hương	Phó Trưởng BM. LSĐCSVN&TTHCM	Thành viên
8	TS. Phan Thị Phương Anh	Trưởng BM. LSĐCSVN&TTHCM	Thành viên
9	ThS. Nguyễn Thị Thúy Lưu	Giảng viên BM. LSĐCSVN&TTHCM	Thành viên
10	ThS. Phan Minh Nhật	Phó Giám đốc Trung tâm QLCL	Thành viên
11	ThS. Châu Thị Tim	Chuyên viên Trung tâm QLCL	Thành viên

Tổng cộng: 11 người.

lưu

3. Các Nhóm Công tác chuyên trách:

TT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị	Nhiệm vụ
1	TS. Phan Văn Phúc	Trưởng bộ môn KTCT&CNXHKKH, Khoa KHCT	Nhóm 1, Phụ trách tiêu chuẩn 1, 2, 3
2	ThS. Nguyễn Thị Đan Thụy	Phó Trưởng bộ môn Triết học, Khoa KHCT	
3	ThS. Nguyễn Xuân Hương	Phó Trưởng bộ môn LSĐCSVN & TTHCM, Khoa KHCT	Nhóm 2, Phụ trách tiêu chuẩn 4, 5
4	ThS. Lê Thu Thủy	Chuyên viên Khoa KHCT	
5	TS. Nguyễn Thành Nhân	Trưởng bộ môn Triết học, Khoa KHCT	Nhóm 3, Phụ trách tiêu chuẩn 6, 7, 8
6	ThS. Trần Thị Như Tuyền	Giảng viên Bộ môn Triết học, Khoa KHCT	
7	ThS. Nguyễn Thị Thúy Lựu	Giảng viên Bộ môn LSĐCSVN& TTHCM, Khoa KHCT	
8	ThS. Hồ Thị Hà	Giảng viên Bộ môn Triết học, Khoa KHCT	Nhóm 4, Phụ trách tiêu chuẩn 9, 10, 11
9	TS. Phan Thị Phương Anh	Trưởng bộ môn LSĐCSVN & TTHCM, Khoa KHCT	

Tổng cộng: 9 người.

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
3	6,7,8	Nguyễn Thành Nhân Trần Thị Như Tuyền	8/2020 – 2/2021	
4	9,10,11	Hồ Thị Hà Nguyễn Thị Bạch Tuyết	8/2020 – 2/2021	

5. Kế hoạch huy động các nguồn lực

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời gian	Ghi chú
1	1, 2, 3	Thu thập minh chứng và trình bày kết quả tự đánh giá	Văn bản, minh chứng có liên quan đến Mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra, nội dung chương trình	8/2020 - 2/2021	
2	4,5	Thu thập minh chứng và trình bày kết quả tự đánh giá	Văn bản, minh chứng có liên quan đến hoạt động giảng dạy và học tập, Kiểm tra đánh giá người học, Chất lượng đội ngũ.	8/2020 - 2/2021	
3	6,7,8	Thu thập minh chứng và trình bày kết quả tự đánh giá	Văn bản, minh chứng có liên quan đến chất lượng cán bộ phục vụ người học, chất lượng người học.	8/2020 - 2/2021	
4	9, 10, 11	Thu thập minh chứng và trình bày kết quả tự đánh giá	Văn bản, minh chứng có liên quan đến cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng và đầu ra, việc làm của người học.	8/2020 - 2/2021	

6. Thời gian biểu

Thời gian	Các hoạt động
Tuần 1 - 2 (03/8/2020-16/8/2020)	- Họp Lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng tự đánh giá CTĐT. - Thủ trưởng cơ sở giáo dục ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT. - Họp Hội đồng tự đánh giá CTĐT để: - Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá; - Tập huấn về quy trình tự đánh giá và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất

Thời gian	Các hoạt động
	lượng CTĐT; • Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng; • Dự thảo kế hoạch tự đánh giá CTĐT.
Tuần 3 – 4 (17/8/2020-30/8/2020)	1. Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT. 2. Tổ chức hội thảo/hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai tự đánh giá cho các cán bộ chủ chốt liên quan. 3. Hợp Hội đồng tự đánh giá CTĐT để thông qua: • Bản kế hoạch tự đánh giá CTĐT; • Dự thảo đề cương báo cáo tự đánh giá (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và điều kiện cụ thể của đơn vị thực hiện CTĐT); • Trình Thủ trưởng cơ sở giáo dục đề nghị phê chuẩn kế hoạch tự đánh giá.
Tuần 5 – 10 (31/8/2020-11/10/2020)	1. Công bố kế hoạch tự đánh giá đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng. 2. Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. 3. Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được. 4. Mô tả thông tin và minh chứng thu được. 5. Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.
Tuần 11 – 20 (12/10/2020-20/12/2020)	1. Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết). 2. Trưởng các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).
Tuần 21 (21/12/2020-27/12/2020)	Hội đồng tự đánh giá CTĐT: • Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo; • Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá; • Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; • Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung; • Thư ký Hội đồng tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo tự đánh giá CTĐT.
Tuần 22-23 (28/12/2020-	1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT xem xét dự thảo báo cáo tự đánh giá và đề xuất những chỉnh sửa (nếu cần).

Thời gian	Các hoạt động
10/01/2021)	2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp với các bộ môn, phòng, ban, ... để thảo luận về báo cáo tự đánh giá, xin ý kiến góp ý.
Tuần 24-26 (11/01/2021-31/01/2021)	1. Công bố bản báo cáo tự đánh giá (đã chỉnh sửa sau góp ý của các bộ môn, phòng, ban, ...) trong nội bộ cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT. 2. Các bộ môn, phòng ban, cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học,... đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo tự đánh giá.
Tuần 27-32 (01/02/2021-14/03/2021)	1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá theo các ý kiến phản biện; 2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT thông qua báo cáo tự đánh giá lần cuối và nộp báo cáo cho thủ trưởng cơ sở giáo dục để xem xét. 3. Có 2 tuần nghỉ Tết Nguyên đán 2021(08/02 - 21/02)
Tuần 33 (15/03/2021 - 22/03/2021)	1. Cơ sở giáo dục gửi báo cáo tự đánh giá và công văn cho cơ quan chủ quản, Bộ Giáo dục và Đào tạo. 2. Cơ sở giáo dục bảo quản báo cáo tự đánh giá, lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã minh chứng đã ghi trong báo cáo tự đánh giá, sẵn sàng để hợp đồng với tổ chức KĐCLGD để thẩm định báo cáo tự đánh giá trước khi đánh giá ngoài.

Nơi nhận:

- Hội đồng tự đánh giá, Ban Thư ký;
- Trung tâm QLCL, các đơn vị liên quan;
- Lưu VT, KHCT.

TS. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Lê Việt Dũng

Phụ lục: Danh sách Hội đồng Tự đánh giá, Ban Thư ký và các nhóm Công tác chuyên trách của Hội đồng Tự đánh giá CTĐT trình độ đại học ngành Triết học giai đoạn 2020-2021

(Kèm theo kế hoạch số 1017/KH-ĐHCT-KHCT ngày 28/5/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ)

1. Hội đồng Tự đánh giá

TT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị	Nhiệm vụ
1.	Hà Thanh Toàn	Hiệu Trưởng	Chủ tịch
2.	Lê Việt Dũng	Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch thường trực
3.	Lê Ngọc Triết	Trưởng Khoa Khoa học Chính trị	Phó chủ tịch
4.	Phạm Văn Búa	Phó Trưởng Khoa Khoa học Chính trị	Thành viên, phụ trách nhóm công tác chuyên trách 4
5.	Nguyễn Minh Trí	Trưởng Phòng Đào tạo	Thành viên
6.	Nguyễn Thị Phương Thảo	Phó Giám đốc Trung tâm Hỗ trợ, Tư vấn và Khởi nghiệp Sinh viên	Thành viên
7.	Nguyễn Thanh Tường	Trưởng phòng Công tác Sinh viên	Thành viên
8.	Phan Huy Hùng	Giám đốc Trung tâm QLCL	Thành viên, phụ trách nhóm công tác chuyên trách 2
9.	Phan Văn Phúc	Trưởng Bộ môn	Thành viên, phụ trách nhóm công tác chuyên trách 1
10.	Nguyễn Thị Đan Thụy	Đại diện Giảng viên	Thành viên, phụ trách nhóm công tác chuyên trách 3
11.	Phạm Nguyễn Gia Bảo	Đại diện Sinh viên	Thành viên

2. Ban Thư ký

TT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị	Nhiệm vụ
1.	Phan Văn Phúc	Trưởng Bộ môn	Trưởng Ban
2.	Nguyễn Thị Đan Thụy	Giảng viên	Thành viên
3.	Mai Phú Hợp	Giảng viên	Thành viên
4.	Nguyễn Khánh Linh	Giảng viên	Thành viên

TT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị	Nhiệm vụ
5.	Nguyễn Thành Nhân	Giảng viên	Thành viên
6.	Trần Thị Như Tuyền	Giảng viên	Thành viên
7.	Hồ Thị Hà	Giảng viên	Thành viên
8.	Nguyễn Thị Bạch Tuyết	Giảng viên	Thành viên
9.	Lê Thu Thủy	Chuyên viên	Thành viên
10.	Nguyễn Xuân Hương	Giảng viên	Thành viên
11.	Phan Minh Nhật	Chuyên viên Trung tâm QLCL	Thành viên
12.	Châu Thị Tim	Chuyên viên Trung tâm QLCL	Thành viên

3. Các Nhóm công tác chuyên trách

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1	Phan Văn Phúc	Trưởng Bộ môn	Phụ trách Tiêu chuẩn 1,2,3
	Nguyễn Thị Đan Thụy	Giảng viên	
Nhóm 2	Mai Phú Hợp	Giảng viên	Phụ trách Tiêu chuẩn 4,5
	Nguyễn Khánh Linh	Giảng viên	
Nhóm 3	Nguyễn Thành Nhân	Giảng viên	Phụ trách Tiêu chuẩn 6,7,8
	Trần Thị Như Tuyền	Giảng viên	
	Lê Thu Thủy	Chuyên viên	
Nhóm 4	Hồ Thị Hà	Giảng viên	Phụ trách Tiêu chuẩn 9,10,11
	Nguyễn Thị Bạch Tuyết	Giảng viên	
	Nguyễn Xuân Hương	Giảng viên	

Kí. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Lê Việt Dũng

Phụ lục 4: Các bảng số liệu

Bảng 1.1. Nội dung của MTĐT ngành Triết học

Định hướng nhân lực đào tạo	Năng lực và phẩm chất	Vị trí việc làm
Làm việc trong các cơ quan, trường, doanh nghiệp có liên quan đến Triết học	- Nghiên cứu, giảng dạy Triết học. - Có đạo đức cá nhân và đạo đức nghề nghiệp - Đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động - Có khả năng thích ứng với xã hội	- Giảng dạy, nghiên cứu tại các trường trung cấp, cao đẳng, đại học, trường chính trị. - Làm việc trong hệ thống các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan Đảng và đoàn thể, các doanh nghiệp

Bảng 1.2. Kết quả tốt nghiệp sinh viên ngành Triết học từ năm 2018 đến năm 2021

Năm		2018	2019	2020	2021
Tỷ lệ %		77,65	88,00	84,62	92,73
Xếp loại (%)	Xuất sắc	3,03	1,52	3,64	1,96
	Giỏi	22,73	21,21	23,64	11,76
	Khá	74,24	75,76	70,90	74,51
	Trung bình	0	1,51	1,82	11,76

Nguồn: Tổng hợp Báo cáo Hội nghị viên chức người lao động KKHCT

Bảng 3.1. So sánh, tổng hợp số TC của 2 CTĐT

	CTĐT K40-44				CTĐT K45			
	BB	Tự chọn/thiết kế		Tổng	BB	Tự chọn/thiết kế		Tổng
Kiến thức chung	32	17	53	49	31	15	55	46

	CTĐT K40-44				CTĐT K45			
	BB	Tự chọn/thiết kế		Tổng	BB	Tự chọn/thiết kế		Tổng
Cơ sở ngành	35	6	14	41	29	7	14	36
Chuyên ngành	40	10	26	50	49	10	24	59
Tổng cộng	107	33	93	140	109	32	93	141

Bảng 3.2. Những HP mới trong CTĐT K45 so với CTĐT K40-44

TT	TT (*)	TÊN HỌC PHẦN MỚI TRONG CTĐT K45	TC
1	30	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2
2	32	Thống kê cho khoa học xã hội	2
3	45	Phương thức sản xuất châu Á	2
4	50	Học thuyết về nhà nước và nhà nước pháp quyền của chủ nghĩa Mác-Lênin	2
5	66	Chủ nghĩa Mác-Lênin về sở hữu và cách mạng khoa học công nghệ	2
6	67	Niên luận Lịch sử Triết học	2
7	74	Tư tưởng triết học trong kinh doanh	2
8	75	Triết học xã hội	2
9	76	Triết học văn hóa	2
		Tổng cộng	18

(*) Số thứ tự trong CTĐT K45.

Bảng 3.3. Các HP, PP dạy và học, PP đánh giá của các HP trong CTDH đáp ứng các CĐR về kiến thức, kỹ năng và thái độ NH của CTĐT ngành Triết học hiện nay

Chuẩn đầu ra	Các HP đáp ứng CĐR tương ứng	PP dạy và học	PP đánh giá
--------------	------------------------------	---------------	-------------

Chuẩn đầu ra	Các HP đáp ứng CDR tương ứng	PP dạy và học	PP đánh giá
2.1.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương			
a. Hiểu biết căn bản về học thuyết của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam, pháp luật của Nhà nước.	ML015, M017, ML018, ML020, ML021; KL001, XH028,	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 11, 15, 17	1, 2, 3, 4, 5
b. Đảm bảo về sức khỏe, có kiến thức về giáo dục quốc phòng và an ninh đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc	XH011, XH012, XH014; TN033, TN034; TC100; QP010 – 013; KN001, KN002; SP009	1, 2, 4, 5, 6, 10, 11, 15, 16, 17	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7
c. Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về tiếng Anh hoặc tiếng Pháp tương đương trình độ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam (B1 theo khung tham chiếu Châu Âu).	XH023, XH024, XH025, XH031-33, FL001, FL002, FL003, FL007, FL008, FL009	1, 3, 5, 7, 8, 11, 13, 15, 16, 17	1, 2, 3, 4, 6
2.1.2. Khối kiến thức cơ sở ngành			
a. Hình thành kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn, có liên quan đến triết học để đáp ứng yêu cầu tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	ML196, ML197, ML198, ML199, SP023, SP034, XH016, ML209, ML132, ML358, ML225, ML316	1, 2, 3, 6, 7, 8, 9, 11, 15, 16, 17	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7
b. Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên có liên quan đến triết học để đáp ứng yêu cầu tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp khoa học tự nhiên.	ML123	1, 6, 11, 15, 16, 17	1, 2, 3, 4, 5,
c. Hình thành tư duy logic và phương pháp nghiên cứu khoa học làm cơ sở cho việc nghiên cứu kiến thức chuyên ngành.	ML223, ML007, ML346	1, 4, 6, 7, 10, 11, 15, 16, 17	1, 2, 3, 4, 6, 7
2.1.3. Khối kiến thức chuyên ngành			
a. Nắm vững kiến thức triết học phương Đông qua các thời kỳ lịch sử.	ML210, ML215, ML216, ML234,	1, 2, 3, 10, 11, 15, 16, 17	1, 2, 3, 4, 5,

Chuẩn đầu ra	Các HP đáp ứng CDR tương ứng	PP dạy và học	PP đánh giá
	ML231, ML232, ML352		
b. Nắm vững kiến thức triết học phương Tây qua các thời kỳ lịch sử.	ML211, ML212, ML213, ML214, ML230	1, 2, 4, 7, 11, 15, 16, 17	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7
c. Làm chủ kiến thức triết học Mác – Lênin, tư tưởng triết học Việt Nam	ML216, ML236, ML237, ML205, ML344, ML349, ML350, ML351, ML352, ML401, ML402	1, 2, 3, 5, 6, 7, 15, 16, 17	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7
d. Có khả năng nhận thức và giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn đang đặt ra trên cơ sở thế giới quan và phương pháp luận của triết học.	ML227, ML239, ML240, ML241, SP017	2, 5, 7, 8, 10, 14, 17	1, 5, 6, 7
2.2.1. Kỹ năng cứng			
a. Hình thành kỹ năng làm việc độc lập, xây dựng kế hoạch và định hướng phát triển cho bản thân;	ML015, 017, 018, 020, 021;	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 11, 15, 17	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7
b. Vận dụng kiến thức trong lĩnh vực chuyên ngành để phân tích các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội một cách có hiệu quả.	ML312, ML226, ML227, ML239, ML240, ML241,	1, 2, 3, 4, 5, 7, 8, 10, 11, 14, 15, 16, 17	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7
c. Có kỹ năng nhận thức và giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn đang đặt ra trên cơ sở thế giới quan và phương pháp luận của triết học.	ML015, ML349, ML350, ML210-216, ML230, ML236-237, ML227, ML239, ML240, ML241,	1, 2, 3, 4, 5, 7, 8 10, 11, 14, 17	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7
d. Có khả năng học tập ở trình độ cao hơn.	ML240, ML241, ML402, ML226, ML401	1, 2, 5, 7, 8, 10, 11, 14, 16, 17	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7
2.2.2. Kỹ năng mềm			
a. Hình thành kỹ năng làm việc nhóm, khái quát được mục tiêu và công việc	XH011, XH012, KN001, XH023-	1, 3, 5, 6, 7, 8,	1, 2, 3 4, 5, 6, 7

Chuẩn đầu ra	Các HP đáp ứng CDR tương ứng	PP dạy và học	PP đánh giá
cần làm	025, 031-033, ML312, FL001-003, 007-009, , KN002, ML226, SP009, ML198, ML199	11, 15, 16, 17	
,b. Hiểu và thực hành các tình huống giao tiếp, thuyết trình; sử dụng các phương tiện hỗ trợ trong quá trình làm việc.	XH028, KN001, SP009, KN002, XH011, XH014, XH012, TN033, TN034	1, 2, 3, 4, 5, 11, 12, 15, 16	1, 2, 3, 4, 6
2.3. Thái độ/Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân			
a. Xây dựng lập trường, tư tưởng chính trị vững vàng.	ML015, 017, 018, 020, 021; QP010 – 013	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 11, 15, 17	1, 2, 3, 4, 5
b. Hình thành thái độ làm việc chuyên nghiệp, tự tin, trách nhiệm với công việc, tinh thần kỷ luật.	ML007, ML346, ML223, KN001, KN002, KL001	1,2, 5, 6, 7, 9, 10, 11, 15, 17	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7
c. Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.	ML312, ML234, SP017, ML222, SP017	1, 2, 3, 7, 8, 9, 15, 17	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7

Ghi chú:

Phương pháp dạy và học: 1. Phương pháp diễn giảng truyền thống; 2. Liên hệ thực tế, rõ ràng; 3. Sử dụng câu hỏi: 5W và 1H; 4. Minh họa/ biểu diễn; 5. Thực hành một kỹ năng hay một chủ đề nào đó; 6. Phương pháp tra cứu/Truy vấn; 7. Giải quyết vấn đề; 8. Dạy học tình huống; Xây dựng khái niệm; 9. Dạy học dự án; 10. Dạy học trải nghiệm: Thực hành, quan sát; 11. Thuyết trình; 12. Lớp học đảo ngược; 13. Trò chơi/ đóng vai; 14. Tham quan thực tế; 15. Dạy học hợp tác, 16 -Bài tập cá nhân; 17: Tự học.

Phương pháp đánh giá: 1- Giữa kỳ; 2- Cuối kỳ (Tự luận/trắc nghiệm/thực hành/thuyết trình); 3- Chuyên cần; 4- Tham gia bài học, phát biểu cá nhân/trình bày sản phẩm làm việc nhóm/bài tập nhóm/trình bày miệng/vấn đáp; 5- Ghi chép, viết báo cáo, phản hồi, thực hành/kỹ năng/bài phúc trình/bài thu hoạch, bài học chiêm nghiệm (viết nhật ký); 6- bài tập cá nhân/bài tập online; 7- Thái độ làm việc trung thực, tự tin/ hòa nhã, giúp đỡ mọi bạn bè/cách xử lý công việc.

Bảng 3.4. Tỷ lệ các khối kiến thức, số TC bắt buộc và tự chọn, số giờ lý thuyết và thực hành trong CTDH ngành Triết học hiện nay

Khối kiến thức	Số TC tích lũy	Tỷ lệ % CTĐT	Số TC bắt buộc	Số TC tự chọn	Số giờ lý thuyết	Số giờ thực hành
Giáo dục đại cương	46	32,62%	31	15	720 - 1152	238 - 278
Cơ sở ngành	36	25,53%	29	7	510 - 615	60
Chuyên ngành	59	41,85%	49	10	Dao động từ 495 - 645	Tùy theo lựa chọn của SV; 0 hoặc 300
Tổng (Tỷ lệ %)	141	100%	109 (77,3%)	32 (22,7%)		

Bảng 6.1. Thông tin về cơ cấu độ tuổi, giới tính, trình độ của đội ngũ GV BM, từ 2016 - 2020

Năm học	Tổng số GV	FTE*	Độ tuổi trung bình	Giới tính		Bằng cấp		
				Nam	Nữ	TS	ThS	Đang học NCS
2015 - 2016	14	14	42	7	7	2	12	2
2016 - 2017	14	14	43	7	7	3	11	4
2017 - 2018	14	14	44	7	7	4	10	4
2018 - 2019	13	13	43,76	6	7	3	10	4
2019 - 2020	13	13	44,76	6	7	3	10	5
2020 - 2021	12	12	44,5	5	7	5	7	4

Ghi chú: FTE này chỉ tính dựa trên tổng số giảng viên cơ hữu của BM.

Bảng 6.2. Tỷ lệ GV/NH của BM từ năm 2016 - 2020

Năm học	Tổng số FTEs của giảng viên	Tổng số FTEs của người học	Tỷ lệ giảng viên/người học
2015 – 2016	35	80	1/2,28
2016 – 2017	34	152	1/4,47
2017 – 2018	34	205	1/6,02
2018 – 2019	34	269	1/7,91
2019 – 2020	33	252	1/7,63
2020 – 2021	32	255	1/7,96

Bảng 6.3. Định mức giờ G của các GV BM theo chức danh và hệ số lương

Chức danh	Định mức giờ chuẩn giảng dạy	Định mức giờ chuẩn nghiên cứu khoa học	Định mức giờ chuẩn phục vụ cộng đồng và nhiệm vụ chuyên môn khác
Giảng viên cao cấp có chức danh PGS	270	190	48
Giảng viên cao cấp có không chức danh GS, PGS	290	170	70
Giảng viên chính hệ số lương > 5,76	300	140	40
Giảng viên chính (hạng II) có hệ số lương > 4,40	280	140	55
Giảng viên (hạng III) có hệ số lương > 4,32	250	130	58
Giảng viên (hạng III) có hệ số lương > 3,33	220	110	110
Giảng viên (hạng III) có hệ số lương < 3,00	200	80	150

Theo Quyết định số 871/QĐ-ĐHCT, ngày 14/4/2021

Bảng 6.4. Thống kê số lượng GV BM đang theo học chương trình tiến sĩ trong và ngoài nước

Năm học	GV đang theo học Tiến sĩ	
	Trong nước	Ngoài nước
2016 - 2017	03	01
2017 - 2018	03	01
2018 - 2019	03	01
2019 - 2020	04	01
2020 - 2021	05	01

Bảng 6.5. Danh hiệu khen thưởng BM mỗi năm

Năm học	Số lượng GV đạt danh hiệu CSTĐ cấp cơ sở	Số lượng GV đạt danh hiệu LĐTT	Danh hiệu tập thể của đơn vị
2015-2016	2	10	Lao động tiên tiến
2016-2017	2	11	Lao động tiên tiến
2017-2018	1	11	Lao động tiên tiến
2018-2019	2	8	Lao động tiên tiến
2019-2020	1	9	Lao động tiên tiến
2020-2021	2	9	Lao động tiên tiến

Bảng 6.6. Tổng số lượng giờ G do NCKH của GV BM từ 2016-2020

Năm học	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
Số giờ G	195	482	701	1159	702

Bảng 6.7. Số giờ G do biên soạn sách, giáo trình, tài liệu học tập

Năm học	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
Số giờ G	06	110	115	09	20

Bảng 6.8. Số lượng các đề tài NCKH cấp cơ sở 2016-2021 của BM

Năm/Đề tài	Cấp cơ sở	Tổng
2016	0	0
2017	0	0
2018	01	01
2019	02	02
2020	03	03
2021	01	01

Bảng 6.9. Hình thức và số lượng ấn phẩm nghiên cứu từ 2016–2021 của BM

Năm/Hình thức	Quốc tế	Trong nước
2016	0	0
2017	04	03
2018	01	13
2019	02	12
2020	0	14
2021	02	11

Bảng 7.1. Số lượng NV cấp trường tính đến 31/12/2020

Nhân viên	Trình độ văn hóa cao nhất				Tổng số
	Khác	Cao đẳng - Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	
Nhân viên thư viện	4	23	6	1	34
Nhân viên PTN	27	21	14	0	62

Nhân viên CNTT		17	4	0	21
Nhân viên hành chính	13	123	51	1	188
Nhân viên hỗ trợ NH (quản lý nhà học, bảo vệ cơ quan, lái xe, vệ sinh)	86	13	0	0	99
Tổng số	130	197	42	2	404

Bảng 7.2. Số lượng NV KKHCT tính đến năm 2020

Nhân viên	Trình độ văn hóa cao nhất		Tổng số
	Đại học	Thạc sĩ	
NV hành chính	1		1
NV thư viện	1		1
NV CNTT	1		1
NV giáo vụ		1	1
Tổng số	3	1	4

Bảng 7.3. Tổng hợp kết quả đánh giá của NV hỗ trợ Khoa KHCT

Năm	Tổng số NV	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Hoàn thành nhiệm vụ
2016	5	4	1	0
2017	5	4	1	0
2018	5	4	1	0
2019	5	4	1	0
2020	4	3	1	0

Bảng 7.4. Thống kê số lượt NV hỗ trợ của KKHCT tham gia đào tạo, bồi dưỡng

Nội dung đào tạo, bồi dưỡng	Số lượt cán bộ tham dự				
	2016	2017	2018	2019	2020
Khóa đào tạo Thạc sĩ	0	0	0	1	0
Chuyên viên chính	1	0	1	0	0
Thông tin nghiệp vụ - thư viện	0	1	0	0	0
Lễ tân sự kiện và lễ tân hành chính	1	0	0	0	0
Bồi dưỡng kiến thức ANQP đối tượng 4	2	0	0	0	0
Tập huấn phần mềm quản lý nhà học	0	0	0	1	0

Bảng 7.5. Tổng hợp thành tích của NV hỗ trợ của Khoa KHCT

Năm	Tổng số NV	Lao động tiên tiến	Chiến sĩ thi đua cơ sở	Nâng lương trước hạn
2016	5	3	1	1
2017	5	4	1	0
2018	5	3	1	2
2019	5	3	1	0

Năm	Tổng số NV	Lao động tiên tiến	Chiến sĩ thi đua cơ sở	Nâng lương trước hạn
2020	4	3	1	1

Bảng 8.1. Tình hình nhập học của NH (trong 5 năm gần nhất) của ngành TH

Năm học	Số thí sinh đăng ký (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của SV được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2016-2017	251	100	251/80	72	18,75/30	21,75	0
2017-2018	426	94	426/80	63	21,5/30	24,63	0
2018-2019	755	115	755/80	64	19,25/30	22	0
2019-2020	436	99	436/80	53	19,25/30	21,25	0
2020-2021		80	/40	75	HB 19,5; Thi 22	21	0

Bảng 8.2. Số người học đang học ngành TH (trong 5 năm gần nhất)

Năm học	Người học					Tổng số
	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Năm thứ tư	Năm tiếp theo	
2016-2017	72	80	87	0	0	239
2017-2018	63	72	80	87	0	302
2018-2019	64	63	72	80	19	298
2019-2020	53	64	63	72	16	268
2020-2021	75	53	64	63	6	261

Bảng 11.1. Tỷ lệ NH tốt nghiệp và thôi học trong 3 khóa đã tốt nghiệp gần nhất

Khóa học	Số lượng toàn khóa	Tỷ lệ % NH hoàn thành chương trình trong thời gian			Tỷ lệ % NH thôi học trong thời gian			
		3,5 năm	4 năm	Trên 4 năm	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4
Khóa 40 2014-2018	85	25,9%	51,7%	9,4%	2,3%	4,7%	6%	0%
Khóa 41 2015-2019	80	36,25%	46,25%	7,5%	3,75%	3,75%	2,5%	0%
Khóa 42 2016-2020	72	2,8%	72,2%	16,6%	1,4%	7%	0%	0%

Khóa 43 2017-2021	63	0%	81%	6,4%	4,7%%	7,9%	0%	0%
----------------------	----	----	-----	------	-------	------	----	----

Bảng 11.2. Thời gian học trung bình của SV trong 3 khóa của ngành Triết học

Khóa học	Số lượng toàn khóa	Tỷ lệ % NH hoàn thành chương trình trong thời gian			Tỷ lệ % sinh viên tốt nghiệp	Thời gian tốt nghiệp trung bình
		3,5 năm	4 năm	Trên 4 năm		
2014 – 2018	85	22	44	8	87 %	3,9 năm
2015 - 2019	80	29	37	6	90 %	3,8 năm
2016 - 2020	72	2	52	12	91,6 %	4,07 năm
2017-2021	63	0	51	4	87,3%	4.04 năm

Bảng 11.3. Tình hình việc làm và môi trường làm việc của SV tốt nghiệp ngành Triết học

STT	Môi trường làm việc của SV tốt nghiệp	2018	2019	2020
Tình hình việc làm				
1	Đúng ngành đào tạo	3	4	4
2	Liên quan đến ngành đào tạo	14	32	32
3	Không có liên quan đến ngành đào tạo	42	24	14
4	Tiếp tục học nâng cao trình độ	2	9	11
5	Chưa có việc làm	4	2	6
6	Tỷ lệ SV có việc làm/ tổng số SV phản hồi	93,85%	97,18 %	91,04%
7	Tỷ lệ SV có việc làm/ tổng SV tốt nghiệp	92,42%	94,52 %	91,04%
Khu vực việc làm				
8	Nhà nước	18%	10,14%	18%
9	Tư nhân	50,8%	56,52%	66%
10	Tự tạo việc làm	11,5%	8,7%	14%
11	Có yếu tố nước ngoài	16,4%	10,14%	2%

Bảng 11.4. Tỷ lệ % NH chưa có việc làm của một số ngành học ở KKHCT Trường ĐHCT

Tỷ lệ NH chưa có việc làm ở các ngành			
Các ngành	2018	2019	2020
Triết học	6,1 %	2,7 %	8,9%
Chính trị học	3 %	7 %	7,1%
Giáo dục công dân	13 %	4,3 %	4,1%

Bảng 11.5. Tổng kết hoạt động NCKH trong SV BMTH trong 3 năm gần nhất

Số lượng đề tài NCKH trong SV			
STT	Năm	BMTH	KKHCT
1	2018	2	0
2	2019	0	1
3	2020	0	3